

MẶC NHÂN
VÕ THÀNH DŨNG

MỸ THO

đấu Xưa

Nhà xuất bản Trẻ

ĐÔI LỜI PHI LỘ

Chúng tôi một người ở lứa tuổi 90, một người ở độ 70 đồng chung nguyên quán đất Mỹ Tho. Một người trong nước một người đang mưu sinh ở nước ngoài, về gặp lại nhau, nhìn nhau như hai người bạn vong niên. Đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu, chúng tôi nhanh chóng thống nhất ghi lại hình ảnh của Mỹ Tho xưa để tỏ lòng yêu mến quê hương với một chút tham vọng lưu lại cho mai sau những gì mà bản thân chúng tôi vô cùng trân trọng

Quyển *Mỹ Tho dấu xưa* dưới hình thức tuyển tập văn thơ gồm truyện ngắn, truyện kể, ký, thơ... người viết không hề sáng tác hay trước tác chỉ xin kể lại, thuật lại, ghi lại, viết lại, đồ lại, vẽ lại, khắc lại... những gì người xưa đã để lại, phô bày trần trụi cái lục đục thất tình, cái hi nộ ái ố... tóm lại một bối cảnh nhân sinh hiện thực không thêu dệt, không bịa đặt, vô tư, khách quan như dòng nước chảy trôi, có chỗ đục, có chỗ trong, nơi lên thác, nơi xuống ghềnh... Do vậy, *Mỹ Tho dấu xưa* chỉ xin kể lại những gì đã chứng kiến, đã trải qua... bằng đôi tai, bằng đôi mắt, bằng khối óc và bằng cả con tim của chúng tôi.

Do vậy, qua quyển sách nhỏ này xin xem như một tập tạp văn, đăng tải những truyện ngắn, chuyện kể ngày xưa có tính giáo dục đạo lý, đồng thời nôm na ghi lại một cách thô thiển những thể văn cũng như thi thơ qua các thể loại kể cả dân ca như hò, vè... cả lời nói thơ Lục Vân Tiên. Ngoài ra xin phép được văn tắt nhắc lại các loại cổ văn mà ngày nay gần như mai một, như văn điều, câu đối...

Nhớ nó đến vô cùng cho nên, chúng tôi thôi đành dùng ngòi bút cũng quê mùa chất phác như vậy, để ghi lại trên giấy, vẽ lại thành bóng, chạm lại thành hình, khắc lại trong tim... gởi đến các bạn tri âm tri kỷ bốn phương trời.

Mặc Nhân - Võ Thành Dũng

ĐỊA LÝ NHÂN VĂN XƯA

Mỹ Tho là một vùng đất cũng như những vùng đất khác của miền Nam tổ quốc còn quá trẻ, so với bốn ngàn năm lịch sử của đất nước. Mỹ Tho là một vùng đất quan yếu sớm được khai phá, có một đại trường giang bồi đắp, là một đại phố sầm uất, là một đô thị có tổ chức... theo từng trang sử cũ, trích dẫn như sau:

A.- Theo Gia Định thành thông chí:

1. Mỹ Tho đồn: Đồn Mỹ Tho tại phía nam trấn, xưa là rừng hoang, hồ báo làm hang ổ... *(Tại trấn Nam nhất lý hứa, cự vi hoang lâm, hồ báo quân huyết...)*.

2. Mỹ Tho sông ngòi: Sông Mỹ Tho ở trước mặt trấn, là con sông lớn... *(Tại trấn tiền, vi bản trấn đại giang...)*

3. Bốn mùa nước đều ngọt, có nhiều cá tôm, dưới cầu có dòng nhỏ để thông với sông lớn Mỹ Tho, ngoài hào có đắp lũy đất... Trong đồn có kho gạo, kho thuốc súng, trại quân và súng lớn

B.- Theo Đại Nam nhất thống chí:

1. Mỹ Tho đại phố: Chợ, quán. Chợ Mỹ Tho tại huyện Kiến Hưng, thường gọi là chợ phố lớn. Nhà ngói, rui chạ, đình cao, chùa rộng. Sông sâu tàu thuyền, buồm giông qua lại như dật cử... *(Mỹ Tho thị tại Kiến Hưng huyện, tục danh đại phố thị, ngỗ ốc, điêu manh, cao đình, quảng tự. Dương hà thuyền sư phẩm trường, vãng lai như chức ty...)*.

2. Mỹ Tho quan thuế: Cửa ải Mỹ Tho, huyện Kiến Hưng, năm thứ Mười sáu, Minh Mạng lập cửa ải thu thuế. Năm thứ ba

Thiệu Trị thì bãi bỏ... (Tại Kiến Hưng huyện, Minh Mạng thập lục niên, thiết quan chinh thuế. Thiệu Trị tam niên đình...).

C.- Mỹ Tho qua thơ cổ

1. Trịnh Hoài Đức trong bài thơ “Mỹ Tho dạ vũ” đã viết:

*Lửa thuyền đánh cá bén liểu, bóng sáng lạnh lùng
Trống vọng gác thành mai, tiếng kêu bình bịch.
“Quang hàn liểu phổ ngư thuyền hóa
Thanh tháp mai thành thú trại bề.”*

2. Học Lạc, nhà thơ gốc Mỹ Tho trong bài “Mỹ Tho tức cảnh”:

*Trên Sài Gòn dưới Mỹ Tho
Đâu đâu phong cảnh cũng nhường cho
Lớn rộng chung rạch chia đôi ngã
Cũ mới phân ranh cũng một đò
Phổ cát vẽ vời xanh tợ lục
Buồm dong lên xuống trắng như cò
Đắc tình trạo tử quên mưa nắng
Dẫn dỏi đua nhau tiếng hát hò.*

D.- Người Pháp đánh giá Mỹ Tho

1. Trong sách “*Lịch sử cuộc viễn chinh Nam Kỳ*” (*Histoire de la conquête de la Cochinchine*) tác giả người Pháp có viết:

“Sài Gòn là trung tâm quân sự, Mỹ Tho là trung tâm thương mại. Các ghe thuyền của người Nhật, người Tàu, người An Nam, người Xiêm có đầy cận kề di chuyển trên sông gần nơi sản xuất gạo, thêm vào truyền thống của dân chúng địa phương, từ bao thế kỷ, khiến cho Mỹ Tho trở thành trung tâm buôn bán lớn nhất của Nam Kỳ trước khi người châu Âu tới đây.”

Về mặt văn hóa Mỹ Tho, tác giả viết thêm:

“Mỹ Tho là một vùng có nhà cửa rộng lớn, nhà lợp bằng lá dừa nước theo tập quán của người An Nam, nhìn xa giống như nhà lợp rơm của ta. Bộ mặt chung tuy có vẻ nghèo nàn, nhưng dọc

theo hai bờ kinh Bưu Điện (kinh Bảo Định) nhà cửa thanh nhã hơn nhiều. Nhà được xây cất theo nông thôn nối liền một dãy, mái lợp ngói trong những vườn dừa, vườn cau, tất cả có vẻ trang nhã phong lưu, đôi khi lại giàu có. Nếu so sánh, thì ta có thể so sánh với cảnh phồn hoa đô hội của Chợ Quán và Kinh người Tàu ở Sài Gòn”.

2. Địa phương chí Mỹ Tho năm 1902 (Monographie de Mỹ Tho) người Pháp đã viết:

“Vị trí của chợ Mỹ Tho thật tuyệt diệu. Nó chiếm một vị trí trung chuyển quan trọng vào bậc nhất cho các loại ghe chài to lớn từ miền Tây lên Chợ Lớn Sài Gòn qua con kinh Bảo Định và kinh Chợ Gạo.

Và cũng từ Mỹ Tho một con đường sắt, con đường sắt đầu tiên của toàn cõi Đông Dương, Sài Gòn-Mỹ Tho làm phương tiện giao thông tiếp nối cho cả Cao Miên và Trung Bắc Kỳ.

Về đường bộ, Mỹ Tho cũng là điểm trung chuyển có tính chiến lược của Nam Kỳ Lục Tỉnh lên Sài Gòn, ra miền Đông để bằng con đường Thuộc địa (Route Coloniale, đường Cái Quan, con đường Xuyên Việt tức là đường Quốc lộ 1A bây giờ) để đi Trung và Bắc.

Vào năm 1826, khu hành chánh của Mỹ Chánh (tiền thân của Mỹ Tho) được nâng từ đạo lên dinh, rồi từ dinh lên trấn, để cuối cùng là trấn Định Tường. Vua Minh Mạng cho dời lỵ sở của trấn Định Tường về phía tây sông Bảo Định thuộc hai thôn Điều Hòa và Bình Tạo để có được vị trí của thành phố Mỹ Tho ngày nay.

Lúc bấy giờ ranh giới địa lý huyện được phân chia theo chiều ngang như đường vĩ tuyến tức là không theo ranh giới thiên nhiên của sông ngòi. Do vậy các huyện Kiến Tường, Kiến Hưng

nằm vắt ngang con sông Tiền từ Bắc qua Nam. Vậy Mỹ Tho thuộc huyện Kiến Hưng lúc bấy giờ bao gồm cả tả ngạn và hữu ngạn sông Tiền bao gồm cả vùng Mỹ Tho Bắc và vùng Rạch Miễu Nam. Địa lý này giữ mãi đến năm 1956, vùng Rạch Miễu mới tách ra từ Mỹ Tho nhập vào tỉnh Kiến Hòa tức là Bến Tre ngày nay. Sự gắn bó lịch sử này thể hiện giữa hai địa danh đã có từ trăm năm trước qua “Đò Rạch Miễu” rồi “Bắc Rạch Miễu”, rồi “Phà Rạch Miễu”, đến năm 2009 có cây cầu nối liền sông Tiền Bắc Nam gọi là “Cầu Rạch Miễu”. Để chứng minh sự kiện lịch sử này chúng ta đọc lại tập san xưa do Nhà sách Phát Toàn Sài Gòn phát hành năm 1909 nói về Mỹ Tho của tác giả Nguyễn Liên Phong, có hai câu: *Qua sông Rạch Miễu có đò. Mỗi ngày hai buổi ra vô hoài hoài.*

Tác giả lược giải.

Độc giả sẽ đọc sẽ thấy sẽ cảm nhận những gì đó từ con người
hành động, cảnh vật đến tư duy, tình cảm... rất tâm huyết rất lắt
bắt, mảnh mướt, quê mùa, mộc mạc, lột tả những gân guốc thân thương
thắm đậm tình người, tính dân tộc, chất dân gian vui vui buồn buồn
thường thường nhớ nhớ như trong đêm mùa rồi bão rồi, bay vào mùa đông
giá lạnh, ngôi quanh bếp lửa hồng để cũng nghe kể chuyện đời xưa
Mặc Hân NG

Phần một NẾP SỐNG XƯA



1. CHUYỆN PHỐ THỊ



TẾT MỸ THO XƯA

GIA ĐÌNH VỚI TẾT. Những ai sinh từ năm 1940 trở về trước đều có một nỗi nhớ nhung, tiếc nuối, một niềm hoài cổ không nguôi về những ngày Tết năm xưa giờ đây chỉ còn là kỉ niệm. Thật vậy, người Việt Nam không phải đợi đến tháng cuối cùng, mà họ đã chuẩn bị suốt cả năm cho cái Tết.

Ngày ngày đầu khi có ngọn gió chướng non thổi về, tiết trời bắt đầu se lạnh, vạn vật đều trở mình để đón xuân. con người phấn chấn như có luồng sinh khí mới, đất trời trong sáng, cây cối đâm chồi nảy lộc. Dường như tất cả đang nôn nóng chờ đợi một cái gì làm đẹp cho cuộc đời. Đó là Tết.

QUẦN ÁO MỚI. Đầu tháng 11 âm lịch là mọi nhà, nhất là nhà nghèo đã chạy đôn chạy đáo may sắm quần áo mới cho cả nhà. Ưu tiên cho trẻ con và ông bà. Một bộ đồ bông cho con gái, một bộ đồ bà ba trắng cho con trai, một cái quần lãnh đen và một cái áo dài xuyên cho bà, một cái áo bành tô và một đôi giày ba-ta cho ông còn thì ba mẹ... tính sau. Trần Kế Xương có thơ Tết như sau:

Chí che chí chét đua giày dép
Đen thui đen thui cũng lượt là.

GAO NẾP, CÁ MẮM. Cũng từ rất sớm người phụ nữ đảm đang nào cũng tất bật tìm mua gạo ngon, nếp dẻo để sao cho bữa ăn năm mới được ngon cơm, sao cho cái bánh trắng được dẻo dai, cái bánh phồng được nở nang. Các bà cũng đã tìm mua về “rộng” những con cá lóc to lớn, sao cho ngoài việc ngon cơm còn phải ngọt canh.

TÁO MỘ. Tùy theo lệ của mỗi gia đình, từ ngày rằm đến hăm lăm tháng chạp là mỗi nhà đều có lệ tảo mộ. Ngày này người ta làm cỏ, quét dọn sạch cho các mộ phần, mong cho linh hồn những người quá vãng về ăn Tết với gia đình. Một tục lệ không thể bỏ qua để ghi nhớ công ơn của ông cha.

ĐƯA ÔNG TÁO. Chiều ngày hăm ba tháng chạp, nhà nào cũng hoa quả trà bánh để tiễn ông Táo về Trời. Tục lệ có từ xa xưa, vì trong một ngôi nhà, quan trọng nhất là bếp, nơi luôn có ngọn lửa, điều kiện tối cần thiết cho sự sống còn, nên phải có một vị phán quan giám sát mọi hành vi tốt xấu của chủ nhà. Đó là Táo quân. Vị này mỗi năm phải về Trời để phúc trình việc làm của chủ nhân để tùy theo đó mà có sự răn phạt hay khen thưởng. Gạt

bỏ mặt dị đoan, âu cũng là một lệ nên giữ, để con người luôn có được bên mình một vị giám sát cho hành vi thiện ác của mình. Có điều hiện giờ, toàn là bếp ga, bếp điện, lò vi ba... ông Táo chắc cũng khó theo.

DỤNG NÊU. Cũng vào ngày hăm ba này, trong thời điểm tôi nhắc lại, ở Mỹ Tho việc dựng nêu trước sân nhà cũng không còn bao nhiêu. Một cây tre cao lõi 5, 6 mét trên ngọn có treo lủng lẳng mấy trái cau tầm vung (cau chín, vỏ màu vàng), một cành tre nhỏ có tấm vôi trắng, cùng với vài lá vàng bạc. Mục đích của việc dựng nêu là nhằm xua đuổi tà ma, oan hồn uổng tử không nơi nương tựa, nhân ngày Tết về phá khuấy. Cây nêu dựng cho đến ngày mùng bảy Tết thì gỡ xuống. Bây giờ, tục lệ này không còn nữa. Cho nên ngày xưa có câu sau đây như để tỏ lòng mong mỏi Tết đến.

Cu kêu ba tiếng cu kêu.

Cho mau tới Tết dựng nêu ăn chè

CÂU ĐỐI. Lúc bấy giờ câu đối viết bằng chữ Nôm hay chữ Hán gồm có hai vế hay hai câu. Về văn tự phải tuyệt đối đối thanh. Trắc đối với bằng và ngược lại. Về nội dung cũng vậy phải đối nghĩa và nhất là phải mang hàm ý mừng đón ngày Tết, ca ngợi gia đình, đề cao đạo đức. Cả hai vế vẫn phải đối nghĩa đối thanh với nhau chan chát. Hai câu viết trên giấy hồng đơn, một thuộc vận trắc được treo hay dán theo chiều đứng của cây cột cái bên trái, từ ngoài nhìn vào và câu kia viết theo vận bằng treo bên cột mặt đối xứng. Thí dụ:

MỪNG TẾT ĐẾN

Tiết đào bá giang hìnhTiết phúc

Xuân lai thiên hạ tiếp Xuân hương

MỸ THO ĐÓN XUÂN

Trời Xuân lộng sắc đường Trung Trắc huy hoàng mừng
Tết đến
Hoa Tết tươi màu vườn Lạc Hồng trắng lệt đón Xuân về

CÔ GÁI XUÂN

Đài hương yếm trễ lan hơi gió
Vóc ngọc khuy thừa lộ nét ngà

TREO HAI BÊN BÀN THỜ ÔNG BÀ

Đạo Hiếu ngàn năm trên Đất Việt
Luân Thường muôn thuở dưới Trời Nam

PHÁO. Ngày Tết không pháo, thật vô vị. Có người, nhất là trẻ con trông Tết đến chỉ để được đốt pháo. Pháo được đốt ngay từ ngày đưa ông Táo cho đến “ba mươi” qua “mùng” cho đến suốt tháng giêng, nhưng rõ nhất vẫn là chiều 30 Tết, vào lễ cúng ông bà, giờ giao thừa, sáng mừng một...

Điều nên nói là đốt pháo là một thú đam mê. Có những người mê đốt pháo, có người tranh nhau đốt pháo để... lấy tiếng. Chẳng hạn, anh hàng xóm này treo lủng lẳng trước nhà một xâu pháo dài hai thước. Anh kia thấy vậy về nhà treo lên ba thước. Anh này đốt một lần. anh kia hai lần. Anh này mua pháo Chợ Lớn, anh kia lên Chợ Lớn mua pháo Hồng Kông. Cuộc thi đua không ước hẹn mà nên, không ai thắng, chỉ có mấy bà xã tiếc tiền hùi hùi.

Pháo có đủ cỡ, đủ hạn, đủ hiệu, đủ giá... Từ pháo chuột cho trẻ con, mỗi viên chỉ bằng cỡ trái ớt hiểm. Ngày Tết, cậu nào cũng có một phong pháo chuột trong túi, cây nhang trong tay. Thỉnh thoảng lấy ra một viên trong tay này, tay kia đưa ngọn nhang vào ngòi pháo mà run bần bật. Ngòi chưa kịp cháy đã ném viên pháo ra xa. Chưa nổ, viên pháo văng mất. Còn có lúc, không kịp ném thì pháo đã nổ trong tay, hết hồn hết vía. Nhưng dù sao đốt pháo chuột ngày Tết, đối với tuổi thơ vẫn là cái thú không quên.

Đến pháo tiêu, loại thông dụng nhất đóng thành phong loại 48 viên, loại 76, loại 120... Đủ hiệu, hiệu Phong Quang. Nhật Quang... kể cả nhập từ “Hương Cồn”. Loại pháo này chỉ có người lớn mới dám đốt, có người chỉ nắm trong tay mà không cần ném đi. Thường là xâu lại đốt thành tràng dài, càng lâu càng khoái và lẽ tất nhiên càng tốn tiền. Đốt pháo thành tràng, người ta còn xen kẽ vào pháo đại, để thỉnh thoảng lại có tiếng nổ “ầm” lên, đệm thêm cho sự thích thú gia tăng.

Cho đến pháo nôi, cũng như pháo phong kết lại thành một giề xây tròn đỡ tốn công làm hộp. Loại này thường sản xuất ngoài Trung được ghe bầu chở vào bán trong Nam. Rồi pháo đại, pháo tre, pháo lùn... Pháo này được quấn lại bằng vỏ tre hay vỏ cây lùn. Không như các loại pháo khác được quấn bằng giấy loại xốp màu đỏ, để khi nổ tung ra thành mảnh vụn màu hồng cho đời thêm thắm.

Đón xuân về với xác pháo hồng trước ngõ

Pháo tre cuốn lại bằng nan tre còn pháo lùn bằng vỏ cây lùn, một loại cây sống ven ao rạch có vỏ rất dai. Ngoài Trung, dân xứ Quảng hàng năm đi ghe bầu chở vào Mỹ Tho bán loại pháo cũng thất bằng nan tre, nhưng nhỏ như chiếc nem chua, trông rất xinh xắn, dễ thương.

Pháo tre, pháo lùn thật là loại đại pháo có chiếc lớn bằng chiếc gối đệm. Đốt loại pháo này phải có rọi gắn ở đầu một cây sào hàng chục mét. Thường là những tay gan dạ mới thích thưởng thức trò chơi này. Cây rọi vừa chạm vào, ngòi pháo bắt đầu xẹt lửa, anh ta đứng lên, hai mắt chăm chú nhìn vào cây pháo, đưa tai lắng nghe... để đánh giá tiếng nổ có lớn không, có ầm không, có rền vang xa không... Thường là những viên pháo này do họ tự miệt mài làm lấy và trong làng, những tay chơi pháo với nhau, dù ở xa hàng cây số, khi nghe một cây pháo tre nổ, có thể biết cây pháo đó của ai làm.

Cũng có anh chàng nhát hít, nhưng cũng khoái pháo, mua một viên đại pháo về, đem ra sân dùng rọi châm lửa xong, bỏ chạy ra xa, đứng quay lưng lại, hai tay bịt lỗ tai... pháo nổ hồi nào không hay! Mất tiền lãng nhách.

Nhưng với tôi, dù là...

Đi đệt ngoài sân tràng pháo chuột

Hay là :

Nổ vang tiếng pháo đón xuân sang

Tất cả đều không còn nữa, nhưng dường như âm hưởng vẫn còn mãi trong tôi như một kỷ niệm về ngày Tết xưa, cũng là cái tiếc nuối ngày nay.

MÚA LÂN. Tết không pháo đã buồn mà Tết không lân càng buồn hơn, mà có lân không pháo... cũng như không. Thôi, không nói chuyện lân và Tết ngày xưa, mà chỉ nói lân con nít thôi.

Tết Nguyên đán và Tết Trung thu, khu phố nào cũng có các đội lân trẻ con. Chúng tập hợp lại thành nhóm khá đông, phân công đưa nào múa, đưa nào giữ đuôi, đưa nào làm ông Địa, đưa nào đánh trống, đánh chập choa, đưa nào đi theo coi, đưa nào theo châu rìa, cũng quan trọng lắm vì không có đám này theo cổ vũ reo hò thì lạnh ngắt ai thêm coi.

Thế là từng từng... xà... loạn lên khắp phố phường. Các đội lân tí hon này cũng biết cách làm tiền, đến từng nhà, từng tiệm buôn, xin múa với đầy đủ bài bản như các đội lân người lớn bậc thầy, cũng tấn cũng thoái, cũng lân ngủ, lân thức, lân giận, lân buồn, cũng leo cây lấy tiền thưởng...

Từng từng... xà, cắc cắc từng xà... Ôi! sao mà nhớ nhưng âm thanh này đến vậy!

BÀU CUA CÁ CỌP... Tôi để đằng sau ba chấm vì đáng lẽ phải là bầu, cua, cá, cộp, tôm, gà, sáu mặt cũng như phải là dách, dзі, xám, xây, ngẫu, lác chó không phải chỉ có xây, ngẫu, lác không. Sáu mặt ăn thua nhưng chỉ có 1 mặt ăn, 5 mặt thua.

Cái này mấy tay cờ bạc nên... xem lại. Cái xác suất luôn luôn có lợi cho người làm cái. Môn nào cũng vậy, kể cả xổ số... Mà khổ nỗi không ai nghe cứ lao vào... vì cờ bạc, nó ở trong máu rồi: Máu cờ bạc.

Cái món này trẻ con khoái lắm. Ra đầu phố, xuống góc chợ, đến rạp hát... chỗ nào cũng có mấy sòng bông vụ, sòng bầu cua, sòng xí ngầu. Sẵn trong túi tiền lì xì, đặt xuống một cái, một đồng xu thành hai xu. Còn gì khoái hơn. Còn gì hấp dẫn hơn đối với trẻ con. Nhất là làm ra tiền, một nhu cầu sinh tử của con người.

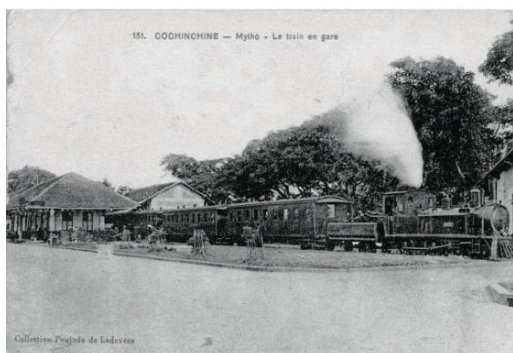
Trở lại vấn đề, lấy một hột lúc lắc ta thấy có 6 mặt có in 6 ô: dách, dזì, xám, xây, ngẫu, lác. Như vậy mà khi ta đặt chỉ có một mặt, thí dụ xám, ta chỉ có cơ may trúng 1 mặt xám thôi, trái lại ta có đến 5 rủi ro để thua. Vậy nếu cho công bình thì dù ta đặt 1 mặt mà ta trúng thì phải trúng 5 lần số tiền đặt mới phải, để có một xác suất tỷ lệ quân bình. Bầu cua cũng vậy.

Tuổi đời đã cao mới biết được trò lừa bịp của cờ bạc, thì lại không còn cơ hội để đánh bầu cua nữa, để chơi xí ngầu nữa. Mà giả như nếu Tết này còn có các sòng này tôi... vẫn muốn đến chơi... vì cái lạc thú ở đời không thể lý giải được.

KẾT. Đã từ lâu, cứ mỗi lần gió bắc về mang theo cái se lạnh cho đào ra nụ, cho mai nẩy mầm, cho cúc phô sắc, cho vạn thọ ra hoa, những người Việt Nam lớn tuổi, cảm thấy như mình đánh mất thêm một cái gì đó quý giá, thiêng liêng. Cái mất mát đó là một tâm tư hoài cổ ngậm ngùi, khi nhìn lại đàn con cháu vô tư mà tiếc thương cho chúng, không còn có được như ông cha, những ngày Tết cổ truyền chứa chan hạnh phúc.

Tôi vừa chấm hết bài viết có tính hoài cổ, thì bỗng nhiên trong trí tôi thoáng một câu trong văn học Pháp, chắc họ cũng cùng tâm trạng như mình: “Ôi! Còn đâu tuyết trắng ngày xưa nữa!”.

2. MUÔN DẠM ĐƯỜNG DÀI



XE LỬA SÀI GÒN – MỸ THO

Mỹ Tho có nhiều công trình lịch sử hàng đầu của Việt Nam về tính thời gian, cũng có tầm vóc qui mô như Trường Trung học Nguyễn Đình Chiểu, đường xe lửa Sài Gòn - Mỹ Tho, hăng Xăng, cầu Quay, tàu Lục tỉnh...

Để phục vụ cho nhu cầu di chuyển, người Pháp có tham vọng lập con đường xe lửa xuyên Việt từ Lạng Sơn đến Cà Mau nhưng vì địa hình đồng bằng sông Cửu Long - sông rạch chi chít - không cho phép thiết lập đường sắt, cho nên đường xe lửa chỉ đến Mỹ Tho mà thôi, xem như trạm chót (*terminus*). Tuy nhiên yêu cầu giao thông đòi hỏi đi đến khắp các tỉnh miền Tây, kể cả đến mũi Cà Mau. Vậy ga xe lửa Mỹ Tho cũng chỉ là trạm trung chuyển cho hành khách và hàng hóa từ miền Đông về miền Tây và ngược lại.

Đường xe lửa Sài Gòn - Mỹ Tho được người Pháp khởi công xây vào tháng 11-1883 và được khánh thành ngày 20-07-1885 dài 71 km. Đây là con đường xe lửa đầu tiên ở Việt Nam, xứng đáng là cột mốc đầu tiên trong lịch sử đường sắt Việt Nam.

Sau đó con đường xe lửa Phủ Lạng Thương - Lạng Sơn mới được khởi công vào tháng 05-1890 và hoàn thành vào cuối tháng 12-1894. Ngày 01-01-1908 mới bắt đầu thiết lập đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng đến biên giới Việt-Trung. Ở miền Trung con đường sắt Sài Gòn - Nha Trang khởi công vào 1904 và hoàn thành vào 1913. Ngoài ra còn có con đường sắt có răng cưa để leo núi (*crémaillère* hay *roue dentée*), một kỹ thuật rất hiếm có trên thế giới, là con đường sắt Sài Gòn - Nha Trang - Đà Lạt qua Phan Rang được khởi công từ năm 1903 và mãi đến năm 1930 mới hoàn tất.

Từ Sài Gòn đến Mỹ Tho có tất cả 13 ga (*gare* tức là trạm) gồm có ga Sài Gòn, ga An Đông (chỉ có sau khi chợ An Đông quận 5 thành lập vào năm 1956), ga Chợ Lớn, ga Phú Lâm, ga Bình Điền, ga Bình Chánh, ga Gò Đen, ga Bến Lức, ga Tân An, ga Tân Hương (còn gọi là ga ông Táo), ga Tân Hiệp, ga Trung Lương và chót hết là ga Mỹ Tho còn gọi là ga cuối cùng (*terminus*). Trong số đó có 7 ga chánh là Sài Gòn, Chợ Lớn, Bình Chánh, Bến Lức, Tân An, Trung Lương và Mỹ Tho. Sở dĩ có ga chánh, ga phụ vì những chuyến tàu tốc hành thì không ghé vào ga phụ.

Đầu tiên xe lửa (tàu hỏa) là một đoàn *toa* hay va-gông (*wagon*) chở hành khách, và có loại va-gông chở hàng hóa, súc vật .. được kéo bởi một đầu máy chạy bằng hơi nước. Đoạn đường xe lửa Sài Gòn - Mỹ Tho dài 71 km chạy trong khoảng hai tiếng rưỡi kể cả các đợt ghé ga. Đường ray (*rail*) xe lửa lúc bấy giờ và cho mãi đến ngày nay chỉ rộng 1 m - 1,2 m. (Đến bây giờ thì quá lạc hậu vì đường ray thế giới ngày nay phải rộng 1,4 m). Đa số đầu máy xe lửa thuở ấy người Pháp phải mua của Thụy Sĩ. Sau tháng 5 năm 1975, chính người Thụy Sĩ qua Việt Nam mua

lại những đầu máy cũ đó đem về tu bổ lại xem như món đồ cổ lịch sử vô giá. Khi Việt Nam mở cửa muốn mua lại những kỷ vật này với mục đích phục vụ cho du lịch thì tiếc thay tiền họ bán lại quá cao so với khả năng tài chính của Việt Nam. Cho nên vào tháng 12-2009, khi làm lễ kỷ niệm “Mỹ Tho 330 năm”, thành phố chỉ còn cách làm một *poster* khá rộng mang hình một đoàn xe lửa treo tại công viên Lạc Hồng, nơi xưa kia là ga xe lửa Mỹ Tho cho... đỡ nhớ. Phải chỉ còn lại một đầu máy cũ đem ra trình bày thì hay biết bao nhiêu!

Vào năm 1937 có loại ô-tô-ray (*autorail* tức là ô tô chạy đường ray) bổ sung chạy xen kẽ với đầu máy chạy hơi nước. Ô-tô-ray có máy chạy bằng dầu cặn - giống như các đầu xe bus bây giờ - nên không còn đầu máy nặng nề thô kệch như xe lửa, trang nhã hơn, êm ái hơn, cấu trúc toa xe đẹp hơn, băng nệm sang trọng hơn, tốc độ nhanh hơn... nói chung hiện đại hơn, tiền thân của các loại xe lửa bây giờ ở thế giới và cả Việt Nam. Xin đừng nhầm lẫn ô-tô-rây với TGV (*Train à Grande Vitesse*), loại tàu cao tốc thuộc về một kỹ thuật hiện đại khác mà hiện nay Việt Nam chưa có.

Đường xe lửa Sài Gòn - Mỹ Tho tồn tại cho đến năm 1958 được phá bỏ nhường chỗ cho việc nới rộng quốc lộ 4 (bây giờ là quốc lộ 1A), chớ không phải vì chiến tranh như một số tài liệu đã viết.



XE NGỰA

Trâu cày, ngựa cỡi, bò kéo... cái nghiệp của ba loài vật này đã được Trời định như vậy rồi. Thế mà ở chung với loài người thì lại do nhân định. Chả thế mà ba con vật tội nghiệp này ngoài cái số thiên định ra còn phải làm hay chịu nhiều nỗi cơ cực khác. Ngày xưa con người Âu Á rất tôn trọng con ngựa nên từ gọi “chiến mã” ngang hàng với “chiến binh”. Trong văn học cũng đem nó lên ngang hàng với con người, thành ngữ “Anh hùng mã thượng” qua từ “*chevaleresque*” của tiếng Pháp, trong tính từ này có từ “*cheval*” là ngựa...

Con ngựa ngày xưa là phương tiện chuyên chở giao thông đường bộ độc nhất cho con người. Đi xa đi gần gì cũng ngựa, đánh giặc cũng nhờ vào ngựa – da ngựa bọc thân mà – nhà nào có ngựa giống như ngày nay nhà giàu sắm xe hơi. Thế rồi nhu cầu đi lại càng nhiều mà số cung của ngựa thì không đủ cho nên cái khó nó lộ cái khôn: Thay vì một con ngựa chở một người bây giờ một con ngựa phải chở ba, bốn, năm, sáu... người. Mà làm sao chở được? Vậy... xe ngựa ra đời.

Mỹ Tho xưa cũng đã từng có những nhà giàu, những quan chức cấp cao, những ông cai tổng... cỡi ngựa đi làm việc hay đi hầu quan. Còn dân thường thì không thể sắm nổi một con ngựa nên đành đi... xe ngựa giống như ngày nay ta đi xe lam, xe đò, xe bus... vậy.

Chiếc xe ngựa, nói riêng ở Mỹ Tho và theo trí nhớ của tôi thôi, có nhiều hình dáng khác nhau, cải tiến tùy theo nhu cầu của xã hội. Ngay lúc tôi 6, 7 tuổi tôi có thấy những chiếc xe ngựa

chạy tuyến đường Chợ Gạo, Ông Văn, Bến Tranh, Tân Hiệp... dáng dấp giống như xe *calèche* của Âu Châu, nghĩa là thùng xe được thiết kế giống như một ghế dài (*canapé*), có lưng dựa có chỗ kê tay có thể đóng bằng gỗ nhưng thường là đan bằng mây. Hai bên có hai cái đèn xe ngựa đúng mẫu mã của nó, gió thổi không tắt. Hành khách lên xuống xe có một bàn đạp rất thuận tiện. Tối đa là 4 hành khách, tất cả ngồi trên xe đều nhìn về phía trước. Anh đánh xe ngồi trên thùng xe hay trên cang xe, tay ve vẩy cái roi ngựa, miệng luôn “họ nè” để trấn an con ngựa.

Loại xe này nguồn gốc từ Bà Rịa - Vũng Tàu qua biển sang Gò Công lên Mỹ Tho. Sau này tôi không nhớ chính xác năm nào là Mỹ Tho du nhập một loại xe ngựa khác từ Sài Gòn - Gia Định về. Loại xe này mang hình dáng là một cái thùng hình chữ nhật có mui, có hai băng ghế hai bên thành. Thùng xe khá rộng nên có thể chở 10, 12 người hay hơn nữa, chưa kể thùng giỏ, giống gánh treo chung quanh. Do hình dáng như vậy cho nên người ta gọi nó là “xe hộp quẹt” và thi vị hơn là “xe thổ mộ”. Thật sự tôi cũng dốt đặc về từ thổ mộ muốn chỉ điều gì?

Chiếc xe thổ mộ cuối cùng của Mỹ Tho còn “bỏ vó lóc cóc” trên con đường Trung Lương-Mỹ Tho vào năm 1980,81... gì đó và người chủ chiếc xe này là ông Bảy Tốt nay cũng không còn.

Dấu xưa ngựa cũ hồn thu thảo...!!!



XE KÉO

Tôi sinh vào năm 1926 ở cái đất Mỹ Tho, mà tới khi tôi vừa đủ khôn lớn thì xe kéo đã có chạy trong châu thành Mỹ Tho từ lúc nào. Tôi còn nhớ có một lần tôi được má tôi đưa tôi đi thầy thuốc Cẩn (BS. Võ Văn Cẩn) ở bên dốc Cầu Quay đường đi Chợ Cũ, bằng xe kéo. Chỉ có những dịp hiếm có này tôi mới được đi xe kéo thôi. Tôi thấy sung sướng lạ lùng. Ngồi trên xe êm ả, có chỗ dựa lưng, kệ cho chú kéo xe sải chân đều đặn trên đường tráng cao su. (Ngày xưa đường vẫn được tráng nhựa như bây giờ nhưng người ta quen gọi là tráng cao su). Tôi nhìn cảnh vật hai bên lướt qua nào là nhà ngói, nhà lầu, phố xá, cột dây thép, cột đèn, hàng me, hàng cây dái ngựa... có cả những chiếc xe máy cóc keng chạy ngược chiều, những chị gánh hàng bị tôi qua mặt, tai lắng nghe tiếng chim kêu rân, vang lòng trong buổi sáng. Thỉnh thoảng tôi nghe chú kéo xe kêu lên “ê ép” mỗi khi chú muốn qua mặt một chiếc xe nào hay tránh một người đi bộ không biết luật đi đường. Ôi! Sao mà sướng quá vậy! Tôi chưa đến nhà thầy thuốc để chích thuốc mà nội cái việc tôi đi xe kéo là tôi thấy tôi hết bệnh hời nào hồng hay.

Những chiếc xe kéo như vậy rong ruổi khắp nẻo đường của châu thành Mỹ Tho lắm khi chạy lên Bình Tạo, Đạo Ngạn, Trung Lương, lại đôi khi xuống tận Chợ Gạo, Ông Văn... cả chục cây số chớ ít sao! Những người nào hồi đó tới giờ không có dịp đi xe kéo thì uổng lắm, nên tiếc là họ không có cái phước được

hưởng những giây phút thoải mái thoát trần giống như mình ở trên cảnh Tiên.

Thật vậy, bánh xe tuy bằng cao su đặc nhưng vòng tròn to lớn hơn tất cả bánh các loại xe khác nên độ vòng rất nhẹ. Đi xe hơi thì bị nhốt kín, ngồi bó rọ, hơi xăng hơi khói làm chóng mặt. Đi xe ngựa lọc cọc, ngựa lại không bằng người cứ chạy vào trong ổ gà ổ vịt vòng lên vòng xuống, lại nữa mùi hôi của ngựa ngược gió không dễ chịu chút nào, chưa hết lắm khi nó không lịch sự chút nào khi nó cần...

Bạn nghĩ tội nghiệp cho chú kéo xe chớ gì? Mình ngồi chễm chệ trên xe bắt một người khác ề lưng ra kéo mình, lương tâm của bạn nổi lên chống đối chớ gì? Không đâu bạn ơi! Nếu có người bảo “Chăn trâu sướng lắm chớ!”. Thì xin thưa kéo xe cũng vậy. Trước hết lúc bấy giờ kinh tế còn nghèo lắm mà lấy sức mình đổi lấy bát cơm quả là quý lắm. Vậy một cuốc xe trên dưới 1 cây số, chú kéo xe có được 5 xu hay 1 lít gạo. Chẳng tốt lắm sao. Còn bảo sao không đánh xe ngựa hay cầm bánh xe hơi đăng bảo tồn nhân cách... Xin hỏi tiền đâu mua xe, mua ngựa? Còn nói đến nhân cách thì có gì quý hơn nhân cách của một người phu xe kéo đồ mồ hôi của chính mình để kiếm tiền nuôi sống gia đình!!!

Phượng chi nhìn bề ngoài cứ nghĩ là kéo xe kéo vất vả lắm. Không hẳn như vậy đâu. Đây này, thùng xe nơi hành khách ngồi tức là trọng lực của toàn xe cân bằng trên trục của 2 bánh nên khi càng xe được nâng lên cao, tất cả tải trọng của xe nằm vào thể cân bằng tuyệt đối, nên chú kéo xe không thấy một chút gì nặng nề nào. Và khi xe chạy bắt đầu có trớn thì luật quán tính hay là trớn xe, dường như giúp đẩy chú kéo xe về phía trước, hai càng xe nhẹ bỗng nằm hờ dường như chỉ là chỗ để cho chú kéo xe gá tay lên nghỉ. Và như vậy những sai chân của chú trở nên nhẹ nhàng, thân chú được nâng lên và trớn xe đẩy chú về phía trước. Nếu chú chạy bộ một mình trên quãng đường 1 cây số chú sẽ cảm thấy mệt hơn là khi chú phải kéo một chiếc xe kéo.

Mỹ Tho thời này, xe kéo là phương tiện duy nhất, tiện lợi nhất, an toàn nhất và theo tôi - thời tuổi thơ - vui nhất để chở khách đi quanh quần trong châu thành. Bên xe kéo lúc bấy giờ ở trước chợ Mỹ Tho, bên dốc Cầu Quay, trước Nhà Thương, gần Cầu Bắc Rạch Miễu, dưới Chợ Cũ... Về đêm xe kéo đợi khách trước rạp hát Thầy Năm Tú đến khi văn hát.

Xe kéo Mỹ Tho còn đến đầu thập niên 1950 và theo luật đào thải lần lần đi vào lịch sử nhường chỗ cho... xe xích-lô. Sau đó, tôi có gặp lại Chú Ba Lành, một người kéo xe kéo lâu năm, dày dặn trong nghề. Chú có tâm sự với tôi *“Tôi nhờ nó mà nuôi vợ nuôi con nên tôi thương nó lắm - chú chỉ tôi chiếc xe kéo cũ dựng ngoài chái nhà - hết chạy tôi buồn lắm. Cứ mỗi lần nhớ bà con chạy mỗi hằng ngày, giờ nào mình đón ở đâu, đi về đâu... bây giờ hồng còn nữa, hồng biết họ đi bằng cái gì... buồn quá phải hôn”*.

Tôi cũng thấy buồn như chú Ba Lành và thương nhớ chiếc xe kéo làm sao !



XE XÍCH LÔ

Biến thể của xe kéo đẻ ra đời xe xích lô là do con người càng ngày càng văn minh không muốn trông thấy con người phục vụ con người một cách quá đáng. Từ “ngựa người” mà nhà văn

Nguyễn Công Hoan đã chua xót ám chỉ người phu kéo xe kéo, cũng đã lên án việc này từ xa xưa rồi. Thôi chúng ta vào chuyện xích lô Mỹ Tho đi.

Trước khi nói chuyện xích lô, hãy thử truy nguyên từ này do đâu mà có. Người Pháp qua Việt Nam thấy chiếc xe kéo họ đặt cho nó tên gọi bằng Pháp ngữ là “pousse-pousse”. Rồi có một chiếc xe khác ra đời thay thế cho chiếc “pousse-pousse” này. Chiếc xe sau cũng giống xe trước chỉ có khác là cắt hai càng xe kéo bỏ đi thay thế bằng giàn xe đạp đằng sau. Và thay vì một người đứng đằng trước kéo lại đổi ra ngồi lên phía sau đạp, như đạp xe đạp.

Vậy chiếc xe mới này có một kết cấu nửa xe kéo, nửa xe đạp mà xe kéo là “pousse-pousse” còn xe đạp hai hay ba bánh người Pháp gọi là “cycle” (bicycle là xe đạp 2 bánh, tricycle là xe đạp 3 bánh). Vậy nó mang cái tên nửa xe kéo nửa xe đạp là “cyclo-pousse”. Tên dài quá phải không lại với lộn xộn quá? Thôi kêu là “cyclo” rồi thành “xích lô” cho nó gọn.

Từ năm 1948, 1949 (?) Mỹ Tho đã có xích lô. Đi xích lô có cái lợi là nhanh hơn nhưng cũng có cái bất lợi là khi quẹo gấp dễ bị lật, và nhất là khi có tai nạn đụng chạm, người hành khách ngồi trước lãnh đủ. Nhân tiện xin kể một chuyện cá nhân. Số là một ngày chủ nhật tôi đưa bốn con tôi đi chơi bằng xích lô. Đến một ngã tư chiếc xích lô của tôi quẹo phải, một chiếc xích lô khác quẹo trái nhưng có lẽ vì cạnh tranh nghề nghiệp nên chiếc xe kia cố tình đụng vào xe tôi. Nhưng may quá, anh xích lô tôi tránh kịp và nổi giận chửi anh kia: *“Tao mà hông tránh, tao cho mày đụng vô cho mày thấy mẹ... mày luôn”*. Tôi thảm kêu khổ: *“Không biết... ai thấy mẹ đây!”*.

Đến nay Mỹ Tho cũng còn xích lô nhưng không nhiều, chỉ để chở những người lớn tuổi không mạo hiểm đi “hông đa ôm” và những người xa xứ lớn tuổi về quê ngồi xích lô dạo quanh thành phố để nhớ chuyện ngày xưa Hoàng Thị!



XE LAM

Nhu cầu chuyên chở công cộng càng ngày càng nhiều chính ngay trong vùng nông thôn hẻo lánh, mà những phương tiện cũ như xe đồ thì không chạy đường ngắn được, xe ngựa đã đến thời điểm đào thải, nên người ta nghĩ nên có một phương tiện chuyên chở nào gọn hơn, nhanh nhẹn hơn, bình dân hơn để dùng trong những địa bàn nhỏ như trong tỉnh giữa quận này qua quận kia, hay xã này qua xã nọ, hay quanh quẩn trong thành phố. Đáp ứng với nhu cầu này là xe lam. Vậy xe lam xuất xứ từ đâu, ra sao và tiện lợi thế nào?

Xe lam với từ “lam” khó hiểu này là gì? “Lam” vốn là từ viết tắt của từ “Lambretta”. Lambretta là hiệu của một loại xe “2 thì” do hãng Innocenti của Ý sản xuất. Xe Lambretta và xe Vespa cũng của Ý, thoát tiên là loại xe hai bánh, một loại scooter giống như moto được dùng giao hàng trong thành phố hay dùng làm phương tiện di chuyển cho công nhân trong các cơ xưởng hay kho hàng lớn.

Cùng từ nhu cầu đó, Lambretta được đóng thùng và nhái theo một loại xe cổ chuyên chở hàng hóa gọi là “triporteur” tức là xe ba bánh chở hàng vì chữ “tri” tức là ba, triporteur là xe chở hàng 3 bánh. Thế là Việt Nam ừn ừn nhập xe Lambretta về dùng

làm xe chở hàng hóa và nhất là chở hành khách. Về Việt Nam tên xe Lambretta dài dòng khó gọi quá nên người ta gọi là... xe lam thành quen miệng. Thế là từ thập niên 1960 Mỹ Tho đã có nhiều xe lam chở khách, kể cả chở hàng hóa.

Cấu trúc xe lam rất đơn giản, một cái thùng hình hộp, bánh xe nhỏ, sàn xe thấp hành khách lên xuống xe rất dễ. Hai bên hai bên, thành xe có lót nệm mỏng, có thanh dựa lưng và hai bên vách xe có móc để máng thêm thùng gánh của các chị bán hàng. Máy xe có từ 123, 150, 175, 200 lên đến 500 phân khối có loại đến 550 gọi là Lambro. Máy “2 thì” nên dù chở nặng quá tải xe vẫn “đề pa” ngon lành. Tiếng nổ máy dòn tan, khói phun ra mù mịt ngoài đường, không cần bóp kèn mà ai cũng tránh, những hình ảnh đó lại là hình ảnh đáng nhớ đáng thương của xe lam.

Đi xe lam có nhiều thú vị nói theo bây giờ là “văn hóa đi xe lam”. Thật vậy xe được phép chở 8 hành khách, nhưng có những chuyến chở đến 14, 15. 16... Hành khách, lẽ tất nhiên là có đủ nam phụ lão ấu cho nên khi đã lên xe lam rồi thì quả là một cộng đồng thân mật không đến nỗi “dựa má kê vai” nhưng quả thật “cánh bên nhau” có thể... trăm năm còn nhớ.

Này nhé. bạn trên đường về quê trên chiếc xe lam chiều chập chội, một thứ chập chội dễ chịu, bạn được ông Tư bà Nguyệt sắp đặt cho bạn ngồi gần một người đẹp... Thôi xin bạn đọc tiếp lời ca trong bản nhạc dễ thương “Chuyến xe lam chiều” của Vinh Sử sau đây để thấy “Đi xe lam sướng lắm chứ!”.

Trên chuyến xe lam đông người chiều nao
Xui mình không quen mà ngồi bên nhau
Trời mang nhiều trời trôi chi
Người chưa hề biết quen gì
Sao ngồi gần như tình nhân si
Em xuống xe lam đi vào hẻm sâu
Anh vội theo chân ngõ hồn xôn xao
Làm quen chuyện vẫn dăm câu
Niềm vui mộng ước ban đầu

Trong đã rồi mặt ngoài còn e
Ngờ đâu yêu đương như đám lục bình
Trôi theo con nước vô tình
Anh lấy vợ người ta giàu có
Tình em như cát đã tràn biển Đông
Em muốn tìm chồng cho xong
Như ngại thêm gặp kẻ bạc lòng
Trên chuyến xe lam đông người chiều nay
Nghe từng cô đơn nỗi niềm chua cay
Còn đâu một chuyến xe lam
Ngày nao mộng ước vô vàn
Nay kỷ niệm em một mình mang.

Cũng có một chuyến xe lam nên duyên nên phận, nhưng cũng lắm khi chỉ là một mối tình dang dở, nhưng dù sao khi tuổi về chiều, lại hiện về trong ký ức một mối tình thơ mộng, với chiếc xe lam chiều đầy kỷ niệm.



XE LÔI

Một phương tiện chuyên chở có tính đặc trưng Việt Nam nhất từ tên gọi mộc mạc đến cấu trúc dung dị đến địa bàn hoạt động ở nông thôn làng mạc nên được gọi là xe lôi hay xe tàu mo... Dù là xe lôi hay xe tàu mo gì đi nữa thì nó cũng đã đáp ứng một cách tích cực cho việc chuyên chở hành khách và hàng hóa trong khắp các ngõ đường đất nước miền Tây sông Cửu Long từ trên 60 năm nay và đến nay đó đây ta vẫn còn thấy bóng dáng xe lôi rôm rả trên các con đường gió bụi.

Một thùng xe bằng thiếc đóng theo kiểu dáng một chiếc xe song mã phương Tây nhưng thô sơ hơn nhiều. Thùng xe đặt trên hai bánh xe đạp lại được hàn một cái móc, móc vào một chiếc xe đạp và khi “lên đường” thì “anh xe lôi” chỉ cần nhấn “pê-đan” là chiếc xe đạp... lôi chiếc xe chạy te te... Hành khách tùy tiện leo lên xe muốn ngồi đâu cũng được miễn là đừng rớt xuống đất, miễn là chiếc xe đừng sụm xuống, miễn là bánh xe đừng nổ ruột... là được, vì khi đăng kiểm chỉ được luật cho phép chở hai người, mà chở hai người làm sao mà sống? Thôi đành phạm luật còn nếu không muốn phạm luật thì trốn đăng ký. Cũng xong! Xe tàu mo mà!

Đi xe lôi cũng có cái thú riêng. Xe lôi thường chạy trong đường làng, đường ruộng nên vòng lên sụp xuống. Hành khách thì chật chội, mỗi lần xe ngả qua khách cũng ngả theo mà ngả theo thì đụng chạm nhưng có những cái đụng chạm vô tình mà cũng có những đụng chạm... lợi dụng. Có những cái đụng chạm dễ chịu có những cái đụng chạm... thấy ghét. Do đó phụ nữ họ thích ngồi chung với nhau chừa một khoảng cách vài ly với khách nam. “Nam nữ thọ bất thân” mà!

Xe thì chở nặng, vỏ ruột bánh xe thì cũ, đường thì xấu. trời cũng đã trưa, ai cũng muốn về nhà sớm. Xe đang chạy ngon lành bỗng nhiên nghe tiếng “bốp”. Anh xe lôi buột miệng “*Chết mẹ, nổ vỏ rồi!*”. Hành khách xuống xe, dáo dác tìm bóng cây đụt nắng. Trống trơn, đồng không mông quạnh không có đến một cụm lứt có đâu bóng mát. Mặt mày ai nấy bí xị. Anh xe lôi vừa

mở hộp đựng dụng cụ nghe lộp cộp vừa lên tiếng “*Bà con chờ một chút xíu nghen, rồi liền bây giờ*”. Nói xong anh tiếp tục lục đồ... nhưng anh lại thốt lên một câu “*Chết cha hồng có đem theo keo vá*”. Thế là bà con chịu khó đi bộ về nhà. Không sao xe... tàu mo mà!

Xe lôl thường chạy trong thôn xóm, họa hoằn mới chạy ra thành phố vì đâu có thể cùng tranh tài đua sắc với ai, nhưng là những ân nhân thầm lặng cho xã hội nông thôn. Có những trường hợp nửa đêm, xe lôl đưa một bệnh nhân đi cứu cấp, một sản phụ đập bầu, một cô vợ có chồng bỏ theo bồ uống thuốc rầy tự tử... một đứa bé chơi dại nhét hột me vào mũi... Những dịch vụ cứu người khẩn cấp đó ở trong thôn quê nếu không có xe lôl thì làm sao...?

Tuy nhiên xe lôl cũng theo nhịp tiến của xã hội nên sau đó có một số được cơ giới hóa bằng cách thay vì kéo bằng chiếc xe đạp được thay thế bằng chiếc xe gắn máy mà thường là xe Honda 70. Sức người được thay thế bằng sức máy nhưng máy thì lại “uống xăng” mà xăng thì phải trả tiền. Một vòng lẩn quẩn, được cái này mất cái kia. Nhưng tôi vẫn thích xe lôl đạp.

Xe lôl, xe tàu mo... nghe sao mà thân thương đến vậy. Tôi chợt nhớ ra ngày còn trẻ dại, ở thôn quê vào các buổi trưa buồn hiu hắt, năm ba bạn cùng nhau ra vườn tìm những tàu mo mới rụng, lật ngửa ra một bạn leo vào ngồi trên tàu mo rồi thay phiên nhau kẻ kéo người ngồi trên... chiếc xe tàu mo vừa ca hát vang rân vừa tò te... hạnh phúc như chúng tôi đi xe hơi vậy.

Xe lôl, xe tàu mo... dù cho thời gian đã qua, dù có bao nhiêu thay đổi theo cái mới, cái hiện đại, cái diêm dúa... nhưng mãi đến ngày nay, đây đó ở nông thôn miền Tây và cả ở ngoại ô Mỹ Tho vẫn còn dáng dấp của những chiếc xe lôl, xe tàu mo quê mùa mộc mạc mà chung thủy.

3. THƯƠNG HỒ SÔNG NƯỚC



BẮC RẠCH MIỄU

Sông Cửu Long là một trong những con sông dài nhất thế giới chảy qua 6 quốc gia với chiều dài 4180 km, vào biên giới

Việt Nam chia làm hai nhánh: Sông Tiền và Sông Hậu. Mỹ Tho nằm trên tả ngạn sông Tiền, nơi đây có 4 cù lao chia đoạn sông này thành hai cửa đò ra biển là Cửa Tiểu và Cửa Đại.

Nhìn vào địa lý giao thông đường bộ từ Tây Nam đất nước về Sài Gòn - Gia Định đến miền Đông thẳng tiến ra Trung và Bắc thì Mỹ Tho là trục chính của đường sông lẫn đường bộ. Điểm trung chuyển từ bên hữu ngạn sông Tiền là vùng Rạch Miễu còn bên tả ngạn là Mỹ Tho. Khách từ miền Tây chủ yếu là từ Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cần Thơ, Vĩnh Long, Trà Vinh... đến bờ sông muốn sang sông chỉ có một cách là nhờ các thuyền chài lưới đưa sang hay những cư dân địa phương.

Không biết đến lúc nào mới có tổ chức đò ngang cho khách sang sông. Nhưng sau khi người Pháp đến thì chiếc đò chèo chính thức ra mắt là trước năm 1900. Đây là chiếc đò ngang có phép của nhà nước qua cuộc đấu giá. Mỗi ngày chỉ có một chuyến đi và một chuyến về. Bến đò chính đặt tại vàm Rạch Miễu thuộc xã Tân Thạnh, quận An Hóa, lúc bấy giờ còn thuộc tỉnh Mỹ Tho. (Vùng này bên hữu ngạn sông Tiền mãi đến năm 1956 được tách ra khỏi Mỹ Tho và sáp nhập vào tỉnh Kiến Hòa nay là Bến Tre). Bến đò bên phía Mỹ Tho đặt tại Bến Tầm Ngựa thuộc Chợ Cũ, thôn Mỹ Chánh, nay là Phường 3, Thành phố Mỹ Tho.

Đò chỉ là một chiếc “ghe lớn”, ba chèo có căng buồm nếu có gió thuận lợi, do một Án kiều đầu thâu nên người ta gọi là ông Sáu Đò. Dù sao cũng là một bước tiến thuận lợi quan trọng trong việc giao thông chuyên chở lúc bấy giờ.

Mãi đến đầu thập niên thế kỷ XX, khoảng 1910 sau khi con đường quốc lộ 60 làm xong, người Pháp mới có một phương tiện khác thay thế cho đò chèo. Đó là chiếc bắc do từ “bac” của Pháp. Bắc là một loại xà lan có gắn động cơ chạy bằng dầu diesel trọng tải đầu tiên là 25 tấn thiết kế để có thể chở hành khách, hàng hóa, súc vật và cả xe hơi sang sông nối liền hai bờ Nam Bắc sông Tiền.

Khi có chiếc bắc thì bến đò chèo không còn nữa và dời về hướng tây cách bến đò cũ 800 mét nối vào đường quốc lộ 60 và đổi thành tên là Cầu Bắc Rạch Miễu, vẫn giữ địa danh cũ là Rạch Miễu. Bên phía Mỹ Tho cũng vậy, cầu Bắc vẫn gọi là Cầu Bắc Rạch Miễu được dời từ Bến Tắm Ngựa lên đặt tại đầu đường De Castelnau (Trần Quốc Tuấn, Ông Bà Nguyễn Trung Long và bây giờ là Nam kỳ Khởi nghĩa).

Tổ chức đưa khách bằng bắc đã đi vào nề nếp. Hai bên có nhà bán vé, có điện thoại để liên lạc, các chuyến bắc chạy có giờ qui định nhưng cũng có thể cho thuê bao trong các nhu cầu khẩn cấp. Nhu cầu chuyên chở ngày càng nhiều nên về sau có những chiếc bắc lớn hơn chạy nhanh hơn. Nhiệm vụ của nó chấm dứt vào đầu năm 2009, ngày khánh thành cây Cầu Rạch Miễu.

HỌC TRÒ QUA BẮC

Chúng tôi từ bên kia sông vùng Rạch Miễu học hết bậc sơ đẳng phải thi bằng Sơ đẳng Pháp Việt để học lớp “Nhì 1 năm” tại trường Pri-me (primaire) bên Mỹ Tho. Không kể khi vào Trung học Nguyễn Đình Chiểu, nội bậc Tiểu học thôi cũng phải rông rã 3 năm, một đứa bé 9 tuổi phải trỗi dậy vào lúc 4 giờ sáng, khi gà vừa gáy. Lạnh lẽo co ro trong chiếc áo sơ mi mỏng te, cái quần xà lỏn đen cụt ngắn, ăn vội một chén cháo trắng với cá kho khô hay một chén cơm nguội, cậu học trò nhỏ bé phải ôm cặp cầm đuốc đi bộ khoảng vài cây số lên Cầu Bắc chờ bắc sang sông.

Đường vườn, về đêm đom đóm lập loè, nhiều khi đuốc tắt, đi ngang mồ mả - mồ mả trong vườn nhiều lắm - mà có mồ mả là có ma, mà ma thì hay nhất học trò vì “nhất quỷ nhì ma thứ ba mới tới học trò”. Cho nên con đường từ nhà đến bến bắc vào những đêm không trăng sao, đối với bọn học trò nhỏ chúng tôi quả là ác mộng.

Đến Cầu Bắc lại ngồi chờ. Chúng tôi tụm năm tụm ba kể cho nhau nghe đủ thứ chuyện, trong đó vẫn có chuyện bị ma nhát. Cùng chờ bắc với chúng tôi có những chị bán hàng như dừa khô, chuối, kể cả lá dừa, củ dừa... chúng tôi chờ chuyển bắc đầu tiên. Beng... beng... bắc chạy. Chúng tôi là những hành khách đầu tiên lên cầu xuống bắc, khỏi mua vé. Xuống bắc lại chờ cho chú thợ máy mới ngủ dậy, ngáp lên ngáp xuống, cầm cây rọi đưa vào làm mờ đốt máy. Chờ máy nóng, chú ngồi xuống lấy thuốc ông Tề ra quán, nhơn nhơ hút thuốc mặc cho chúng tôi chờ đợi sợ trễ giờ học. Chú lại dùng một cây sắt tổ bố quay bánh trốn để cho “ông máy” nổ.

Nếu gặp mùa đông chúng tôi quây quần gần hầm máy cho ấm. Mùa hè chúng tôi lên mui ngắm cảnh trời mây. Các chị nữ thì tỉ tay trên lan can, đôi mắt mơ màng nhìn ra trời mây hiu quạnh... có lẽ để tìm ý viết bài luận văn “Sáng sớm sang sông” chẳng?

Chiều tan học cái đám học trò “bên kia sông” chúng tôi sắp hàng trong trường đầu đầu trông sớm ra đường để co giò chạy vì sợ trễ bắc. Còn thầy hiệu trưởng, ngược lại là một nhà giáo gương mẫu. Với thầy, kỷ luật phải chặt chẽ, thầy đi kiểm tra khi nào thấy học trò xếp thành một hàng dài xọc, cả mấy trăm học trò đứng ngay băng như lính điều binh thì mới cho lệnh xuất phát. Khổ cho cậu nào nhong nhong nhìn lên nhìn xuống xem được đi chưa, thầy đằng sau nhìn thấy là bốp bốp hai tát tai “dạy dỗ” té lửa. Phần tôi trong 3 năm đèn sách ở ngôi trường Pri-me này vì sợ trễ bắc nên có dịp hưởng hai lần, bốn tát tai kỷ niệm. Thầy hiệu trưởng có phải “người bên kia sông” đâu mà biết nỗi khổ của một đứa học trò trễ bắc về đến nhà thì trời đã đêm.

TÌNH HỌC TRÒ QUUA BẮC

Vào trung học rồi chúng tôi vẫn phải qua bắc có điều không phải mỗi ngày mỗi đi, mà vào mỗi sáng thứ hai qua chiều thứ bảy về, trong tuần ở trọ bên Mỹ Tho. Đã lớn, nên khi qua các

chuyến bắc chúng tôi không còn những cảm nghĩ như khi còn học bậc Tiểu học và chúng tôi nghĩ các bạn gái... cũng vậy. Chúng tôi cùng chờ bắc, cùng xuống bắc, cùng qua bắc, cùng lên bắc... bề ngoài chúng tôi dường như không để ý nhau nhưng trong lòng những đợt sóng ngầm đã dậy lên.

Không biết về việc học hành ra sao nhưng về việc này mỗi người chúng tôi đều có một người “yêu trong mộng” và dường như “bên ấy” cũng vậy. Không có sao được! Những chuyến dò đêm (dùng từ dò chớ bắc ở đây nghe mất hết tính thơ mộng), trên trời trăng soi huyền ảo dưới nước những con rắn vàng uốn lượn (chỗ này tôi bắt chước trong “Đêm trăng chơi hồ Tây” của Phạm Quỳnh) cảnh vật mơ màng, lòng người phơi phới, tức cảnh sinh tình thì đó ai cầm lòng cho được.

Cho nên sau khi ra trường có những cặp nhờ những “chuyến dò đêm” mà nên duyên nên phận nhưng cũng buồn thay không ít những mối “tình học trò” rồi cũng tan vỡ như bọt nước sông Cửu Long.



ĐÒ MÁY

Từ năm 1946, 1947... nhu cầu vận chuyển hành khách và hàng hóa từ các làng xã đến Mỹ Tho càng nhiều. Việc chuyên chở bằng ghe thuyền với chèo chống, chạy buồm có nhiều bất lợi: chậm, phải chờ con nước nên nhất định phải cơ giới hóa các phương tiện giao thông đường thủy: gắn máy. Và... dò máy ra đời.

Đò máy là một chiếc ghe thường, tải trọng từ mười đến hai, ba chục tấn được gắn động cơ... xe hơi. Lúc bấy giờ không có động cơ thủy, người ta mua những máy xe hơi cũ, nhất là máy các xe nhà binh thường là hiệu GMC có thứ chạy xăng có thứ chạy dầu phế thải do mấy “chú ba Tàu” đấu giá đem về rồi bán đầy trên chợ Cũ Sài Gòn. Thợ máy lắp vào ghe và chỉ sử dụng một số tới và số de thôi.

Ghe muốn làm thành đò máy phải đóng thêm hai băng ngồi hai bên có thể thêm một băng giữa. Trên mũi chở hàng hóa nông sản, gà vịt nhiều khi cả xe đạp. Đò máy vào những năm thịnh hành là phương tiện tốt nhất hơn cả xe cộ trên bờ vì Mỹ Tho và các vùng lân cận đều chằng chịt sông ngòi kinh rạch. Do đó có những chuyến đò máy chạy trong tỉnh: Chợ Gao, Bình Đức, Tam Bình, Song Thuận, Bến Tranh... qua bên kia sông như: Phú Túc, Phú Đức, An Hóa, Lục Thuận, Vang Quới, Bình Đại, Thừa Đức... và đi ra ngoài tỉnh như: Bến Tre, Vĩnh Long, Sa Đéc hay tận Tân Châu, Châu Đốc... Ngoài ra trong thời gian xăng dầu khan hiếm, đò máy yểm trợ cho bắc Rạch Miễu, đưa khách sang sông rất hiệu quả.

VUI BUỒN ĐÒ MÁY

Thầy Võ Văn Đây, giáo sư Trường Trung học Nguyễn Đình Chiểu, một thầy giáo đặc biệt Nam kỳ, đặc biệt Mỹ Tho ngoài cái tính hề hà cỏi mở, xuề xoà sao cũng đáng, bộc trực mà thân tình, thẳng thắn mà vui tính nhưng lại rất lo xa. Nhân biết tôi vốn người bên kia Rạch Miễu thường đi đò máy về quê thăm vườn tược nên anh (tôi gọi thầy Võ Văn Đây là anh) hỏi tôi: *Ê!*

chú Sáu, chú về Rạch Miễu thường bằng đồ máy, chú sợ hôn? Tôi đáp: Sợ chứ anh Sáu. Tôi nhát sóng lắm anh Sáu ơi! Anh Sáu lại hỏi: Rồi chú làm sao? - Biết làm sao, lại với đồ nó có áo phao. Anh Sáu bảo: Hồng được, áo phao nhằm nhò gì. Tôi nói chú nghe giả thử có “chuyện gì”, chú chộp được cái áo phao đi, chú ôm nó... nó có thể xì hơi, hay vô tình vết-xi đựng vô... chà tre gai nó bẻ, chú làm sao???

Tôi ngần ngợ trước cái tình huống quái ác này thì anh Sáu vỗ vai tôi chỉ cho tôi một cách: *Chú có vườn dừa phải hôn” – Phải – Chú biết dừa điếc chứ? – Biết – Vậy thì chú nghe lời tôi, chú lấy 2 trái dừa điếc thọc lại rồi mỗi khi qua đò về quê chú mang theo. Ngon lành! Bảo đảm! Có chuyện gì, chú chỉ cần đeo nó vô cổ là... khỏe re. Tôi nè, tôi về vườn tôi trên Kinh Xáng bằng đò, tôi vẫn mang nó theo.*

“Cái chuyện gì” đây là anh Sáu muốn nói đến đồ máy chìm. Đồ máy chìm đâu chưa thấy mà nếu mỗi lần tôi qua đò, nếu tôi nghe lời anh Sáu mà phải mang theo cặp dừa điếc tòng teng đi theo mình, thì không biết người ta sẽ nhìn tôi ra sao. Nhưng anh Sáu ơi, tôi không làm theo anh Sáu dạy, nhưng mỗi lần tôi đi đò máy là tôi nhớ đến anh với tất cả tấm lòng thương cảm cái tính... nông dân đáng yêu của anh.



ĐÒ CHÈO

Mỗi lần nói đến hay viết hai từ đò dọc là tôi bị ám ảnh bởi cái tựa của tác phẩm “Đò dọc” của Bình Nguyên Lộc. Đò dọc của tôi là chiếc ghe đưa khách đi dọc theo một con sông, còn đò ngang là đò đưa khách sang sông bên kia. Còn tiểu thuyết “Đò dọc” của ông Bình Nguyên Lộc này hay thì hay thật nhưng có ăn nhập gì với đò dọc đò ngang đâu? Thế mà cái tựa “ẩn dụ” của ông nhà văn này làm cho tôi “phân tâm” mỗi khi tôi viết về cái vụ đò dọc... thiệt của tôi.

Mỹ Tho có quá nhiều đò dọc đò ngang. Rất dễ hiểu vì Mỹ Tho nằm trong vùng sông rạch chằng chịt. Cách nay trên 100 năm Mỹ Tho đã có một bến đò quan trọng bậc nhất mãi đến ngày nay là bến đò Rạch Miễu phải qua hai con sông Cửa Tiểu và Cửa Đại rộng gần 3 km đầy sóng gió, đưa khách từ các tỉnh miền Tây lên Sài Gòn Gia Định, miền Đông và cả ra Trung Bắc. Thoạt tiên đò ngang Rạch Miễu chỉ là con đò chèo. Vào đầu thế kỷ XX đò chèo đổi thành bắc chạy bằng máy. Trên 100 năm phục vụ đò ngang này mới chấm dứt sau khi cây cầu Rạch Miễu khánh thành vào năm 2009..

Dân kỳ cựu Mỹ Tho, không ai không nhớ con đò chú An tức là đò do một người Hoa gọi là chú An làm chủ. Sau đó đò đổi chủ sang một bà người Việt. Con gái của bà chủ đò lại là bạn học của đám học trò tụi này, cho nên sau khi cô bạn gái trở thành cô

chủ đồ, tại này gọi cô là “con Chín bờ đồ” để rồi biến thể thành “Con chó bờ đình”. Ôi chữ Việt của ta!

Sông Bảo Định có nhiều đồ ngang: đồ Hồng Dũ, đồ Chợ Cá, đồ Xóm vừa... và nhất định là có đồ của “con Chín bờ đồ”. Còn nói về đồ dọc thì Mỹ Tho cũng có nhiều như đồ đi Chợ Gạo, Bến Tranh, Bình Đức, Song Thuận, Tam Bình, qua bên kia sông như Phú Đức, Phú Túc, Kinh Điều, xuống dưới Quới Sơn, Giao Hòa, Phú Thuận, Vang Quới, Lộc Thuận, Bình Đại tận cửa biển Thới Thuận, Thừa Đức... Nhưng giờ đây giao thông đường bộ mở mang nhiều nên đồ dọc không còn bao nhiêu, nếu còn cũng là đồ máy chó không còn đồ chèo như xưa.

4. DỌC DƯỠNG GIÓ BỤI



QUÁN TRÀ HUẾ

Trên khắp nẻo đường miền Nam, từ ngày hòa bình trở lại sau cuộc Nam Bắc phân tranh giữa chúa Nguyễn và chúa Trịnh, trước cả khi người Pháp đến xâm chiếm, nơi đây đã có những quán trà Huế dọc theo những con đường đất đi lại ngang dọc.

Quán trà Huế bên vệ đường phục vụ giải khát, một tô trà Huế thơm phức, một chiếc bánh cốm đỡ lòng, giây phút nghỉ chân cho những khách đi đường thường là người đi bộ, đi ngựa sau này mới có những người đi xe đạp. Trên đường đi từ Mỹ Tho vào Gò Cát, từ Mỹ Tho xuống Chợ Gạo rồi Gò Công, từ Mỹ Tho lên Gò Lũy (Nhị Bình), từ Mỹ Tho đến Bến Tranh, Tịnh Hà... hay xa hơn nữa... ta gặp những quán trà Huế mọc lên đây đó dưới một cây bàng, một cây me, một tán dừa. một bụi tre...

Nói đến quán trà Huế phải nói đến trà trước nhất. Trà dùng cho việc pha trà hay nấu trà phải là trà tươi, hái cả lá lẫn đọt về phơi không qua sấy lửa hay pha chế nào cả, ủ lại trong lá chuối khô để vào chỗ khô ráo. Trà Huế không biết có phải xuất xứ từ Huế hay không nhưng theo truyền tụng là xuất xứ từ đâu ngoài Bắc xa xôi vì Huế không phải là nơi có nhiều trà, mà Lâm Đồng trong miền Nam thì chưa được khai phá, dĩ nhiên là chưa trồng trà. Vậy tại sao có từ trà Huế?

Ngày xưa ông bà ta chưa có quan niệm rõ ràng về địa lý, chỉ biết ngoài kia là Huế, đi ra miền Trung, miền Bắc gọi là đi

Huế, vì Huế là kinh đô, Huế là nơi vua ở còn xa nữa thì không biết. Do đó trà ngoài kia đem vô là trà Huế. Do đó có cụm từ “quán trà Huế”, và trà Huế để phân biệt với trà có pha chế thường do người Tàu sản xuất gọi là trà Tàu.

Một buổi trưa hè, một khách bộ hành trên con đường gió bụi cảm thấy mệt mỏi, khát nước mà bất gặp một quán trà Huế thì thú vị biết bao. Nhất là khách được tiếp đãi bởi các chủ nhân cũng có thể là một bà đứng tuổi móm mém, vui vẻ, tánh tình hiền lành dễ mến, cũng có những nữ chủ nhân là những cô gái Nam kỳ, tóc cột đuôi gà, cái áo túi cùn cùn, tuổi trăng tròn đầy nhựa sống.

Khách bước vào quán được đón tiếp bằng một nụ cười rạng rỡ, một ánh mắt chân tình như người quen cũ. Khách đã cảm thấy ấm lòng, lại thêm mùi thơm của dầu dừa mà cô chủ quán xúc lên tóc gợi lên trong khách một tình quê hương dân tộc đậm đà. Chưa chi cô chủ quán đã nói với một giọng như quen nhau từ kiếp trước:

- Chèn đét ơi! Anh Hai đi đâu mà nắng dừ “dậy”. “Dô” quán em uống miếng trà Huế đi. Nè! lần sau đi, nhớ đem theo cây dù nghe hông, hông thôi em “dận” cho mà coi!

Khách vào ngồi trên một cái băng cây để trước quán. Quán trà Huế chỉ là một cái chòi, hai mái lá lợp trên mấy cây kèo gá trên bốn cây cột dầu vuông, hay chỉ đơn giản là 4 cây tầm vông mảnh khảnh, chỉ đủ cho việc che mưa đỡ nắng, dựng bên lề đường dưới tàn một cây bàng. Trong quán một cái bàn cây choán gần hết mặt bằng của quán. Trên bàn bày những tô “ông rồng” lau khô úp lên nhau, bên cạnh một cái kệ đựng mấy phong bánh in bọc giấy đỏ, mấy gói kẹo đậu phộng đường tán... lủng lẳng trên mấy cây cột những nải chuối già, chuối xiêm, chuối cau và những xâu cốm chùi gói tròn tròn bằng lá chuối khô giống như những trái banh nhỏ.

Dưới chân bàn là một nồi nước trà bằng đất khá to đang sôi bốc khói, đặt trên một hỏa lò đun bằng than miếng (mùn) gáo, hay than đước.

- *Anh Hai uống “dời” em một tô nước trà Huế nghe! Em pha “dừa” uống lắm.*

Người khách hai tay nâng tô nước trà Huế, không biết vô tình hay cố ý khẽ đụng vào bàn tay cô hàng, và cũng không biết cô hàng có phật ý hay không mà chỉ thấy cô hàng nở một nụ cười để lộ hai đồng tiền sâu hóm hai bên má, vói tay lấy gói cốm chùm mở ra và đưa cho khách:

- *Cốm em làm đó, bằng nếp ngon mua tuốt ở ngoài Bà Rịa lặn, anh ăn rồi anh nhớ em cho mà coi.*

Mùi thơm đặc trưng của trà Huế, vị ngọt và béo của cốm trộn dừa làm khách mát lòng mát dạ. Ăn gói cốm xong, uống tô trà Huế xong mà sao chưa thấy khách muốn tiếp tục con đường thiên lý. Áng chừng vẻ đẹp mộc mạc thôn dã, giọng nói chân tình, chan chứa vị nhõng nhẽo ngọt ngào của cô hàng trà Huế đã có ma lực giữ người khách đường xa ở lại mãi nơi quán trà Huế này rồi chẳng?

Hình ảnh quán trà Huế đây đó trên khắp nẻo đường đất nước và ngay cả trong nội thành Mỹ Tho, như đường vào Gò Cát, đường lên Bình Tào ngay cả ở tại dốc cầu Quay, nơi có một cầu tàu Lục Tỉnh, ngay cả tại cầu Bắc Rạch Miễu đầu đường De Castelnau, Nam kỳ Khởi nghĩa bây giờ... Những quán trà Huế đó không còn thấy nữa vào cuối những năm 1940, nhưng hình ảnh quán trà Huế cùng với hình ảnh một bà lão Việt Nam móm mém nhai trầu, hình ảnh một cô gái thôn dã tóc thơm mùi dầu dừa, má lún đồng tiền vẫn còn trong ký ức của những người lớn tuổi của Mỹ Tho, như một kỷ niệm không phai.

HỦ TÍU

Trên trái đất này nơi nào có người Hoa là nơi đó có hủ tíu. Từ hủ tíu không biết xuất xứ từ đâu vì người Hoa họ không gọi hủ tíu mà họ gọi là *phảanh*, còn hủ tíu chỉ là chất bột để làm *phảanh*. Do đó ăn hủ tíu họ gọi là *xực phảanh*. Vào tiệm hủ tíu gọi một tô hủ tíu có thêm xương, gọi là *dách cô phảanh thím xực xí-quách*. Ngày xưa người Pháp gọi hủ tíu là *soupe chinoise* (súp Tàu). Đến bây giờ người ngoại quốc đến Mỹ Tho ăn hủ tíu cũng gọi là *soupe chinoise* hay *chinese soup*.

Ngày nay hủ tíu đã thành một từ Việt Nam và món ăn hủ tíu như hủ tíu xào cũng thường có mặt trên bàn ăn của chúng ta cùng với bún (khô) xào làm bằng bột gạo, bún tàu bằng đậu xanh, tàu hủ ki cũng bằng đậu xanh, tàu hủ đủ các loại cùng với tương còn gọi là tương tàu làm bằng đậu nành... Tất cả các loại thực phẩm này đều có gốc từ các người Hoa cổ cự.

Lý lịch hủ tíu dài dòng thú vị như vậy vì đến nay hủ tíu trở thành món ăn sáng của đông đảo người Việt Nam và cũng có nhiều cửa hàng hủ tíu do người Việt Nam đứng nấu ; trong khi đó thời xưa là người Hoa độc quyền. Tuy nhiên nếu so sánh hủ tíu do người Hoa và người Việt nấu, ta thấy khác nhau xa về khẩu vị.

Ngược dòng lịch sử, ta trở về Mỹ Tho một thế kỷ trước để thưởng thức món hủ tíu Mỹ Tho do người Hoa chính hiệu đứng nấu. Chú Sồi, hủ tíu chú Sồi, với một chiếc xe ba bánh, có thành vách ba bên, lồng kiếng vẽ đủ thứ cảnh hình trong truyện Tam Quốc như *Quan Công phò nhị tẩu*, *Giang tả cầu hôn*, *Đương Dương trường bản*, *Khổng Minh tọa lầu*... rong ruổi khắp các nẻo đường thành phố để mưu sinh, mà cũng để cho người dân Mỹ Tho có được một tô hủ tíu đậm đà. Ở giữa xe là một thùng nước lèo bốc hơi nghi ngút, những thúng, rổ nhỏ đựng hủ tíu, mì, bột nặn hoành thánh, dầu chá quảy... (để ăn kèm với mì, hủ tíu), tô chén úp bên cạnh đĩa, muỗng lộn xộn với lọ nước tương, xì dầu, hột cải...

Đi ngang xe hủ tít chú Sồi, nhìn hình ảnh chiếc xe hủ tít, nghe tiếng gõ lóc cóc mời khách, ngửi từ thùng nước lèo bốc hơi lan tỏa một hương vị đặc thù ... tất cả những thứ đó thấm vào các giác quan, khiến cho ta khó cưỡng lại cơn thèm, mà phải là hủ tít của chú Sồi mới đúng điệu.

Một người khách tấp vào lề đường lập tức được vợ ông chủ, một *thím xẩm* lam lũ vì suốt đời tất bật, lấy một cái ghế xếp sắt lại, mời khách ngồi. Chú Sồi đơn đả:

- *A cái lầy thầy Ba xức mư dệ?* (A... thầy Ba ăn chi?).

- *Pháanh mì, thím xức xí quách... tổ tổ sủi.* (Hủ tít mì. Ăn thêm xương, nhiều nhiều nước...)

- *Hầy lá!* (Được rồi).

Luôn luôn chú Sồi trả lời với khách hàng dù đó không phải một câu hỏi, để khách không có cảm giác bị bỏ quên. (*Điều tốt này ta nên học*).

Chú Sồi vừa nấu hủ tít vừa lẩm nhẩm mấy câu hát hò gì đó nghe vui tai, trong khi thím Xôi dùng cây gõ bằng hai thanh tre lảng bóng vì đủ thứ ghét bản bám vào: mỡ heo, bột mì, xì dầu kể cả mồ hôi tay... có lẽ nhờ vậy mà tiếng gõ của hai thanh tre có giọng trầm bổng để gọi khách: *Cốc cốc cốc... cốc. Cốc cốc cốc... cụp*. Muốn có được tiếng *cụp* lạ thường đó, thím Xôi chỉ cần ém chặt bàn tay vào thanh tre dưới, muốn có giọng *cốc* thì chỉ cần mở ra cho thoáng.

- *Màaan phò, pháanh xức... thầy Ba lóóó...* (Vợ ơi! Hủ tít thầy Ba nè!)

Thế là thím Xôi nhanh nhẹn đến bụng tô hủ tít nóng hổi cho thầy Ba đang chảy nước miếng trông đợi tự nãy giờ.

- *Hầu lóó, thầy Ba!* (Ngon lắm thầy Ba!). Thím Xôi mời khách.

Thầy Ba đưa tay đón lấy tô hủ tít, rồi dùng tay này xăn tay áo tay kia, chế thêm một chút xì dầu, gấp thêm một ít lát ớt,

nặn vô một tí chanh, trộn trộn lên... rồi gấp một đũa khá lớn đưa vào miệng, bắt đầu nhai, nhai... Gương mặt thầy đỏ lên vì nước lèo nóng, vì ớt cay, vì vị giác được kích thích, vì hơi nước lèo bốc lên phả vào mặt... thầy hít hà một tiếng rồi lại tiếp tục thưởng thức... Chú Xôi theo dõi thầy ăn và hỏi:

- *Hầu lén thầy Ba?*

- *Hầu hầu, cho thêm miếng xí quách đi.*

- *Màaan phò, xí quách thêm cho thầy Ba ăn chơi li.*

Tiệm hủ tíu, xe hủ tíu, gánh hủ tíu của người Hoa từ xưa là như vậy, đến bây giờ vẫn còn trong ký ức của những người lớn tuổi, với ít nhiều tiếc nuối cái hương vị của một món ăn đã trở nên đặc thù của một số địa phương ở Việt Nam, đặc biệt là ở Mỹ Tho.

CÔ HÀNG MÍA

Ngày xưa khách bộ hành trên những con đường quanh co trong thôn xóm thường gặp những cô hàng mía. Đường xa, trời nắng, khách cảm thấy mệt mỏi và cơn khát nước hoành hành, bỗng chợt thấy bên vệ đường một chòi lá bán mía. Mà mía nổi tiếng nhất là mía thanh dụ Gò Cát vì thân mía có lông dài, nhiều nước, mềm dòn, vị ngọt mà thanh, mắt mía vẫn mềm hơn các loại mía khác.

Mía được bán dọc theo các con đường trong thôn quê, ngay cả trong thành phố Mỹ Tho dưới dạng róc vỏ, cắt thành đoạn thành khúc đều nhau với giá 1 xu 1 khúc. Hoặc khi róc xong mía được tiện ra từng đoạn ngắn cỡ 3 phân, bỏ mắt, dùng một thanh tre trên đầu chẻ ra thành 10 cọng để ghim các đoạn mía vào gọi là mía ghim.

Sau này có mía ép. Mía ép không dùng mía thanh diu mà dùng mía đường, nên mất cái chất thanh diu. Cơ sở ép mía có vẻ thủ công nghiệp bằng sắt thép, thiếu chất lãng mạn. Nước mía ép ra một ly, kê miệng vào uống một hơi như ngưi ầm, đánh mất cái văn hóa ầm thực. Bộ phận máy ép mía với cấu trúc phức tạp, đầy kín trong một cái thùng, không bao giờ chùi rửa, kém vệ sinh. Nhất là, người chủ bán nước mía ép phải là một thằng cha đực rựa lực lưỡng mới quay máy nổi, thì còn gì là cảnh thơ mộng... để nhớ lại ngày xưa ta vừa cắn mía, vừa nhai mía giòn tan, tiết ra chất nước mía thanh tao ngọt lịm, vừa quăng xác mía ra bốn phương trời, vừa ngắm nhìn cô hàng mía duyên dáng đang nhìn mình thì thi vị biết bao.

Nhân dịp viết về mía ghim, chắc rất nhiều người còn nhớ những em bán mía ghim tại cầu Tân An và cầu Bến Lức trước thập niên 1960. Lúc đó xe đồ đường Sài Gòn - Mỹ Tho thường phải dừng lại tại hai đầu cầu Tân An và Bến Lức chờ đèn xanh vì cầu chỉ có một làn đường duy nhất. Khi xe chưa kịp dừng bánh hẳn là bao nhiêu em bé, chỉ khoảng 10-15 tuổi, tiến đến bao vây xe để bán đồ ăn thức uống. Thời đó làm gì có nước ngọt, nước suối, nước khoáng vô chai sẵn, ướp lạnh để chào khách cho nên mía ghim là một loại giải khát bình dân rất được ưa chuộng cho những khách đi xe đồ bị nóng bức vì quá chật chội dưới cái nắng như thiêu như đốt của mùa hè miền Nam.

Nghĩ lại thật là người Việt chúng ta ngày xưa có những sáng tạo vô cùng thực dụng: một loại giải khát tinh khiết, đầy chất dinh dưỡng, vệ sinh, tiện lợi, tiết kiệm... mà ngày nay không có bất cứ loại giải khát nào sánh bằng.

Một chòi lá đơn sơ, đằng trước là một cái trần đề trên một cái ghé đầu, trên trần sắp ngay ngắn những đoạn mía, những khúc mía đều đặn, róc sẵn, màu vàng ánh, mọng nước như mời gọi. Phía trong một chút là một bó mía cao cỡ hai thước dựng dựa vào cột chòi. Một cái dao chuyên róc mía, cán dài lưỡi ngắn sáng ngời bén ngọt, cắm vào vách lá phía sau.

Nhưng đó chỉ là cái chòi bán mía mà tác giả kể tỉ mỉ vậy thôi, kể cả những khúc mía mọng nước mát rượi ngon lành mới thấy là đã muốn cắn rồi... nhưng tất cả những cái đó đâu bằng... cô hàng mía.

Thật vậy, khách có mệt mỏi vì lộ trình gió bụi, có khát nước vì cái nắng nung người, nhìn những khúc mía như mời gọi, khách có thể bị cám dỗ đấy, nhưng khi nhìn đến cô hàng mía thì đôi chân khách không tài nào cất bước nổi, mắt khách không thể rời xa. Khách dừng chân chằm chằm nhìn cô hàng mà không còn nghĩ đến những khúc mía thanh dịu mọng nước đang chờ đợi.

Cô hàng mía thanh dịu đặc sản Gò Cát, mía thanh dịu cũng đặc sản Gò Cát... cả hai cùng thon thả, mọng nước, mát lành, thơm tho, dịu ngọt, mời gọi... khách thì không nói được gì còn cô hàng mía thì đơn đả, liên thoắt, vui tươi, vồn vã:

-Ấn mía đi anh. Mía thanh dịu, ba em trồng ở trong Gò Cát đó. Mía Gò Cát ngon lắm anh ơi. Em cũng ở Gò Cát nè.

Cô hàng mía vừa nói vừa nhìn khách với đôi mắt bồ câu lấp lánh, đôi môi trái ầu uốn cong, thỉnh thoảng đưa tay vuốt mấy lọn tóc mây lòa xòa trên vàng trán lấm tấm mồ hôi, hoặc kéo lại cổ áo cho kín hơn vì quên hay không chịu cài khuy, trong khi gió tháng ba luôn phe phẩy tà áo túi quá ngắn... Khách ngẩn ngơ trước vẻ đẹp thôn dã của cô hàng mía, xiêu lòng với lời giới thiệu thâm tình.

Khách ngồi lại bên chòi trên chiếc ghế của cô hàng, tay cầm khúc mía thanh dịu đưa lên răng cắn một cái. Mía róc vỏ xong giòn tan, nước tươm ra miệng, mát lạnh, ngọt thanh... Xác mía được tung ra khắp nơi vì lúc bấy giờ không có vấn đề ô nhiễm môi trường, lại nữa xác mía thanh dịu Gò Cát rồi cũng sẽ biến thành phân cho cây mía thanh dịu Gò Cát để nuôi sống cô hàng mía Gò Cát. Rồi đây cô sẽ có chồng, một chàng trai Gò Cát của đất Mỹ Tho...

Cũng nên nói thêm một trò giải trí nơi các chòi bán mía. Đó là trò *xả mía thi*. Số vận động viên bao nhiêu cũng dự thi được. Mỗi vận động viên lựa chọn mua một khúc mía ngay thẳng tròn trịa, để dựng đứng trên mặt đất, dùng lưỡi dao róc mía giữ cho thân cây mía đứng, rồi đưa cao lưỡi dao nhanh nhẹn xả xuống. Người nào xả xuống dài nhất là thắng cuộc. Thắng thua không quan trọng nhưng cái vui là được trả tiền mía cho cô hàng mía xinh đẹp, duyên dáng, thơ ngây...

Ngày nay, những người tuổi đã về chiều có dịp trở về quê xưa đất cũ đều ngậm ngùi tiếc nhớ những hình ảnh thân thương nay không còn nữa. Đâu rồi quán trà Huế bên đường, đâu rồi dì Ba bán chuối chiên dưới dốc cầu chợ, đâu rồi chị Hai Lùn bán khoai mì chấm tương trước cổng trường làng, đâu rồi chú Tám Râu bán nước đá nhận trong dịp hát Đình và... đâu rồi cô hàng mía thanh dịu bên vệ đường vào Gò Cát... Tất cả đã qua, nhưng dường như không hề phai mờ trong nỗi nhớ nhung của con người.



CÀ LEM CỤC CỤC...LÂY

Lúc bấy giờ, trẻ con được ăn một ly đá nhận chế si rô là “đã” lắm rồi, nếu thêm một tí sữa bò “Con chim” là “hết xẩy”.

Thậm chí bỏ mấy cục đá vào miệng nhai nghe lộp cộp, ê răng thì hẳn nhiên, nhưng cũng đủ “khoái” rồi. Thế mà một hôm, bỗng nhiên ở các nẻo đường Mỹ Tho lại nghe tiếng rao hàng lạ lùng:

- *Cà lem cục..lây. Cà lem nước dồ, lừng cát lây... Cà lem xi dzô lá dzô ngon dzầu len lây... Cà lem cục cục... ngon dzầu len lây... ngon tàang cầu lây...*

Tiếng rao hàng lơ lơ của một người Hoa mà lúc bấy giờ thường gọi là người Tàu mà bất cứ ai cũng gọi là “chú”, “bà con bên nội” mà!

Tôi lớn tiếng gọi:

- *Cà lem!*

Chú bán cà lem cho ngừng chiếc xe dịch vụ lại bên đường. Thật ra là một cái thùng cây sơn xanh vụng về, trên đó có một cái nắp thiếc tròn.

- *Cái gì vậy?*

- *Cà lem, mới ra lò, cà lem cục, ngon dzầu len. Ăn cái dzii? Xi dzô, nước dồ hả?*

- *Nước dừa đi.*

Chú Teeng, sau tôi biết đó là chú Teeng, mở nắp ra thò tay lấy lên một ông thiếc hình vuông dài, trút ra một chất đặc màu trắng sữa, cắt ra một khúc, lấy hai cây tăm ghim lại đưa cho tôi rồi xòe tay:

- *Lòng xu.*

Tôi trả tiền, đưa cục cà rem vào cắn. Trời! lạnh quá. Nhưng chất đường, chất nước dừa hòa tan cùng với cái lạnh lạnh của nước đá, sao mà ngon dữ vậy. Nuốt tới đâu sướng tới đó. Chú Teeng nhìn tôi ăn có vẻ thích thú lắm:

- *Ngon hông?*

- *Ngon, bán cục nữa đi. Lá dừa nhen.*

- Ủa, lá dzó... ngon dzầu len.

Chú Teeng đẩy xe đi xa, tôi vẫn còn nghe:

- Cà lem cục cục lây... Ngoon dzầu len lây, ngoon tàng cầu lây...

BÁNH rrrré, BÁNH rrr CAY ĐÂY

Anh Bảy Chà bên Chợ Cũ gần chùa Chà, sáng hôm nay như mọi sáng, cắp một cái rổ con ra khỏi nhà nhắm về Cầu Quay đi qua chợ Mỹ (Mỹ Tho). Không biết tại sao hể gặp một người Ấn, một người Hời, thường gọi là Chà hay Chà Và (do hiểu nhầm địa lí mà lộn với Java chẳng) là mọi người đều gọi là anh Bảy, hay anh Bảy cà ri, còn gặp một người Hoa nào thì lại gọi là chú Ba do đó có biệt danh “Ba Tàu”. Nếu theo vai vế “bà con” của Việt Nam mình thì anh Bảy thấp hơn chú Ba.

Anh Bảy vui vẻ, bao giờ cũng vui vẻ vì nụ cười của anh sáng rỡ nhờ bộ răng trắng của anh (bạn còn nhớ hình anh Bảy nhả răng cười trong hộp kem đánh răng Hynos không?). Anh đi chân trần suốt năm tháng, mặc một cái chăn giống cái xà rông, cuộn lại phía trên rún, không biết có khi nào lở rớt xuống hay không. Anh đội một cái mũ như một cái hộp lon, phía trên có một sợi dây tiếp nối một bông tròn bằng vải màu cỡ trái mướp bỏ lòng thông.

Tôi xin ra ngoài đề một chút. Lúc bấy giờ tại Việt Nam nói chung, Mỹ Tho nói riêng, có hai sắc dân ngoại kiều, đông nhất là người Hoa, thứ đến người Ấn và người Hời, cũng còn được gọi chung là Chà Và. Mỗi dân tộc này đến Việt Nam đều có ý đồ... làm giàu, nên cả hai đều chuyên về kinh tế thương mại, về cách thức có phần khác hơn đôi chút nhưng chủ yếu là làm ra tiền. Và cả hai đều thành công.

Nhưng có điều người Chà lấy cần kiếm đến keo kiệt làm chính. Từ lúc còn nghèo đến giàu sụ, không hề thấy một anh Bảy nào đi xe kéo hay xích lô, lội bộ và lội bộ. Không hề thấy một anh Bảy nào đi vào tiệm nước uống cà phê hay vào quán ăn cơm. Không hề thấy một gia đình anh Bảy nào đãi tiệc đãi tùng... vân vân và vân vân... Ngạn ngữ Ấn có câu: *Không có gì dễ bằng làm giàu*. Câu này đủ minh chứng về những điều tôi nói trên.

Còn các chú Ba thì lúc nghèo cũng vất vả ra nước nhưng khi túi rủng rinh tiền rồi thì hoang phí không thua ai. Cái gen của Tần Thủy Hoàng mà!

Trở lại câu chuyện của chúng ta. Anh Bảy qua khỏi cầu Quay, tiến lên đường Bourdais bây giờ là Hùng Vương vì nơi đây là nơi anh có nhiều khách hàng trung thành, khu trường học.

Học trò chưa đến giờ vào trường đang tranh thủ mua bánh trái, cà rem, nước đá. Anh Bảy đến nơi khá sớm, chen vào đám học trò, tay nách cái rổ đựng các loại hàng đặc biệt của dân tộc anh, miệng rao;

- *Bánhrrrr cayrrrr, banhrrrr rrrrrế đây. Ngoon rrrrrlắm đâyrrrrrrrrđậurr rrrrrroònrrr.*

Có những bàn tay đưa tiền ra, hơi chen lấn một chút, anh Bảy vui vẻ nhăn răng cười:

- *Bánhrrrr cayrrrr cho cậurrrr nàyrrrr. Cậurrrr nàyrrrr bánh rrrrếrrr...*

Tôi cũng mua một cái bánh cay, đưa vào miệng cắn một cái bóp muốn gãy răng, bắt đầu nhai, chất ớt tiết ra - anh Bảy mà, ăn ớt nổi tiếng - cay xé miệng. Càng nhai càng cay nhưng bánh bắt đầu được nghiền nhỏ theo nước bọt tạo ra một hương vị lạ lùng, làm ấm ấm cần cổ, chất cay hòa lẫn chất béo làm cho nước bọt càng ra, khiến cho sự thèm ăn tăng lên, đến nỗi ăn hết bánh hồi nào không hay.

Thế đấy, anh Bảy ơi, nội cái bánh cay, bánh rế của anh đã chinh phục tôi rồi còn cái hà tiện cái keo kiệt của anh thì tôi xin chịu thua.

KEO KÉO

Giờ đi học chiều, tôi đi sớm một chút vì tôi có cái hợp đồng bắt thành văn với anh kẹo kéo. Tôi vừa quẹo qua cái cua đường Landes (bây giờ là Lê Đại Hành) để sang bên đại lộ Bourdais (bây giờ là Hùng Vương). Chúng tôi, anh kẹo kéo và tôi không bao giờ lỗi hẹn, nên tôi vừa bước chân lên lề lộ là y như rằng anh nhìn tôi và đưa tay mặt lên ngang tai chào tôi theo lễ nghi quân cách.

Tôi đáp lễ anh bằng một nụ cười kẻ cả, nhưng tay trong túi đã thủ sẵn một đồng xu. Tôi đến sát bên anh và nhìn thao tác của anh mà tôi đã thuộc lòng, giá mà sau này tôi bán kẹo kéo tôi cũng thành thạo như anh.

Anh đưa hai tay nhồi một khối kẹo dẻo nhẹ khá lớn, trên một cái mặt bàn cây, mà nếu khi đóng lại là cái nắp của cái thùng, đựng tất cả đồ tể nhuyển “nền công nghiệp” của anh. Anh nhồi đúng ba lần là tay mặt anh nắm một nhúm kẹo, kéo dài ra, và cây kẹo cũng theo tay anh dài ra (dường như bán cho tôi anh cố ý cho nó dài hơn lệ thường thì phải), tay trái với một động tác nhà nghề, tôi chỉ nghe tiếng “ cắc ” gãy gọn là cây kẹo kéo có chỉ vàng đỏ đã nằm gọn trong tay anh, có cả miếng giấy lót tay.

Tôi trao anh đồng xu, anh lấy xong tâng lên cao, chụp lấy gọn ghẽ, thả vào một cái lon tôi nghe tiếng “ kẹt’ . Tôi mừng cho anh. Tại sao ư? Chỉ có tôi và anh là để ý đến âm thanh này thôi. Vì nếu anh bán đắt, lon có nhiều xu, thì tiếng xu rơi vào sẽ kêu cái “ kẹt ” còn nếu khi rơi vào lon không có nhiều xu, lon rỗng, nghĩa là bán ế, thì sẽ nghe tiếng lon trống rỗng hơn. Thùng

rồng kêu to mà. Anh kẹo kéo và tôi hiểu điều này, nên trước khi đi tôi và anh nhìn nhau và hiểu nhau. Để hẹn lại ngày mai, anh đưa tay chào tôi theo kiểu nhà binh.

Anh kẹo kéo ơi! Anh bán kẹo kéo đến bao giờ? Cái lon của anh bây giờ kêu ra sao?

SƠN ĐÔNG MÃI VÕ

Đoàn Sơn Đông mãi võ với danh hiệu “Sơn Đông Lâm võ đường” từ Bạc Liêu đến chợ Mỹ Tho để mãi võ - kiếm, quyền - làm trò ảo thuật, nhổ răng và bán thuốc đủ loại cho đủ thứ bệnh như: thuốc dán, thuốc rượu, thuốc cao đơn huồn tán... Đoàn gồm một trưởng đoàn áng chừng vừa là sư phụ vừa là thân phụ cùng với hai nam và một nữ.

Một phiên chợ sáng ở Mỹ Tho, khi tiếng trống tiếng chập choã, tiếng phèng la vừa vang lên là một số đông người đã vây quanh đoàn mãi võ thành một vòng tròn. Đông nhất vẫn là trẻ con ngồi xếp bằng bẹp xuống mặt lộ trắng nhựa. Trong “sân khấu” lộ thiên và bất đắc dĩ này, phía tận cùng có 6 cái thùng cây khá to, chắc cũng nặng lắm, cùng với quang gánh, dây chạc. Có lẽ trong đó là thuốc men, đạo cụ, kim khí, võ phục... nghĩa là tất cả tài sản của họ.

Ai nấy nôn nóng chờ đoàn biểu diễn, trong khi đó ông trưởng đoàn, vận võ phục đen, thắt lưng đỏ bỏ thòng một bên, đi tới đi lui để đánh giá sự ái mộ của khách đến đâu để buổi diễn có thể bắt đầu. Những thành viên còn lại gồm hai thanh niên lực lưỡng cũng mặc võ phục nhưng màu xanh lam và một cô gái độ 16 - 17 võ phục đen, chít khăn nhiễu, thắt lưng xanh, giày vải màu gạch... nhưng cái đáng nói là cô rất đẹp, cái đẹp của người con gái mười bảy, cái đẹp kiếm khách giang hồ trong nếp võ phong, cái đẹp huyền ảo trong đôi mắt u huyền thăm thẳm...

Tả lô len... (đánh trống lên) viên trưởng đoàn vừa ra lệnh xong là trống, phèng la, chập chĩa... nổi lên từng chập... từng từng... xà, cắc cắc phèng... xà...

- *Thưa lòng bầu, thưa bà coon cô bác... hôm lay lòn chúng tôi tới đây, tức là bảo điếu mua dzui, sau nữa bán thuốc cao lon huồn tán... tả lô len...*

Tùng tùng... xà, phèng phèng... xà

- *Lễ mở lẩu cho màn diễn bữa lay, một cô gái sẽ múa bài “Mai hoa kiếm” cho bà coon cô bác xem chơi. Tả lô len...*

Vừa chấm dứt tiếng phèng la... là cô gái đã từ trong nhảy ra giữa sân nhanh nhẹn, duyên dáng ngẩng mặt nhìn thẳng phía trước, đôi mắt rạng ngời... với đôi song kiếm, vòng tay bái tổ. Một tràng pháo tay vang dội cho cô gái mãi mãi. Vụt một cái đôi kiếm được tung lên cao, ngọn kiếm rớt xuống đúng vào người cô gái, mọi người nín thở, nhưng trong chớp mắt chuôi kiếm đã nằm gọn trong tay cô gái. Một tràng pháo tay lại vang dội cùng với tiếng trống chiêng có lẽ làm nức lòng cô gái, nên dường như đường kiếm của cô càng linh động. Lúc tấn thì nhanh như chớp nhoáng, lúc thủ thì vững như thành đồng, phòng thủ bên hữu để chế ngự bên tả, trên dưới phân minh, trước sau vững chắc.

Cùng với tiếng trống chiêng chấm dứt, cô đã trong tư thế đứng tấn tuyệt vời, với hai ngọn kiếm vung cao. Khách xem mãn nhãn, reo hò vang dội. Cô gái cúi chào khán giả với nụ cười còn ngây thơ, bẽn lẽn...

Trưởng đoàn trở ra sân với ít nhiều hãnh diện:

- *Tả lô len... Bà coon vừa xem qua màn biểu diễn bữa lay của chúng tôi, còn nhiều cái hay hơn nữa... Tả lô len... Trong khi chờ đợi coi nữa, xin dzới thiệu bà coon... Tả lô len... chai thuốc rượu sơn lông của bốn lòng bầu chế. Hay tàng cầu... Tả lô len... Trắc tay trắc chân, bị lách bị thương, té cây lụng xe... trong uống ngoài tha... Hay lắm, hay dzữ lắm... Bà coon coi đây.*

Ông ta nói tới đây liền cầm khúc cây khá lớn đánh mạnh vào cườm tay một cái, đưa lên cho bà con coi, thấy đỏ au, ông ta lấy chày rượu thuốc đồ lên vết thương xoa xoa một chút, lấy tay chùi sạch đưa cườm tay... như thường. Mọi người vỗ tay.

-Bà coon thấy chưa, hay dzẫu len. Một chai hai cắc, hai chai ba cắc, mại dô, mại dô...

Nhiều bàn tay cầm tiền nhanh chóng đưa vô:

- Tôi một chai.

- Hai chai đi.

- Mại vô, lẹ chân thì coòn, chậm chân uống lăm mại vô. Tả lô len...

Ông ta xem mò hết người mua, nên đành phải đổi chiến thuật:

- Bà coon coi lấy một lực sĩ sinh tả, năm chịu hai tầng lá mấy trăm ký, chưa hết, tả lô len... chưa hết, coòn phải chịu một người nữa dzùng búa tạ lảnh bể tan hai tầng lá. Bà coon lừng có thêm sợ. Lược như vậy là nhờ uống cao hổ cốt của bản lường... Tả lô len...

Cứ như vậy, cứ một màn biểu diễn rồi một màn bán thuốc, cho đến khi mọi khán giả nhớ công ăn việc làm ra về hết, bỏ lại đoàn mãi võ Sơn Đông, bỏ lại đoàn người lưu lạc giang hồ. Không biết họ qua Việt Nam sống chết với cái nghiệp này là vì kinh tế hay nghệ thuật. Chỉ biết, sau những cuộc biểu diễn vất vả gian nan mà tiền bán thuốc không được bao nhiêu, cả đoàn ngồi buồn ngầu ngẩn nhìn về phương Bắc xa lắc xa lơ, còn nơi đây thì tương lai mờ mịt.

Riêng tôi, nghĩ đến cô gái múa song kiếm, lòng tôi xót xa, bồi hồi...

TÀO PHỌNG DZANG HỘT DZU'A ĐÂY

Cứ mỗi chiều gần chạng vạng, trời nắng hay trời mưa, trời lạnh hay trời nóng, năm này tháng nọ, từ trong nhà tôi ở gần chợ Mỹ Tho, tôi vẫn nghe lời rao trầm trầm, đều đều, không lên không xuống:

- *Tào phọng dzang hột dzura hột bí hôngggg...*

Câu rao này cách khoảng câu kia dường như rất đúng trường canh. Nếu có những lúc cách khoảng khá xa, là tôi đoán là có khách mua. Tiếng rao nhỏ dần vì người rao đi xa khỏi phố. Nhưng như một chu kỳ qui ước, nửa giờ sau là tiếng rao lại bắt đầu nhỏ rồi lớn dần nhưng theo chiều ngược lại của con đường về khuya. Như vậy, mỗi đêm tôi nghĩ có lẽ người bán hàng này, trở đi trở lại mỗi con đường ít lắm là năm lần, cho đến khuya lơ mới không còn tiếng rao nữa.

Chị tôi và tôi ngồi học bài đến tám, chín giờ, gục lên gục xuống, khi nghe tiếng rao chị tôi thúc cùi chỏ, hất mặt bảo tôi:

- *Tao hột bí con mày ăn cái gì thì ăn.*

- *Tiền?*

- *Tao bao.*

Tôi đông ra lộ đón người bán đậu phộng và hột bí.

- *A Phò, cho gói đậu, gói bí đi...*

Người nữ chủ nhân này, thím xằm này được mọi người trong thành phố gọi thân mật là A Phò, vui vẻ nhìn tôi cười. Tôi nói như vậy là tôi đoán thôi, chứ thật sự, tôi không biết người này cười hay mếu, Cuộc đời lam lũ phong sương đã biến đổi gương mặt của A Phò thành khó đoán được tuổi tác, và tình cảm biểu lộ.

- *A Phò về ngủ hả?*

- *Chời đất ơi, còn cả thùng lậy mà dzề cái dзі...*

- *Bán khá hông? Ngày lời bao nhiêu?*

- *Lâu có khá dzì lâu! Có ngày kiểm lược các mảy, có ngày hồng tới.*

- *Con đâu?*

- *Ló li làm mưón hết dzôi...*

Tôi trở vào nhà học bài, lấy gói đậu phộng ra ăn, nghe văng vẳng từ xa vọng lại, buồn buồn: *Tào phọng dzang, hột dzura, hột bí hônggggg...*

5. CHUYỆN QUÊ



CÂY CẦU DỪA

Ở miệt vườn mà không nói cây dừa là thiếu sót, mà nói cây dừa mà không nói cây cầu dừa là vô tình với xứ dừa. Vườn dừa được xẻ mương lấy nước đồng thời lấy phù sa để bồi gốc dừa, do đó trong vườn dừa xen kẽ một bờ đất là một mương rộng, nên việc đi lại phải có rất nhiều cầu bắc qua mương. Lẽ đương

nhiên là cầu này làm bằng những thân dừa. Đi cầu dừa phải quen nếu không nói là nghệ thuật vì mương rộng 2 - 3 m mà chỉ có 1 thân dừa tròn, vào mùa mưa lại thêm phần trơn trượt. Vì vậy các cây cầu dừa thường có những cây gượng hay cây chống để người qua cầu được an toàn.

Những người dân xứ dừa quá quen thuộc với những cây cầu này rồi nhưng còn những người thành thị, những cô cậu học trò những cô gái tiểu thư về thăm vườn dừa đành chịu đưa bàn tay của mình cho một cậu trai lạ hoắc dẫn qua nếu không muốn té mương. Và những “nắm tay qua cầu” này thường đưa đến những chuyện tình đầy ắp tính lãng mạn của tuổi mới lớn.

Cho nên tôi viết về cây cầu dừa không thể nào lột hết cái nên thơ, cái trữ tình của những môi “tình cầu dừa” bằng bản nhạc “Cây Cầu Dừa” của nhạc sĩ Hàn Châu, nên tôi xin phép tác giả cho tôi chép lại nơi đây để giới thiệu với độc giả nhạc phẩm này:

Đã lâu lắm rồi em về thăm lại chôn xưa
Đã lâu lắm rồi em về đi qua cầu dừa.
Cầu dừa trơn trượt lắm em ơi
ai mà không khéo té như chơi
môi son má hồng chân guốc cao gót
làm sao qua cầu dừa...
em ở phố thị quen rồi xe cộ đón đưa
em đã quên rồi quê mình có cây cầu dừa
cầu dừa anh chạy trước em sau
em cùng anh quần quýt bên nhau
cây me trước nhà cây khế sau ngõ
trèo leo cùng cười!!
thuở thiếu thời vui lắm ai ơi
em lâu rồi đã bỏ cuộc chơi
bỏ anh bơ vơ với cây cầu dừa
cây cầu dừa sớm nắng chiều mưa...
em bước theo chồng khoe áo hồng bao kẻ đón đưa
làm sao em nhớ đến cây cầu dừa

nhớ giàn bông bí con ong bầu sớm trưa!!!
bây giờ em về xa lạ cả người lẫn quê
bây giờ em về anh buồn với bao kỷ niệm
cầu dừa vẫn là lối đi chung
em giờ chân bước thấy mờ lung
cây me trước nhà cây khế sau ngõ
Nhìn em sao lạ lòng...

Đấy kỷ niệm xưa thuở thiếu thời vui lắm ai ơi, em lâu rồi đã bỏ cuộc chơi, bỏ anh bơ vơ với cây cầu dừa... thì tội nghiệp cho anh biết bao nhiêu.

Nếu bạn không dám đi cầu dừa mà bạn muốn qua mương chỉ còn một cách: nhảy mương. Nhảy mương âu cũng là một nếp văn hóa xứ vườn. “Văn hóa nhảy mương” mà!!!.



NHẢY MƯƠNG

Qua mương trong vườn dừa là một chuyện thường vì dân xứ dừa ngoài việc đi cầu dừa, còn qua mương bằng một cách dễ dàng hơn, gọn gàng hơn, nhanh chóng hơn, thực tiễn hơn và cũng nghệ thuật hơn đó là... nhảy mương. Nhảy mương, các bạn có nhảy mương chưa, rất thú vị. Vậy xin kể một chuyện nhảy mương khi tôi còn nhỏ lười 12 tuổi.

Một ngày nghỉ học, như mọi khi tôi đi săn bắt chim, giàn thun trong tay, con Mực lon ton chạy theo hộ tống tôi. Sau một buổi đi lòng vòng trong khu vườn dừa tìm chim để bắt, trời đã

trưa, người đã mệt, bụng đã đói mà chưa có một chú chim nào chịu đậu yên một chỗ cho mình bắn trúng. Con Mực cũng chán ngấy, lưỡi le dài, đuôi xụi lơ, trông mất cả nhuệ khí. Có lẽ vì nó không có cơ hội nào chạy đi ngoạm một con mồi về cho chủ, nên xem chừng cũng không còn hào hứng với cuộc đi săn bắn này.

Chỉ còn nhảy một cái mương nữa là tôi về đến nhà. Tôi đeo giàn thun vào cổ, lùi lại mấy bước lấy trớn sẵn sàng nhảy qua mương. A lê... hấp! Nhảy. Tôi chọn một chỗ nhảy qua gần một thân cây dừa ngả ra mương, để khi nhảy qua tôi có thể ôm vào cây dừa, dùng đó làm điểm tựa leo vào bờ. Ý đồ là như vậy, chiến thuật là như vậy nhưng trời không nung, “mưu sự tại nhân thành sự tại thiên” mà, nên khi tôi nhảy qua mương, đưa hai tay ôm thân cây dừa thì đúng vào chỗ đó có một ổ ong bần. Bầy ong bần đang êm ả với gia đình, bỗng nhiên bị bàn tay kẻ xấu phá đám nên lập tức túa ra bu vào đầu trọc, vào cổ trần vào mặt mũi của tôi tha hồ chích.

Tôi cắn răng chịu đựng nếu không sẽ rơi xuống mương. Hai tay tôi phải khó khăn lắm mới buông được cây dừa leo vào bờ, vừa chạy ra xa vừa ôm đầu, ôm cổ mà bầy ong vẫn không tha. Chúng bay đuổi theo tôi và ban cho tôi những mũi chích đau nhức buốt xương. Lâu lắm chúng mới hạ giận, bỏ tôi để trở về tổ với vợ con. Mặt mũi tôi sưng vù, đầu cổ tôi ê ẩm. Tôi nhìn quanh tìm con Mực để hỏi tại sao nó không “liều mình cứu chúa”, tôi lại thấy nó ngồi xồm nhìn tôi xem bộ vui vẻ hả hê lắm.

Tôi lão đảo ra về đi ngang con Mực, tôi đưa chân đá nó một cái cho bõ ghét. Sau kỳ tích này, tôi thề không đi bắn chim mà cũng không dám nhảy mương nữa, nếu cần tôi kiếm một cây cầu dừa cho chắc ăn.



NẤM MỐI

Vườn dừa có những cái mà các nơi khác không có. Đó là nấm mối. Tại sao? Vì nấm mối là một loại nấm phát triển do meo của một hỗn hợp từ cây mục đặc biệt phải là cây, lá và rễ của cây dừa và phải là nơi đất cao ráo để có một loài mối làm tổ. Đàn mối này tiết ra một chất dịch hòa quyện với môi trường đất, phân mục của cây dừa để vào giai đoạn “trời sa mưa giông”, vào tháng 4 tháng 5 hàng năm, đất ẩm do nước mưa đầu mùa cùng với nhiệt độ môi trường tăng, tạo ra một chất meo thành nấm và đó là nấm mối.

Nếu chỉ có vậy thì nấm mối có gì khác hơn nấm rơm, nấm mèo... đâu mà nói. Không đâu thưa các bạn, sản phẩm “made in vườn dừa”, thì luôn luôn... có chuyện và là chuyện ly kỳ... cục. Chủ vườn dừa nào cũng vậy khi “trời sa mưa giông” biết là mùa nấm mối đến, sáng dậy thật sớm nom nớp ra bờ dừa đi từ bờ này qua bờ kia, mắt dáo dác nhìn vào các mô đất hoi hóp kiếm, tìm... nấm mối. Không có hay đúng ra là không thấy, trở vào nhà uống trà hút thuốc rồi lại trở ra... mắt lại dáo dác nhìn vào các mô đất hoi hóp kiếm, tìm... nấm mối. Cũng không có hay không thấy.

Việc này không phải một lần, hai lần mà không biết mấy lần trong ngày. Sự nhẩn nại lặp đi lặp lại động thái... lằm cằm này không phải là không lý do. Bởi vì có gấp gì đâu, nấm mối mọc và phát triển nhanh lắm, đồng ý nhưng ít ra cũng phải 24 tiếng nó

mới phát triển để có thể nhỏ được – xin nhớ nhỏ nắm mỗi mới đúng - mà nó mọc trong vườn của mình, sáng này kiếm không có thì sáng hôm sau, ai giành giật đâu mà... lính quynh vậy. Nhưng không, có nhiều lý do khiến cho ông chủ vườn nhà ta lo lắng, bồn chồn...

Lý do thứ nhất là nắm mỗi mọc và phát triển rất nhanh nhưng điều này cũng không là nỗi lo lớn mà chính là vì nắm mỗi... có ma. Chẳng hạn ngay khi ông chủ vườn mỗi sáng năm lần bảy lượt ra tìm kiếm mà không thấy. Thế mà ngay khi ông vừa đi qua khỏi một người khác lại phát hiện ra, thế là “họ”, họ là ai, đoạn sau các bạn sẽ biết, lại khám phá ra và lấy ngay một vật gì đó như một cục đất, một khúc cây, một tàu lá chuối... đánh dấu xí phần. Thế là đủ cho một sự thừa nhận một cách mặc nhiên quyền sở hữu, dù cho nắm mỗi mọc trong vườn mình. Ôi! Một hành động có tính dân chủ... tuyệt vời, một truyền thống “văn hóa nắm mỗi” đáng trân trọng.

Những người tìm nắm mỗi đi ngang ỏ nắm mà không thấy nhưng lạ thay người đi sau lại thấy. Cho nên người ta cho là do nặng bóng vía hay nhẹ bóng vía. Cái vụ này chắc phải hỏi lại mấy ông thầy “nhạy cảm”.

Còn một chuyện nữa. Các bạn không biết đâu, vườn của bạn đó, nắm mỗi mọc trong vườn của bạn đó, nhiều khi sát bên vách nhà bạn nữa. Vườn lại có rào. Nhà lại có chó. Chủ vườn lại có hèo gậy. Nhưng tất cả điều này không đủ “biện chứng” là nắm mỗi đó là thuộc quyền sở hữu của bạn đâu. Một cái luật bất thành văn - đã bất thành văn thì bất thành... xử - nên ngoài bạn là chủ... sản phẩm trời cho này thì ai cũng có quyền đó cả từ thằng cha lỏi xóm tối ngày đi đá gà cho đến con mẹ Hai bán bánh tét, cả một bầy con nít như thằng Đực móm, thằng Nghĩa ù học trò “ngoan” đang hoàng, con Đẹt lé, thậm chí có cả con Hương con ông chủ lò bánh tráng giàu có ra phết... mà cũng lăm le vào vườn bạn... nhỏ nắm. Bạn cự nự chứ gì? Không đâu bạn ơi, cái lệ này, cái lệ coi nắm mỗi là của trời cho thì ai gặp trước là hưởng và như nói

trên... điều oái oăm này đã là luật bất thành văn từ đời... Tây ăn trâu rồi.

Có điều chủ vườn phải nhin mà trong bụng cứ ầm ách mãi. Cho nên ta thấy ông chủ vườn và cả nhà ông từ vợ ông, con ông đến cháu ông... khi mùa nấm mỗi đến, đều phải “tranh thủ” ra vườn mình tìm ra ổ nấm mỗi xí phần trước sản phẩm ngay trong chính ngôi vườn ông bà mình để lại.

Cũng nên nói thêm là nấm mỗi rất... ngon, ngọt nước, nhất là chỉ ở vườn dừa mới có mà thôi, mà không phải mùa nào cũng có đâu, mà chỉ có trong vòng 1, 2 tháng trong năm thôi. Của trời cho mà. Nấm mỗi làm món gì cũng ngon: xào với lá cách, xào với thịt, thịt nào cũng được kể cả ếch, nhái cùng với xả ớt, đồ bánh xèo, cuốn lá cách nướng, kho tương nếu nghèo, nấu lẩu Thái nếu có tiền.

Thêm một chuyện nữa nấm mỗi là món ăn chay đạm bạc mà các vị tu hành nầu sòng thích lắm. Giá một ký nấm mỗi tươi mắc gấp 3 lần giá một ký thịt heo. Còn nấm mỗi khô để dành ăn quanh năm thì giá gấp bội, người ta chỉ dám mua để cúng... chùa thôi.

Tuy nói là nói vậy chớ bên Âu châu việc vào rừng tranh giành nhổ nấm cũng giống như ở cái đất vườn dừa của ta giành nhổ nấm mỗi thôi.



SOI NHÁI

Lập vườn thì phải khai mương. Làm trai hai vợ... Câu thứ hai không liên quan gì đến bài viết này nên tác giả bỏ đi. Đúng vậy, lập vườn thì phải khai mương nhất là vườn dừa vì dừa cần rất nhiều nước để phát triển. Cho nên cứ mỗi bờ vườn là một cái mương. Những con nước rong từ sông cái đổ vào mương chẳng những đem nước vào mà còn đem cả phù sa vào mương. Hằng năm nhà vườn hốt mương tức là hốt phù sa đọng lại trong mương bồi lên bờ, lên gốc dừa.

Vào đêm, khi những con nước rong lên mấp mé các bờ mương cũng là lúc lũ nhái trèo lên bờ ngồi rình mồi, từ những côn trùng trên bờ lẫn những con cá con, cá lửng cùnh lửng lơ trên mặt nước. Vô tình lũ nhái này lại là đối tượng của những cuộc... soi nhái của dân vườn.

Soi nhái vào đêm, ngày xưa làm gì có đèn pin, đèn khí đá... chỉ có đuốc để soi đường. Đuốc tức là cây rọi của dân vườn. Vật liệu làm đuốc lẽ tất nhiên là lá dừa khô. Chỉ cần chặt khúc đuôi của một tàu dừa khô thêm vào một ít lá nữa ốp lại thành một bó tròn cỡ cườm chân dài từ 1 đến 2 m để mỗi khi cần đi đêm, chỉ ra nhà sau - hay là nhà dưới - rút một cây đuốc đốt lên, thế là có một cây rọi tiện lợi rẻ tiền, kể cả việc dùng nó để xua đuổi mấy con chó chạy theo sủa... phá đám,

Một người đi đêm, đường xa lỡ hết đuốc có thể vào bất kỳ nhà ai bên đường xin một cây đuốc để tiếp tục cuộc dạ hành. Nhà ai cũng có dự trữ đuốc và sẵn sàng cho mọi sự giúp đỡ như vậy. Dân Rạch Miễu hào hiệp mà! Vậy đi soi hay săn nhái về đêm cũng chỉ cần đuốc.

Trong các cuộc săn bắt chỉ có săn nhái là có tính nghệ thuật cao, mắt đôi mắt, tay không với chân không, nhanh thì thắng chậm thì chết... một cách quân tử hảo hán như vậy. Còn những cách săn bắt khác thì lại dùng những phương tiện không mấy... anh hùng mã thượng chút nào. Chẳng hạn săn bắn chim thì người ta dùng ná thun, cung tên, ná lải, rồi súng ống, súng 1 nòng, 2 nòng, đạn viên, đạn chàì... Săn bắn muông thú thì lại dùng thêm bẫy, rập cả dùng súng lớn súng nhỏ, ống ngắm... núp núp rình rình bắn lén. Còn việc câu hay săn bắt cá cũng vậy, nào là lưới câu ngạnh thép, nào là mồi thơm dụ cá, còn có cả chàì lưới, đăng, đó... lẫn chất nổ. Toàn là phương tiện bắn thiêu. Chỉ có soi nhái là không lừa đảo, không gian trá ai nhanh tay thì thắng. Do đó tôi là thành viên của hội soi nhái không tên trong làng tôi.

Hôm đó, 17 âm lịch, nước ròng, đêm về, tôi nháy mắt cho thằng em tôi, nó hiểu ý ngay nên nó chạy ra nhà sau rút 3 cây đuốc, tiện tay lấy cái đục đeo vào vai. Chúng tôi đốt 1 cây đuốc, còn 2 cây thằng em tôi cặp vào nách thế là chúng tôi băng vào đêm tối đi... soi nhái. Con Phèn ngẩng ngẩng đòi theo, thằng em tôi đá nó một cái, nó mà đi theo chỉ có cái làm loạn cả lên mấy con nhái nhảy tuốt xuống mương hết.

Tôi đi trước mắt lom lom nhìn mé mương lé đế nước, thằng em tôi đi sau giơ cao ngọn đuốc soi đường. Trăng 17 chưa lên đến ngọn dừa, ánh trăng hạ huyền xuyên kẽ lá chập chờn nhảy múa theo bước chân chúng tôi. Thình thoảng tiếng tôm tích búng “tóc” một tiếng khô khan nhưng quen thuộc. Những con cá thòi lòi nường theo mực nước leo lên bờ kiếm mồi, giương đôi mắt như hột cườm đỏ, vô tư nhìn chúng tôi. Một vài con cá trắng nhớn nhớn dưới mương, giựt mình vội chao mình lặn xuống nước

mất tăm khi nghe tiếng chân người. Những con đom đóm lạc loài chập chờn ánh lân tinh, bay lượn như trình bày một màn dạ vũ lẻ loi...

Tôi chợt đứng lại giơ tay ra dấu cho thằng em tôi đứng lại. Nó khẽ giơ ngón đũa lên cao. Một con nhái xuất hiện, nó hoàn toàn chóa mắt vì ánh đũa, đang ngồi chồm hồm trên một mô đất, rình rập... Như con hổ gặp mồi, tôi nhanh nhẹn chuôi xuống, tay trái vừa chống đất tay phải đã nắm gọn một chú nhái bự xộp, nó không kịp kêu một tiếng. Tôi thả con mồi đầu tiên vào cái đọt với ít nhiều kiêu hãnh. Tôi vừa tả cảnh chụp nhái của tôi như con hổ vồ mồi hơi cường điệu một chút, chớ thật sự khi đứng lên, đầu gối trái của tôi bị một vết suốt rớm máu mà tôi cắn răng không nói ra sợ thằng em tôi nó hổ vì nó vừa nịnh tôi một câu “*Trời! anh Hai số dzách*”.

Đi hết một, bờ tôi chụp được 5, 7 chú nhái nhưng cũng để sảy hết mấy chú. Tiếp tục cuộc soi nhái gần hết khu vườn, đọt đưng con mồi cũng khá nặng, cây đũa cuối cùng cũng gần tàn, chúng tôi định quay trở về để làm một nồi cháo nhái. Trên đường quay về chúng tôi tìm một con đường khác hy vọng tìm thêm được vài con nữa.

“Muốn là được”, câu cách ngôn tôi học của mấy ông Tây thực dân cũng hay. Đúng vậy vì trước mắt tôi là một chú nhái to bằng nắm tay đang chăm chú nhìn vào một con trùng vì nước ngập nên ngoi lên bờ trên bờ. Lợi dụng chỗ con nhái đang rình mồi, đây là dịp tốt nhất nên tôi nghĩ là việc bắt chú nhái này sẽ chắc mẩm nên không đắn đo, không nhìn trước nhìn sau... nhào xuống... a lê... chụp.

Tôi bỗng nghe thằng em tôi la “oái” thì tôi vừa chụp không phải con nhái mà... cái đuôi con rắn. Tôi cũng la “oái” nhưng tiếng oái của tôi còn lớn hơn của thằng em tôi. Cái đuôi con rắn lạnh ngắt nhưng trơn lùì vượt khỏi tay tôi và xương sống của tôi cũng lạnh ngắt.

Thì ra như trong thơ ngụ ngôn của La Fontaine, một sự rình rập tương quan lẫn nhau giữa ba đối tượng chỉ muốn sát hại nhau. Số là con nhái đang rình con trùng, tôi đang rình con nhái... rồi một con rắn - may là rắn nước - lại rình con nhái. Thế là cùng một lúc tôi và con rắn tấn công con nhái nhưng... may quá tôi chậm hơn con rắn nên chụp vào đuôi nó nếu tôi nhanh như nó chắc là tôi chụp ngay đầu nó rồi.

Bữa cháo nhái đêm đó, tôi ăn không thấy ngon và từ đó về sau tôi giã từ cuộc đi soi nhái. Ngồi đây viết lại kỷ niệm này tôi còn có cái cảm giác lạnh lạnh rợn người khi nhớ lại lúc tay tôi nắm vào đuôi rắn trong cuộc đi soi nhái cuối cùng của tôi.

6. KHỎI LỬA CHIẾN TRANH



Mỹ Tho xưa, cũng như ngày nay, là một vị trí quan trọng về địa lý, hành chánh, chính trị tất nhiên là giữ một vai trò chiến lược trong mọi lĩnh vực của Nam bộ. Trong quá trình hình thành, mở mang, khai thác, phát triển, bảo vệ... lãnh thổ Mỹ Tho đã trải qua những sự kiện lịch sử vô cùng quan trọng.

TRẬN CHIẾN RẠCH GẦM-XOÀI MÚT

Vào thập niên 1770 chúa Nguyễn Ánh gần như hoàn toàn thất bại trong cuộc chiến với quân Tây Sơn tại miền Nam nên phải sang cầu cứu với vua Xiêm. Vua Xiêm sai cháu là Chaofa Kromluang Thepharirak chỉ huy một đội chiến thuyền và 5.000 quân, tiến vào các cửa sông Mê-kông chiếm lĩnh thượng nguồn và sẽ chiếm đánh Mỹ Tho lấy đà tiến chiếm lại Sài Gòn cho chúa Nguyễn. Một toán quân đường bộ do Phraya Wichinarong chỉ huy được lệnh tiến theo đường Cam Bốt, nơi đây còn mộ thêm quân Cao Miên cùng hợp tác tạo thành một khí thế hùng mạnh hùng hổ phô trương thanh thế.

Nguyễn Huệ đang ở Qui Nhơn được lệnh vào Nam chặn đánh quân Xiêm. Với chiến thuật thần tốc, ông đã nhanh chóng chuyển quân đồng thời tuyên quân trên đường ra mặt trận và hẹn một trận sông mái với quân Xiêm vốn hùng hậu gấp bội tại vùng đất Mỹ Tho. Và đại bản doanh của quân Tây Sơn là vùng Mỹ Chánh, tiền thân của Mỹ Tho và chiến trận lịch sử đã diễn ra trên sông Mỹ Tho, trên sông Tiền đoạn Cái Bè - Mỹ Tho từ Trà Lọt, Ba Rài, Ba Dừa, Mù U, Rau Răm và sau cùng là Rạch Gầm và Rạch Xoài Mút là trận chính, là ổ phục kích tiêu diệt quân Xiêm.

Đêm 18 tháng 1 năm 1785 tức là ngày mùng 8 tháng Chạp năm Giáp Thìn, nhân con nước thuận chiều, cả hai đạo thủy bộ quân Xiêm đồng loạt mở cuộc tấn công xuống hướng Mỹ Tho. Trong trận quyết chiến này nhà quân sự đại tài đã lợi dụng địa hình, địa thế vận dụng nghi binh một cách linh hoạt lấy yếu đánh mạnh, vận dụng mưu lược khi ẩn khi hiện lấy du kích chiến làm chiến thuật, cho thuyền con áp sát tàu địch lấy hỏa công tiêu diệt địch. Ông đã điều hợp nhịp nhàng quân thủy bộ để cùng tấn công, đánh đối phương trên cả bốn mặt, nhưng chủ yếu là dồn địch vào ngõ chết. Đó là khoảng cách ngắn ngủi giữa hai con sông con: Rạch Gầm và Xoài Mút.

Ngày hôm sau, rạng sáng ngày 19 tháng 1 năm 1785, đoàn thuyền chiến của địch lọt vào trận mai phục của quân Tây Sơn ở giữa Rạch Gầm-Xoài Mút đúng như dự đoán. Mở đầu trận đánh, hai đội thủy binh Tây Sơn từ Rạch Gầm, Xoài Mút bất ngờ lao ra, chặn đánh hai đầu, dồn quân địch vào vòng vây đã bố trí sẵn. Trận chiến quyết định đã xảy ra. Hai bên bờ sông đại pháo của Tây Sơn nổ giòn giã khiến cho thuyền giặc loay hoay mất thế trận. Từ hai con rạch, Rạch Gầm và Xoài Mút, hàng ngàn xuống con cùng một lúc xung phong áp sát dùng hỏa công đốt thuyền giặc vốn to lớn khó bề day trở, lại nữa thủy triều đang xuống, thuyền giặc lại vướng cọc gỗ. Đồng thời trên bộ, quân Tây Sơn lại dùng cung tên đại pháo tấn công nã đạn vào thuyền giặc.

Trời vừa rạng sáng thì chiến cuộc cũng vừa dứt. Kết quả là 300 chiến thuyền và 2 vạn thủy binh của Xiêm cùng một số quân của chúa Nguyễn, không đầy một ngày, đã bị quân Tây Sơn phá tan. Hai tướng Chiêu Tăng, Chiêu Sương chạy trốn về Sa Đéc, bị truy kích, lại hồi hã cùng Sa Uyển dẫn vài nghìn tàn quân chạy bộ sang Chân Lạp rồi về Xiêm. *(Chú thích: Số liệu về quân số quân lực của quân Xiêm theo bài viết từng người có sự chênh lệch khá cao không được kiểm chứng.)*

NGƯỜI PHÁP ĐÁNH CHIẾM MỸ THO

Trong bước đường thôn tính Việt Nam vào giữa thế kỷ XIX, quân đội viễn chinh Pháp đã phải gánh nhiều tổn thất quan trọng về nhân mạng. Trong đó trận đánh chiếm Mỹ Tho là một trong những tổn thất lớn.

Sau khi phá được đồn Chí Hòa ngày 25 tháng 2 năm 1861, quân đội Pháp đặt dưới quyền chỉ huy của thủy sư đề đốc Charner và tư lệnh hành quân là Trung tá Hải quân Bourdais tiến đánh Định Tường mà mục tiêu chính là Mỹ Tho vì đây là tỉnh giàu có, là vựa lúa và là thị trường quan trọng của Nam kỳ đồng thời cũng là con đường để Pháp tiến chiếm 3 tỉnh miền Tây kể cả Cần-bốt.

Ngày 26 tháng 3 năm 1861, Trung tá Hải quân Bourdais, từ 15 ngày nay đã đóng chốt tại cửa kinh Tràm, tức kinh Bảo Định, đổ ra sông Vàm Cỏ Tây thuộc Tân An, nhận được lệnh khởi sự hành quân, với chỉ thị của Đề đốc Charner là: *Không được phép quên mục tiêu tối hậu của ta là chiếm Mỹ Tho.*

Trong những ngày đầu quân Pháp vừa phá đập phòng thủ vừa công đồn. Thế giặc mạnh nên lần lượt đến ngày 1 tháng 4, quân Pháp phá được 2 đồn của quân Việt. Ngày 4 tháng 4 quân Pháp được tăng viện từ Sài Gòn và Thủ Dầu Một. Giờ đây quân Pháp đã tiến sâu vào nội địa Mỹ Tho tức là vượt quá con Kinh

Trạm từ vàm sông Vàm Cỏ Tây để đến đoạn rạch Vũng Gò cũng là Kinh Trạm tức là kinh Bảo Định. Hay nói cho đúng là quân Pháp đã đến vùng Phú Kiết và Bến Tranh chỉ cách Mỹ Tho 7, 8 km.

Nơi đây quân Pháp phải đình quân vì một là quân Pháp phải vất vả phá các công sự hàn lấp con Kinh Trạm với nhiều đoạn, hai là một số quân Pháp vì không hợp với khí hậu và nhất là bệnh thời khí đã thành dịch trong đội ngũ quân Pháp.

Ngày 9 tháng 4, quân Pháp tấn công hai mặt một đồn phòng thủ của quân Việt Nam. Mặt sau do dân công theo Pháp mang vài khẩu đại pháo bọc hậu, trong khi đó hạm đội tấn công vào mặt trước. Đồn bị hạ, hậu quân Pháp cho tàu tiến lên đánh chiếm đồn phòng thủ kế tiếp của nghĩa quân, nhưng vì thiếu trinh sát nên sau một khúc quanh như “cúi chó”, quân Pháp bất thành lĩnh lộ diện đối mặt với đồn nghĩa quân không đầy 400 m. Pháo hạm do Bourdais chỉ huy bắn vào đồn, liền bị bắn trả lại. Nghĩa quân đã bắn trúng tàu, làm bị thương một lính Pháp và nhất là giết chết viên chỉ huy Trung tá Bourdais vào chiều ngày 10 tháng 4. Tức thì các chiến hạm khác của Pháp cùng đồng loạt phản công và phá tan đồn nghĩa quân, khiến quân Việt phải tháo lui. Kể từ lúc này suốt con kinh Trạm đã bị Pháp chiếm lĩnh.

Trung tá Hải quân Desvaux nhận quyền điều khiển các pháo hạm thay cho Bourdais, nhanh chóng chiếm đồn thứ 6 gần Trung Lương. Ngày 10 tháng 4, cả đạo quân viễn chinh đã đến gần sát thành Mỹ Tho. Ngày hôm sau viên chỉ huy mới là Trung tá Desvaux đình quân vì bận với công việc lễ tưởng niệm Bourdais, nên cả đoàn quân của Desvaux đánh mất công đầu, bởi vì thành Mỹ Tho đã bị Chuẩn Đề đốc Page từ Sài Gòn theo đường biển vào chiếm trước.

Số là Tư lệnh quân đội Pháp thấy đạo quân đánh chiếm Mỹ Tho qua Tân An theo Kinh Trạm gặp quá nhiều khó khăn nên cử Chuẩn Đề đốc Hải quân Page theo đường biển vào sông Cửa Tiểu chỉ viện cho Bourdais. Xét về mặt phòng thủ trên biển và

trên sông của quân Việt so với lực lượng hải hạm Pháp quá chênh lệch thì việc đạo quân Pháp này chiếm thành Mỹ Tho mà không phải tốn thất gì không có gì là khó hiểu.

NHỮNG CHUYỆN GHI THÊM.

Trung tá Hải quân Bourdais chỉ huy trận đánh vào Mỹ Tho đã bị nghĩa quân giết tại đâu? Trong sử ghi là tại xã Phú Kiết hay đơn giản trên Kinh Trạm (Kinh Bảo Định gần Mỹ Tho). Nhưng chắc chắn là Bourdais bị giết tại một địa điểm quá gần Mỹ Tho chỉ 3 km. Nơi đây tên địa danh là Hốc Đùn thuộc xã Đạo Thạnh nay vẫn còn tên gọi, thuộc Thành phố Mỹ Tho. Hốc Đùn là một đoạn sông, rạch hay kinh mà hai dòng nước hai đầu giao nhau thường là nơi những khúc quanh co. Dòng nước đưa phù sa gặp nhau, không trôi được bồi lên nhau, đùn lại khiến cho lòng sông lòng rạch lòng kinh cạn lại gây trở ngại cho thuyền ghe đi lại. Chính tàu của Bourdais mắc cạn nơi đây và bị nghĩa quân giết. Hốc Đùn có ở nhiều nơi nhưng Hốc Đùn này vẫn còn và nay là Ấp 5 của xã Đạo Thạnh thuộc Thành phố Mỹ Tho bây giờ. Người dân trong vùng vẫn còn quen gọi Hốc Đùn. *(Chi tiết này tác giả đọc trong Nguyệt san Indochine do Phủ Toàn quyền Đông Dương phát hành vào những năm trước 1945),*

Bourdais tử trận được chôn cất trước dinh Tỉnh trưởng Mỹ Tho và sau đó được dời về Đất Thánh Tây thành phố Mỹ Tho. Nhưng chỉ là cái mộ tượng trưng vì thi hài được chuyển về Pháp. Để ghi ơn, người Pháp lấy tên Bourdais đặt cho một đại lộ của Mỹ Tho đó là Đại lộ Bourdais bây giờ là đường Hùng Vương.

Trung tá Hải quân Desvaux, người thay thế Bourdais sau đó cũng được người Pháp vinh danh đặt tên cho một con đường lớn ở Mỹ Tho. Đó là đường Desvaux ngày nay là đường Thủ Khoa Huân.

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ II

Chiến tranh thế giới thứ hai mà mặt trận Thái Bình Dương ảnh hưởng khá nặng nề trên đất nước Việt Nam trong đó có Mỹ Tho. Sau trận Trân Châu Cảng, Á châu bị lôi cuốn vào trận chiến giữa Đồng Minh chủ yếu là Hoa kỳ và Nhật Bản. Từ năm 1939 với chiêu bài Vùng Thịnh Vượng Chung Đông Nam Á, người Nhật mượn danh nghĩa giải phóng thuộc địa đã xâm chiếm gần trọn vùng Bắc Á và Đông Nam Á trong đó có Việt Nam, ngoại trừ Xiêm (Thái Lan).

Người Nhật đã có mặt ở Mỹ Tho từ những năm 1941, 1942... trong sự bắt lức hoàn toàn của chính quyền thực dân người Pháp. Có hai lý do, một là vì đoàn quân viễn chinh của Nhật quá mạnh hai là vì mẫu quốc Pháp đã bị Đức Quốc xã thống trị mà Đức và Nhật trong Thế chiến thứ II là trong phe Trục với nhau.

Nước Việt Nam lúc bấy giờ cũng như Lào và Căm-bốt ở trong cái thế một cổ hai tròng. Chính quyền Pháp còn nắm quyền hành chánh nhưng quyền binh thì trong tay người Nhật. Mãi đến khi Hoa kỳ nắm lại thế thượng phong ngoài Thái Bình Dương vào những năm 1944, 1945... thì bóng dáng chiến tranh mới vào lãnh thổ Việt Nam ngay cả trong vùng sâu như Sài Gòn, Mỹ Tho, Cần Thơ... cũng như các tỉnh vùng ven biển ngoài Trung ngoài Bắc.

Ở Mỹ Tho, quân đội Nhật khá đông. Họ có cả lục quân và thủy quân. Về thủy quân họ có những chiếc giang hạm nhỏ đóng bằng cây có cả đại liên và súng phòng không. Những chiếc hạm sông này thả neo rải rác trên sông Tiền từ Mỹ Tho lên đến tận Cái Bè mà cũng là mục tiêu đánh phá của máy bay Hoa Kỳ.

Như đã nói, vào những năm 1943, 1944, 1945... hải quân Hoa kỳ đã phản công thắng lợi trên Thái Bình Dương nên thường đưa những đoàn phi cơ xung kích xuất phát từ Phi luật Tân và từ các hàng không mẫu hạm ngoài Thái Bình Dương vào tận đất liền

Việt Nam để đánh phá các căn cứ quân sự của Nhật. Sài Gòn là mục tiêu chính chịu đựng những trận bom đường như hằng ngày.

Mỹ Tho trong thời gian này cũng vậy. Những chiếc chiến đấu cơ Skyraider của hải quân Hoa Kỳ từ Biển Đông vào Cửa Tiểu, Gò Công bay rất thấp để tránh các đài kiểm soát và khi đến Mỹ Tho cất cánh lên cao đánh các tàu của Nhật đậu rải rác trên sông Mỹ Tho đến Mù U, Rau Răm. Thủy quân Nhật cũng can đảm bắn trả nhưng hầu hết giang hạm của Nhật đều bị đánh chìm. Xác tàu Nhật chìm mãi đến ngày Việt Nam tái lập hòa bình mới được trục vớt.

NHẬT ĐẢO CHÁNH PHÁP

Viện có quân Anh Pháp có thể đổ bộ lên Việt Nam, Nhật yêu cầu Pháp giao hết quyền chỉ huy quân đội của Pháp cho Nhật. Có sự giằng co giữa người Nhật và Toàn quyền Đông Dương Decoux, nên đúng 16 giờ ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật tổ chức đảo chánh cướp chính quyền từ tay người Pháp trong toàn cõi Đông Dương.

Mỹ Tho cũng cùng chung số phận. Chỉ trong một đêm từ chiều ngày 9 đến sáng ngày 10 tháng 3, việc thay chủ đổi ngôi cơ bản đã hoàn thành. Tất cả công sở, kể cả đồn lính, doanh trại của quân đội Pháp đã bị Nhật chiếm giữ. Các công chức cao cấp, sĩ quan Pháp kể cả những người Việt Nam có chức vụ cao và thân Pháp đều bị quân Nhật bắt và quản thúc trong thành lính của Pháp.

Nhưng ở Mỹ Tho người Pháp vẫn còn một chướng ngại vật lớn đối với người Nhật, họ bất lực không đủ khả năng đối phó. Đó là một chiến hạm, một thông báo hạm (aviso) Amiral Charner. Chiến hạm này đã từng tham gia các trận đánh giữa đại

duyệt và cả trận đánh giữa quân Pháp Đông Dương và Xiêm (Thái Lan) vào năm 1941.

Lúc bấy giờ chiến cuộc ở Thái Bình Dương đã nghiêng về phía Đồng Minh, tức là Hoa Kỳ nên Hoa Kỳ thường cho các phi đội vào đánh phá các lực lượng quân sự Nhật đóng tại Việt Nam kể cả của Pháp bởi vì chính nước Pháp bây giờ đã bị Đức chiếm mà Đức và Nhật là cùng phe Trục trong Thế chiến thứ II. Hơn nữa kho tàng chiến tranh của Pháp ở Việt Nam đã nằm trong tay của người Nhật. Cho nên các chiến hạm của Pháp không dám neo đậu ngoài biển phải chạy vào ẩn nấp trong các con sông trong đất liền. Chẳng hạn khu trục hạm Lamotte-Piquet phải chạy vào Sông Bé nhưng cuối cùng cũng bị một phi đội Mỹ từ Phi Luật Tân qua đánh chìm tại thành Tuy Hạ... Trong khi đó chiếc thông báo hạm Charner lại vào ẩn nấp tại sông Tiền. Lúc đầu nó neo đậu trên đoạn sông giữa Xoài Mút - Rạch Gầm. Sau nó dời về ngang thành phố Mỹ Tho bên kia Cồn Rồng với dụng ý lấy Cồn Rồng che chắn máy bay Mỹ thường đột kích vào sâu trong đất liền.

Đêm 9.3.1945 quân Nhật tổ chức đảo chánh chính quyền Pháp ở Đông Dương và thành công nhanh chóng. Ở Mỹ Tho cũng vậy, tất cả lực lượng quân sự trên bộ của Pháp đều bị triệt hạ kể cả 2 chiếc giang đình “Mỹ Tho” và “Avalanche”, chỉ trừ chiếc thông báo hạm Charner là không bị.

SỐ PHẬN MỘT CHIẾNHẠM

Sau đêm đảo chánh chiến hạm A. Charner vẫn còn ngao nghể thượng quốc kỳ Pháp trên tàu vì lực lượng quân sự của Nhật ở Mỹ Tho không phải là đối thủ của nó. Cho nên sáng ngày 10.3.1945 Bộ Tư lệnh Nhật phái một phi đội Thần phong từ Sài Gòn xuống thanh toán chiếc Charner. Ba chiếc phi cơ Nhật Zéro mang dấu hiệu Mặt Trời đến trên sông Mỹ Tho bên kia Cồn Rồng

và bắt đầu tập kích bằng những loạt súng đại liên và sau đó đánh bom. Dưới tàu có bắn trả, nhưng sau một thời gian ngắn thì phi cơ ngưng tấn công và người ta thấy số thủy thủ trên chiếc Charner nhảy xuống sông và lội qua bờ hướng Nam bên vùng Rạch Miễu. Và từ chiếc tàu người ta thấy một cụm khói bốc lên tiếp theo một tiếng nổ lớn chiếc thông báo hạm Charner lần lần nghiêng về phía Cồn Rong nhưng không chìm hẳn xuống có lẽ vì nước cạn.

Được biết có lẽ có sự thỏa thuận giữa thuyền trưởng Charner và phi đội Nhật theo luật chiến tranh, nên Nhật để cho thuyền trưởng tự giải quyết. Và thuyền trưởng đã ra lệnh cho tất cả thủy thủ đoàn “tự cứu” - sauve qui peut - theo luật hải quân, ông đã châm ngòi đánh đắm chiếc tàu và tự sát theo tàu. Còn số thủy thủ Pháp của tàu lội qua sông và theo đường bộ có lẽ định lên Cao Miên, nhưng ngày hôm sau ngày 11.3.1945 quân Nhật đã bắt tất cả giải về Sài Gòn tại Mỏ Cày Bến Tre. Một kết cuộc bi hùng của một chiến hạm Pháp chào đời từ một công binh xưởng Pháp, tung hoành trên khắp các biển Phi châu và Á châu tham gia trận đánh lịch sử Koh Chang với hải quân Xiêm thế mà số phận của nó chấm dứt hăm hui trong vòm trời và trên dòng sông Mỹ Tho xa xôi.

Xác chiếc Charner chìm nằm nghiêng bên dòng sông Cửa Tiểu ngang cồn Rong từ 1945 đến 1975. Sau ngày Hòa bình một chuyện trở trêu là chính người Nhật mua sắt vụn đã đến Mỹ Tho trục vớt chiếc hạm mà chính họ là người chiến thắng cách đó 70 năm.

KHÔNG CHIẾN TRÊN VÒNG TRỜI MỸ THO

Mỹ Tho cũng chứng kiến một trận không chiến. Như đã nói lúc bấy giờ máy bay Hoa Kỳ ra vào Việt Nam như chỗ không người, nên ngày nào cũng có những trận dội bom ở Sài Gòn hay đánh phá các vùng duyên hải. Dân Mỹ Tho hai bên bờ sông Tiền từ Ba Rài xuống Rau Răm, Mù U đến Mỹ Tho, Kỳ Hôn... đã chứng kiến một trận không chiến giữa máy bay Nhật và Hoa kỳ. Buổi trưa, một ngày giữa năm 1945 dân cư hai bên bờ sông nói trên chợt thấy một chiếc phi cơ Nhật mang biểu tượng mặt trời rượt đuổi một chiếc phi cơ săn giặc (avion de chasse) của Hoa Kỳ từ hướng tây bắc của Mỹ Tho xuống hướng đông, áng chừng là từ Sài Gòn xuống.

Hai chiếc máy bay quần thảo ngoạn mục. Chiếc bay lên chiếc bổ xuống. Chiếc tạt ngang, chiếc đâm thẳng cùng với những làn khói đạn, cùng với tiếng gầm thét của máy bay. Nhưng sau một hồi quần thảo, có lẽ vì sợ hết nhiên liệu, một chiếc nhắm hướng Gò Công ra biển về căn cứ, một chiếc quay về hướng Sài Gòn. Thôi đủ rồi, tiếp tục làm chi... chết uổng mạng.

Phần hai

CON NGƯỜI

1. NHÀ THƠ

HỌC LẠC

Học Lạc tên thật là Nguyễn Văn Lạc sinh năm 1842, tại làng Mỹ Chánh, tỉnh Định Tường nay là xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang. Sinh ra trong gia đình nghèo nhưng học giỏi nên ông được tuyển vào ngạch học sinh tức là học sinh tên Lạc nên được gọi là Học Lạc như một tước vị. Khi lớn tuổi ông về ẩn dật ở vùng Thuộc Nhiều.

Học Lạc có tài làm thơ Nôm rất giỏi, có tài xuất khẩu thành thơ. Vốn ngay thẳng và khí phách, nên nổi tiếng ngang tàng, cũng vì tính cách này, mà Học Lạc luôn rước họa vào thân. Mặt khác, bọn cường hào thời ấy ít khi để những người tài trí như ông yên thân an phận. Học Lạc luôn gây cho họ sự khó chịu bằng tài năng và trí tuệ của mình. Bởi Học Lạc không những là người có học vấn uyên thâm... ông còn giỏi cả về y thuật, địa lý và cả thuật chiêm tinh xem tướng. Nhờ vào tính cách cứng cỏi, tấm lòng trong sạch nên văn thơ của Học Lạc được người đời lưu truyền mãi về sau. Ông được xếp ngang hàng với những nhà thơ trào phúng trứ danh Tú Xương, Yên Đỗ...

TẠ HƯƠNG ĐĂNG

Vành mâm xôi đề tên "Thằng Lạc"
Nghĩ mình ti tiện không đài các
Văn chương chẳng phải bọm mèο quào
Danh lợi không ra cái cóc rác
Bởi thế bơ thờ thẹn núi sông
Dám đâu vút vất ngạo cô bác
Việc này dầu có thấu lòng chẳng
Trong có ông thần, ngoài cặp hạc

NGÔI TRĂNG

Hóa An Nam, lữ khách trú
Trăng trối lẵng nhăng nhau một lữ
Ngoài mặt ngõ ngang bạn Bắc, Nam
Trong tai các có xui đoàn tụ.
Bọm Làng chẳng vị sĩ Năm kinh
Ông Bồn không thương người Bảy phủ.
Phạt tạ xong rồi trở lại nhà,
Hóa thời hốt thuốc, lữ bông vụ

CON TRÂU

Mài sừng cho lăm cũng là trâu
Ngẫm lại mà xem thật lớn đầu
Trong bụng lam nham ba lá sách
Ngoài cầm lém đém một chòm râu
Mắc mưu đốt đít toi bời chạy
Làm lễ bơi chuông nhót nhác sầu
Nghé ngộ già đời quen ghé ngộ
Năm dây đàn gãy biết nghe đâu.

THỦ KHOA HUÂN

Nguyễn Hữu Huân là người làng Mỹ Tịnh An, huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường, nay là xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Thuở nhỏ ông thông minh và học giỏi. Tương truyền, năm Nhâm Tý (1852) dưới triều Tự Đức, ông dự thi Hương và đỗ đầu, nên được gọi là Thủ Khoa Huân. Sau đó, ông được bổ nhiệm và dần lên đến chức Giáo thụ phủ Kiến An. Là anh hùng chống Pháp và bị Pháp xử trảm, đến thờ ông vẫn còn được nhang khói tại quê nhà. Ông còn để lại cho đời rất nhiều bài thơ, xin trích dẫn ngắn gọn 2 câu điển hình:

Hữu chí nan thân, không uống bách niên chiêu vật nghị,
Tuy công bất tỵ, diệc tương nhất tử báo quân ân.

Được dịch:

*Việc lớn không thành, báo chúa cũng đành liều một chết
Lòng ngay khó tỏ, mệnh đời luống để luận trăm năm.*

Và sau đây là hai bài thơ tặng vợ:

BÀI THƠ TẶNG VỢ I

Xem qua thư gửi rất kinh hoàng
Nhi nữ chà chà cũng lớn gan
Đơn bầm cúi lòn loài bạch quý
Sân quỳ vất vả phận hồng nhan
Bán mình đâu nệ phiền lòng sắt
Chuộc tội thà xin trọn nghĩa vàng
Tiết khí dưới trần coi ít mặt
Cang thường càng chuộng gánh giang san.

BÀI THƠ TẶNG VỢ II

Đã sanh làm gái vẹn theo chồng
Hóa đá kìa ai cũng đứng trông
Vận rớt kể gì cơn gió bụi
Đạo hằng hãy trọn với non sông
Cửa gai hiu hắt sương in mặt
Trướng vải lồi thoi nguyệt tỏ lòng
Tan hợp dầu rằng cơ tạo hóa
Liều bỏ ướm thử lúc trời đông.

SƯƠNG NGUYỆT ANH

Sương Nguyệt Anh, nữ danh Nguyễn Thị Ngọc Khuê, sinh tại xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Bà là con gái thứ tư của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu, mẹ là bà Lê Thị Điền. Thuở nhỏ, bà cùng người chị tên là Nguyễn Thị Xuyên, được thân sinh truyền dạy nên giỏi cả chữ Hán lẫn chữ Nôm. Khi cả hai khôn lớn, nổi tiếng tài sắc, được người quanh vùng ca tụng gọi là *Nhị Kiều*.

Năm 1888, gia đình bà đến Cái Nứa Bến Tre rồi dời về Rạch Miễu Mỹ Tho, ở nhờ nhà ông nghề Trương Văn Mân. Ở đây, bà kết duyên với một phó tổng sở tại góa vợ tên Nguyễn Công Tính, sinh được một gái tên là Nguyễn Thị Vinh. Năm con gái được 2 tuổi, thì chồng mất. Từ đó bà thủ tiết nuôi con, thờ chồng và mở trường dạy chữ Nho cho học trò trong vùng để sinh sống. Và cũng từ đó, bà thêm trước bút hiệu Nguyệt Anh một chữ “sương”, thành “Sương Nguyệt Anh”, có nghĩa là Nguyệt Anh góa chồng.

Cũng ngay lúc này, người con gái độc nhất của bà tên Nguyễn Thị Vinh vừa sinh nở xong, ngã bệnh qua đời. Hết khóc mẹ, khóc cha, khóc chồng, lại phải khóc con cộng với việc làm

thơ, viết sách, hốt thuốc trị bệnh rất lao tâm, nên đôi mắt bà bị mù.

Ngày 12 tháng Chạp năm Tân Dậu tức ngày 9 tháng 1 năm 1922, bà Sương Nguyệt Anh trút hơi thở cuối cùng lúc 58 tuổi.

Mộ Bà Sương Nguyệt Anh lúc đầu ở Mỹ Nhơn, nhưng vào năm 1959 được đồng bào cải táng dời về nằm cạnh mộ phần của song thân bà, tức trong khu đền thờ và mộ cụ Nguyễn Đình Chiểu ngày nay ở Ba Tri.

Thi phẩm của bà phong phú, trữ tình, đôi khi lãng mạn của một người phụ nữ trí thức, ta thử nghe:

Để bộc lộ cuộc nợ duyên dang dở của mình, bà viết:

*Năm canh thức nháp... năm canh những
Nửa gối so le, nửa gối chờ
Vườn én rủ ren trên lối cũ
Canh gà xao xác giục tình xưa...*

Bà còn kín đáo gửi gắm tâm lòng yêu nước, thương dân, quan tâm đến thời cuộc, dù là phận nữ nhi cũng dám đôi dòng gửi đến vua:

*Vui lòng thánh đế nơi xe ngựa,
Xót dạ thần dân chốn lửa than
Nước mắt có cùng trời đất biết
Biển dâu một cuộc thấy mà thương*

Và sau đây là hai bài trong số thi phẩm có giá trị của bà:

CÂY MAI

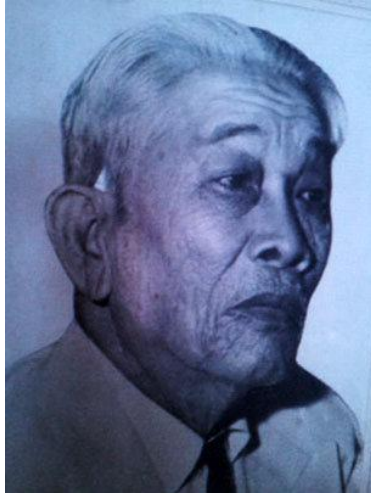
Tài không sắc, sắc không tài
Lá úa nhành khô cũng tiếng mai
Ngọc ánh chi nài son phấn đượm
Vàng rờn há sợ sắc màu phai

Ba giềng trước đã xe tơ vắn
Bốn đức nay tua nổi tiếng dài.
Dầu khiến duyên này ra đến thế
Trắng thu dần xé rạn non đoài

TỰ THÁN

Đường xa vời vợi, dặm vời vợi
Nghĩ nổi mây xanh ngán sự đời
Biên ái sóng ân còn lăm lức
Mây ngàn hạc nội biết là nơi
Một dây oan trái rồi vay trả
Mấy cuộc tang thương dễ đổi đời
Chước quỷ mưu thần âu những kẻ
Gặp con nguy hiểm khó đưa bơi

2. NGHỆ SĨ CẢI LƯƠNG



THẦY NĂM TÚ

Thời xưa, trong phạm vi đồn ca tài tử và cải lương, Mỹ Tho được cho là cái nôi, nơi sản sinh, nuôi dưỡng và phát triển ra mô hình nghệ thuật độc đáo này mà vừa mới đây được UNESCO công nhận là di sản phi vật thể nhân loại. Nhân vật đầu tiên phải nói là thầy Năm Tú. Thầy Năm Tú tên thật là Châu Văn Tú tức là Pierre Tú.

Ông Châu Văn Tú không hẳn là một nghệ sĩ nhưng là người đầu tiên trong Nam kỳ Lục tỉnh tạo ra cơ sở vật chất, lập ra một rạp hát cho chiếu phim, hát bội, hát cải lương, diễn kịch tại Mỹ Tho. Cũng là người đầu tiên đưa công nghiệp thu đĩa hát cho các bài vọng cổ, tân nhạc kể cả nhạc Tây... với nhãn hiệu Pathé-Phono (Pa-tê – Phô-nô). Lúc bấy giờ tiếng Việt còn phôi thai, đặc biệt là lời và giọng Nam kỳ chính gốc nên trước khi vô bài ông đặt câu này cho người “rao bản” tức là người giới thiệu: *“A-lô bạn hát cải-lương của thầy Năm Tú ở tại Mỹ Tho, ca cho hãng Pathé-Phono nghe chơi”*. Hãng đĩa của ông cũng có nhãn hiệu, có logo là hình một con chó ngồi xổm trước ống loa kèn như đang chăm chú nghe ca nhạc, trông rất ăn khách.

Cũng chính tại Mỹ Tho, nơi rạp hát thầy Năm Tú này sản sinh ra toàn những nghệ sĩ đào kép lừng danh... như Lê Thị Phi hay Năm Phi, như Trương Phụng Hảo hay Phùng Há... những nghệ sĩ, soạn giả trí thức tài ba như Nguyễn Thành Châu hay Năm Châu, như Huỳnh Thủ Trung hay Tư Chơi...

Xin giới thiệu một đoạn văn của Bình Nguyên Lộc viết về người nghệ sĩ này và công lao của ông trong việc hình thành nền văn hóa của chúng ta trong bài viết về “Thầy Năm Tú ở Mỹ Tho” với văn phong đặc biệt... Mỹ Tho.

“... Thuở ấy cái máy hát to bằng cái bàn phấn của quý cô chớ không vừa và có gắn một cái ống loa mà miệng loa to bằng cái thúng gạo.

Đĩa hát toàn đĩa Tây, ta nghe không hiểu gì, nhạc Tây, ta lại càng không hiểu hơn. Thành thử máy bán không được. Vài ông nhà giàu hiếm hoi sắm chơi vậy thôi chớ không phải để hưởng thụ.

Có hãng Pathé-Phono đem dụng cụ và chuyên viên từ Pháp sang để chế tạo đĩa tại chỗ, hễ có đĩa hay rồi thì máy hát sẽ chạy như tôm tươi.

Cải lương của ta vừa ra khỏi thời kỳ phôi thai, đã có nhiều ban lắm rồi nhưng danh tiếng nhất là ban của thầy Năm Tú.

Thầy Năm Tú là người Mỹ Tho (Định Tường) và các gánh hát cải lương có tục để quê quán của chủ gánh dưới tên gánh chớ thật ra thì ban cải lương của Thầy Năm Tú không phải chỉ diễn ở Mỹ Tho không mà thôi.

Nhưng khoe xír Mỹ Tho ra thì hách một cây, bởi thuở ấy Cần Thơ chưa to thì cái thành phố hạng ba Việt Nam, sau Sài Gòn và Hà Nội là Mỹ Tho rồi, chớ không còn tỉnh nào hơn được...”.

Tóm lại nói về lịch sử và tầm vóc của cải lương của miền Nam thuở bấy giờ phải nhắc đến Mỹ Tho vì Mỹ Tho được xem là cái nôi, là nơi mà nền cải lương có điều kiện phát triển và ảnh hưởng không ít đến cả nước. Cũng chính nơi đây, thầy Năm Tú là người tạo ra điều kiện cơ sở vật chất từ việc đứng ra xây cất một rạp hát đầu tiên theo một lối kiến trúc có tính chuyên dùng rất cao, đến việc lập một gánh hát có tổ chức, có ông bầu (giám đốc), có thầy tuồng (đạo diễn). Có đào tạo đào kép... Ông còn là người đầu tiên phổ biến ca nhạc cho từng gia đình, mà ngày xưa chưa có hệ thống phát thanh, truyền hình... đó là đĩa hát và máy hát.

Cũng chính nhờ vậy mà bao nhiêu đoàn hát cải lương khác tiếp bước đàn anh tạo cho Nam kỳ lúc bấy giờ có một sắc thái ca nhạc đặc sắc. Đó là Cải lương. Và cũng nhờ vậy mà biết bao nhiêu ngôi sao nghệ sĩ dù quê ở Mỹ Tho hay không cũng từ đây mà rực sáng trong bầu trời cải lương, mãi đến bây giờ dù đã trải qua một thế kỷ.



NGHỆ SĨ TƯ CHƠI

Tư Chơi tên thật là Huỳnh Thủ Trung, sinh năm 1906 người làng An Hóa, quận An Hóa lúc bấy giờ còn thuộc tỉnh Mỹ Tho. (Đến năm 1956 mới tách ra nhập vào tỉnh Bến Tre bây giờ),

là một trí thức, biết chữ Nho, giỏi tiếng Pháp, thông thạo tiếng Anh là một nghệ sĩ, một thi sĩ, một nhạc sĩ, một kịch tác gia, một soạn giả trong nghệ thuật kịch, cải lương. Chính ông là người đưa nhạc Pháp (kèn tây), bài ca Pháp (ma-đờ-long), vũ điệu Pháp (chung bướm bướm)... vào cải lương.

Ông chuyên cây đàn đàn hay đàn đàn. Bài vọng cổ *Tiếng Nhạn Kêu Sương*, nhịp tư của nghệ sĩ Tư Chơi mở đầu để bản Dạ Cổ Hoài Lang của ông Sáu Lầu phát triển dần lên thành vọng cổ nhịp 8, nhịp 16, 32, 64...

Soạn giả Tư Chơi sáng tác nhiều tuồng xã hội như *Khúc oan vô lượng, Lỡ tay trót đã nhúng chàm, Tiếng nhạn kêu sương, Tôi xin chừa, Hai mặt còn trơ, Ai là bạn chung tình, Em muốn tự do...* Các tuồng này đã làm mưa làm gió trên các sân khấu Huỳnh Kỳ, Trần Đắc từ Nam chí Bắc, với những ngôi sao sân khấu Phùng Há, Năm Châu, Năm Phi, Tư Út, Kim Thoa, Kim Hui, Tư Thạch...

Soạn giả Tư Chơi cũng là người đầu tiên đưa nhạc Tây rồi sau đó tân nhạc Việt Nam của Văn Cao, Lê Thương, Đặng Thế Phong... vào sân khấu cải lương. Thời đó các bản nhạc tình của Pháp rất thịnh hành ở Saigon, Hà Nội và các thành phố lớn ở Việt Nam như bài *J'ai deux amours, Marinella, Ma Tikiki Ma Tonkinoise, Tant qu'il y aura des étoiles...* do nam ca sĩ Tino Rossi và nữ ca sĩ Joséphine Baker ca. Ông đã viết lời Việt cho các bản nhạc Tây này cho diễn viên ca trong tuồng của ông.

Nghệ sĩ Tư Chơi là người chồng đầu tiên của nữ diễn viên tài sắc Phùng Há. Hai người có được một con gái lấy họ mẹ là Trương. Nhưng khi Bà Phùng Há đưa con về Trung Hoa đám tang cho cha, nơi đây anh của bà Phùng Há xin cô bé này làm con nuôi và lấy tên là Trương Lư Bửu Trân. Cô Lư Bửu Trân sinh năm 1926, trở về Việt Nam, có một thời cũng theo nghiệp cầm ca nhưng rất tiếc cô mất sớm vào năm 1959. Cuộc hôn nhân nghệ sĩ này như định luật của nó, không lâu sau đó rồi cũng tan vỡ.

Hôn nhen thứ nhứt gãy đổ, soạn giả Tư Chơi rời đoàn hát Huỳnh Kỳ. Năm 1929, ông gia nhập gánh hát Trần Đắc. Nơi đây ông viết tuồng *Lỡ tay trót đã nhúng chàm*, ông ra sức đào luyện cho một cô gái mới trốn nhà theo gánh hát, cho cô thủ vai chánh trong tuồng và biến cô trở thành một cô đào chánh sáng giá không kém gì cô Phùng Há. Đó là cô Kim Thoa,

Cô gái Hậu Giang 14 tuổi, vừa trốn nhà, xuống ghe hát để theo chị ruột của cô là nữ nghệ sĩ Kim Hui. Tên Kim Thoa là do ông thầy tuồng Tư Chơi đặt cho. Ông thầy tuồng triệt để khai thác giọng kim, giọng ca trong trẻo của cô Kim Thoa qua các bản nhạc Pháp lời Việt và các bản tân nhạc, tình ca lãng mạn của những nhạc sĩ lừng danh Văn Cao, Lê Thương, Đặng Thế Phong...

Tình thầy trò đậm đà gắn bó biến thành tình phu thê nồng ấm, Tư Chơi và Kim Thoa thành một đôi vợ chồng nghệ sĩ mà thời bấy giờ những nghệ sĩ cải lương và khán giả đều ngưỡng mộ. Gánh hát Kim Thoa có một dàn nhạc Tây rất hay dưới sự điều khiển của nhạc trưởng Bénito, nhờ vậy các bài ca nhạc Pháp lời Việt được dàn nhạc này đệm cho ca sĩ hát, thu hút khán thính giả trong giai đoạn mà âm nhạc cải cách và nhạc Tây lời Việt đang rất thịnh hành ở Việt Nam. Cuộc hôn nhen của nghệ sĩ nào rồi cũng kết thúc trong chia tay đẫm lệ ly tình để rồi lại khởi đầu cho một cuộc tình duyên khác...

Vào năm 1954, tại xóm rạp hát Nguyễn Văn Hảo Sài Gòn, người ta thường gặp một người nát rượu, cặp mắt mờ lim dim, khoe mắt lúc nào cũng đỏ, ươn ướt như sắp khóc, người đó trước đây là một nghệ sĩ lừng danh, một ngôi sao Bắc đẩu của sân khấu, một thần tượng cho giới cải lương, là người chồng người tình của hai nữ nghệ sĩ tài danh của nền cải lương Việt Nam.

Người ấy, nghệ sĩ Tư Chơi, đã sống trong vinh quang và chết trong đau khổ cho nghiệp cải lương..



NỮ NGHỆ SĨ NĂM PHỈ

Cùng ở đất Mỹ Tho, nghệ sĩ Phùng Há sau này được phong tặng là Nghệ sĩ Nhân dân nếu so với nghệ sĩ Năm Phỉ thời trước chỉ là đàn em về tuổi đời cũng như tuổi nghề. Thật vậy Năm Phỉ tên thật là Lê Thị Phỉ sinh năm 1906 tại Mỹ Tho. Cụ thân sinh của nghệ sĩ là một kỹ sư tên Lê Văn Công có 11 người con mà chỉ việc đặt tên cho 11 người con này thôi cũng là một giai thoại. Ông vốn tên Công và lần lượt từ người con đầu lòng cho đến người con út, ông đặt thành một câu dài đầy đủ ý nghĩa không dư một người không thiếu một người. Đó là “Công Thành Danh Toại Phỉ Chí Nam Nhi Bia Truyền Tạc Đê”. Nghĩ cho cùng “không có một ông già nào làm việc này nổi”.

Vốn trong gia đình gia giáo nên câu “xướng ca vô loại” không cho phép người con gái tài ba này chọn nghiệp cầm ca. Nhưng ý chí đã thắng và nhờ đó Mỹ Tho có được một người con nghệ sĩ tài danh đệ nhất nghệ sĩ sân khấu cải lương của Việt Nam, Năm Phỉ.

Yêu ca nhạc từ rất sớm, chưa kịp học trọn bậc tiểu học, song nhờ trời phú cho một trí nhớ phi phàm nên những bài bản nói lối, ca, lý... cô gái này chỉ nghe một lần là đã thuộc lòng và ca

rất chuẩn. Năm 11 tuổi, cô đã tự ý vào đầu quân cho gánh hát “Nam Đồng Ban”. Nơi đây nghệ sĩ Hai Giỏi, kếp chính của đoàn, biết được tài năng của người nữ nghệ sĩ trẻ này nên hết lòng chỉ bảo, uốn nắn và tài tử ngộ giai nhân, chẳng mấy chốc trở thành người yêu của cô học trò. Nhờ vậy, Năm Phi đã học được tất cả bài bản trong nghệ thuật cải lương từ ca hát, diễn xuất... Trời lại không chiều người, sau hai năm chồng vợ mặn nồng, Hai Giỏi lâm bệnh và qua đời. Vận mệnh đã đưa Năm Phi đến một bất hạnh đầu tiên khi chưa vượt qua tuổi vị thành niên.

Góa bụa ở tuổi còn quá nhỏ, nhưng Năm Phi vẫn kiên cường theo đuổi hoài bão của mình và sau khi “Nam Đồng Ban” rã gánh, Năm Phi chuyển sang đoàn “Tái Đồng Ban”. Cuộc đời nghệ sĩ lận đận, ba chìm bảy nổi cũng như số phận các gánh hát, nên sau khi “Tái Đồng Ban” rã gánh, người nghệ sĩ trẻ của chúng ta lại phải dọn rương qua “Hí Văn Ban”. Cũng chưa hết nổi trôi, cuối cùng đoàn “Phước Cương” là nơi Năm Phi trụ mình để như con nhộng phá kén, trở thành một con bướm cho vườn hoa cải lương đầy màu sắc.

Già dặn trong nghề, với cái giọng khàn khàn trời cho, hơi phát âm khá ồm, vóc dáng cân đối, đi đứng chững chạc, diễn xuất đầy ca tính, Năm Phi đã chinh phục được khán giả. Có người nói: “*Đi coi hát mà chỉ thấy mặt Năm Phi là đủ rồi*”. Lúc bấy giờ nghệ sĩ Năm Phi đã được đưa đi trình diễn khắp nơi từ Sài Gòn ra Hà Nội, Lào, Miên và cả bên Pháp... được vua Bảo Đại ban tặng Huy chương Kim Tiền.

Xin kể một số vai mà nghệ sĩ đã từng xuất sắc thủ vai trong các vở tuồng: vai trạng sư trong vở *Tội của ai?* (trong khi Phùng Há đóng vai ông Tòa), vai Diêu Thuyền trong vở *Lã Bố hý Diêu Thuyền*, vai Lan trong vở *Lan và Điệp*, vai Lý Ngọc Nương trong vở *Trà hoa nữ*. vai Bàng Quý Phi trong vở *Xử án Bàng Quý Phi* v.v...

Sau khi người chồng đầu tiên - nghệ sĩ Hai Giỏi - mất, Năm Phi vẫn còn quá trẻ và khi là đào chính của gánh Phước

Cương không bao lâu, đã là người vợ của ông bầu tức là ông Nguyễn Phước Cương. Đôi vợ chồng nghệ sĩ này cũng đã có một thời đưa đoàn Phước Cương lên đại ban trong các đoàn hát của Nam kỳ.

Nhưng *trời xanh quen thói mà hồng đánh ghen*, nên cuộc hôn nhân lý tưởng của hai nghệ sĩ này cũng không tồn tại bao lâu. Rồi “anh đường anh, tôi đường tôi”. Nhưng nghiệt ngã cho người nữ nghệ sĩ của chúng ta là người chồng của mình không bao lâu sau, lại trở thành em rể của mình tức là chồng của em gái mình, nghệ sĩ Bảy Nam.

Tuy nhiên nghịch cảnh này không hề gây mâu thuẫn trong gia đình của hai chị em nghệ sĩ nhất là trong phương diện nghề nghiệp. Trái lại vẫn còn có một sự hợp tác chân thật gắn bó trên con đường phục vụ nghệ thuật. Và thời gian về sau cho ta thấy một vì sao chói rạng không kém phần hào quang trong gia đình họ Lê này. Đó là kiều nữ Kim Cương, ái nữ của Nghệ sĩ Nhân dân Bảy Nam.

Tài hoa bạc mệnh, ngày 2/6/1954, khi mới ở tuổi 48, sau một cơn bạo bệnh, nghệ sĩ Năm Phỉ vĩnh viễn ra đi, để lại đời một tiếc thương vô hạn cho một nghệ sĩ tài danh chưa trọn ước mơ.

Hiện nay, giữa thành phố Mỹ Tho, người ta thấy một con đường mang tên Lê Thị Phỉ. Lẽ ra nên đặt là đường Năm Phỉ thì hay hơn.



NỮ NGHỆ SĨ BẢY NAM

Nghệ sĩ Bả Nam tên thật là Lê Thị Nam, là em của nghệ sĩ Năm Phỉ thân mẫu của nghệ sĩ Kim Cương, như đã biết thuộc một gia đình có máu văn nghệ. Cô Bả Nam sinh năm 1912 tại Mỹ Tho vào nghề cầm ca từ năm 1926 cũng giống như chị, nghệ sĩ Năm Phỉ, không được gia đình tán thành. Chuyện trớ trêu, vậy mà phân nửa anh chị em của gia đình này đều là nghệ sĩ. Ngoài Năm Phỉ, Bả Nam còn có Sáu Chi, Chín Bia, Mười Truyền, Lê Tạc... đều có ít nhiều máu văn nghệ, ca tài tử, cải lương, tân nhạc, thi phú.

Năm 19 tuổi nghệ sĩ Bả Nam đã là vợ của ông Sáu Ngo chủ gánh hát Nam Hưng. Cô là bầu gánh, kiêm đạo diễn, kiêm soạn giả, đồng thời là đào chánh cho gánh thường đóng những vai lớn như Điều Thuyền... nhất là đóng vai kép rất chuẩn như Quan Công, Lữ Bố, vai lão như Vương Tư Đồ, Lý Nhu.

Ngoài ra cô Bả Nam còn là soạn giả nổi tiếng của những vở tuồng ăn khách như *“Gươm vàng máu đỏ”*, *“Lê Lợi khởi nghĩa”*, *“Nỗi đau lòng mẹ”*...

Năm 1935 gánh hát của cô Bả Nam phải nhập vào gánh Phước Cương của người chị là Năm Phỉ. Gánh này đổi tên thành Đại Phước Cương. Năm 1937, cô Năm Phỉ bỏ gánh Đại Phước

Cương thành lập riêng một đoàn cải lương lấy tên là Đoàn Năm Phi. Cô Năm Phi ly dị với chồng là ông Nguyễn Phước Cương, bầu của Phước Cương cũ và chuyện tình nghệ sĩ đưa đẩy cô Bảy Nam kết duyên với anh rể mình là ông Nguyễn Phước Cương. Mỗi tình này cho ra đời 3 người con, trong số đó có một người nữ tài sắc nổi danh sau này. Đó là kỳ nữ Kim Cương. Sau khi ông Cương mất, người chồng thứ ba của cô Bảy Nam là soạn giả cải lương danh tiếng: Duy Tân.

Nghệ sĩ Bảy Nam là một nghệ sĩ đa tài. Chẳng những trong nghệ thuật cải lương mà cô còn được mến mộ trong lĩnh vực kịch nghệ và điện ảnh. Trong lĩnh vực kịch nghệ, khán giả Việt Nam không thể nào quên các vai cô đóng trong *Bông hồng cài áo*, *Vực thẳm chiều cao* và nhất là *Lá sầu riêng* mà chính cô là tác giả. Còn trong lĩnh vực điện ảnh, cô Bảy Nam đã từng là diễn viên đóng chung với các diễn viên người Pháp như Daniel Gélin, Anne Méchard trong phim *Mort en fraude* của đạo diễn danh tiếng Marcel Camus. Riêng trong phim Việt Nam, cô Bảy Nam đã từng diễn trong các phim *Hoa lục bình*, *Ngọn cỏ gió đùa*, *Về nguồn*, *Một thoáng đam mê*...

Nghệ sĩ Bảy Nam mất đi để lại khoảng 20 tuồng, kịch một quyển hồi ký về cuộc đời sân khấu của cô và một... kỳ nữ Kim Cương.



NỮ NGHỆ SĨ PHÙNG HÁ VÀ BẠCH CÔNG TỬ

Tác giả không viết về sự nghiệp cải lương của Nghệ sĩ Nhân dân Phùng Há mà chỉ viết về mối tình Phùng Há-Phước George đã từng đưa cặp uyên ương này từ tột đỉnh vinh hoa xuống tận cùng đau khổ, đã từng gây chấn động trong người dân Nam kỳ Lục tỉnh mà mãi 90 năm sau, đến ngày nay vẫn còn đồng vọng.

Đó là chuyện tình giữa một công tử giàu có hào hoa phong nhã Lê Công Phước tức Phước George và một nghệ sĩ cải lương lừng danh Phùng Há phát âm theo thanh Quảng Đông nhưng theo âm Việt Nam là Phụng Hảo, Trương Phụng Hảo.

Chàng công tử Phước George vốn là con của của một đại điền chủ ở Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho tên là Lê Công Sùng còn được viết là Lê Công Xung, vốn gia đình hào sảng, được cho du học bên Pháp, trở thành một thanh niên trí thức, thời thượng lúc bấy giờ, hẳn nhiên là đích ngắm của hàng hàng lớp lớp tiểu thư đài các.

Người nữ nghệ sĩ tài hoa Phùng Há sinh ngày 30 tháng 4 năm 1911, tại làng Điều Hòa, tỉnh Mỹ Tho là ái nữ của một người Hoa gốc Quảng Đông giàu có, tên là Trương Nhân Trưỡng với mẹ người Việt Nam. Chẳng may, thân phụ từ trần khi cô gái Phùng Há mới 9 tuổi. Theo tục lệ người Hoa, cả gia đình trong đó

có cả đứa con gái bé bỏng đưa cha về quê quán tỉnh Quảng Đông mai táng.

Sau hai năm, trở về Việt Nam mẹ góa con cô, không còn được bên nội cư mang nên rơi vào cảnh túng cùng, cô bé phải làm công nhân ép gạch cho một lò gạch của ông Bang Hoạch, một người Phước Kiến có tài kinh doanh kinh tế, nên lò gạch của ông đã cung cấp cho hầu hết công trình xây cất lúc bấy giờ cho tỉnh Mỹ Tho đến nay vẫn còn.

Cô gái Minh Hương này với tài năng thiên phú nên vừa làm vừa nghề ngao ca hát những bài cổ nhạc một cách nhuần nhuyễn. Công nhân trong lò gạch đồng ý: *“Ê, Há ơi mày khỏi làm gì hết, tối ngày mày ca hát cho tui tao nghe để tui tao làm cho, tiền lương của mày tui tao trả...”*. Và tiếng ca miễn phí này lọt đến tai ông bầu Hai Cu, chủ gánh hát “Nam Đồng Ban”.

Thế là đại bàng được chấp cánh bắt đầu tung lên nền trời xanh cao ngất của đỉnh vinh quang trong giới cải lương của đất Nam kỳ Lục tỉnh. Sau đó ông Hai Cu tự mình đứng ra thành lập gánh “Tái Đồng Ban” và giờ đây, đào chính chính là nghệ sĩ Phùng Há. Cô nghệ sĩ trẻ này mới 13 tuổi đã được phân vai đóng chung với cây cổ thụ Năm Châu trong vở *“Hoàng Phi Hổ qui Châu”* với vai Giả Thị. Sau đó và sau đó những vai lớn trong những vở lớn như vở *“Thôi Tử thi Tề quân”*, như vở *“Mổ tim Tử Cang”*, như vở *“Tội của ai?”*... của những soạn giả gạo cội như Nguyễn Công Mạnh, Tư Chơi... Tổ nghiệp đã đưa họ - những nghệ sĩ Năm Châu, Tư Chơi, Ba Du... - từ gánh này sang gánh khác và một lần dừng chân nơi gánh “Trần Đắc” của ông bầu Trần Đắc Nghĩa.

Năm 1926, cùng cộng tác chung tại đoàn “Trần Đắc” của ông bầu Nghĩa, hai người - nghệ sĩ Phùng Há và nghệ sĩ tài ba Tư Chơi tức là Huỳnh Thủ Trung, cũng là thầy tuồng của đoàn - đã kết hôn. Như một định luật, hầu hết cuộc tình duyên nghệ sĩ nào cũng không bền vững, chỉ trên hai năm là hai người chia tay, không để lại một kỷ niệm nào.

Duyên số đưa đẩy, năm 1929 gánh “Trần Đắc” về diễn tại rạp thầy Năm Tú, Mỹ Tho có một khán giả đặc biệt, đó là Bạch Công Tử, Phước George. Đêm đó Bạch Công Tử đã say mê theo dõi cô Bảy Phùng Há diễn xuất trong vai Mạnh Lệ Quân trong vở “*Mạnh Lệ Quân thoát hài*”. Là gì tài tử ngộ giai nhân, khi vẫn hát, Bạch Công Tử đã tìm đến chào làm quen và không lâu đã trở nên đôi tri kỷ. Trong hồi ký cô Bảy có viết: Thật sự không phải cô cảm Bạch Công Tử vì Bạch Công Tử là một công tử giàu có, sang trọng học giỏi mà vì chính Bạch Công Tử, trong thời gian du học bên Pháp có học qua ngành kịch nghệ, nên qua trao đổi cô Bảy nhận thấy nơi người đàn ông này, có thể là bậc thang thăng tiến của cô trong nghệ thuật sân khấu.

Thật vậy. khi hai người yêu nhau rồi, Phước George gác mọi cuộc ăn chơi, trác táng để tâm tảo điều kiện cho người yêu lên đỉnh cao của nghệ thuật. Ngay lúc đầu, ông đã hợp tác với ông Nguyễn Ngọc Cương thành lập đoàn “Phước Cương”, tên ghép của hai người, cho cô Bảy có đất dụng võ.

Chưa dừng ở đây, Bạch Công Tử tách ra khỏi “Phước Cương” tự mình thành lập gánh “Huỳnh Kỳ” để cho cô Bảy làm “bầu”. Ngoài ra ông còn xây cất một rạp hát hiện đại tại thành phố Mỹ Tho bây giờ vẫn còn, bên cạnh biệt thự của ông, cũng lấy tên rạp “Huỳnh Kỳ” cho cô Bảy có đủ tất cả những gì cần có cho một đại ban Cải lương trong Nam Kỳ Lục tỉnh.

Gánh “Huỳnh Kỳ” đi lưu diễn nơi nào cũng treo cờ vàng, biểu tượng của Việt Nam lúc bấy giờ, với một đoàn ghe chở đào kép đầy đủ tiện nghi. Riêng hai ông bà dùng xe nhà để đi nhưng khi đến nơi là có người tổ chức cho địa phương múa lân tiếp rước ra trò, tất nhiên có những phần thưởng xứng đáng hậu hỉ cho mọi người. Nghệ sĩ, đào kép, nhạc công kể cả công nhân trong đoàn đều được đối đãi như trong một đại gia đình, lương bổng trọng hậu... nhưng về lợi nhuận thì dường như Bạch Công Tử không màng bận tâm. Chỉ biết làm cho mọi người vui và chỉ có vậy. Bạch Công Tử mà!

Thời gian này tiếng tăm của nghệ sĩ Phùng Há đã lên đến tột đỉnh vinh quang. Trong số khán giả của Phùng Há là ai? Là vua Bảo Đại, vua Lào, vua Cam-pu-chia, Thống đốc Nam Kỳ, Toàn quyền Đông Dương... Ngôi sao cái lương này đã từng lưu diễn nhiều lần tại Paris và một lần tại Hội chợ quốc tế tổ chức tại Marseille, Pháp.

Gánh hát “Huỳnh Kỳ” với qui mô và tầm vóc như vậy nên lưu diễn nơi nào cũng được mọi người hâm mộ đến coi chật rạp, có thể vì danh tiếng của nghệ sĩ Phùng Há hẳn nhiên, mà cũng có thể để biết mặt Bạch Công Tử, cũng như thấy tận mắt con người có tính hào phóng, một con người lãng tử lang bạt kỳ hồ. Sống chung với nhau 7 năm, hai người có một trai, một gái, nhưng trời không cho nên cả hai đều mất khi còn quá nhỏ.

Chứng nào tật nấy, Bạch Công Tử lại trở lại thói ăn chơi cổ hủ, xài tiền như nước, chạy theo bóng sắc mới, ngụp lặn trong tứ đồ tường không còn tâm trí đâu nghĩ đến gánh hát của mình, không còn nghĩ đến vợ con. Gánh hát suy sụp hoàn toàn, vốn liếng không còn, đào kép bỏ đi, thời vàng son không còn nữa mà đằng trước là tối đen, là mờ mịt. Thế là sự nghiệp cải lương tiêu tan, tình chồng vợ không còn, hai đứa con lại chết, cô Bảy Phùng Há hoàn toàn sụp đổ từ tinh thần đến thể chất. Một cuộc chia tay tất yếu đã đến, không để lại gì cho nhau nếu có, chỉ là trong giấc mộng.

Về phần cô Bảy Phùng Há, Tổ nghiệp còn đãi nhen với ý chí sắt đá, với tính thần quật khởi, quyết không bỏ nghiệp cải lương nên cô đã qui tụ đào kép tự mình đứng ra thành lập gánh hát mang tên “Phụng Hảo” và tên tuổi Phùng Há lại sáng lên như một vì sao Bắc đẩu cho đến cuối đời.

Còn Bạch công tử, tán gia bại sản, thân tàn ma dại, không chốn nương thân, cuối cùng chết tại quê nhà, Chợ Gạo, nhờ vào bàn tay nghĩa hiệp của một người bạn cũ là ông Nguyễn Hoàng Phi, được chôn cất trong vườn ông. Kẻ viết bài này, năm 1951 có đến nhà ông Hoàng Phi ăn đám giỗ, được chủ nhà chỉ một cái bàn

gọi là bàn thờ đặt trong lấm lúa. Bàn thờ lạnh ngắt, bụi bặm bám đầy, không hình không ảnh, không bài vị chỉ có một cái chén đá thể cho lư hương, vậy mà cũng không có đến một cọng chun nhang. Chủ nhân bảo “*Bàn thờ của Phước George đó*”.

Chúng tôi ra vườn thăm ngôi mộ của công tử đã từng là ngôi sao sáng chói nhất của giới ăn chơi sang trọng, không những ở Sài Gòn mà cả đến kinh đô ánh sáng của Pháp, Paris, nay chỉ còn là một nắm mồ đất loang lổ, lạnh lùng cỏ hoang. Ngâm ngùi tôi nhớ hai câu thơ: *Sè sè nắm đất bên đàng. Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh*.

Chuyện tình nào cũng kết thúc đau thương. Nhưng trường hợp của Bạch Công Tử và nghệ sĩ Phùng Há để lại cho ta quá nhiều trắc ẩn. Hai người đã gặp nhau trong một bối cảnh của tình yêu, của lý tưởng, của chí hướng nhưng con Tạo trớ trêu đã đưa hai người về hai ngã thương đau, để khi nhắm mắt mới biết mình đánh mất cả cuộc đời mình.

Tuy nhiên nếu Bạch Công Tử không kết thúc đời mình bằng lối sống hoang phí, bê tha, buông thả mà ngược lại có một đời sống bình thường, lành mạnh, chết trong nhung lụa, trong vòng tay của những người thân yêu thì Bạch Công Tử... đâu còn là Bạch Công Tử nữa. Và biết đâu nếu như vậy thì kẻ hậu sanh như chúng ta, phỏng có ngồi đây tìm tòi nghiên cứu viết về mối tình giữa hai người này không?

Trước khi mất 10 năm, Nghệ sĩ Nhân dân Phùng Há có về Chợ Gạo thăm mộ người chồng Bạch Công Tử. Đứng trước ngôi mộ đất, gần như mồ hoang mả lạnh, lòng người vợ bùi ngùi cảm xúc, nên xin người giữ mộ, con của ông Hoàng Phi, bạn cũ của Bạch Công Tử, để bà di chuyển hài cốt chồng về nghĩa trang nghệ sĩ của bà trên Gò Vấp. Ông Nguyễn Ngọc Luỹ, người giữ mộ thưa lại là: “*Nếu cô đem hài cốt của thầy về nghĩa trang nghệ sĩ của cô thì tốt, nhưng khi cô mất rồi, thầy sẽ lạnh lẽo lắm vì thầy đâu phải là nghệ sĩ*”. Cuối cùng, người vợ cho xây lại ngôi mộ

cho chồng mình và thấp nén hương cuối cùng, khóc cho tình nghĩa phu thê, để rồi người vợ cũng ra đi vào ngày 5.7.2009.



CHUYỆN TÌNH BẠCH CÔNG TỬ

Tình nghệ sĩ bao giờ cũng đẹp, lãng mạn, trữ tình, cho nên tôi xin phép leo lên một chút để viết về hai mối tình trong hàng chục mối tình của chàng công tử Mỹ Tho Lê Công Phước. Con nhà giàu, đẹp trai, học giỏi thêm vào đó dáng điệu, tác phong, tư cách của một công tử, một Don Juan Tây phương thì trách nào biết bao liễu yếu đào thơ, tiểu thư đài các để mắt tới, rắp tâm sẵn sàng nhảy vào để được... bắn sê. Ngoài những mối tình phù du, Bạch Công Tử còn có hai mối tình lớn với hai tình nhân tên tuổi vào hàng quốc tế. Xin kể ra như sau.

CÔ BA TRÀ.

Cô Ba Trà tên thật là Trần Ngọc Trà sinh năm 1906, cũng trạc tuổi với Bạch Công Tử. Trời sinh cô Ba Trà có một sắc đẹp “chim sa cá lặn”, có nụ cười “nghiêng thành đổ nước”, có đôi mắt bén



“giết người không dao”, có giọng nói “ngọt mật chết... người” và có lẽ còn có cái gì đó ghê gớm hơn nữa mà chính người viết tiểu sử cho cô Ba Trà là Vương Hồng Sển cũng không dám viết ra... và như vậy cô Ba Trà là một người đẹp, một người đẹp cho... mọi người. Nhưng một người đẹp chỉ dành cho giới thượng lưu cao chót vót trong xã hội thời bấy giờ.

Từ những nhà kinh doanh giàu sụ như công tử Bích chủ nhà băng Đông Dương, vua cờ bạc nổi tiếng là ông Sáu Ngọ có tên tây là Paul Daron, đến những trí thức quyền cao chức trọng như ông Tòa Trần Văn Tỷ, luật sư Dương Văn Giáo đến bác sĩ Lê Quang Trình cả những ông Hội đồng Đông Dương, lẫn những ông Tây quan lớn thực dân, thậm chí sức hấp dẫn và quyến rũ của cô Ba Trà lan rộng đến cả Nam Vang (Cao Miên), Vạn Tượng (Lào) lẫn sang Băng Cốc (Xiêm) nữa.

Và có một người mê cô Ba Trà từ thuở còn học sinh mà phải ngâm ngùi hát mãi câu: Nếu mộng không thành thì sao? Thì chờ. Chờ cho đến khi cô Ba Trà hoa tàn nhụy rữa mới có cơ hội ngày ngày gần kề người đẹp về già và xem như một... lục bình cỏ đề nâng niu, rò rẫm, vuốt ve và chỉ để viết cho cô Ba một thiên sử “Tiểu sử cô Ba Trà”. Đó là nhà văn, nhà nghiên cứu, nhà khảo cổ Vương Hồng Sển.

Lúc này là thời điểm ăn chơi trác táng lên đến cực điểm của Bạch Công Tử, vậy mà nếu tên tuổi của Bạch Công Tử không nằm trong danh sách của những người tình cô Ba Trà, tức là Yvette Trà, tức là Trà Hoa Nữ... hoa khôi của Sài Gòn thì còn đâu danh tiếng của Bạch Công Tử. Cho nên chẳng khó gì để người đẹp Sài Gòn nằm trong vòng tay của Bạch Công Tử. Và từ đó chúng ta đã nghe quá nhiều cuộc tranh giành người đẹp giữa Bạch Công Tử cậu Tư Phước. Georges Mỹ Tho và Hắc Công Tử, cậu Ba Huy Bạc Liêu với những giai thoại tiêu phí tiền bạc vòng vàng kinh thiên động địa.

Bất cứ ai muốn có một cuộc hẹn với cô Ba Trà phải đăng ký khá lâu và phải có sự chấp thuận trước. Chả thế mà thời bấy

giờ người ta mệnh danh cô Ba Trà là hoàng hậu phòng trà, là “Trà Hoa Nữ”, một nhân vật trong tiểu thuyết Pháp của *Alexandre Dumas con* là quyển tiểu thuyết “La dame aux camélias” tức là “Trà Hoa Nữ”. Một quyển tiểu thuyết tình nói về một nhân vật, một phụ nữ... y hệt như cô Ba Trà dù sống với một cái nghề nhạy cảm như vậy mà vẫn được cả xã hội kính nể. Một chuyện lạ hi hữu là không biết vì sao mà tên cô Ba Trà lại đúng vào tên nhân vật trong tiểu thuyết “La Dame aux camélias”. Tiếng Pháp camélia là cây hoa trà, Do đó người Việt ta dịch ra là “Trà hoa nữ” và vì sự trùng hợp lạ lùng đó mà người ta gọi cô Ba Trà là Trà Hoa Nữ..

Một người ăn chơi khét tiếng như Bạch Công Tử không thể đứng ngoài rìa mà nhìn cảnh ong bướm nhớn nhỡ chung quanh cô Ba Trà. Do đó Bạch Công Tử với thế mạnh sẵn có đã chinh phục được cô Ba Trà như một tình nhân của riêng mình trong một thời gian khá lâu. Và chuyện tình nào cũng chấm dứt. Mỗi tình của trai anh hùng gái tứ chiến này cũng vậy. Bản chất cô Ba Trà là “lạnh lùng” với nghề nghiệp, không có tình, không có nghĩa chỉ có nghề nghiệp mà cô đã thực thi đúng theo Tổ nghiệp muôn đời là nhung lụa, là nhà lầu, là xe hơi, là tiền bạc, là vàng vòng, là hột xoàn... Khi Bạch Công Tử không còn là công tử nữa, cô Ba Trà trở về với cô Ba Trà mà thuở thiếu thời đã trải qua một giai đoạn ấu thơ vô cùng bất hạnh, để rồi sau đó có một thời vàng son hoa gấm như một bà hoàng, cuối cùng rồi cũng trở về xác ve muôn thuở.

CÔNG CHÚA OLGA

Trước khi nói về người tình của Bạch Công Tử ở Pháp là công chúa Olga con của dòng dõi Sa hoàng Nga, xin có đôi điều. Số là vào năm 1917, cách mạng Nga thành công, cả gia đình Sa hoàng Nga gồm có vua Nicolas II và vợ con đều



bị xử tội. Trong số này có một cô công chúa, đó là công chúa Olga. Thế nhưng theo tư liệu của nhiều người thì Bạch Công Tử cũng đã từng có một người tình ở Paris cũng là công chúa Nga cũng tên Olga. Tôi đã thử tìm nguồn gốc của công chúa Olga này, người tình của Bạch Công tử mà không được. Vậy tôi nghĩ có thể Olga này cũng là một trong những công chúa hay quận chúa trong dòng dõi Sa hoàng Nga tị nạn chính trị sang cư ngụ ở Pháp chứ nhất định không phải là công chúa Olga con của vua Nicolas đã bị giết hại vào năm 1918 tại Nga khi mới 23 tuổi.

Vào những năm 1931-1932 cậu Tư Phước George tức là Bạch Công Tử - lúc bấy giờ người dân Việt ta có thói quen gọi tăng bốc các con của các danh gia quý tộc bằng cậu - đang du hí bên Pháp. Với phong cách một công tử chính hiệu của cậu, cậu sớm kết tình với một cô gái vốn dòng quý tộc. Đó là Princesse Olga tức là công chúa hay quận chúa Olga thuộc dòng dõi Sa hoàng tị nạn chính trị tại Paris. Dòng dõi Nga hoàng lúc bấy giờ nổi tiếng là một dòng vua lớn nhất, phong kiến nhất châu Âu nên dù là một dòng vua mất ngai nhưng họ vẫn giữ nề nếp kỷ cương thể thống của một triều vua hùng mạnh mà mới vừa đây còn thống trị cả một vùng lãnh thổ rộng lớn nhất châu Âu. Nói như vậy để biết rằng một người “An-na-mít” như cậu Tư Phước George nhà ta lúc bấy giờ đã chinh phục được nếu không trái tim thì cũng là thể xác của một công chúa Sa hoàng thì quả là một điều hi hữu.

Ngay ở Paris, Bạch Công Tử còn được gán cho tước vị Prince de Galles tức là Thái tử xứ Galles, tước hiệu của Thái tử Charles nước Anh bây giờ. Lối sống của cậu Tư ở Paris làm nể mặt cả những tay ăn chơi giàu có. Ra đường luôn luôn cậu Tư ăn diện đúng mốt, đúng thời trang khi thì habit bánh choẹ, khi thì smoking vương giả, luôn luôn đội nón hiệu Flechet, miệng xi-gà La Havane của Cu-Ba. Cậu Tư đem theo cả một người đầu bếp Việt Nam để phục vụ cho cậu. Nếu phải tiếp khách ở ngoài, cậu Tư đến những nhà hàng sang trọng bậc nhất của Paris như “Table des Mandarins”. Còn khi đi dạ hội, cậu Tư khoác tay công chúa

Olga đến các hộp đêm sang trọng như Palermo ở khu Montmartre, khu Saint Germain des Prés hay khu Champs Élysée... toàn những nơi giới thượng lưu Paris mới dám đến. Bạch Công Tử cùng với công chúa Olga trong thời là tình nhân với nhau ở Paris quả là “cây đình” của một Paris quý phái.

Chẳng những ở Paris, cặp tình nhân vua chúa này còn ngao du khắp các thắng cảnh của nước Pháp lẫn Tây-Ban-Nha. Ở Pháp mùa hè cậu Tư lái chiếc xe đua Ferrari mui trần đưa công chúa Olga đi xuống miền nam tắm biển ở Cannes, dạo rừng thông ở Nice bên cạnh Địa Trung Hải. Mùa đông cậu Tư đưa người đẹp đi trượt tuyết ở vùng núi Alpes. Đến mùa lễ hội họ cùng qua bên kia biên giới đến xem đấu bò tót ở Tây-Ban-Nha rồi đến vùng Andalousie tham dự lễ hội vũ điệu Flamenco.

Cậu Tư Phước, Phước George, Bạch Công Tử của đất Chợ Gạo tỉnh Mỹ Tho cách nay non thế kỷ nếu xét qua về mặt một công dân một nước, ông không là gì cả, xét về mặt cá nhân một con người ông càng không là gì cả nhưng dưới mắt một nhà triết học theo thuyết hiện sinh ông quả là một người đã thật sự sống, sống với đầy đủ ý nghĩa của nó. Và biết đâu nhờ vậy mà ngày nay chúng ta mới có giai thoại về một người mang danh hiệu Bạch Công Tử. Khen hay chê không nghĩa gì, chỉ biết người đời ngày nay và mai sau thường nhắc đến Bạch Công Tử.



NGHỆ SĨ NĂM CHÂU

Nếu nói nghệ sĩ Năm Châu là một người có công lớn nhất, đóng góp nhiều nhất cho nghệ thuật ca kịch của miền Nam thật không ngoa. Ông là một nghệ sĩ diễn viên tài ba, một soạn giả trí thức tiến bộ của các tuồng cải lương, các vở kịch, đạo diễn cho hầu hết các tuồng ông viết và cả của những soạn giả khác, tác giả các kịch bản cải lương chuyển thể từ các vở kịch kinh điển nổi tiếng của Pháp, là bầu của các đoàn cải lương nổi tiếng, giáo sư Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài Gòn, còn là một tên tuổi sáng giá có tuổi đời cống hiến cho nghệ thuật lâu dài nhất. Ông còn là người từng đưa các đoàn cải lương sang biểu diễn bên Pháp bên Anh và một số nước Tây Âu.

Năm Châu tên thật là Nguyễn Thành Châu nguyên quán làng Phú Kiết, Mỹ Tho, sinh ngày 9 tháng 1 năm 1906, tại làng Điều Hòa, tỉnh Mỹ Tho, là học sinh trường Trung học Mỹ Tho (Trường Trung Học Nguyễn Đình Chiểu).

Sau khi ra trường ông nhất định theo nghiệp cầm ca. Đầu tiên ông hợp tác với gánh hát thầy Năm Tú Mỹ Tho. Từ còn quá trẻ ông đã soạn các vở tuồng có giá trị thời bấy giờ như *Anh hùng náo Tam Môn giai*, *Tái sanh duyên*, *Mỏ tim Tỳ Can*, *Thôi Tử thí Tề quân*, *Võ Tòng sát tầu*, *Mộc Quế Anh dựng cây*... Trong suốt

cuộc đời phục vụ cho nghệ thuật cải lương, ông đã sáng tác không biết bao nhiêu tuồng cải lương từ cổ điển lấy từ truyện Tàu đến các vở tuồng tâm lý xã hội có tính cách tân rõ nét kể ra không hết. Cả những tuồng chuyển thể thành cải lương hay kịch bản kinh điển của Pháp như *Bình hữu Bình Nhung* từ *Le Cid* của A. Dumas fils, *Tư Hoa Vương nữ* từ *Marie Tudor* của Victor Hugo, *Giá trị và danh dự* từ *Le Cid* của Corneille, *Gió ngược chiều* từ Ruy Blas, *Tơ vương đến thác* từ *La Dame aux camélias* v.v...

Trong vai diễn ông luôn luôn là vai chánh và từng đứng cặp với các nghệ sĩ thượng thặng cải lương như Năm Phỉ, Phùng Há, Kim Cúc... Học trò của ông không kể hết nam, nữ đều toàn những ngôi sao sáng chói trong nghệ thuật sân khấu.

Ở đây, chúng ta nên tìm hiểu đời sống tình cảm của nghệ sĩ Năm Châu. Thường là chúng ta yêu mến vinh danh một nghệ sĩ, ta vẫn luôn luôn tôn trọng đời sống tình cảm của họ. Và Năm Châu cũng không trong những người ngoại lệ. Đa tài đa tình vốn là trong giới nghệ sĩ. Từ ca sĩ, nhạc sĩ, thi sĩ, văn sĩ, diễn viên màn bạc v.v... dĩ nhiên là phải có nghệ sĩ cải lương. Cho nên nếu nói về đời sống tình cảm của một nghệ sĩ ta chỉ nói về những mối tình chính thức.

Tình vợ chồng thứ nhất. Trường hợp Năm Châu cũng vậy, đời sống vợ chồng thứ nhất của Năm Châu là với vợ là nghệ sĩ Sáu Trâm khi còn trong gánh hát Thầy Năm Tú. Sau đó cả hai về đoàn Huỳnh Kỳ của Bạch Công Tử. Nơi đây đào chính là nghệ sĩ Phùng Há mà cũng là vợ của ông bầu Phước George tức là Bạch Công Tử. Lạ gì, đời sống nghệ sĩ thường lẫn lộn giữa sân khấu và cuộc đời. Cô Sáu Trâm cảm thấy mình thua sút Phùng Há về tài sắc nên nổi hờn ghen âm thầm giết chết mối tình với nghệ sĩ Năm Châu. Cho nên cô Sáu Trâm lặng lẽ bỏ đoàn, bỏ nghiệp, bỏ chồng đi mất dạng. Được biết cô về quê và quyết tâm tự phấn đấu tập dượt để có thể vượt lên tình địch. Sau cô có trở lại hát với một đoàn khác và trong dịp này hai người Sáu Trâm và Năm Châu đôi khi có trao đổi những lời chúc tụng xã giao nghề nghiệp. Nhưng

sau đó, cô Sáu Trâm lại bỏ nghề vĩnh viễn để về hôm sớm với mẹ. Nói thêm: Nghe nói khi về già cô Sáu Trâm được một người con của cô Tư Sặng vợ hai của Năm Châu chăm sóc phụng dưỡng cô. Ấu cũng là một việc làm tình nghĩa đáng trân trọng.

Tình vợ chồng thứ hai. Cuộc tình duyên thứ hai là với nghệ sĩ cũng tài danh không kém là cô Tư Sặng. Cô Tư Sặng sinh năm 1911 tại Mỹ Tho một nữ danh ca cổ nhạc danh tiếng nửa đầu thế kỷ XX tại miền Nam Việt Nam. Sự nghiệp của cô cùng thời với các nghệ sĩ Năm Châu, Tư Chơi, Tư Út, Tư Thạch, Từ Anh, Phùng Há, Ba Hui, Kim Thoa, Ba Liên... Mặc dù trong gánh hát Trần Đắc, bà được xếp là đào nhì, sau Phùng Há, nhưng trên địa hạt đĩa nhựa thì bà được các ông chủ hãng đĩa và giới thính giả ái mộ tặng cho danh hiệu là đệ nhất danh ca nữ. Cô Tư Sặng trong các vai diễn cải lương không thể ngang hàng với Phùng Há, Năm Phi... nhưng về giọng ca tài tử thì thuộc hạng gạo cội nên đã thành công rực rỡ trong việc thu đĩa nhất là đĩa hát của Thầy Năm Tú. Giọng ca của cô Tư Sặng trong tréo, điệu dàng, ngọt ngào chứa đựng một tình cảm náo nức ai oán, nên khi ca những bài tâm sự của người phụ nữ sầu tình, thì bộ đĩa nào cũng bán rất đắt. Với trên 100 bộ đĩa trong những năm tháng dài cộng tác với hãng đĩa, cô Tư Sặng thật xứng đáng với danh hiệu nữ đệ nhất danh ca thời bấy giờ.

Vì vậy Cô Tư Sặng rời xa sân khấu, để có thời gian thu thanh cho hãng đĩa Asia. cũng vì nổi tiếng và thành công tài chánh trong việc thu đĩa nên sau đó Cô Tư Sặng lại hợp tác với hãng thu đĩa Asia và đã ôm cầm sang thuyền của ông bầu Mạnh mặc dù cô Tư Sặng đã có với nghệ sĩ Năm Châu đến 5 con.

Tình vợ chồng thứ ba. Mặc dù Năm Châu lúc nào cũng có vợ bên mình nhưng hình bóng người tình... Phùng Há cũng vẫn trong trái tim. Ngược lại Phùng Há cũng vậy, trai tài gái sắc tình thì sẵn đó mà duyên thì luôn luôn lỡ hội. Cho nên khi Năm Châu và Tư Sặng keo rả hồ tan thì trở trêu thay Phùng Há vừa rả gánh với nghệ sĩ Tư Chơi nhưng chưa chi đã là vợ của Bạch Công Tử.

Lại một lần nữa mối tình của hai nghệ sĩ tài danh lại không thành. Thôi thì Năm Châu đành ôm bụng rước cô đào Kim Cúc.

Lúc này, Kim Cúc đã 26 tuổi, độ tuổi vừa đủ chững chạc để chọn cho mình một tấm chồng xứng đáng với lòng tin yêu về nghề nghiệp và sự rung động của con tim. Nữ nghệ sĩ Kim Cúc, con gái của nghệ sĩ Bảy Nhiêu là người vợ cuối của ông Năm Châu, từ 1948 cho đến ngày ông mãn phần, 21 tháng 4 năm 1978. Năm Châu vốn lớn hơn Kim Cúc 16 tuổi lại là bạn nghệ sĩ với Bảy Nhiêu. Bình thường Kim Cúc gọi Năm Châu bằng chú và học hỏi ca diễn với Năm Châu. Gia thế của Kim Cúc, và biết cả tuổi nhỏ của Kim Cúc từng theo đoàn đi trình diễn nơi này nơi nọ, đến khi thành danh vẫn biết mình là cháu, là học trò nhưng đã chấp nhận kết hôn với người nghệ sĩ tài hoa này thì quả đây một mối tình nghệ thuật dẫn đến một tình yêu vì nghệ thuật.

Và hai người Năm Châu-Kim Cúc đã sống với nhau hạnh phúc cho đến ngày 21 tháng 4 năm 1978, ngày người nghệ sĩ lừng danh của đất Mỹ Tho vĩnh viễn ra đi.

Mối tình dang dở. Tình chỉ đẹp khi còn dang dở...! Thật vậy. Trên đây là ba mối tình chồng vợ của nghệ sĩ Năm Châu nhưng còn một mối tình tuy không nên nghĩa tào khang nhưng lại là một mối tình sâu đậm, khăng khít, dài lâu, chung thủy để lại dấu ấn trong con tim hai người mãi cho đến 60 năm sau người ở đầu sông Tương vẫn nhớ người cuối sông Tương. Đó là mối tình dở dang của hai nghệ sĩ đỉnh cao của nền nghệ thuật cải lương Việt Nam: tình Năm Châu-Phùng Há.

Lạ gì bỉ sắc sắc tư phong. Trời xanh ghen thói má hồng đánh ghen... Thật vậy. Trai tài gái sắc lại sớm hôm gần gũi nhau trong môi trường... sân khấu làm sao con người có thể lạnh lùng với tình cảm vốn rất rào thêm vào phần lãng mạn tình tứ trong các vai diễn đồng tài đồng sức. Nhưng khôn nổi, khi một người này “rảnh rang” thì người kia “bận bịu” và ngược lại cho nên cả hai đành câm lặng vì không muốn vẩn vương thêm. Ôi! cao thượng

làm sao!!! Tuy nhiên trong con tim của từng người làm sao xóa được hình bóng của người yêu trong mộng.

Cho nên có một lần ông Năm Châu viết một bài vọng cổ 12 câu gởi cho cô Bảy Phùng Há phân bày tâm sự của mình. Bài vọng cổ này được cô Bảy âm thầm hát đi hát lại suốt cuộc đời. Khi về già Bà thổ lộ: Lớn tuổi rồi cái gì cũng quên mà sao bài vọng cổ của anh Năm Châu tôi không hề quên một câu, một chữ...

Ngày 21 tháng 4 năm 1978, khi nghe tin ông Năm Châu mất, cô Bảy Phùng Há đã vội vã vào bệnh viện, lay gọi ông Năm Châu, gào khóc: *“Khoan, anh khoan đi! Anh có nghe không, có hiểu không? Anh phải nghe tôi nói rồi mới yên lòng ra đi được. Tôi biết anh còn uất hận ở trong lòng, sợ dĩ tôi làm vậy là vì anh, vì thương anh... thương vợ con anh, giờ này... cho tới giờ phút này, tôi vẫn yêu anh...”*. Bà đã nói thật lòng, đã thét lên những lời tận trái tim như người đang trong cơn mê sảng nói những gì đã giấu sâu kín trong trái tim mình. Cuối cùng rồi bà cũng nói ra được những gì bà giấu kín trong tim đã nhiều năm qua, dù lời tự thú mỗi tình thâm kín đó đã thốt ra trước mặt nhiều người, có cả sự hiện diện của cô Kim Cúc, người vợ đương thời của Năm Châu. Và hai người nữ nghệ sĩ này đã ôm nhau khóc cho một người yêu. Thôi thì có lẽ mỗi tình của cô bảy Phùng Há và ông Năm Châu mãi mãi đẹp nhất chính bởi vì nó là mỗi tình dang dở... (Đoạn kết viết theo ký giả kịch trường Nguyễn Phương).



NGHỆ SĨ TRẦN VĂN TRẠCH

Hiện tượng Trần Văn Trạch đã đến với tôi vào năm 1939 tại rạp hát Thầy Năm Tú, Mỹ Tho vào mùa bãi trường năm ấy.

Trần Văn Trạch sinh năm 1924 tại làng Đông Hòa, tỉnh Mỹ Tho, học sinh trường Collège de Mỹ Tho. Ngày lễ phát thưởng bãi trường niên học 1937-38 của trường được tổ chức long trọng tại rạp hát Thầy Năm Tú. Trần Văn Trạch lúc bấy giờ mới học lớp 2ème (deuxième année tức là đệ nhị niên tức là lớp 7 bây giờ) được phân công phụ trách phần văn nghệ, đồng thời là hoạt náo viên (animateur) vừa bằng tiếng Việt vừa bằng tiếng Pháp. Có nghĩa là nhà trường khoán trắng cho Trần Văn Trạch, một học sinh lớp 7 cáng đáng một trọng trách không dễ chút nào.

Lúc bấy giờ, chính quyền Pháp ở Đông Dương đang tổ chức cuộc đua xe đạp vòng quanh Đông Dương, nên sau khi ra trình diện và chào khán giả xong, MC. Trần Văn Trạch nói: *“Kính thưa quý vị. Hiện nay chúng ta đang theo dõi cuộc đua xe đạp vòng quanh Đông Dương, tôi cũng xin đưa quý vị đi vòng quanh Đông Dương nhưng bằng lời ca tiếng hát.”*. Đợi cho tiếng vỗ tay chấm dứt, cậu bé lớp 7 tiếp tục: *“Tôi xin bắt đầu cuộc*

hành trình từ Nam ra Bắc. Ở Nam kỳ có lối nói thơ “Lục Vân Tiên”, tôi xin nói một một đoạn thơ Lục Vân Tiên:

*Vân Tiên công mẹ đi ra
Đụng phải cột nhà công mẹ trở vô
Vân Tiên công mẹ trở vô
Đụng phải cái bồ công mẹ trở ra
Vân Tiên công mẹ trở ra
Đạp bãi cứt gà công mẹ trở vô
Vân Tiên công mẹ trở vô
Đụng phải chày vô công mẹ trở ra
Vân Tiên công mẹ trở ra
...*

Mặc dù còn nhỏ tuổi, trời phú cho Trần Văn Trạch một giọng ấm áp, cùng với lối diễn xuất lả cợt lả cợt công mẹ ra, vô... đây tính chất mộc mạc phương nam, khán giả đổ ra cười nghiêng, cười ngửa. Đợi cho mọi người thôi cười, Trần Văn Trạch lấy lại vẻ trịnh trọng, xoa xoa tay và nhỏ nhẹ thưa: “*Kính thưa quý vị, quý vị có biết Lục Vân Tiên công mẹ đi đâu không? Chính mẹ bệnh nên Lục Vân Tiên công mẹ đi tìm thầy hốt thuốc, nhưng vì mù loà, Lục Vân Tiên đi ra đụng vật này đi vô đụng vật kia. Loay hoay mãi không tìm ra lối đi... Vậy mà quý vị nữ nào cười cho cái đau khổ của một người con hiếu thảo công mẹ đi trị bệnh. Lẽ ra quý vị nên chỉ đường cho Lục Vân Tiên mới phải...*”.

Không khí đang vui vẻ ồn ào bỗng trở nên lặng trang. Quý bà mẹ học sinh dự lễ lấy khăn ra lau nước mắt. Các cô học sinh gái sụt sịt khóc, kể cả thầy cô cũng chung hừng cho cái tài năng sớm lộ của đứa học trò mình.

Chưa hết, tiếp tục đi vòng quanh Đông Dương, Trần Văn Trạch đưa khán giả ra Huế. Nơi đây, chàng nghệ sĩ tí hon này không biết học ở đâu, vì thời bấy giờ việc giao lưu văn hóa giữa ba miền còn rất hạn chế, đã cho khán giả nghe với một giọng Huế nữ đặc sệt, trọ trẹ, nặng nặng, ăm ăm, ức ức... khó cho người miền Nam bắt chước:

*Chiều chiều trước bến Vân Lâu
Ai ngồi, ai câu, ai sầu, ai thảm,
Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông.
Thuyền ai thấp thoáng bên sông,
Đưa câu mái đẩy chạnh lòng nước non.*

Tiếp tục ra Bắc, lại một thể loại dân ca đặc thù bài hát theo điệu cò lả:

*Con cò... là cò bay lả... í a lả lả bay la
Bay từ... là từ cửa phủ... bay ra là ra cánh đồng
Tình tính tang... là tang tính tình
Cô mình rằng... ấy anh chàng ơi
Rằng có biết biết hay không... rằng có nhớ là nhớ hay
không?*

Với giọng Bắc ẻo lả, mấy từ nhôi duyên dáng theo điệu ca dân gian, và qua từ màn văn nghệ đầu tiên đến giờ, anh học sinh Trần Văn Trạch thật sự đã chinh phục khán giả. Rạp hát Thầy Năm Tú rộng là thế, khán giả đông là thế mà cả rạp im phăng phắc để nghe, để thưởng thức một cái gì mà từ trước đến giờ chưa được nghe, chưa được thưởng thức.

Đến khi anh đưa khán giả vào xứ Lào để trông anh múa lèo với những cánh tay uyển chuyển đưa lên cao, cùng với 10 ngón tay uốn éo cử động, và hai bàn chân khi nhón lên khi hạ xuống nhịp nhàng uyển chuyển theo dòng nhạc Lào buồn buồn, xa vắng. Rồi anh lại đưa khán giả vào xứ Chùa Tháp qua màn biểu diễn điệu múa Lâm thôn độc đáo Khmer cùng với những câu hát *Dù kê bòn ơi! Bòn ơi!... tâu náaaa...*

Những điều này tôi viết theo ký ức của tôi không hề qua tư liệu hay bài viết của ai vì tôi nhỏ hơn anh 2 tuổi, học chung trường với anh nhưng sau anh 2 lớp. Tôi đến dự lễ phát thưởng để xem anh trình diễn văn nghệ không phải với tư cách lãnh thưởng, càng không thể là khách mời chỉ là thằng nhỏ... đi coi hát cạp.

Sau buổi văn nghệ này một cô đầm, con của một người Pháp làm việc tại Mỹ Tho, nói với cha: *“Ba gả con cho anh học trò đó, nếu không con cũng theo không anh.”*. Và cô thiếu nữ người Pháp này, người bị anh chàng học trò tài ba này hớp hồn ngay trong đêm văn nghệ này, sau này là Trần Văn Trạch phu nhân.

Chuyện nhân vật “Mỹ Tho Trần Văn Trạch” đến đây chấm dứt cũng đủ rồi nhưng tác giả xin phép viết thêm đôi dòng. Nói về Trần Văn Trạch phải nói đủ: Trần Văn Trạch nhạc sĩ, Trần Văn Trạch ca sĩ, Trần Văn Trạch kịch tác gia, Trần Văn Trạch kịch sĩ, Trần Văn Trạch soạn giả, Trần Văn Trạch người dẫn chương trình, Trần Văn Trạch người lập chương trình... Bất cứ trong lĩnh vực nào mà Trần Văn Trạch tham gia, ai ai cũng thấy cái “dấu ấn đặc thù Trần Văn Trạch” nổi lên.

Một chuyện nhỏ. Ông Trần Văn Trạch có rất nhiều biệt tài. Như trong chương trình văn nghệ phát thưởng ở Trường Nguyễn Đình Chiểu nói trên, ông đã đưa khán giả từ đoạn đầu vui cười hả hê qua chất hài có duyên của ông, rồi lập tức chuyển qua chất bi thương xúc cảm một cách tài tình. Nhạc phẩm *“Chuyến xe lửa mừng năm ”* cũng vậy. Đoạn đầu với cái giọng của một thằng bé ngoài Trung vì chiến tranh lìa mẹ vào Sài Gòn bán báo kiếm sống. Tết đến em có dư một số tiền nhỏ về quê cho mẹ. Ngồi trên xe lửa về quê thằng bé ca hát nghêu ngao vui vẻ nghĩ rằng sẽ gặp mẹ, ôm mẹ vào lòng, nhưng khi về quê thì mới biết chiến tranh đã thiêu rụi ngôi nhà và mẹ cũng đã chết từ lâu. Đoạn này dòng nhạc, lời ca chuyển thành thống thiết... thính giả chỉ còn biết lấy khăn lau nước mắt.

Một chuyện nhỏ. Nhanh trí. Trong một vở kịch, nghệ sĩ Trần Văn Trạch đóng vai một anh hùng trừ gian diệt bạo. Theo vở kịch là khi bắt được tên cướp... đưa cây súng sáu chĩa vào đầu tên ăn cướp, bóp cò, súng nổ, tên cướp ngã ra chết, đền mạng... Nhưng trớ trêu, đạn giả bị lép, súng không nổ trái với kịch bản... Trần Văn Trạch bình tĩnh không để cho vở kịch bị sượng nên lớn

tiếng nói với giọng kẻ cả, bảo tên cướp: *“Ha... ha... lần này ta tha cho ngươi, lần sau còn tái phạm ta không tha đâu... ha... ha...”*. Tên cướp lẽ ra khi súng nổ ngã lăn ra chết nhưng súng không nổ cũng lỡ bộ nhưng nghe Trần Văn Trạch cương một câu mừng quá cũng cương theo và xin... lạy Trần Văn Trạch cảm ơn cứu tử. Mãn hạ. Ông bầu... chịu quá. Khán giả không biết gì, cũng vỗ tay...

Một chuyện nhỏ. Bản nhạc *“Xổ số Kiến thiết”*, một bản nhạc “quảng cáo” thôi, tầm thường như vậy, thế mà vào tay của Trần Văn Trạch đã trở thành một ca khúc hay mãi đến bây giờ cũng không ai có thể hát được như vậy.

Một chuyện không nhỏ. Ngay khi còn nhỏ tập tành ca hát là Trần Văn Trạch, với giọng thiên phú nên bắt chước ca sĩ Pháp là Tino Rossi hát giọng ténor. Ca sĩ ténor Tino Rossi biết được điều này nên khi Trần Văn Trạch đến Pháp, chính Tino Rossi, không tị hiềm, lại tìm Trần Văn Trạch để lời khen ngợi và còn lăng-xê cho Trần Văn Trạch hát trên Radio, trên Têlê của Pháp.

Người đời ban tặng ông danh hiệu “quái kiệt” không ngoa và quái kiệt Trần Văn Trạch bị ung thư gan từ Mỹ trở về Paris chữa bệnh và đã mất vào ngày 12 tháng 4 năm 1994 ở tuổi 70. Và ông đã yên nghỉ tại nghĩa trang Valenton, Paris

3. DẤU CHÂN LỊCH SỬ

ANH HÙNG DÂN TỘC NGUYỄN HUỆ

Theo yêu cầu cứu viện của Nguyễn Ánh, vua Xiêm phái Chiêu Thăng và Chiêu Sương đem 5 vạn thủy lục quân sang chiếm thượng nguồn sông Tiền tấn công Mỹ Tho để tiến chiếm Sài Gòn. Được mệnh danh là thiên tài quân sự, từ ngoài Qui Nhơn lập tức vào Nam với chiến thuật tốc chiến tốc thắng, Nguyễn Huệ xua hai đạo quân, một dùng đường thủy vào Cửa Tiểu, một dùng đường bộ tiếp cận miền Đông để tiến về miền Tây và lập đại bản doanh tại vùng Mỹ Chánh.

Ở đây xin nêu một sự kiện vô cùng lý thú. Theo giáo sư Nguyễn Phan Quang trong kỷ yếu “Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút” của Tỉnh Tiền Giang 2005, khi đạo lục quân đến Gia Định, Nguyễn Huệ (tác giả Nguyễn Phan Quang chưa kiểm chứng), đã dùng con đường ngắn nhất để đến mặt trận mà ông đã chọn sẵn là vùng Rạch Gầm - Xoài Mút.

Đạo quân này không dùng con đường Cái, (gần như con đường Quốc lộ A 1 bây giờ), mà ông dùng con đường tắt, con đường thẳng, (con đường thẳng là con đường ngắn nhất), để chuyển quân từ Sài Gòn Gia Định đến thẳng vùng Rạch Gầm - Xoài Mút. Con đường này phải qua Đồng Tháp Mười (tác giả Nguyễn Phan Quang trích dẫn là “*băng qua bể Tháp Mười*”), tức nhiên vô cùng khó khăn vất vả nhưng gần nhất, nhanh nhất.

Nếu sự kiện này là đúng, thử so sánh hiện nay có công trình đang xây dựng con đường *Xa lộ Đông Tây*, chỉ lấy đoạn từ Miền Đông (Sài Gòn) đến xã Tam Hiệp, Chợ Bưng (huyện Châu

Thành, Tiền Giang) để đổ ra ngã tư Đồng Tâm (vùng Rạch Gầm – Xoài Mút), cũng qua Đồng Tháp Mười (bằng ngõ Đức Hòa, Bến Lức, Long An). Có phải chăng đây là con đường mà 226 năm trước nhà quân sự đại tài Nguyễn Huệ đã dùng để chuyển quân cũng từ Sài Gòn, cũng qua xã Tam Hiệp để tiến về Rạch Gầm - Xoài Mút? Nếu đúng như vậy thật là một sự trùng hợp vô cùng ư nghĩa.

Đó là một chi tiết về tài hành quân của Nguyễn Huệ, nhưng nội dung của bài này là nói đến bước chân của anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ cách nay trên 2 thế kỷ đã từng đến Mỹ Tho, đặt đại bản doanh tại Mỹ Chánh, một vùng bao gồm phường 8, phường 3, chùa Vĩnh Tràng, Cầu Vĩ, ấp Mỹ An (xã Mỹ Phong). Chỉ trong một ngày, ngày 19 rạng 20 tháng 1 năm 1785, (năm Ất Tỵ), Nguyễn Huệ đã đánh tan 5 vạn quân Xiêm trong trận thủy chiến Rạch Gầm - Xoài Mút, một chiến thắng lẫy lừng tại vùng đất Mỹ Tho này.

Mỹ Tho qua chiến thắng vang lừng Rạch Gầm - Xoài Mút, qua mưu lược quân sự áp dụng tốc chiến tốc thắng cho từng trận chiến của anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ, đã nổi tiếng với hai câu thơ xem như khẩu hiệu nung lòng quân dân, trong đó có nhân dân Mỹ Tho tham gia trận chiến:

*Chẻ tre bên sáo cho dày
Ngăn ngang sông Mỹ có ngày gặp nhau.*

Mỹ Tho có con đường mang tên Nguyễn Huệ, một đền Kỷ niệm ở Rạch Gầm và một trường Trung học mang tên Lê Ngọc Hân.

CHÚA NGUYỄN ÁNH

Thời kỳ Nam Bắc phân tranh đã đưa bước chân chúa Nguyễn Ánh vào Nam bốn ba khắp mọi miền đất nước nơi đây.

Nguyễn Ánh đã từng bị quân Tây Sơn lùng đuổi đây đó trên dải đất sông Tiền này. Một huyền thoại mà ai cũng biết, là có một lần chạy đến Xoài Hột, túng thế ông phải chung vào cái đại hồng chung của một ngôi chùa ở vùng Xoài Hột để trốn. Do đó sau khi thành lập Nhà Nguyễn, vua Gia Long ban chỉ sắc phong cho ngôi chùa này mà người dân gọi đơn giản là chùa Sắc Tứ (Sắc Tứ Linh Thú).

Có một lần Nguyễn Ánh chạy đến vàm của con sông Kỳ Hôn (sau đào thành kinh Chợ Gạo) một bên là Tân Mỹ Chánh, một bên là Xuân Đông. Thế cùng lực tận, Nguyễn Ánh cùng đoàn tùy tùng phải dùng thuyền nhỏ từ Vàm Kỳ Hôn sang sông Cửa Tiểu và Cửa Đại qua vùng Quới Sơn, Rạch Miễu, đến Bến Tre rồi Trà Vinh xuống Ba Động để ra biển tìm đường sang Xiêm cứu viện.

Sau chiến thắng vang lừng ở trận Rạch Gầm - Xoài Mút (1785), quân Tây Sơn rút về Trung, sau chiến thắng ở trận Đồng Đa (1789) và sau khi tức vị không bao lâu, vua Quang Trung băng hà (1792), chúa Nguyễn đã trở lại hoạt động ở miền Nam, lẽ tất nhiên ở vùng Mỹ Tho cùng với các vùng lân cận như Bình Cách, Tịnh Hà, Kỳ Hôn...

Trước 1975, Mỹ Tho có con đường mang tên Gia Long.

THỦ KHOA HUÂN

Nhớ năm xưa, trời đất Mỹ Tho, cù lao Rông lộng gió, sông nước Cửu Long, con người trấn Định đã tiễn biệt người anh hùng chống Pháp bất khuất Nguyễn Khoa Huân, từ vàm sông Bảo Định về Tịnh Hà đền nợ nước đúng vào đúng bóng (12 giờ trưa) ngày rằm tháng tư năm Ất Hợi (1875).

Người có để lại nhiều bài thơ, nhưng bài thơ mà hậu thế nhắc đến nhiều là bài thơ Tuyệt Mạng. Nguyên bản như sau:

TUYỆT MẠNG

Hản mã nan kham vị quốc cừu
Chỉ nhơn binh mã trí thân hưu
Anh hùng mạc bảo vinh dư luận
Võ trụ trường khang tiết nghĩa lưu
Vi bổ dĩ kinh hồ lỗ phách
Bất hàng cam đoạn tướng quân đầu
Đương niên Tho thủy lưu ba huyết
Long đảo thu giang khởi mộ sầu.

Bài thơ này đã được rất nhiều học giả dịch, trong đó có nhà sử học Trần Huy Liệu, giáo sư Phạm Thiều... Dưới đây xin trích lục bản dịch của Trần Huy Liệu, bản này được khắc dưới chân tượng của Người tại vòm sông Bảo Định, Mỹ Tho:

BÀI THƠ TUYỆT MẠNG

Ruổi dong vó ngựa báo thù chung
Binh bãi cho nên mạng mới cùng
Tiết nghĩa vẫn lưu trong vũ trụ
Hơn thua chỉ kể với anh hùng
Nổi xung mạt vĩa quân hồ lỗ
Quyết thác không hàng rặng núi sông
Tho thủy ngày nay pha máu đỏ
Đảo Rong hiu hắt ngọn thu phong.

Bản dịch này được phổ biến từ lâu. Trong bản dịch, dịch giả đã đổi thứ tự của câu 3 xuống câu 4 và ngược lại, có lẽ để tiện việc vận dụng vần *anh hùng* cho câu 4. Ngoài ra một số Hán tự như *hản mã* ở đây dịch là *vó ngựa*, *nan kham* dịch là *ruổi dong*. Câu 6, bỏ qua ý *cam đoạn tướng quân đầu* ... Hai câu chót bỏ qua hai từ không dịch là: *lưu ba* và *khởi mộ sầu*. Cũng như từ *Tho thủy* vẫn để nguyên là *Tho thủy* và *Long đảo* dịch là *đảo Rong*.

Một cư dân Mỹ Tho, một thầy giáo, cũng đã dịch bài thơ này với dụng ý sử dụng từ miền Nam cho gần gũi hơn với người địa phương, đồng thời không bỏ sót những ý của tác giả.

Bản dịch đó như sau:

THƠ TUYỆT MẠNG

Góp công ra sức trả thù chung
Thất thế đành cam bước phải cùng
Khí phách anh hùng lưu hậu thế
Đất trời tiết nghĩa tấm gương trong
Nổi xung măt vĩa quân man rợ
Cam chêt đầu rơi nợ núi sông
Giòng nước Mỹ Tho loang sóng máu
Cồn Rồng sâu muộn gọi thu phong.

Tại Mỹ Tho hiện thời có những công trình mang tên “Thủ Khoa Huân”. Đó là tượng Thủ Khoa Huân, đường Thủ Khoa Huân, trường Tiểu học Thủ Khoa Huân, công viên Thủ Khoa Huân. Còn ngôi mộ cận đền thờ Thủ Khoa Huân ở xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo và một ngôi nhà của những người cháu cố ngoại ở xã Mỹ Tịnh An thuộc huyện Chợ Gạo.

KINH LƯỢC SỬ PHAN THANH GIẢN

Phan Thanh Giản làm quan tại triều đình Huế, về Bảo Thạnh, Bến Tre để chịu tang mẹ. Ông đến vùng Mỹ Tho và bắt đầu dùng thuyền để về quê. Thuyền sang sông Cửa Tiểu và Cửa Đại đến sông Ba Lai, trời đã tối. Viên đồn trưởng bắt thuyền của ông đậu lại vì không cho ghe thuyền đi đêm. Viên hầu của ông định báo với viên đồn trưởng ông là quan lớn của triều đình, ông ngăn lại không cho.

Thọ tang mẹ xong, ông lại đáp thuyền theo đường sông cũ về Huế. Viên đồn trưởng sau khi ra lệnh cấm thuyền ông, biết ông là Kinh Lược Sứ của triều đình nên đón thuyền ông để chịu tội. Ông bảo: *“Nhà ngươi không có tội gì cả, trái lại có công, biết giữ gìn phép nước. Ta sẽ đề bạt cho ngươi thăng chức”*.

Mỹ Tho còn giữ con đường Phan Thanh Giản.

KỠ NGOẠI HẦU CƯỜNG ĐỀ

Kỳ Ngoại Hầu Cường Đề húy là Nguyễn Phúc Dân, sinh năm 1882 (Nhâm Ngọ) tại Huế. Trong phong trào Văn thân chống Pháp, vào cuối thập niên 1920, bị thực dân Pháp săn lùng, ông đến Chợ Gạo trú ngụ tại nhà của một nhà cách mạng, ông Hương trưởng Hoài. Người Pháp phát hiện, ông phải chạy qua vùng Rạch Miễu trú ẩn tại nhà của bà Sương Nguyệt Anh, nữ danh Nguyễn Thị Ngọc Khuê, ái nữ cụ Đồ Chiểu. Đêm đến người Pháp truy tầm đến đây và Kỳ Ngoại Hầu Cường Đề phải trốn trong một cái tủ, nhờ vậy thoát thân. Sau đó ông lưu vong sang Nhật Bản và mất tại Tokyo vào ngày 6.4.1951 (1 tháng 3 năm Tân Mùi) thọ 69 tuổi.

NHÀ CÁCH MẠNG TÔN DẬT TIÊN

Tôn Văn, Tôn Trung Sơn hay Tôn Dật Tiên là cha đẻ của Cách Mạng Trung Hoa, một thời được nhân dân Trung Hoa tôn là quốc phụ. Cách mạng tháng 10 thành công, ông trở thành Tổng thống nước Cộng Hòa Trung Hoa, nhưng sau đó bị Viên Thế Khải lật đổ, ông phải bôn ba hải ngoại. Đến Hồng Kông, rồi sang Nhật, lại có một thời gian ngắn đến Sài Gòn (khoảng đầu thập niên của thế kỷ XX). Để tránh sự theo dõi của người Pháp, ông

phải đến Mỹ Tho và ngụ tại khách sạn của một người đồng hương (Trung Hoa) mà cũng là đồng bang (đồng tỉnh, tỉnh Quảng Đông). Khách sạn này hiệu là “Đồng Bang” mà người dân lúc bấy giờ thường nô nức gọi là phòng ngủ “Đồng Bang”

Khách sạn này đối diện với ga xe lửa Sài Gòn - Mỹ Tho, hiện giờ là căn phố ở gần khách sạn Mỹ Tho, công viên Lạc Hồng hay công viên Thủ Khoa Huân ngày nay.

Theo tập tục, người Hoa vô cùng hãnh diện khi được một vị quyền cao chức trọng phác họa bản thảo tên cửa hiệu mình để khắc vào bảng sơn son thếp vàng treo trước cửa hàng như tiệm buôn, khách sạn... để làm bảng hiệu. Do đó ông có phác họa hai chữ “Đồng Bang” giúp người chủ khách sạn thực hiện bảng hiệu của mình.

Bước chân của nhà cách mạng tất nhiên rất bí mật nên không ai biết ông đến và ông rời khỏi Mỹ Tho lúc nào. Có điều tấm bảng hiệu “Đồng Bang” do ông viết vẫn còn được treo nơi đó cho đến năm 1958. Năm đó thành phố Mỹ Tho có một đợt chỉnh trang, đồng thời với việc thành lập công viên Lạc Hồng, do đó tấm bảng hiệu lịch sử đó được gỡ đi và có người đến tìm kiếm, để sưu tầm nhưng chủ nhân bảo là đã thất lạc đâu rồi.

NHÀ VĂN PIERRE LOTI

Xin nói trước đại tá hải quân Pháp này đến Mỹ Tho không phải để đánh giặc. Pierre Loti tên thật là Julien Viaud Loti (1850-1923) phục vụ trong hải quân Pháp lên đến cấp bậc đại tá, đồng thời là một nhà văn lớn của nước Pháp với nhiều tác phẩm mang tính hoài cảm sâu đậm.

Khi đã về hưu, ông qua Đông Dương đến Mỹ Tho vào đầu thế kỷ XX bằng xe lửa, tiếp tục ngược dòng Cửu Long lên Cao

Miên (Căm-pu-chia) bằng tàu Lục Tỉnh, với mục đích nghiên cứu sông Cửu Long.

Về Pháp ông có viết một cuốn hồi ký mang tên *Le Mékong* (sông Cửu Long). Trong quyển sách này ông có tả tỉ mỉ thành phố Mỹ Tho, ga xe lửa, bến tàu Lục tỉnh và chiếc tàu xà lúp (*chaloupe*) mà ông đã đi lên Nam Vang tức là Phnôm Penh, Căm-pu-chia.

MARCEL CACHIN VÀ NGUYỄN AN NINH

Marcel Cachin (1869-1958) đảng viên đảng Xã hội Pháp, người đứng đầu trong kỳ đại hội đảng Xã hội ở Tours (Pháp) đã thắng phiếu trong việc thành lập đảng Cộng sản Pháp. Sau đó ông là chủ nhiệm tờ báo *L'humanité* (Nhân Đạo), cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Pháp, vẫn còn tồn tại đến ngày nay.

Marcel Cachin đến Việt Nam và đã cùng Nguyễn An Ninh - một nhà cách mạng chống Pháp - đến Mỹ Tho vào khoảng 1920. Đêm đến cả hai đến bung-ga-lô (*bungalow*) một loại khách sạn nhà hàng sang trọng ở Mỹ Tho do người Pháp quản lý. Loại bung-ga-lô này lúc bấy giờ chỉ tiếp khách Pháp và tây phương mà thôi ; Người Á Châu chỉ có người Nhật mới có quyền vào cùng với số người Việt Nam có quốc tịch Pháp.

Marcel Cachin cùng với Nguyễn An Ninh đến để xin qua đêm nhưng chỉ có một mình Marcel Cachin được chấp nhận, còn Nguyễn An Ninh bị mời ra. Nguyễn An Ninh buộc lòng phải qua Xóm Dầu, phường 8 bấy giờ, để qua đêm.

Sau tháng 4-1975 bungalow đó một phần là nhà sách Nhân dân, đối diện với công viên Lạc Hồng. Đến nay, ngôi nhà này bị bỏ quên đã xuống cấp trầm trọng tuy nhiên vẫn còn cho thấy được lối kiến trúc đẹp của người Pháp.

Trở về Pháp, Marcel Cachin viết một cuốn sách tựa là *L'Indochine* (Đông Dương) trong đó ông chỉ trích và buộc tội nhà cầm quyền thực dân ở Đông Dương về mọi mặt trong đó có nhắc đến việc Nguyễn An Ninh không được cho vào trong một khách sạn chỉ dành cho người Pháp và cho đó là hình thức kỳ thị chủng tộc.

Mỹ Tho có con đường Nguyễn An Ninh.

4. NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

NGƯỜI PHÁP

Cùng theo chân nhà cầm quyền Pháp còn có những người Pháp kinh doanh (colon) như thằng tây hăng xáng, thằng tây nhà đèn, thằng tây góp chợ...

Chỗ này tôi xin nói rõ không biết tại sao ta có một thói quen hơi kỳ thị một chút. Ta có thói quen về danh gọi các ngoại kiều ở Việt Nam thời bấy giờ như sau: Người Hoa được ta gọi là... chú như *chú chệt*, *chú tưng*, *chú ba* để thành *ba tàu*, *thím Xước*. *chú Thoòng*, (người Hoa thường gọi nhau bằng tên hay họ). Người Ấn Độ được ta gọi là... anh, như *anh bảy*, *anh bảy cà ri*, *anh bảy bánh rế*, *anh bảy chà và*. Còn người Pháp mặc dù là thực dân, quyền cao chức trọng mà ta lại gọi là... thằng, như *thằng tây hăng xáng*, *thằng tây kho bạc*, *thằng tây góp chợ*... Không biết tại sao ta có một lối phân biệt trong lối xã giao như vậy, vì người Việt Nam ta rất cẩn trọng trong lối xưng hô mà!

Trở lại chuyện nếp sống của Pháp kiều. Người Pháp trong giới cầm quyền ở Mỹ Tho rất “chính trị”, lúc nào họ cũng tìm cách thu phục nhân tâm. Vào cuối thập niên 1930, Mỹ Tho có phong trào Nam kỳ Khởi nghĩa, họ cử *Georges Catroux*, đảng viên đảng xã hội Pháp làm tỉnh trưởng tại Mỹ Tho. Nhân ngày lễ kỷ yên ở đình Điều Hòa, ông ta đến lễ Thần nhang đèn khăn vái cẩn thận. *Catroux* sau được cử lên đến chức toàn quyền Đông Dương rồi toàn quyền Algérie, sau đó theo *Charles de Gaulle* chống Đức với chức đại tướng, chết vào năm 1969.

Còn những người Pháp bình thường thì sao?

Pháp kiều ở Mỹ Tho, những người Pháp bình thường, cũng có người cưới vợ Việt Nam sống trong cộng đồng Việt Nam nhưng họ ít khi giao thiệp với người Việt Nam ngoài những người Việt Nam làm công chức cao cấp, nhưng thực sự không ai thấy họ có hành động kỳ thị rõ nét nào đối với dân chúng.

Người Pháp chiếm đóng Mỹ Tho đến nay đã hơn một thế kỷ rồi và lịch sử đã sang trang, tuy nhiên họ cũng còn để lại trong ta một ít dư âm xấu tốt, vui buồn. Ở đây xin kể một vài giai thoại dân gian khá thú vị.

RƯỢU TĂNG CƯỜNG SINH LỰC

Thăng tây tào cáo - bắt chước thời xưa gọi như vậy - thật sự là một trường ty quan thuế (hải quan) chuyên lòng bắt đồ lậu thuế hay cấm sản xuất trong đó có rượu lậu. Một hôm ông ta lên Đồng Tháp Mười bắt rượu lậu. Nông dân địa phương chiêu đãi ông ta bằng một cử nhậu thịt rùa, thịt rắn, thịt chuột... tung bùng. Trong bữa tiệc ông được mời uống một thứ rượu mà người dân nói là tăng cường sinh lực.

Trước khi ra về, dân làng còn biếu ông một keo rượu tăng cường sinh lực này, được bọc kín trong giấy cẩn thận. Ông đã say túy lúy còn ôm kè kè keo rượu xem bộ đặc ý lắm. Về đến nhà nằm lăn ra ngủ đến tối tỉnh dậy, bà vợ đầm gọi ra ăn cơm. Ngồi vào bàn ăn, nhớ ra nên bảo vợ vào trong lấy keo rượu mà những người nông dân tốt bụng đã tặng. Bà vợ khệ nệ bung keo rượu ra và chính anh ta hăm hở mở giấy bao ra cầm lên định rót vào ly thì... bỗng nghe bà vợ ông thét lên một tiếng kinh hoàng. Ông ta vội nhìn vào keo rượu thì thấy gần nửa keo toàn là... chuột con lúc nhúc đỏ choét. Tới phiên ông ta thét lên một tiếng cũng không kém kinh hoàng và ới mưa đến tận mặt xanh.

TRÂU GIÀ KHÔNG NỆ DAO PHAY

Một thầy giáo làng, thầy Đặng, sau buổi học sáng, ở lại trường để dạy buổi chiều. Sau cơm trưa thầy giảng một cái vỗng trong lớp sau tấm bảng đen đánh một giấc say sưa. Hai giờ trưa, một thanh tra người Pháp, ông Truchet, đến trường để “xét” thầy. Học trò đông đủ, đang chơi giỡn ngoài sân, đã quá giờ “đông học” mà thầy giáo... đầu mắt tiêu. Ông thanh tra nhờ thầy thư ký, thầy Nam, hỏi học trò xem thầy giáo đâu? Học trò thưa là thầy còn ngủ.

Thầy thư ký vào lớp, ra sau bảng đen thấy thầy đang ngủ ngon lành, đánh thức thầy dậy và bảo là có ông thanh tra Tây đến xét lớp. Ông thanh tra phải đợi thầy thay đổi áo quần tươm tất mới ra chào mình nên cũng thấy... quạu rồi. Khi thấy thầy giáo đứng đĩnh đi ra, ông thanh tra xỏ một tràng tiếng tây dài nhằng với cái vẻ hằn học trách mắng của kẻ bề trên. Bị xạc-cà-rây (*charger* là xài xẻ) trước mặt học trò, thầy giáo nhà ta nổi đóa lên bảo thẳng với ông thanh tra bằng một câu tiếng Pháp không kém phần hùng hồn:

- *Moa xăng phú trà quay dê. Tằng pi toa. Moa vi-ơ buurt-lờ nơ cranh-pa cu-tô. Côm-pri? Phú lê-căn!* (Tôi đếch cần làm việc. Kệ ông. Trâu già không nệ dao phay(*Vieux buffle ne craint pas couteau*)... Biết chưa? Đi đi!)

Ông tây già nghe một hơi tiếng tây có cái gì dao mác (cu-tô *couteau* tức là dao) trong đó, lại nhìn vẻ mặt ông thầy giáo đang giận dữ, nên sợ thầy giáo dùng dao chém mình nên ông ta cũng sợ ra về không dám ở lại xét lớp nữa.

Về văn phòng, ông thanh tra thuật lại câu nói của thầy giáo cho các thanh tra người Việt Nam nghe và hỏi có phải thầy giáo đó định dùng dao đâm ông phải không? Ai nấy rũ ra cười...

NGƯỜI HOA

Người Hoa đến nước ta không biết vào lúc nào vì họ vốn là giống dân thiên cư bầm tính. Có người nói rằng: Nơi nào có khói là có người Hoa. Lịch sử còn cho ta biết vào thế kỷ thứ XVII, hai tướng nhà Minh thất bại trong phong trào Phục Minh Kháng Thanh xin chúa Nguyễn cho vào lánh cư tại Việt Nam. Do đó tướng Trần Thượng Xuyên cùng đoàn tùy tùng đến vùng Đồng Nai Biên Hòa tại Cù Lao Phố. Trong khi đó tướng Dương Ngạn Địch được cho vào Mỹ Chánh thuộc trấn Định Tường, tiền thân của Mỹ Tho bây giờ.

Thời thuộc Pháp, người Hoa cũng vào Việt Nam khá dễ dàng. Chính quyền Pháp lúc bấy giờ dường như cho cộng đồng người Hoa được tự trị có hạn chế. Dân tộc Hoa chia làm 5 bang: bang Quảng Đông, bang Phước Kiến, bang Triều Châu, bang Hẹ, bang Hải Nam. Trong số này, 2 bang Quảng Đông và Phước Kiến là lớn nhất và đông dân nhất. Mỗi Bang có một Bang trưởng do họ cử lấy và ông này có đầy đủ thẩm quyền của một chính quyền: Cấp căn cước, quản lý hộ khẩu trong cộng đồng, hướng dẫn chỉ đạo trong mọi hoạt động như thương mại, kinh tế, công kỹ nghệ cả trong lĩnh vực văn hóa, tín ngưỡng.

Người Hoa vào Việt Nam thích ứng nhanh chóng với nếp sống Việt Nam. Họ lập gia đình với phụ nữ Việt Nam sinh con, đẻ cháu. Có người còn giữ lối sống người Hoa, có người để cho con cái theo lối sống bên vợ như một gia đình Việt Nam chính thống. Họ vào Việt Nam với hai bàn tay trắng khi tuổi còn quá trẻ, một thân một mình ngoài cái ý chí sắt đá là làm giàu... họ không có gì cả. Từ thôn quê hẻo lánh ta thấy có chú Xôi bán thịt heo, chú Ná thiến heo, chú Nhí bán hàng xén hay چاپ phô hay tạp hóa... đến thành thị có chú Cứng mua lông gà lông vịt, thím Xước chủ trại cua, ông Liễn chủ lò tương chao, ông Bang Hoạch chủ lò gạch... nghĩa là tất cả các ngành công, kỹ nghệ, thương

mãi, kinh tế từ thượng vàng hạ cám là người Hoa nắm giữ , khai thác và làm giàu.

Ở Sài Gòn chú từng Hui Bon Hỏa đến Việt Nam với hai cần xé và một đòn gánh, không bao lâu trở thành một đại phú gia mà cơ sở kinh doanh của ông lúc bấy giờ nức tiếng không những chỉ ở Việt Nam, ở Đông Dương, ở Đông Nam Á mà còn toả sáng cả ở Hồng Kông, Singapore và... Paris! Một trăm năm qua mà di sản của ông còn lại là Bệnh viện Đô thành, cùng với một hệ thống biệt thự hiện đại vẫn của ông còn ở Quận I Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay.

Ta trở lại người Hoa ở Mỹ Tho.

CHẠP PHÔ.

Hiệu Quảng Nguyên Hòa là một tiệm hàng xén, còn gọi là tạp hóa do từ Quảng là chap phô có nghĩa là bán đủ thứ hằm-bà-lăng hơn cả siêu thị đời nay. Từ thực phẩm bình dân như chao, tương, củ cải muối, tàu hủ ki, cải bắp thảo... cho đến dụng cụ đủ thứ nghề: cưa, đục, bào, dũa... cho thợ mộc, chài, lưới, lưỡi câu, cần câu... cho nghề đánh bắt cá... cuốc xuống, dao kéo, lưỡi cày, lưỡi hái cho nông dân có cả đèn đóm cho nhà cửa, cho ghe tàu... rồi cả tơ lụa vải sồi, dù nón... cho đến cây kim sợi chỉ... không thiếu một vật gì.

Cả một cửa hàng bẽ bộn phức tạp như vậy mà dường như không có một tổ chức quản lý cho ra hồn, không có một sự sắp xếp nào cả... lung tung, bát nháo cả lên. Vậy mà đâu vào đấy không suy suyển, không mất mát, không thất thoát... hàng năm chủ nhân vẫn có lời và lời nhiều là khác. Ta thử nhìn lại công cuộc làm ăn của tiệm chap phô này. Ai cũng có thể bán hàng từ ông chủ, bà chủ, con cháu kể cả thằng từng làm công và ai cũng có thể thu tiền mà không cần có sự kiểm soát của ai. Tiền xu và tiền các lúc bấy giờ rất thanh hành nên khi bán ra một vật gì,

người thu tiền không cần tủ tiền không cần két bạc gì cả... chỉ thấy mấy đồng xu vào một ống tre bè to lớn trống ruột cao cỡ 1,20 m đặt đầu đó giữa nhà. Hệ thống tủ tiền lạ lùng này vô cùng đơn giản nhưng kẻ gian không thể thò tay đến đáy ống tre để ăn cắp tiền được. Chiều lại, ống tre này được trút ra, ông chủ chỉ có đếm tiền và bỏ vào hũ bao.

Sổ sách ư? Không có sổ sách gì cả. Chỉ có một bản toán và mấy tờ giấy vụn. Ông chủ đi bỏ hàng có cái toa tức là hóa đơn, huệch hoặc mấy chữ Tàu đem về, ông ấn vào cây đinh 1 tắc đóng lưng chừng vào cây cột nhà là xong. Còn khi ông chủ bán hàng cho ai mà còn thiếu tiền, cũng vậy, một cái toa viết trên tờ lịch cũ lại được găm vào cây đinh đó để khi khách trả tiền ông chủ chỉ đến cây đinh đó lấy toa lên coi, thu tiền rồi vò bỏ. Không gì tiện lợi hơn, không gì nhanh chóng hơn, không hề cảnh đôi co cãi vả nào cả giữa người bán và người mua. Như vậy đó, hiệu Quang Nguyên Hòa càng ngày càng phát đạt, mở rộng, lên lầu, lập ra hai ba tiệm mới cho con cho cháu.

TIỆM TƯƠNG LIỄN TRÂN

Óc thực tiễn của người Hoa thì vô lường. Thế kỷ trước đây dân Mỹ Tho chúng ta cũng như hầu hết các nơi khác còn thiếu ăn thiếu mặc. Mặc không đủ ấm, ăn không đủ no có đâu đòi hỏi cao lương mỹ vị. Vậy một người Hoa chớp ngay cơ hội này sản xuất một thực phẩm hợp khẩu vị, đầy đủ dinh dưỡng, cung cấp bất cứ lúc nào nếu cần và nhất là... hợp với túi tiền dân lao động. Đó là tương và chao. Thế là lò tương và chao của hiệu Liễn Trân ra đời mà sản phẩm “thức ăn liền” này phục vụ hàng ngày cho trên dưới 20% số lượng hộ gia đình nghèo chỉ cần có cái ăn để sống. Nói như vậy để chúng ta thử co tay tính hàng ngày lò tương chao Liễn Trân này thu hoạch bao nhiêu.

Trải qua một thế kỷ, sau bao nhiêu thay đổi hiệu Liễn Trân này vẫn còn hoạt động nhưng vì mức sống người dân hiện giờ có khác nên Liễn Trân không còn hoạt động mạnh như xưa.

TIỆM CẦM ĐỒ

Như trên có nói về đại phú gia Hui Bon Hỏa ở Sài Gòn khi trở thành nhà kinh tế bậc nhất nhì ở Việt Nam rồi, chú Hỏa, người ta thường gọi như vậy, liền có một sáng kiến, luôn luôn người Hoa có sáng kiến, móc túi... nhà giàu. Ông mở ra tiệm cầm đồ ở hầu hết các thành phố lớn ở Việt từ Nam ra Bắc. Không phải là tiệm cầm đồ mang tên tây là brô-căn-tơ (brocanteur) tầm thường, chuyên cầm các món linh tinh như quần áo, lục bình, vại món nữ trang mà là loại tiệm cầm đồ có tầm vóc qui mô, số vốn lên bạc triệu thời bấy giờ. Nó mang tên tây là Mong-đơ-piê-tê (Mont de piété) nếu dịch ra tiếng Việt thì nghe rất nhân đạo. Đó là “Nơi Dâng Lòng Tin”. Không biết lòng tin đặt vào đâu nhưng chỉ biết là ai vào đây cầm cổ vàng bạc ruộng nương, là chỉ trong thời gian ngắn là tiền lãi thôi cũng đủ làm cho họ tiêu tan sạt nghiệp.

Tiệm cầm đồ Chú Hỏa ở Mỹ Tho có trụ sở là một tòa lầu hai tầng chiếm ngay trung tâm thành phố lúc bấy giờ vào khoảng thập niên 1920-1945, tọa lạc tại ngã tư hai con đường lớn là đường Desvaux (Thủ Khoa Huân) và Ariès (Lê Lợi). Sau 1945 cơ sở này bán cho Bộ Giáo dục dùng làm khu nhà ở cho các giáo sư Trường Trung học Nguyễn Đình Chiểu, sau 1975 là Phòng Giáo dục Thành phố Mỹ Tho, sau đó là Công ty Xổ số Kiến thiết Tiền Giang.

NGƯỜI ẤN

Người Ấn đến Việt Nam thường được gọi là người Chà hay Chà Và vì ta có thể lầm lẫn với người Gia va (*Java*) vốn dĩ là giống dân Pô-li-nê-si-a (*Polynésie*), người Nam Dương hay In-đô-nê-si-a (*Indonésie*), người Mã Lai (*Malaysia*)... cũng có đến Việt Nam mà ngày xưa ta thường gọi là người “*miền dưới*”. Người Ấn và người Miền Dưới giống nhau ở chỗ đội mũ ống, mặc xà rong, nhưng nước da người Ấn đen hơn người Miền Dưới.

Người Ấn từ Ấn Độ đến Mỹ Tho lúc bấy giờ phần lớn trong lãnh thổ thuộc địa của Anh nói tiếng Anh, còn người thuộc *Pondichéry* vốn là thuộc địa của Pháp nói tiếng Pháp. Ngoài ra người Ấn có hai tôn giáo hoàn toàn khác nhau, xung khắc nhau như nước với lửa: Ấn giáo và Hồi giáo. Mãi đến năm 1947, người Anh trả quyền độc lập cho Ấn Độ và vì sự tương phản của hai tôn giáo nên Ấn Độ được chia ra làm hai: Ấn Độ (*Inde*) theo Ấn giáo và Pa-kít-tăng (*Pakistan*) theo Hồi giáo như ngày nay. Tuy nhiên sự xung khắc tôn giáo này vẫn còn âm ỉ đến bây giờ. Ấn kiều ở miền Nam sau đó bị trục xuất về nước vì lý do chính trị và sau đó từ ngày Việt Nam thống nhất đất nước vào năm 1975, Ấn kiều không còn có mặt ở Mỹ Tho nữa, ngoại trừ con cháu của họ còn rất ít, giờ đã là người Việt Nam.

Ấn kiều hay Hoa kiều đến Việt Nam vẫn cùng chung một mục đích là làm giàu nhưng mỗi người một phương thức khác nhau và một lối sống khác nhau. Nếu người Hoa chuyên về đầu tư mại bản từ qui mô lớn lao cho đến những cơ sở buôn bán nhỏ lẻ tèo trong cộng đồng lao động Việt Nam, thì Ấn kiều chỉ chủ trương làm ăn lớn ở các đô thị và chú trọng vào mấy ngành như mua bán vải sợi tơ lụa, cho vay, đầu thầu chợ và đồ...

Mỹ Tho thuở bấy giờ, tại đường Trung Trắc từ dốc cầu Quay vào chợ toàn là tiệm vải sợi, tơ lụa của người Ấn. Đây là những tiệm rất lớn bán đủ mọi thứ vải vóc của Ấn độ, và họ có đặc điểm là không hề bán sản phẩm nào khác hơn là sản phẩm

của nước họ. Thật sự, lúc bấy giờ công nghiệp vải sợi, tơ lụa của người Ấn rất có giá trị trên thị trường quốc tế.

Ta thử vào một cửa hiệu bán vải sợi của người Ấn ở Mỹ Tho. Trong tiệm hai bên tường trong tủ kiếng toàn là hàng tơ lụa đắt tiền đa số nhập từ Ấn như Bôm-bay (*Bombay*), Bông-đi-sê-ri (*Pondichéry*) Cát-sơ-mia (*Cachemire*)... Vào tiệm vải của anh Bảy, ta thường gọi người Ấn như vậy, và anh Bảy sẽ nói một tràng tiếng Việt như thế này *Arrr hay Hairrr* (hay cô Hai hay anh Hai hay bà Hai... ai cũng thứ hai cả) *muarrrr đi córrrr đứrrrr thứrrrr hàngrrrr tốtrrrr, hàngrrrr Bombayrrrr Pondichéry rrrrrr, Cát sơ mia rrrrrr, rrrrrrrrrr lắm, rrrrrrrrrr lắm rrrrrđây...* Ta có thể hiểu như sau: Thầy Hai, cô Hai, Bà Hai... mua đi có đủ thứ hàng tốt lắm đây. Hàng Bom-bay, hàng Pong-đi-sê-ri, hàng Cát-sơ-mia, rẽ lắm đây...

Anh Bảy ngồi trên bộ ván, tay cầm cây thước tây, lết tới lết lui trên bộ ván đó để đo vải bán cho khách, đến nỗi bộ ván lên nước bóng lưỡng. Có một điều là khi đến mua vải bao nhiêu lần ở cửa hàng người Ấn, chúng ta không hề thấy bóng dáng người vợ của họ dù là người Ấn hay người Việt.

NGƯỜI NHẬT

Trong Thế chiến thứ II, trước khi Nhật Bản bất ngờ tấn công căn cứ hải quân Mỹ tại đảo Oahu thuộc Hawaii vào ngày 7.12.1941, khiến cho Mỹ phải nhảy vào cuộc chiến, thì ngay từ năm 1939 sau khi đánh chiếm Trung Hoa, quân đội Nhật đã sớm tiến vào Đông Dương.

Cũng như các nơi khác trên toàn cõi Đông Dương, mặc dù Việt Nam vẫn còn nằm trong tay thực dân nhưng quân đội Pháp đành bất lực vì thời điểm đó nước Pháp rất yếu, Đức đang chiếm

đóng nước Pháp, nên quân đội Nhật mặc tình thao túng ở Việt Nam, họ có mặt trên khắp lãnh thổ kể cả Mỹ Tho.

Đến Mỹ Tho, quân Nhật chiếm trường Nguyễn Đình Chiểu, học sinh phải dời về học tạm tại công sở làng Điều Hòa và đình Điều Hòa. Họ bố trí các nơi đồn trú cho quân đội, tổ chức những cửa hàng quân tiếp vụ. Họ cũng có mở những cửa hàng phục vụ cho dân chúng. Chẳng hạn họ chiếm một căn phố lâu tại góc đường Trung Trắc và Võ Tánh Bắc của chợ Mỹ Tho, đặt một cửa hiệu khá lớn, theo thời bấy giờ, đặt tên là Dainan Kosi (Đại Nam Công ty). Họ cũng có mở lớp dạy tiếng Nhật cho công chức và người dân.

Một vài dấu ấn trong thời gian quân đội Nhật trú đóng tại Mỹ Tho. Không biết họ đem giống ngựa ở đâu, có người bảo là họ đem từ Mông Cổ đến. Giống ngựa này to lớn khác thường, một người lính Nhật trung bình đứng dưới bụng của nó. Họ chặn nó tại những bãi cỏ ngay trong thành phố lúc đó còn khá hoang sơ, như ở cầu bắc cũ, hay góc đường Nguyễn Huệ-Ngô Quyền bây giờ... Sáng họ dẫn đàn ngựa này vào ruộng vườn trong Gò Cát, Trung Lương để quần chúng, săn sóc chúng và cho chúng ăn cỏ, rơm rạ.

Sĩ quan Nhật mang gươm, ai cũng biết. Cũng có một số ít người Việt Nam theo họ và được cấp gươm. Nhưng người Việt Nam nhỏ con hơn, mặc bộ đồ lính Nhật màu cứt ngựa rộng thùng thình, đội mũ vải quá khổ, bên hông đeo cây gươm dài quá khổ so với hai chân quá thấp, nên khi những ông sĩ quan Nhật lô-canh này đi ngoài đường đến đâu, ta nghe tiếng lèng kèng lèng kèng do chuỗi gươm kéo lê trên mặt đường.

Ngày 8 tháng 3 năm 1945, quân đội Nhật đảo chánh lật đổ chính quyền thực dân Pháp. Chỉ trong một đêm công cuộc đảo chánh hoàn thành tại thành phố Mỹ Tho. Chính quyền tỉnh Mỹ Tho được Nhật trao cho người Việt Nam và tất nhiên dưới sự giám sát của họ. Tất cả người Pháp kể cả quân lính và một ít người Việt quá thân Pháp bị bắt đem trói trước thành lính tập để

làm gì? Họ không làm gì cả chỉ bắt ô kiến vàng để dưới chân những người tù binh này cho kiến cắn coi chơi. Một cách xử lý hi hữu!

Sau khi tham gia trận chiến giữa Xiêm và Cao Miên ở vịnh Xiêm La (*Golfe de Siam, vịnh Thái Lan bây giờ*), để tránh sự không kích của phi cơ Mỹ sau đó, chiến hạm *Amiral Charner* treo cờ Pháp trốn vào sâu trong nội địa Việt Nam, đến tận Mỹ Tho đậu bên kia cồn Rồng. Tại Mỹ Tho, hải quân Nhật không phải là đối thủ của loại chiến hạm to lớn này, cho nên sáng hôm sau, 3 chiếc máy bay phóng pháo của Nhật từ Sài Gòn xuống thanh toán nốt lực lượng cuối cùng của Pháp ở Mỹ Tho trên sông Cửu Long. Chiến hạm này tự hủy và viên hạm trưởng tự sát theo tàu. Số thủy thủ sau đó bị Nhật bắt làm tù binh. Cuối năm 1945, người Nhật cũng rút khỏi Mỹ Tho sau khi quân Nhật đầu hàng Đồng Minh.

Xác chiếc chiến hạm Pháp này bị người Nhật đánh chìm còn nằm bên kia cồn Rồng từ 1945 cho mãi đến sau. Một điều trớ trêu lý thú là sau 1975 cũng chính người Nhật trở lại Mỹ Tho, trục vớt xác chiếc tàu định mệnh này để mua sắt vụn.

Đến bây giờ, dường như Mỹ Tho không còn một dấu vết nào của sự hiện diện của quân đội Nhật Bản cả.

Phần ba

VĂN XUÔI

TRUYỆN NGẮN

1. NHỮNG MẢNH ĐỜI



5 XU
CHO MỘT MỐI TÌNH

Y như rằng cứ năm ba ngày, gần như đúng thời điểm qui ước lối 9, 10 giờ sáng trong một khu vườn dừa vắng vẻ, là tôi thấy thằng cha Bỏ Lác mình trần trụi trụi, chỉ một cái quần đùi lửng cững để bày ra những chỗ không che đậy những mảng da sần sùi đầy lác, ung ửng đỏ chỗ này, xám xịt chỗ kia, nhầy nhụa chỗ nọ... lững thững đi ra hướng bờ sông.

Rồi cũng y như rằng sau đó vài phút con mẹ Út Diệu lại theo con đường của thằng cha Bỏ Lác này ra bờ sông. Cũng nên nhìn kỹ con mẹ Út Diệu này một chút. Thoạt nhìn ta thấy ả ta với bộ quần áo te tua, rách nát, đầu tóc rối bù, thì quả thật con mẹ này

không có chỗ xếp hạng trong cái xã hội dù là cái xã hội cùng cực ở cái hốc bà tó hẻo lánh này, nhưng nếu nhìn kỹ một chút, mà phải với đôi mắt cảm quan của một thằng đàn ông chính cống, thì lại khác. Chính là dáng vóc của một E-va, đầy thắt lưng ong, thêm vào cái áo túi cũn cỡn lại rách toạc một đường dưới nách, vô tình để lộ một phần hình hài với đầy đủ sức khêu gợi cho đám mày râu. Chưa hết, qua vẻ mặt dù có biến đổi với thời gian, tiêu tụy vì cơ cực nhưng còn sót lại ở con mẹ này đôi mắt lá răm muôn đời quyến rũ.

Có một cuộc hò hẹn nào cho hai người này chẳng? Nếu không sao lại có sự trùng hợp về thời điểm và địa điểm khít khao như thế? Mà hẹn để làm gì ngoài kia bờ sông vắng lặng chỉ có sóng vỗ bờ xa, gió ghènh lau lách. Nói quấy mà nghe, Út Diệu cũng đang có chồng sờ sờ ra đó không lẽ đi ngoại tình? Mà dù có tư tình thì trời đất quỷ thần ơi hết đàn ông rồi sao mà quơ thằng cha Bỏ Lác này với hình hài của thằng chả như vậy mà làm sao có thể ca bài ca con cá... tình... nào cho anh... tình nào cho em!!! Thì quả là khó hiểu.

Tôi không dẫn được sự tò mò lần theo dấu hai người. Nơi đây tôi có một cái chòi chứa củi nhỏ đủ chỗ chứa năm ba bó lá dừa, mấy chục ôm củi khô phòng khi mùa mưa gió hàng năm. Tôi vào trong chòi củi, vừa đứng lúc tôi nghe tiếng thì thầm phía sau tấm vách lá, nơi đây có một cây dừa de ra mé sông. “Làm cho rồi đi”. “Gì gấp dữ vậy?”. Lại nghe “Thằng chả ở nhà từ sáng tới giờ chưa ăn cơm”. “Ừa thì làm, mẹ tổ hồi hoài, mất hứng, xụi lơ”. Đúng là giọng nói của hai người mà tôi theo dõi đây.

Thế là tôi hiểu. Một cuộc hò hẹn trai gái. Không lạ gì chuyện này. Ở thôn quê tôi ngày xưa chuyện trai gái, gà vịt... xảy ra như cơm bữa, với bất cứ thành phần nào. Từ những ông già đạo mạo, những ông làng ông xã, những tay địa chủ giàu có, những thằng lưu manh cờ bạc rượu chè cho đến những bà góa chồng, những bà còn chồng mà còn rưng mỡ cả đến những cô cậu choai choai... vẫn vụng trộm mèo mả gà đồng.

Thế nhưng cái cặp này sao tôi thấy không nằm trong đôi tượng nêu trên. Nhưng thôi, chuyện đời mà cái gì cũng có thể xảy ra. Nhân tình thế thái mà. Tôi mãi suy nghĩ viên vòng thì tôi lại nghe không phải thì thăm nữa mà có lẽ hai anh chị nghĩ là nơi đây là giang sơn hay là đỉnh vu sơn của riêng mình nên thản nhiên lớn tiếng như trong buồng riêng hay chỗ không người. “Sướng hông”. “Lẹ lẹ đi cha nội”. “Thấp xuống một chút đi. Ừ được rồi”.

Rồi im lặng. Một lúc lâu sau tôi lại nghe. “Mốt tao qua nữa”. “Đưa tiền đi”. “Nè”. Thế rồi sau đó nhìn từ nhà củi, tôi thấy kẻ trước người sau đứng đỉnh theo lối mòn cũ ra về. Cái vạt áo sau của con mẹ Út Diệu còn vắt trong quần. Tôi cũng ôm vôi vãi bó củi đem về nhà.

Bỏ Lác không biết ai sanh ai đẻ mà vừa mấy ngày chào đời đã được quấn trong một cái khăn tắm mỏng te bỏ ngoài chợ. Một bà bán cháo lòng thấy không ai nhận nên ôm về nuôi đặt tên là Bỏ, ư muốn nói là thằng nhỏ bị bỏ ngoài chợ. Bà không con, nhà cũng không khá giả gì. Vợ bán cháo lòng buổi sáng. Chồng làm thuê làm mướn suốt ngày. Bỏ Lác vẫn sống, vẫn lớn theo năm tháng nhưng eo uột, ốm yếu và bị lác ăn từ 7, 8 tuổi. Lác càng ngày càng lan rộng, từ tay chân mình mẩy, trong nách, trong háng kể cả các chỗ kín mặc cho Bỏ gãi, gãi suốt ngày, suốt đêm và thói quen gãi của Bỏ thành quán tính. Rồi từ đó Bỏ mang thêm tục danh Bỏ Lác.

Bỏ Lác lên 18 tuổi, ba má nuôi Bỏ Lác mất. Một bà nhà giàu đem Bỏ Lác về xem như người ở đợ, làm mọi công việc trong nhà. Đã quen với số phận, Bỏ Lác là một tên ở đợ trung thành, cần cù với công việc, không hề tham lam sai trái. Bà chủ cũng thương nên cho phép Bỏ Lác nếu có ai thuê làm việc riêng cứ đi làm kiếm tiền thêm. Bỏ Lác cũng được dân trong làng thương mến vì mỗi lần trong làng có chó điên là Bỏ Lác có phận sự đi đập chết rồi đem chôn. Có dịch trâu bò cũng chính Bỏ Lác chó không ai khác xử lý. Thậm chí có người thuộc hạng “sinh vô

gia cư tử vô địa táng” chết bờ chết bụi, cũng chính Bỏ Lác mang vào “đất cứng” để chôn cất.

Đây, thân thể của Bỏ Lác như vậy. Bỏ Lác là một loại mà khi cần thì người ta nhớ đến, khi không cần thì là căn bã của xã hội. Bỏ Lác không bận tâm điều này vì Bỏ Lác vẫn là Bỏ Lác. Nhưng có một điều Bỏ Lác lại không thể bỏ qua được. Đó là khi trưởng thành, Bỏ Lác vẫn bị dẫn dắt bởi nhưng cơn sóng ngầm của thằng đàn ông mới lớn, tuy âm thầm mà dữ dội, triền miên thôi thúc...

Bỏ Lác biết lắm, biết phải làm một cái gì đó để giải toả các cơn đòi hỏi càng ngày càng cấp thiết hơn. Nhưng khôn nổi, việc giải quyết này không thể đơn phương mà cần phải có một đối tượng ưng thuận. Điều kiện này đối với Bỏ Lác lại là một vấn đề nan giải vì nhiều lẽ. Thứ nhất: Sự đồng thuận tự nguyện của một người khác phải đối với con người nhóp nhúa như Bỏ Lác là không thể. Thứ hai: Còn qua sự mua bán cũng không thể vì món hàng bán ra dù không thuộc cao cấp nhưng với Bỏ Lác, con người trong túi không bao giờ có trên 5 xu, thì với thời giá bấy giờ gia tài của Bỏ Lác không đủ để mua món hàng này dù cho thuộc loại cũ mèm. Bỏ Lác ơi là Bỏ Lác, số của chú mày sao hẩm hiu như vậy.

Còn con mẹ Út Diệu thì sao? Quả là cùng với ngôi sao Bỏ Lác, ngôi sao Út Diệu cũng cùng chung một hệ sao xấu trên cõi đời này. Út Diệu vốn tên cha sanh mẹ đẻ là Út đơn giản vì Út là đứa con chót trong một gia đình bần hàn, khó rách áo ôm. Sanh ra từ một gia đình nghèo rớt mòng tơi, nhưng mẹ bà nấn lộn cho Út một khuôn mặt khả ái. Đôi mắt phượng xanh xé, lông nheo cao vút, nhất là một thân hình thon thả, đầy thắt lưng ong, đôi chân dài ngoẵng. Từ cái chỗ ổng ẹo trời sanh của nó, nó được gọi là Út Diệu hồi nào nó hồng hay. Mà chính Út Diệu cũng không quan tâm đến cái mỹ danh này.

Nhưng trái lại, có quá nhiều người quan tâm đến cái ổng ẹo trời sanh này của Út Diệu lắm. Từ mấy thằng con trai mới lớn,

những công tử bột trong làng cho đến những thằng cha cày sau cuộc bầm... có vợ hay chưa, thậm chí mấy ông già dịch... tất cả đều công khai hay giấu trong bụng ai ai cũng rấp tâm bầm sể. Cho nên cái con... sể Út Diệu này mới vừa biết bay thì đã ong hoa bướm lại biết bao lần. Rồi thì những trận đòn ghen, những cơn trả thù nghề nghiệp, những cuộc đấu đá tranh gái... đã biến Út Diệu thành con đĩ thập thành hội nào... Út Diệu cũng không hay. Đến một ngày cái nụ hoa hàm tiếu trước kia đã biến thành hoa tàn nhụy rữa. Út Diệu giờ đây đã là một thứ rác rưởi bỏ đi.

Út Diệu vất vợ vất vương đầu đường xó chợ thì tên Năm Nhọn, một người đã từng theo đoàn hát bội thủ cây đờn cò và chuyên làm quân chạy cò. Một hôm kếp chánh thủ vai Hạng Võ trong vở Hạng Võ biệt Ngu Cơ... ăn sò huyết nhiều quá chột bụng. Ông bầu túng thế bảo Năm Nhọn thay thế. Năm Nhọn trong vai Hạng Võ đã làm cho khán giả say mê. Ông bầu cất nhắc Năm Nhọn lên vai chánh. Trời không chiều người, chiếc ghe chở đoàn lưu diễn bị bão nhận chìm. Gánh hát tan. Năm Nhọn vỡ mộng nghệ sĩ về quê không làm Hạng Võ nữa mà làm... mướn.

Về quê, Năm Nhọn gặp lại Út Diệu khi còn thanh niên là người trong mộng, nhưng không có điều kiện được gần người đẹp. Nay Út Diệu lại xuất hiện và sau một cuộc truy hoan chớp nhoáng hai người đã trở thành đôi tri kỷ. Một cuộc tình muộn dù có trễ tràng một chút nhưng cũng vẫn là một cuộc tình đẹp. Trai anh hùng gặp gái tứ chiếng âu cũng là một mối duyên tiền định. Chàng, ngày ngày làm thuê làm mướn, nàng bắt ốc hái rau... đêm về cùng nhau ca những bản tình ca muôn thuở. Hạnh phúc biết bao!

Nhưng đối với vận hạn của Năm Nhọn một lần nữa, trời lại không chiều người. Trong một lần vác lúa mướn từ chành xuống ghe, Năm Nhọn bị té từ “đòn dài” xuống sông. Xương sống gãy, liệt nửa người nằm một chỗ, không lâu sau lại mù cả đôi mắt. Họa vô đơn chí. Giờ đây chính Út Diệu lại phải gồng gánh hết sự bất hạnh. Thuốc men, cơm nước cho người chồng bạc

số... bằng cách nào? Vốn liếng không. Nghề cũng không. Bằng vào nghiệp cũ ư? Có ai đâu còn đoái hoài đến một đoá phù dung đã rửa tàn???

Có!!! Lần này Trời lại chiều người. Đó là Bỏ Lác. Tội nghiệp, Bỏ Lác thêm đàn bà quá nên không phân biệt đẹp xấu, già trẻ bé lớn, tật nguyên gì cũng được miễn là... đàn bà, nhưng có một người đàn bà nào chịu cho Bỏ Lác sờ mó vào mình đâu thậm chí Bỏ Lác chỉ nhìn vào họ là họ chửi vào mặt. Giày dép còn có số, nên con người cũng có số. Số đây là một hôm, Bỏ Lác cầm một xấp lá chuối khô đi lên vào vườn dừa người ta để giải quyết bầu tâm sự thì lại gặp Út Diệu cũng đang xuống nương để xúc cá trộm. Một cuộc gặp gỡ lịch sử, tạo ra một cuộc tình duyên lịch sử. Bỏ Lác nhìn xuống nương thấy Út Diệu mình mẩy ướt nhẹp đang chao rồ bắt cá. Khốn nỗi cái áo túi trắng mỏng tanh, cụt ngắn dán sát vào thân hình con mẹ này để lộ lố đồi núi chập chùng.

Út Diệu áng chừng học được bí quyết của Tú Bà khi dạy Kiều “Bảy bước thành công” hay sao mà giả vờ kéo vạt áo lên lau tóc để cho Bỏ Lác mặc sức nhìn hai gò bồng đảo căng tròn. Bỏ Lác đánh mất ba hồn bảy vía, ngẩn tò te ra nhìn cái mà Bỏ Lác thêm khát từ lâu. Út Diệu biết đã hớp hồn anh chàng này rồi nên cười mon, nhả răng hỏi: “Muốn hông”. Bỏ Lác ấp úng không trả lời được nhưng ánh mắt rục lên một tia dục vọng. Út Diệu lại ra giá “Có 5 xu hông”. Móc trong túi ra, Bỏ Lác đếm, mừng quá “Có, vừa đúng 5 xu”. Út Diệu leo lên bờ, đi trước hướng về bờ sông, day lại nói “Một cái thôi ghen”. “Ừa”.

Thế là cuộc trao đổi mua bán hàng hóa theo dạng cổ điển được hai người này thỏa hiệp đều đặn. Tiền trao cháo mút. Giá cũng hơi bèo nhưng tiền nào của nấy. Cả hai đều bằng lòng. Thằng cha đàn ông lác hòm này cứ nghĩ là mình sẽ chết già trong sự thèm khát đàn bà, chợt thấy cuộc đời lên hương có được những phút tốt đỉnh Vu sơn bên người đẹp. Con mẹ đàn bà cũng vậy những tưởng hoa đã tàn nhụy đã rửa nào ngờ còn có một chàng trai thanh tân nâng niu âu yếm... mình mấy có nhóp nhúa một

chút nhưng không sao vì mọi vận hành đều bình thường... Nhất là, đây là điều cốt yếu, là mỗi lần trao đổi hai bên đều có lợi như vậy, Út Diệu có được 5 xu để đem về mua gạo nấu cơm nuôi người chồng đau yếu mù loà.

“Ừa, sao mà thằng cha Bỏ Lác này mấy ngày hồng qua ta!!!”. Út Diệu lo, rất lo vì từ ngày hôm qua nhà hết gạo, cứ nấu canh rau cho thằng chồng ăn mà không có cơm, tội nghiệp thằng chả xót ruột quá. Út Diệu trông cho Bỏ Lác đến hẹn lại lên. Mà sao không thấy. “Thôi mình qua kiểm thằng cha lác này dụ thằng chả “một cái” để kiếm tiền mua gạo”. Nghĩ là làm. Út Diệu qua bên kia rạch đến nhà Bỏ Lác ở đợ, không dám vô, đứng ngoài vườn rình. May qua, Bỏ Lác vác cái phăng đi ra.

“Ê, tao nè, Lác”. Bỏ Lác đến: “Trời ơi, đi đâu vậy?”. “Sao lâu quá mấy hồng qua tao”. “Tao muốn qua mà hồng có đủ tiền”. “Mầy ngu quá, chơi chịu cũng được”. Bỏ Lác cười. Út Diệu nói “Nói thiệt mầy tao hết tiền mua gạo mà thằng chả thêm cơm quá, tao qua rủ mầy qua bên đờ...”. Bỏ Lác trợn mắt nhìn Út Diệu, nhả nhó một chút rồi nói “Nói thiệt mầy tao còn có ba xu nè... mầy cầm via mua gạo nấu cơm cho thằng chồng mầy nó ăn đi...” Bỏ Lác móc túi đưa hết số tiền cho Út Diệu mà không cần phải đếm. Đếm làm chi, 3 xu có bao giờ lộn được. Út Diệu nhanh nhẹn thò tay lấy số tiền ánh mắt long lanh vui sướng “Ê, theo tao về bên... làm nghen? Tao cho mầy bớt giá đó”. Bỏ Lác lắc đầu “3 xu này tao cho mầy mua gạo. Mai tao hái xoài cho ông cả Mót có tiền tao qua mầy. Thôi đi đi”. Bỏ Lác vác phăng đi vào vườn. Út Diệu mừng rơn chạy đi mua 2 lon gạo.

Ngày hôm sau, cũng lối 10 giờ sáng, Út Diệu ngồi ngoài bờ vườn trông Bỏ Lác thì bỗng nhiên có tiếng mõ hồi một báo động có tai nạn trong xóm. Út Diệu vội chạy ra đầu lộ thì nghe nói “Thằng Bỏ Lác trèo bẻ xoài mướn cho ông cả Mót, xoài gãy nhánh, thằng Bỏ Lác té cắm đầu xuống đất chết tươi”. Út Diệu kêu “Trời!”. Nước mắt, những giọt nước mắt đầu tiên trong cuộc

đời của Út Diệu lã chã tuôn rơi. Út Diệu thần thờ trở về nhà như kẻ không hồn miệng lảm nhảm “Tao thương mày lắm Lác ơi.”

Út Diệu khóc. Khóc cho Bỏ Lác. Khóc cho mình. Khóc cả cho chồng mình. Còn Bỏ Lác khi nhắm mắt có được những dòng nước mắt ân tình của Út Diệu chắc cũng đủ ấm lòng người ra đi.

Ba ngày sau khi thi thể của Bỏ Lác được vùi dập trong đất cúng, vào buổi sáng nay, người ta thấy một người đàn bà tiêu tụy dẫn một người đàn ông mù, tay trái một cây gậy tre, tay mặt một cây đờn cò lằn mò đến trước gò đất chôn Bỏ Lác, thắp một cây nhang. Xong, cả hai đi nhau ra ngôi chợ nhỏ trong làng, chọn một gốc cây, ngồi xuống. Người đàn ông lên dây cây đờn cò thử dây xong rao hai ba câu oán. Người đàn bà lấy ra một cái lon sữa bò để trước mặt, ngồi bẹp xuống đất.



Người đàn ông sau khi gõ nhịp, tiếng đờn réo rất thê lương, người đàn bà cất giọng ca theo điệu Chiêu quân: *Như chim trời lẻ bạn. Chim bay về nơi vô định. Trong mây khói mịt mù. Kiếp giang hồ, mỗi gót phong sương. Một chiều qua bến lạnh, bỗng nhớ đến một người...*

Hát đến đây, người đàn bà không cảm được nỗi cảm xúc dâng trào, òa lên khóc, khóc nức nở, nước mắt chan hòa... trong khi tiếng đờn cò vẫn réo rắt oán thương ảo não.



CHỊ LÙN

Chị tên Lùn. Thật ra chị không lùn, trái lại đôi chân chị ốm và cao nhưng có điều là đôi chân chị đều có tật, chân này đá chân kia, cho nên chị đi đứng khó khăn lắm. Chưa hết, hai tay chị cũng vậy, dường như chị không chủ động được những cử động của tứ chi. Mà dường như ông Trời cũng phũ phàng với chị, miệng chị cũng không giữ được để cho nước miếng nước dãi mọi lúc cứ chảy ra hai bên mép. Tội lắm cho chị, chị nói được nhưng lập bập từ tiếng một, không rõ ràng.

Dường như chị không chịu ở nhà, người ta có thể gặp chị bất cứ lúc nào, sáng hay trưa, chiều hay tối... trời mưa hay trời nắng... bất cứ nơi đâu... đầu làng xó chợ, bến đò, bến xe, đình, chùa, miếu, mào... Dáng điệu của chị quả là thiếu nã, trông người không ra người, đầu tóc rối bù, lê tấm thân tàn phế với một bộ quần áo rách rưới bẩn thỉu lang thang đầu đường cuối ngõ.

Nhưng mọi người đối với chị nếu không có cảm tình thì cũng không hề có một ác cảm nào hay ít ra cũng không ai khinh nhờn chị vì trên gương mặt tật nguyên của chị người ta còn nhận thấy - trời còn thương chị - một ánh mắt vui tươi, dịu hiền và trên đôi môi nhợt nhạt của chị một nụ cười mếu máo nhưng chân

thành, âm áp... ngân ấy cũng đủ dành cho chị một chỗ đứng trong sâu thẳm lòng người dân trong làng tôi.

Do vậy không ai nữ gọi chị là con nầy con kia dù lớn hay nhỏ, kể cả những ông bà lớn tuổi trong làng cho đến các cháu nhỏ đều nhất nhất gọi chị là chị Lùn. Có lẽ đây là một vinh dự xứng đáng cho chị Lùn.

Số là trong làng tôi, một nữ sĩ từ đâu ngoài Trung vào định cư lúc nào không ai biết, chỉ biết bà sống độc thân, một địa chủ giàu có, học thức cao vì người trong giới trí thức gọi bà là nữ sĩ, nữ sĩ Xuân Lan. Còn người dân thường gọi bà là bà Ba Xuân Lan. Bà Ba Xuân Lan còn giữ nề nếp phong cách một người phụ nữ gương mẫu xưa của thời phong kiến. Ngay khi ở trong nhà, bà luôn luôn trùm cái lược giắt, trang phục với áo dài xuyên hay lãnh đen, quần bạc soạn trắng. Móng tay bà để dài, dài lắm, cong vút, luôn được chăm sóc bóng láng mặc dù bà còn giữ nguyên tập tục ăn trầu và hút thuốc.

Ngôi nhà bà là một ngôi nhà ngói ba gian hai chái, thấp theo kiểu các ngôi nhà ngoài xứ Quảng, cột kèo, vách phen toàn là gỗ quý, nền cuốn đá ong... tuy nhiên thiếu cửa sổ nên nội thất có vẻ tối om, một chút huyền bí, một chút mùi của ẩm thấp vì lâu ngày thiếu ánh sáng... được xây cất trên hữu ngạn bờ sông Cửa Đại của con sông Cừ Long, thuộc vùng Rạch Miễu.

Bà Ba Xuân Lan vốn dòng dõi trâm anh đài các nhưng với đức độ một người phụ nữ đầy lòng nhân ái nên được dân chúng trong làng và cả trong vùng quý mến và kính trọng. Còn về lĩnh vực văn học, nữ sĩ Xuân Lan đã từng là bạn văn thơ với nữ sĩ Sương Nguyệt Anh, thứ nữ cụ Nguyễn Đình Chiểu, có một thời ở tại vùng Rạch Miễu này. Rất tiếc, nữ sĩ Xuân Lan không có con và chiến tranh cũng đã vô tình hủy hoại tác phẩm thi văn của Bà. Ngày sau nơi đây chỉ còn truyền tụng hai câu thơ bất hủ ghi lại vùng sông nước lịch sử này như sau: *Đất nước Cầu Chùa muôn thuở dấu. Gió trăng Rạch Miễu một con đò*. Vì vùng đất này có hai địa danh tiêu biểu. Đó là Rạch Chùa và Rạch Miễu. Rạch

Chùa có một cây cầu. Rạch Miễu với một con đò. Ngần ấy đủ cho bà với hai câu thơ súc tích ghi lại hình ảnh quê tôi. Tuy nhiên nơi bà vẫn còn truyền tụng cho đời sau một câu chuyện thương tâm do tấm lòng nhân ái trời biển của bà. Đó là chuyện Một Con Người. Con người đó là Chị Lùn.

Một buổi sáng mùa đông, gió bắc lao xao từ bên kia sông đem cái lạnh về khiến cho ngôi nhà cổ kính của bà Ba Xuân Lan càng thêm buốt giá. Một đồng un ngay giữa ngôi nhà âm ỉ cháy không đủ xua tan cái lạnh. Bà Ba đang ngồi trên bộ ván gỗ đôi, ăn trầu xía thuốc thì một người giúp việc hốt hơi hốt hải chạy vào: “Thưa bà, ai đó hồng biết bỏ ngoài cổng nhà mình một đứa nhỏ mới sanh đỏ hỏn. Nó khóc dữ quá.”. Bà Ba không đắn đo, bảo: “Con mau bồng nó vô hơ lửa cho nó đi con”. Người ở lại thưa: “Thưa bà, con thấy nó là con gái. Mà con nhỏ này bệnh hoạn lắm lại có tật cùng mình hết”. Bà Ba vội bảo: “VẬY con hãy bồng nó vào đi. Tội nghiệp!” Người ở lại thưa: “Thưa bà hay là mình ẵm nó giao cho trại mồ côi đi bà. Con thấy nó bệnh hoạn yếu ớt, khó nuôi lắm. Bà Ba gằn giọng: “Tại vậy nên bà mới bảo con ẵm nó vô. Lẹ đi. Trời ngoài đó lạnh lắm”.

Bà Ba phải mượn thêm một người để nuôi con bé. Khi đặt tên cho con bé, bà Ba nghĩ phạm một đứa trẻ bạc số như vậy, khi đặt một cái tên phải phù hợp với hoàn cảnh của nó, nếu lựa một tên như Hoa hay Bông hay Đẹp thì té ra mỉa mai nó sao. Nhưng nhìn hình hài nó, bà lại nghĩ nếu theo đó mà đặt tên cho nó thì tội nghiệp nó quá, nên thôi một tên vừa đủ xấu, nhưng không đến nỗi. Đó là Lùn.

Lùn lớn lên không dễ cho chính bản thân bệnh hoạn của nó mà càng không dễ cho người nuôi nó. Phải có một động lực vô cùng mạnh mẽ mới nuôi được Lùn cho đến ngày trưởng thành. Động lực đó là lòng thương người vô bờ bến của bà Ba Xuân Lan. Lớn lên, Lùn gọi bà Ba bằng cô nhưng bù lại được cô trao gởi cho Lùn một tình mẹ bao la. Lên bảy lên tám là Lùn bắt đầu bỏ nhà ngao du khắp nơi trong làng xóm, vì một lẽ dễ hiểu là Lùn

không có một người bạn nào cả để chơi cùng, dù là bạn trai hay bạn gái. Vì có đứa trẻ nào thích làm bạn với một đứa trẻ người không ra người, nếu không nói là chúng còn tìm cơ hội để chọc phá chòng ghẹo.

Lẽ tức nhiên là Lùn không đến trường được nhưng bà Ba có mời một thầy giáo già về nhà dạy cho Lùn được chữ nào hay chữ nấy. Lùn không thích học vì trí óc của Lùn không phải để học và tay chân của Lùn không phải để viết hay để vẽ. Dù vậy với lòng tận tâm và kiên nhẫn của ông thầy già, Lùn cũng quẹt quẹt viết thành chữ được những ư nghĩ thô thiển và hạn chế của mình. Ông thầy và bà Ba chấp nhận thành quả của Lùn trong khi Lùn không màng nghĩ gì về điều này. Tuy nhiên có một lần bà Ba vui biết bao khi thấy Lùn dùng miếng sành viết trên mặt sân nền đất mấy chữ “Con thương cô lắm”. Bà Ba đọc dòng chữ ngẩn ngui đó, ràn rụa nước mắt.

Năm tháng trôi qua, Lùn lớn lên với một thân thể của một thiếu nữ đúng nghĩa của nó ngoại trừ những bộ phận dị tật bẩm sinh. Vì yêu kính bà Ba, vì thương Lùn mọi người không hèn mà nên đồng gọi là chị Lùn chứ không còn là con Lùn nữa, kể cả các đứa nhỏ khi xưa khinh bỉ Lùn giờ cũng gọi là chị Lùn. Chị Lùn giờ là thành viên của gia đình nữ sĩ Xuân Lan, là một con người như mọi con người của vùng đất Rạch Miễu.

Không phải làm gì và cũng không thể làm gì trong nhà của cô, chị Lùn tiêu pha thời gian của mình bằng cách ngao du trong mọi ngõ ngách của làng xóm. Nơi nào vui chị ở lại chơi. Nơi nào thích, theo cảm quan của chị, chị ở lại xem. Chị sẵn sàng chào hỏi bất cứ ai chịu nhìn chị, với một nụ cười méo xệch nhóp nhúa nước dãi, nhưng với ánh mắt vô tư hiền hòa, nói lên nhiều điều mà một số người lạnh lặn không có được. Nếu một chị ngồi hay nằm nghỉ bất cứ nơi nào như nhà lòng chợ, gầm cầu, sân chùa, trường học... Chị sống như một người tiền sử đúng nghĩa của nó. Hòa mình cùng trời đất. Sống với thiên nhiên. Vui cùng cây cỏ. Đói ăn. Khát uống. Vô tư. Vô lự.

Một buổi trưa hè. Mặt trời đứng bóng. Không khí ngột ngạt trong cái oi ả. Cảnh vật chìm lắng trong cái vắng lặng. Trong hành lang vắng vẻ tịch mịch của đình làng, chị Lùn đang tìm nơi thư giãn sau một buổi sáng rong chơi. Ngoài kia sông, tiếng sóng vỗ bờ, trên cây đa tiếng ve sầu vào hạ... như ru chị ngủ.

Dường như có cái gì đó khiến chị bứt rứt, chị không ngủ được. Hết nằm xuống chị lại ngồi lên. Trông về mặt chị có một cái gì bồn chồn, cau có. Trông mắt chị có một cái gì thôi thúc, réo gọi. Chị kéo vạt áo lên cao để trần bộ ngực con gái. Chị đưa tay mần mò đôi nhũ hoa căng cứng. Chị lơ dờ hưởng thụ cái cảm giác của một người con gái dậy thì. Chị xoay mình qua xoay mình lại để tìm cảm giác mới. Nhưng trong chị dường như còn có một ma lực cấu xé hay một đòi hỏi vô hình thúc đẩy, nên với một động tác dứt khoát, chị kéo tuột chiếc quần xuống và nằm vật tênh hênh trên nền gạch tàu của hành lang đình trống vắng, không người...

Nhưng không! Duyên tiền định! Một người, một người đàn ông trai trẻ, một thanh niên xuất hiện, tay cầm cái ná thun áng chừng đi bắn chim, vô tình đối mặt với một cảnh tượng mà có lẽ anh chàng trai trẻ này cũng đã từng viễn vông mơ tưởng trong tuổi đầu đời của người con trai. Anh làm rơi cái ná thun lúc nào anh không hay. Anh nuốt nước miếng. Rồi anh bỏ đi. Rồi anh quay lại. Rồi anh lại muốn bỏ đi nhưng cái gì đó khiến anh mạnh bạo bước lên thêm, đến gần nhìn vào một thân thể loã lồ. Thân thể loã lồ này mở mắt ra thấy anh, nhoẻn miệng cười vắn với nước miếng nước mồm vung vãi, vói tay kéo anh xuống ấn tay anh vào chỗ mà chính anh cũng đang thèm muốn.

Anh chàng thanh niên này không còn hồn vía đâu để thấy chỗ nhóp nhúa trên mặt chị, để thấy chỗ tật nguyên trên người chị mà chỉ thấy phần còn lại nõn nà, kêu gọi... của một người khác phái dành cho cho một người khác phái theo luật thiên nhiên của tạo hóa với đầy đủ nét lôi cuốn và quyến rũ của nó. Và anh chị đã theo bản năng trời ban cho loài người, làm tròn chức năng tự

nhiên của con người mà luật thiên nhiên ràng buộc. Một cuộc giao hoan đầu đời, vô tư, vô lợi, tự nguyện, trong trắng, hoàn hảo, trọn vẹn... đúng theo nhịp xoay vần của âm dương từ thời nguyên thủy.

Thế là con ong đã thuộc đường đi lối về, hai anh chị không hẹn mà vẫn lên. Những buổi trưa trời nắng đỏ lửa trên gò đất bên cạnh bụi tre rì rào gió thổi. Một sáng sớm bình minh dưới gốc đa còn đắm sương đêm. Hay một chiều hoàng hôn tắt nắng bên bờ sông vắng. Đôi khi giữa cơn giông tố bão bùng, sấm sét dậy lưng trời. Kể cả trong sân đình dưới bóng trăng sao vắng vật... đâu đó nhất khoan tiếng vạt sành gọi bạn... Anh chị thật sự đã hòa nhập với thiên nhiên đất trời. Anh chị đã đến với đời như nước nguồn lửa núi, anh chị đã sống và hưởng thụ trọn vẹn những gì mà trời đất đã ban cho loài người từ thuở mới khai thiên.

Một cuộc hòa hợp âm dương vô điều kiện, tự nguyện... không hề có một lời mời mọc, không một lời quyến rũ, không một thề non hẹn biển vậy mà nồng nàn, keo sơn, gắn bó... Đẹp làm sao! Ngày xưa có những thiên tình sử để đời cho hậu thế. Chẳng hạn những chuyện tình mang tính ước lệ của Trương Chi và My Nương, của Từ Thức và Giáng Ngọc, của Lan và Điệp, của Roméo và Juliette, của Paul và Virginie... có thể là sản phẩm của con người, nếu không thì lại có quá nhiều tác động của người ngoại cuộc, mặc dù vậy vẫn để lại cho đời sau những thiên tình sử... Đẹp đấy, nhưng nhất thiết không thể so sánh với cuộc tình chẳng những hiện thực mà còn trọn vẹn, hoàn hảo... như chuyện tình của chị Lùn và... một người đàn ông còn là ẩn số.

Bụng chị Lùn càng ngày càng lớn. Thiên hạ vô công rồi việc bàn ra tán vào, thóc mách, xâm xì. Người ta không phê phán, không chê bai chị Lùn mà người ta chỉ háo hức muốn biết tác giả của cái bào thai trong bụng chị Lùn là ai. Trong khi chị Lùn vẫn tỉnh bơ, vẫn mang cái bụng bự xộn nghêu ngao chỗ này chỗ kia như không có chuyện gì xảy ra. Gặp ai nhìn vào bụng chị, ư tò

mò muốn hỏi, chị nhả răng cười hề hà. Ư chừng chị muốn trả lời cho họ: “Có gì lạ đâu”.

Thật ra... có gì lạ đâu! Đây cũng là lỗi nghĩ của bà Ba Xuân Lan. Bà thần nhiên trước cái bụng càng ngày càng lớn của chị Lùn. Bà còn bảo chị Lùn cẩn thận trong đi đứng, bớt đi chơi xa. Bà còn bảo chị ăn uống nhiều hơn, nghỉ ngơi nhiều hơn. Ngày chị Lùn đập bầu, bà mướn một người đưa chị Lùn đến nhà bảo sanh tỉnh. Bà vui mừng khi biết chị Lùn sanh một thằng con trai nguyên vẹn và mẹ tròn con vuông.

Ngày mẹ con chị Lùn về nhà, bà gọi riêng chị Lùn ra nhà trước để bà căn dặn. Bà nói: “Con không thể nuôi con con được. Cô đã mướn một người thay con nuôi nó. Tạm thời người này là mẹ nó. Con hiểu chưa?”. Chị Lùn ừ ớ ra dấu “hiểu”. Bà Ba đến công sở làng khai sanh cho đứa bé. Trong khai sanh có ghi: Tên họ đứa nhỏ: Nguyễn Văn Chối. Tên họ người cha: Vô danh. Tên họ người mẹ: Nguyễn Thị Lùn. Bà xin một bản sao về nhà cất kín trong tủ.

Chối - bà Ba đặt tên này ư nhắc nhở một sự chối bỏ của một người cha vô trách nhiệm - lớn lên như thổi, hồn nhiên vui vẻ bên cạnh người mẹ nuôi và bà ngoại Ba. Thỉnh thoảng, Chối có giáp mặt với chị Lùn mà bà ngoại Ba bảo gọi là dì, mà lần nào cũng vậy Chối cũng tỏ ra sợ sệt, nép mình vào mẹ nuôi như trốn tránh. Cho nên chị Lùn muốn nhìn “cháu” cho thỏa thuê phải đợi cho “cháu” ngủ yên giấc đứng ngoài nhìn trộm.

Chối đến tuổi đi học. Hằng ngày mẹ nuôi Chối sắm sửa cho Chối đi học, chị Lùn lén nhìn theo. Tan học Chối về nhà, chị Lùn cũng đứng núp sau cổng nhìn trộm mà lòng chị vui sướng biết bao. Thấm thoát, đến kỳ thi lấy bằng Tiểu học, Chối được bà ngoại Ba đưa cho một bản khai sanh nộp cho trường. Chiều lại về nhà, bà ngoại trông thấy Chối dàu dàu không ăn cơm, ngoại gọi Chối lên nhà trên bảo: “Con cứ đi học. Ta còn thời gian, khi nào con lớn, con có đủ trí xét đoán, ngoại và con sẽ nói rõ sự việc này.”

Chối đỗ bằng Tú tài, vào học trường Quốc gia Hành chánh. Ra trường Chối được bổ làm phó quận trưởng tại một quận khá xa với tỉnh nhà. Ngày Tết năm ấy, ông phó quận trưởng về quê ăn Tết với bà ngoại Ba, với mẹ nuôi với dì Lùn. Sau lễ cúng mừng ba, bà ngoại Ba tập hợp mọi người lên nhà trên đứng nghe Bà dạy việc.

“Con Chối, con đã trưởng thành, hôm nay là ngày mà ngoại trông đợi để nói với con về nguồn gốc của con. Mẹ ruột con là đây, là đứa con rơi mà ngoại đem về nuôi từ thuở mới lọt lòng. Khi mẹ con sanh con, ngoại biết con còn nhỏ dại, sợ con tủi hổ với bạn bè, nên để con làm con nuôi của má nuôi con đây. Nhưng ngoại không hề cắt đứt tình mẫu tử của con nên ngoại vẫn khai sanh cho con với tên mẹ con.”. Nói đến đây bà Ba nhìn mọi người. Bà thấy Chối nhìn mẹ rất lâu, đôi mắt đỏ hoe. Còn chị Lùn ôm mặt khóc nức nở. Bà nói tiếp.

“Hôm nay ngoại hết trách nhiệm với mẹ con, vì con đã nên người, vậy con có nghĩ đem mẹ con về phụng dưỡng không?”. Chối đến bên mẹ, nắm tay mẹ: “Con sẽ đem mẹ về ở với con”. Chị Lùn không dẫn được, òa lên khóc, khóc như chưa bao giờ được khóc. Những giọt nước mắt hạnh phúc như giọt cam lồ làm ấm lòng mọi người. Chối lại thưa: “Vậy mẹ sửa soạn để mai đi về với con”. Cả nhà vui vẻ quây quần xúm lại ăn bữa cơm mừng ba âm cúng.

Sáng hôm sau, cả nhà dậy sớm chuẩn bị đưa chị Lùn về sum họp với con. Không thấy chị Lùn đâu, mọi người bô ra đi tìm từ trong nhà ra ngoài vườn, ra đến cả ngoài đường lộ, xuống tận chợ... đều không thấy tăm dạng chị Lùn. Bà Ba phải nhờ người lối xóm cùng đi tìm. Mãi đến trưa người ta mới có được một số chỉ dẫn. Người ta tìm thấy sợi dây niệt đeo lá bùa phù hộ mà bà Ba đeo cho chị Lùn từ nhỏ, sao lại được đặt trên một gò mả bên cạnh đường làng, có kèm theo một tấm giấy quệt quệt những dòng chữ như sau: “Minh. Tôi đã nói với mình là khi nào Chối nhận tôi là mẹ, tôi sẽ theo mình. Hôm nay tôi theo mình đây”.

Ngày hôm sau người ta vớt thi thể của chị Lùn nơi một khúc sông mà trước đây có một người chài cá lặn xuống gỡ lưới chài mắc vào gốc cây, bị chết đuối. Dân làng được sự cho phép của bà Ba Xuân Lan, đem thi hài chị Lùn chôn cạnh ngôi mộ của người chài cá này.



TÌNH CÔ BÁN VÀM

Thầy tôi, quê tận Châu Đốc, ra trường Sư phạm Sài Gòn vào năm 1939, được bổ về dạy tại trường Nam Tiểu học Mỹ Tho, lúc bấy giờ gọi là Groupe Scolaire de Mỹ Tho (Nhóm học sinh Mỹ Tho). Ngày Thầy nhậm chức, Thầy đi tàu từ Châu Đốc đến Mỹ Tho. Đến Mỹ Tho, tàu đậu tại cầu tàu mang tên là Cầu Tàu Lục Tỉnh vì nơi đây là bến trung chuyển khách lữ hành từ Sài Gòn đến Mỹ Tho bằng xe lửa, để rồi về lục tỉnh tức các tỉnh miền tây bây giờ, bằng tàu.

Ga xe lửa chiếm thửa đất công viên Lạc Hồng ngày nay, còn bến tàu, có hai bến tàu, một ở tại dốc Cầu Quay và một ngoài vàm sông Bảo Định đổ ra sông Cửu Long, gần tượng Thủ Khoa Huân bây giờ. Bến tàu hoạt động 24/24, bao giờ cũng tấp nập, huyên náo. Ngày thì nhộn nhịp, ồn ào, đêm về lại là một cảnh sinh hoạt mang tính sông nước thơ mộng. Ánh trăng bàng bạc, mặt nước sông Cửu Long bao phủ bởi một lớp khói sương mờ lung, hòa quyện với từng đợt khói tàu huyền hoặc, những bóng đèn xanh đỏ trên các con thuyền lui tới, tạo nên một cảnh sinh hoạt về đêm mờ ảo.

Mặt nước sông nhấp nhô gợn sóng, từng đoàn ghe thương hồ chở hàng hóa gạo lúa, chuối dừa, khoai đậu... chen chúc, chiếc vào kinh, chiếc ra vàm, chiếc tìm chỗ đậu. Lù lù những chiếc tàu sà lúp đang cặp bến hoặc đang kéo còi inh ỏi để tìm đường ra sông. Trong cảnh bon chen sông nước đó, luồn lách nhanh nhẹn những chiếc xuồng ba lá mong manh và những chiếc tam bản chèo lái dọt, sau này mới có chèo đôi của những cô bán vàm. Trong khung cảnh nhộn nhịp, xuôi ngược nhưng nhịp nhàng, vắng vắng, lạnh lớt, bỗng trầm tiếng hò của những cô gái bán vàm, từ những chiếc xuồng con, những chiếc tam bản, trên đó là những nồi chè, trà bánh lọt, mâm bánh da lợn, bánh qui, bánh ít, bánh tét, nồi cháo cá, cháo gà... để bán cho khách lữ hành và kẻ thương hồ xuôi ngược, trên dòng sông huyết mạch của đất Nam kỳ Lục Tỉnh.

Trên những con thuyền, những chiếc xuồng duyên dáng mấp mô đó, từ bếp lò than đỏ rực của nồi chè, soong cháo hắt ra những tia sáng đủ để nhận ra những gương mặt khả ái, tròn trịa của các cô gái bán vàm, trắng màu hoa bưởi, má núng đồng tiền, vành môi đầy đặn, đôi mắt đen huyền sâu thẳm, để lộ bờ vai trần thể vì chiếc khăn rằn che không đủ kín. Đây một vẻ đẹp, một vẻ đẹp mộc mạc, thùy mị, tinh khôi, hiền thực chỉ có được nơi những cô gái bán vàm ở vùng sông nước Cửu Long, ở vàm sông Bảo Định, ở vàm Kỳ Hôn, ở Bến tàu Lục tỉnh Mỹ Tho ngày xưa.

Thầy tôi, trên đường nhậm chức từ Châu Đốc đã đến Cầu Tàu Lục Tỉnh Mỹ Tho bằng tàu sà lúp của công ty Nguyễn Văn Kiệu, còn gọi là Tàu Ông Kiệu, đúng 10 giờ đêm. Tay ôm cặp da, tay cầm nón nỉ. Thầy lần mò bước từng bước một xuống tàu, để đặt bước chân đầu tiên lên đầu đường mé sông Galliéni tức là đường Trung Trắc bây giờ. Bỗng có tiếng:

- Thầy Hai ơi! Ăn giùm em một chén chè bột bán-đậu-xanh-nước dừa-đường-cát nóng hổi đi thầy Hai.

Thầy tôi nhìn quanh để tìm kiếm, vì tiếng mời gọi thanh thoả giữa đêm khuya. Thì lại được nghe thêm ba tiếng sao mà mát

lòng mát dạ, từ dưới chiếc xuồng đang cặp bên bờ bụi thạch ven sông:

- Em đây nè!

Thầy tôi không cưỡng được bụng đang đói, càng không cưỡng được khi nhìn thấy cô gái bán vằm, ngược đôi mắt long lanh nhìn mình và nở nụ cười, như một đóa hồng đang độ mãn khai, nửa như van lơn, nửa như kích động. Ôi! cái duyên dáng của cô gái bán vằm Cầu tàu Lục tỉnh Mỹ Tho đã cướp mất hồn vía của thầy tôi, ngay khi thầy vừa đặt bước chân lên mảnh đất gạo trắng nước trong, trai lành gái thảo này. Thầy được cô gái bán vằm nắm tay dìu xuống chiếc xuồng định mệnh. Thầy tôi gọi một chén chè thưng-đậu-xanh-bột-bán-nước-dừa-đường-cát.

Chưa chi thầy tôi đã đánh mất tư cách nhà mô phạm rồi, hay vì vẻ đẹp của cô bán chè thưng, mà khi đưa tay nhận chén chè, thầy đã cố ư nắm tay cô thay vì đón chén chè, mà sao cô cũng không nở giựt tay lại. Rồi chén thứ hai, chén thứ ba... chè ngọt lịm như lời nói của cô bán chè ngọt lịm. Chiếc xuồng không ai giữ lái nên tự nó tách bến ra xa, ra xa, xa lắm... trên trời có trăng thanh, dưới nước khói sông mờ ảo...

Cầu tàu Lục tỉnh cũng xóa mờ trong tầm mắt của hai người. Nhưng nếu có ai đó trên bờ sông Bảo Định, cố lắng tai, sẽ nghe giọng nữ cất tiếng hò:

- Hò ơ... Đền Mỹ Tho ngọn xanh ngọn đỏ. Đền Châu Đốc ngọn tỏ ngọn lu. Anh về học lấy chữ nhu. Chín năm em cũng đợi, hò ơ... chín năm em cũng đợi... mười thu em cũng chờ.

Và có giọng nam, có lẽ là của thầy tôi, hò đáp lại:

- Hò ơ... Đền Châu Đốc không khơi mà tỏ, Đền Mỹ Tho gió thổi không mờ. Anh về trái chiếu bàn thờ. Rước em về lạy... hò ơ... rước em về lạy... ông bà để anh cưới em.

Từ cái buổi ban đầu gặp gỡ đó, sau này, cô bán vằm có cho tôi xem trong một bức thư thầy tôi gửi cho cô, có một vế thơ: Một phút giao duyên tình đã bén, đề xin cô viết tiếp vế sau. Thế là cô viết trả lời cho thầy tôi: Trăm năm duyên nợ có thành chăng? Một mối tình thơ, đẹp biết bao nhiêu!

Ngày tháng qua, những cuộc gặp gỡ của thầy tôi và cô bán vằm thường là có mặt tôi. Thầy tôi cầm giùm bơi xuống để cô rảnh tay bán chè từ thuyền này qua thuyền khác, hoặc cập vào hông tàu để bán cho khách đi tàu. Thỉnh thoảng cô hò đối đáp với khách lũ hành trên thủy lộ, cũng như với các bạn bán vằm với nhau. Vằm sông Bảo Định, nơi Cầu tàu Lục tỉnh về đêm, lấp lánh ánh đèn trên sông nước, chao qua lượn lại như một hoạt cảnh vũ khúc thủy dạ, lồng trong những câu hò tình tứ trữ tình, đối đáp giữa trai gái, quả là một quang cảnh đầy thơ mộng, xứng danh là mảnh đất phồn hoa đệ nhất của Nam kỳ Lục tỉnh.

Nhờ có thầy tôi bơi xuống, nhờ có tôi bón than, rửa chén, cô bán vằm rảnh rang ứng khẩu hò đối đáp một cách tài tình, ý nhị làm vừa lòng mọi người, nên chè của cô bán chạy nhứt trong đám bán vằm. Tuy nhiên, số bạn bán vằm nam cũng như nữ, không một ai ganh tị về việc cạnh tranh buôn bán, lại còn tán thưởng mỗi lương duyên của thầy tôi và cô bán vằm.

Nhìn chúng tôi, ba người chen chúc nhau trên một chiếc xuống con mong manh, một thầy giáo vụng về bơi xuống, một cậu học trò loay hoay rửa chén, một cô gái xinh đẹp vui tươi múc chè không ngớt tay, những người bạn trong nghề, cũng như khách thương hồ, mọi người đều vui lây cái vui của thầy trò tôi.

Có một lần, giữa cảnh trời trăng mây nước về khuya vắng khách, một giọng nam, áng chừng của một bạn bán vằm, đã cất tiếng hò chọc ghẹo Thầy tôi cùng cô bán vằm:

-Hò ơ...! Gió đưa trăng rồi trăng đưa gió. Trăng lặn rồi gió biết đưa ai. Em ơi... chớ lấy thầy Hai. Hò ơ!... Ví như con ong hút nhụy... hò ơ... hút nhụy rồi... nó lại bay xa.

Thường là sau khi có câu hò đối ám chỉ đến ai, thì đối tượng có bốn phận phải hò đáp, dầu là câu ra đối có khó bao nhiêu, có hàm chứa một ẩn ý đùa nghịch, chọc ghẹo nặng đến đâu và càng gay cấn chừng nào, thì cuộc chơi càng sôi động chừng nấy. Luật hò trên sông nước khắp miền Nam kỳ Lục tỉnh là như vậy. Nơi nào có bến ghe bến tàu, như Cầu tàu Lục tỉnh ở Mỹ Tho, nơi nào có giáp nước ghe thuyền đậu chờ con nước, như Ba Cùm thuộc sông Bình Điền, nơi nào có giao lộ thủy trình sầm uất, như Ô Môn Bình Thủy, ở Cần Thơ... đều có cảnh hò đối đáp như vậy.

Cô bán vằm, người yêu của thầy tôi, vốn là một tay hò cự phách, có tài ứng khẩu đối đáp trong bất cứ cuộc đọ sức nào, trong giới thương hồ, có dịp trẩy thuyền ngang đây. Thế mà, sau câu hò ra đề không có gì khúc mắc, chúng tôi, thầy tôi và tôi, trông chờ cô hò đáp nhưng không thấy. Trái lại, cô buồn buồn nhìn thầy tôi, im lặng rồi đưa tay xuống xuống khẽ khuấy nước vu vơ.

Một tiếng thở dài đủ cho thầy tôi nghe, và cũng đủ cho thầy tôi, cảm nhận lý do sự câm lặng của cô bán vằm. Kịp nhìn hai dòng nước mắt lăn dài trên má cô, Thầy tôi đến bên cô lấy khăn lau hai ngấn lệ, dấu hiệu đau khổ đầu đời, của bất cứ một chuyện tình nào trên cõi đời này, mà tiêu biểu hơn hết là nơi đây, tại Cầu tàu Lục tỉnh này. Nơi có những cô bán vằm mộc mạc, đẹp cái đẹp của hoa bông búp, hoa vành vành, cùng các trai tráng thương hồ gạo chợ nước sông, trôi nổi qua những câu hò trữ tình để có những mối tình sông nước, đẹp thì quả là đẹp lắm rồi, mà cũng dễ trôi và tan theo sóng nước trường giang. Để an ủi cô, thầy tôi cất tiếng hò đáp thế cô:

- Hò ơ... Nước trong con cá lội. Mây cao con nhận bay. Thương nhau rồi như trời cao biển rộng. Hò ơ... Thương nhau rồi... Chớ nào phải như con ong kia, con bướm nọ... mà nói rằng xa nhau.

Sau khi nghe thầy tôi hò đáp, cô nhìn thầy tôi, mắt còn ướt lệ, nhovn miệng cười, hỏi gạn lại thầy tôi: Thiệt vậy ghen thầy.

Chỉ thế thôi, đã đủ cho người con gái bán vằm ở Cầu tàu Lục tỉnh Mỹ Tho ám lại con tim, với một tình yêu chất phác, một lòng đơn hậu, chỉ biết ban phát cho đời, như chất đất phù sa âm thầm bồi đắp nơi chín cửa Cửu Long.

Đó là thầy tôi, Thầy Lê Văn Quá đã dạy tôi lớp D1 tức là lớp Nhì năm thứ nhứt D, vào năm học 1939-1940. Tình yêu của Thầy tôi và cô gái bán vằm thật vô cùng khăng khít, mặn nồng. Cứ vài hôm, là tôi được theo thầy đi thăm người yêu. Trên xuồng con, sau khi được ăn chè no nê, tôi nằm lăn ra ngủ, để Thầy tôi cùng cô bán vằm tâm sự. Có những lúc, Thầy không đến gặp cô được, tôi có phận sự cầm những bức thơ tình màu hồng có tẩm dầu thơm, chuyển đến người yêu. Mỗi lần như vậy, tôi được trả công bằng một chén chè nóng hổi và nhét vào túi một đồng xu. Sáng lại vào lớp, được Thầy gọi trả bài, bài không thuộc lắm, nhưng hơn ai hết, thầy là người biết rõ lý do mà tôi không học bài nên vẫn được điểm 8.

Đấy! Ai bảo đi học là khổ. Riêng tôi, đi học sướng lắm chớ! Hạnh phúc đã đến với Thầy tôi và Cô tôi. Tôi đã bắt đầu gọi cô bán vằm bằng Cô rồi. Thú thật tôi cũng mong ước cho tình yêu hai người sớm thành sự thật, vì tôi nghĩ, trong hạnh phúc này cũng có hạnh phúc của tôi.

Ngày 15 tháng 7 năm 1940, ngày nghỉ hè của năm học, thầy tôi lại phải về Châu Đốc với gia đình. Vẫn là tôi đưa Thầy ra Bến tàu Lục tỉnh. Tàu từ Sài Gòn vào kinh Chợ Gạo, ra vằm Kỳ Hôn ghé Cầu Cui - cảng cá bấy giờ - lấy củi để đốt lò, vì tàu vận hành bằng hơi nước, rồi cập bến đúng 8 giờ tối. Chuyển hàng hóa, lấy hành khách xong, tàu sẽ tách bến đúng 10 giờ đêm. Thầy tôi và tôi tay xách, nách mang dùng xe kéo đến bến đúng 8 giờ, có nghĩa là chúng tôi đến nơi thì tàu đã cập cầu. Chúng tôi đưa mắt để tìm, không phải chiếc tàu mà là chiếc xuồng, chiếc xuồng mà trên đó có một cô gái bán chè thưng-bột-bán-đậu-xanh-nước-dừa-đường-cát, một người con gái của đất Kỳ Hôn. Chiếc xuồng

mong đợi đã cảm sào đợi khách tự bao giờ. Chúng tôi dìu nhau bước xuống xuống.

Trời ơi! Làn gập gờ này sao mà buồn vậy. Hai người không nói gì với nhau. Tôi cũng buồn lây, nhìn vợ vắn lên ống khói tàu từng hồi, phun ra những đợt khói đen vắn vữa, rồi lại nghe từng hồi còi tàu giục giã phút chia ly. Chiếc xuống bỏ bến ra xa, muốn tách ra khỏi đám đông để được một mình một cảnh của riêng nhau. Bỗng đâu đây, một giọng hò của ai đó lúc bỗng lúc trầm, sâu lắng, quyến luyến, tiếc thương:

-Hò ơ... Tàu sắp lê một còn thương còn nhớ, Tàu sắp lê hai còn đợi còn chờ, Tàu sắp lê ba tàu ra khỏi bến. Anh ơi! Xa nhau lần này... biết đến bao giờ... Hò ơ!... Biết đến bao giờ... hai đưa mình mới được gặp nhau.

Câu hò này của ai, vô tình hay cố ý, mà sao cứ lặp đi lặp lại mãi. Nồi chè còn nguyên, không bán cho ai, củi lửa lạnh tanh. Cô tôi ngồi nhìn về chiếc tàu đang đợi khách, không nói gì, sụt sùi khóc. Chợt nhìn thấy tôi ngồi ủ rũ, cô múc một chén chè trao cho tôi, tôi lắc đầu, cô thở ra, đổ chén chè trở vào nồi... rồi khóc.

Tiếng còi tàu lại vang lên như hồi thúc kẻ ra đi, khiến cho tôi, một người vô can, giờ đây nhớ lại cũng chạnh lòng. Giá mà thời bấy giờ đã có được bản nhạc Biệt ly của Dzoãn Mẫn, thì tôi cũng đã tức cảnh sanh tình mà cất tiếng ca:

-Biệt ly, sống trên dòng sông. Ôi còi tàu như xé đôi lòng. Người ra đi với ngàn nhớ thương...

Tàu sắp lê hai... có nghĩa là thầy tôi phải lên tàu. Chiếc xuống giờ đây do tôi điều khiển, cặp vào hông tàu. thầy tôi nắm lấy tay cô tôi từ giã, dùng dằng không nỡ buông ra. Tiếng còi tàu lại thúc giục. Thầy đành phải bỏ tay, nín lấy thành tàu để chuyển lên. Xuống lắc lư, thầy cố mấy lần mà không lên được tàu. Cô tôi vẫn úp mặt vào lòng bàn tay, không nhìn đến thầy tôi, mà cũng không nghĩ đến việc giúp cho thầy tôi lên tàu. Thầy tôi lên được

boong tàu không dễ dàng, nhìn xuống cô tôi, trông cô tôi nhìn lên để nói lời tạm biệt, mà cô vẫn úp mặt vào tay. Tôi phải nhắc cô:

- Cô ơi, thầy chờ cô để chào cô kia.

Thay vì cô nhìn lên thầy, cô vẫn ôm mặt, lắc đầu và tôi chỉ nghe tiếng khóc thỏn thức của cô, lớn đến nỗi làm át mất tiếng sóng vỗ mạn xuống. Lại đâu đó có tiếng hò:

-Tàu sắp lê ba, tàu ra biển Bắc. Xa nhau rồi nước mắt như mưa...

Mười giờ, tàu sắp lê ba, nghĩa là giờ chia tay đã đến. Tàu không ra biển Bắc mà ngược về miền Tây diệu vợi. Cảnh biệt ly nào cũng vậy, vẫn nước mắt như mưa. Tàu tách bến, máy nổ, chân vịt tàu quây nước, bọt trắng xóa. Từng đụn khói đen phủ lên nền trời đêm. Trên boong tàu, vẫn còn một bóng người đứng đó.

Tàu từ từ ra khỏi vàm sông Bảo Định, hướng mũi về miền Tây Châu Đốc, bỏ lại đằng sau hàng mấy chục chiếc xuống bán vàm... bơ vơ mất khách, đang dõi mắt trông theo, ngậm hẹn ngày tái ngộ. Trong đó có cô tôi. Nhưng với cô tôi, ngày tái ngộ với con tàu Lục Tỉnh này, không đơn thuần là chỉ để bán chè thung-bột-bán-đậu-xanh-nước-dừa-đường-cát, mà nó, chiếc tàu này, có mang trả về cho cô tôi người lữ khách, mà trước đây một năm, nó đã mang đến cho cô tôi hay không?

Hai tháng bãi trường sắp qua. Một hôm tôi đang loay hoay chuẩn bị tập vở viết thước cho ngày tựu trường năm học mới, thì cô tôi đến nhà tìm tôi. Tôi không ngạc nhiên về sự thăm viếng bất thường này và tôi cũng hiểu rõ lý do của nó, vì chính trong tôi mấy ngày nay một câu hỏi đã không ngừng ám ảnh tôi. Đó là: Năm nay thầy có về trường mình nữa không? Cô đến bên tôi, nôn nóng hỏi:

- Em có tin gì về thầy không?

Tôi không dám mở miệng mà chỉ lắc đầu. Cô tuyệt vọng nhìn ra sân, trưa nắng im ắng, vắng không. Lâu lắm, cô nói với tôi như một lời tâm sự:

- Cách nay mấy ngày, ngày nào có chuyến tàu Châu Đốc về, cô đều cặp xuống bên bến đón thầy... mà không có!

Cụm từ “mà không có”, cô nói nhỏ lắm mà sao tôi nghe nó vang dội trong tim tôi. Như để an ủi, cô nói với tôi mà dường như để nói với chính mình:

- Còn một chuyến tàu Châu Đốc nữa, để cô đón thầy... thử coi!

Trời ơi! Một cuộc hẹn trăm năm mà... cô bảo là thử coi. Sao mà đau lòng lắm vậy!

Hôm nay là ngày khai giảng năm học mới. Tôi trở lại trường và được lên lớp Nhì năm thứ hai. Việc làm đầu tiên của tôi là khi vào trường, lập tức chạy xuống lớp cũ để tìm thầy tôi. Lớp cũ đã có thầy mới về dạy. Tôi lại chạy tìm khắp các lớp... nhưng Thầy Quá của tôi, năm học này không về dạy trường này nữa!

Mười một giờ, tan học, tôi ôm cặp ra về, mà vẫn còn miên man nhớ đến thầy tôi. Vừa lúc ra cổng, bỗng có tiếng gọi tên tôi. Tôi nhìn lên thì ra là cô tôi, cô gái Kỳ Hôn, cô bán vằm, cô bán chè thung-đậu-xanh-bột-bán-nước-dừa-đường-cát, tại Bến tàu Lục tỉnh, Mỹ Tho.

Nỗi nhớ thầy còn đó, kịp nhìn về mặt lo âu, thần thờ của cô, con tim tôi nhói lên. Cô vội nắm tay tôi, hỏi:

- Thầy có về dạy trường mình không?

Tôi không dám nhìn cô, nhìn xuống mặt đường, thưa là:

- Em tìm thầy... mà không thấy.

Tay cô lạnh ngắt, buông tôi ra, không nói một lời gì, loạng choạng bước đi trên con đường Bourdais thảng chín mưa bay. Lá me đỏ vàng trên mặt lộ bốc khói sau cơn mưa rào. Tôi cũng đủ

lớn để khi nhìn theo dáng dấp cô và biết rằng thời gian gấp gờ của hai người đã để lại trong cô kết quả của tình yêu. Trời Mỹ Tho sắp sang thu, cũng là thời điểm này mà thầy tôi gặp cô tôi, khiến tôi bồi hồi nhớ câu hò của cô bán vằm trên sông Cửu Long nơi Cầu tàu Lục tỉnh: *Anh về học lấy chữ nhu, Chín năm em cũng đợi, mười thu em cũng chờ*. Tôi nhìn theo bóng dáng cô gầy gập, nhạt nhòa trong lớp bụi mưa mờ đục và chợt thốt ra:

- Cô ơi! Mười thu có dài lắm không?!

Từ đó, nơi vằm sông Bảo Định, đêm đêm những người thương hồ sông nước vẫn còn nghe tiếng hò của các cô gái bán vằm, nhưng họ không còn thấy bóng dáng cô tôi trên chiếc xuồng con, cũng như không còn nghe tiếng tiếng hò của cô tôi nữa.



NGÀY XƯA CÒN ĐÓ...

Tôi được đổi xuống dạy tại trường Tiểu học Chợ Gạo vào năm 1950. Tôi và một số đồng nghiệp giáo viên cùng ở trọ tại nhà ông hiệu trưởng. Bà hiệu trưởng trường là một người tốt bụng, chỉ lấy tiền ăn uống ở trọ cho có lệ. Trái lại những bữa cơm của bà thơm tất, ngon lành... mà mãi đến bây giờ chúng tôi mỗi lần nhớ đến cũng vẫn ngậm ngùi thương kính bà.

Tôi dạy lớp Nhì trong khi các con ông hiệu trưởng, trai có gái có tuổi xê xích nhau chỉ vài tuổi bởi vậy tôi chỉ có dạy một em

trai. Còn các em lớn hơn thì đã học lớp nhất, các em nhỏ lại đang học ở các lớp nhỏ.

Trong số này có một em gái tên Rí. Em học lớp nhất có nghĩa là tôi không dạy em và tất nhiên em không phải là học trò của tôi. Vậy mà tất cả con ông hiệu trưởng dù có học hay không với thầy này thầy kia đều gọi tất cả chúng tôi là thầy. Đó là nề nếp đạo đức bất di bất dịch của con người Việt Nam. Và lòng tôn kính đối với những thầy không dạy mình vẫn được tôn trọng và kính nể như đối với thầy mình.

Hè niên khóa 1950-1951, trường tổ chức lễ phát thưởng cho học sinh. Tôi xin mở đầu ngoặc để nói về lễ phát thưởng cuối niên học. Mãi đến bây giờ 60 năm qua trong đời tôi, biết bao cuộc chia tay trong ngày lễ này. Tinh thần và ý nghĩa ngày lễ này vẫn còn tồn tại trong ký ức học sinh và thầy giáo của tôi.

Ngày xưa, nơi trường học từ các trường sơ cấp nhỏ bé nơi làng xã hẻo lánh đến các trường tiểu học kể cả những trường trung học ở thành phố lớn, lễ phát thưởng cuối niên học là một lễ hội. Xin nhấn mạnh là một lễ hội. Dù lớn hay nhỏ dù giản dị hay hoành tráng, dù chỉ có mấy cái bánh nhỏ mấy củ khoai lang, mấy chai nước cam vàng, dù là bữa tiệc linh đình có trình diễn văn nghệ, có cả diễn văn... đều để lại dấu ấn trong tôi.

Lễ phát thưởng tập hợp đông đảo thầy, trò và phụ huynh tham dự. Tất cả với lòng háo hức để học sinh mừng kết quả mình đạt được, để thầy cô mừng cho công lao mình được đền đáp, để cho cha mẹ vui lòng vì được biết con mình có chí lập thân. Lễ phát thưởng cuối niên học còn là buổi chia tay cuối cùng của năm học cũng có thể là buổi chia tay vĩnh viễn với bạn bè của cuộc đời học trò. Rồi đây bạn bè tung ra bốn phương trời, ngày gặp lại chỉ còn trông vào Trời định. Do vậy cuộc lễ phát thưởng nào trong thời gian tôi đi học cũng như trong thời gian tôi dạy học, đã lâu lắm rồi, vẫn còn ghi lại trong tôi những kỷ niệm không quên.

Ngày tạm biệt

...

*Ba gian trường lá ve vào hạ
Một dạ thương thầy nắng chớm thu
Hoa phượng vui buồn tan tác rụng
Thầy và trò xa cách mấy quan san
Bài học cuối cùng chỉ bằng đôi mắt
Chẳng nên lời mà âm hưởng còn vang
Rưng rưng lệ bài ca lời tạm biệt
Đến bây giờ còn nóng hổi nhớ thương*

...

(Thơ của tác giả)

Tôi trở lại lễ phát thưởng cuối niên học 1950-1951 tại trường Tiểu học Chợ Gạo. Vì tôi còn trẻ lại nữa cũng có chút máu văn nghệ văn gừng... vườn, nên được ông hiệu trưởng phong làm trưởng ban tổ chức, kiêm dạy múa dạy hát, kiêm cả làm a-ni-ma-tơ (hoạt náo viên) hồi đó chưa có từ em-xi (MC) như bây giờ. Tôi nhận hết vì điếc không sợ súng mà, nhất là cái vụ a-ni-ma-tơ này. Lúc bấy giờ a-ni-ma-tơ còn dùng hai thứ tiếng, tiếng Việt và tiếng Pháp nữa chớ. Thật sự như đã nói điếc không sợ súng, lại nữa tôi học lóm ở các đại nhạc hội ở Sài Gòn nhất là tôi mê cái giọng giới thiệu chương trình của quái kiệt Trần Văn Trạch. Tôi nghĩ trên Sài Gòn thì có Trần Văn Trạch, còn ở cái đất Chợ Gạo nước mặn đồng chua cỏ cháy này thì... tôi là được rồi.

Như đã nói là tôi bao giàn hết chương trình lễ này, nên cũng chính tôi chọn diễn viên và ca sĩ kể cả bài hát. Tuy vậy tôi chỉ dám dành cho mình hai tiết mục: múa *Lửa rừng đêm* và đơn ca *Trăng mờ bên suối*. Còn thì chương trình ca nhạc còn lại tôi giao hết cho một thầy giáo khác, thật tình mà nói, giỏi hơn tôi nhiều về... cái vụ này.

Màn múa *Lửa rừng đêm* của nhạc sĩ *Nguyễn Hữu Ba*, được tôi dàn dựng với mấy cậu học trò, cái dạng đi học để trốn lính, trốn làm trâu mà, tối ngày mang cái chân phèn lội ruộng,

nhảy múa... mà bảo chúng biểu diễn vũ khúc rum-ba thì cái màn múa này nó hay đến cỡ nào chắc độc giả cũng biết rồi. Ngược lại màn đơn ca *Trăng mờ bên suối* của *Lê Mộng Nguyên*, do một em nữ sinh lớp nhất trình bày thì thật sự tồi... à không cô bé được vỗ tay vang dội.

Buổi lễ phát thưởng năm ấy ở trường tiểu học Chợ Gạo đã thành công vượt bậc và ông hiệu trưởng đã phê một câu *Pas mal!* (Không tệ!). Bởi vì cô nữ sinh hát bài *Trăng mờ bên suối* đó chính là cô bé tên Rỉ, ái nữ của ông. Em bé này mặc dù không phải học trò của tôi nhưng là một minh tinh do tôi đào tạo, ít nữa là cũng trong lễ phát thưởng hôm nay. Tôi tự hào về điều này.

Năm tháng trôi qua, thời gian tôi rời xa trường Chợ Gạo tính ra đã trên 17 năm. Thỉnh thoảng tôi có gặp lại ông hiệu trưởng của tôi và các bạn bè đồng nghiệp cũ ở Chợ Gạo. Cũng có đôi khi học trò cũ của tôi đến thăm tôi nhất là vào các dịp Tết Nguyên đán. Tôi cũng có hỏi thăm các học trò cũ của mình và đôi khi chúng tôi, thầy trò có nhắc lại buổi lễ phát thưởng cuối cùng của tôi ở trường Chợ Gạo, nhưng không khi nào tôi nhắc đến cô bé hát bài *Trăng mờ bên suối*, vì chuyện một cô bé 10 tuổi hát trong một lễ phát thưởng của trường, có hay đến đâu đi nữa, mà nay đã 16, 17 năm rồi còn gì để nhắc lại,

Duyên tái ngộ, một hôm tôi gặp em ở Sài Gòn với hình dáng một thiếu nữ đẹp đẽ, trẻ trung, đôi phần liếng thoắng. Tôi không nhìn ra em, nhưng chính em là người nhìn ra tôi. Thoạt đầu tôi không dám hỏi em là ai, chỉ nhìn em mà há hốc mồm. Em mới chịu nói: *Em là Rỉ nè, ở Chợ Gạo nè!* Thế là tôi cũng mừng không kém em. Nhìn em đổi thay từ một đứa con gái nhỏ xíu mặc áo cài lộn nút, quần ống cao ống thấp, tóc tai sắp sớ sắp sảy... bây giờ đã là một thiếu nữ, một cô giáo đang hoàng... Tôi thật sự ngỡ ngàng từ dáng dấp đến giọng nói của em thay đổi quá nhiều. Tôi chỉ biết nhìn em và nghe em nói và nói. Cuối cùng em nắm tay tôi, kéo tôi và bảo: *Đi ra Đô Thành uống cà phê với em.* Tôi

không đủ can đảm và nghị lực để từ chối trước một đề nghị như vậy nên... ríu ríu theo em.

Thế rồi em và tôi ra trước tòa Đô Chính, gần “Air Việt Nam” vào Nhà hàng Đô Thành uống cà phê. Chừng này, chúng tôi mới có dịp kể lại cho nhau những kỷ niệm xa xưa. Tôi ở trọ nhà ba mẹ em để đi dạy học, em còn nhỏ xíu, không học tôi những vẫn gọi tôi là thầy... Nhớ đến đây tôi bỗng nhớ ra và tự hỏi: *Thế sao này giờ cô bé này hạ bệ mình, lại gọi mình là anh?* Tôi nghĩ như vậy nhưng không hỏi - đại gì mà hỏi - vì tiếng anh trong thời điểm này hẳn là hợp tình hợp lý hơn. Rồi em buồn buồn kể lại cho tôi nghe: *Anh nhớ hôn, kỳ bãi trường đó anh biểu em hát bài Trăng mờ bên suối đó. Em nghe lời anh em... hát mà nghe nói người ta khen lắm phải không anh?*

Bản nhạc *Trăng mờ bên suối* lại trở lại với tôi với lời ca của một em bé 10 tuổi. Trước khi lên hát, mấy cô giáo đã đánh phấn thoa son cho em, sao tôi trông em giống con búp bê... Ngộ quá. Vậy mà em đã hát và hát rất hay là khác nhưng lúc bấy giờ, có lẽ em không biết là em hát hay. Tôi lại hỏi em: *Bây giờ em còn nhớ bản nhạc đó không?* Em nhìn tôi vẻ hờn trách: *Sao không nhớ. Thậm chí em thường hát luôn. Mà anh có biết hôn mỗi lần hát nó là em... nhớ anh.*

Nói xong em lấy muỗng cà phê gõ nhẹ vào ly và cất tiếng hát nho nhỏ chỉ đủ cho tôi nghe:

*Người hẹn cùng ta đến bên bờ suối
Rừng chiều mờ sương ánh trăng mờ chiều
Một đêm thiết tha rồi đây xa cách
Rồi đây hai ngả biết tới phương nào
Lòng buồn từ ly nhớ nhung chiều vắng
Người ơi nhớ khúc nhạc lòng đêm ấy
Ngàn đời vang nhạc bên suối trăng tà...*

Tôi ngồi nhìn em, say mê nghe em hát và dường như đây là giọng ca hay nhất của bản nhạc này mà tôi được nghe. Em say

sua hát, mặc cho một vài người khách hiếu kỳ nhìn em. Giọng em buồn, buồn lắm có lúc tôi tưởng là em sẽ khóc mà không tiếp tục được, nhưng lời ca em vẫn lênh đênh, vẫn lên xuống bổng trầm, lắng đọng, nức nở... thậm đậm ít nữa là trong lòng tôi:

*Một ngày xa nhau xóa bao hình bóng
Trời bày chia ly chi cho lòng héo
Giờ đây cách xa người quên hay nhớ
Ngày xưa còn đó trăng nước mong chờ.*

Em chấm dứt bài hát, lấy muỗng lơ đãng khuấy ly cà phê đá mà không uống. Em cũng không nhìn tôi, nhìn băng quơ qua khung cửa kính ra con đường Hàm Nghi của Sài Gòn đang vào hè rực nắng, Tôi cũng cảm lặng không biết phải nói gì, vì dường như giọng hát của em hôm nay đưa tôi về 17 năm về trước để tôi nhớ một cô bé tên Rì nhà quê, đã được tôi đưa lên sân khấu hát cho mọi người nghe. Lúc ấy em hát mà em không cần biết ý nghĩa của lời ca. Còn hôm nay em cũng hát bài này mà chỉ hát cho mỗi mình tôi nghe, chắc chắn là em muốn gợi cho tôi những ca từ mà em biết là những ca từ ấy muốn nói điều gì.

Lời ca của bản nhạc trữ tình của người nhạc sĩ tài hoa *Lê Mộng Nguyên*, đã nói với chúng tôi quá nhiều nên chúng tôi ngồi đó mà không còn có lời nào trao đổi với nhau thêm cho đến khi chúng tôi ra về. Tuy nhiên khi ra về em lại vui vẻ bảo tôi: *Nè, anh có lên Sài Gòn là phải kiếm em nghe không?* Không biết có phải đó là cái lịnh hay không mà mỗi lần tôi có dịp đi Sài Gòn, là chúng tôi lại đưa nhau đi uống cà phê ở Đô Thành, ở Thanh Thế hay Nguyễn Văn Đắc hay Givral..., đi ăn cơm thố ở Chợ Cũ, đi xem phim ở Rex hay Eden hay Đại Nam...

Thời gian cũng khá dài để anh em chúng tôi gặp nhau vui với cái vui của nhau, buồn với cái buồn của nhau, và thỉnh thoảng em ngã đầu vào vai tôi thì thầm hát bài *Trăng mờ bên suối*.

Cho đến một ngày... Ngày 1 tháng 5 năm 1975, từ đây tôi không còn gặp em và cũng không biết bây giờ em ở đâu, còn ở

Sài Gòn hay về quê ở Chợ Gạo. Nếu bình thường thì việc tìm một người quen ở Sài Gòn hay ở Chợ Gạo đối với một người ở Mỹ Tho thì không có gì khó khăn, nhưng mấy năm sau 1975 việc này trở nên nhiều khó khăn, hơn nữa mọi người cũng đang có quá nhiều vấn đề trong cuộc sống, nên đối với tôi, dường như tôi đã quên em, nếu không thì chỉ một thoáng nhớ qua em... rồi thôi.

Mãi đến năm 1992 tôi được biết em đã về quê ở Chợ Gạo và đang trong tình trạng đau yếu. Một ngày cũng như mọi ngày, tôi tìm đến thăm em. Gia đình em thì không còn ai. Ông bà hiệu trưởng đã qua đời. Anh chị em thì người còn người mất, người lại ly tán xứ người. Nhà vắng lặng như không còn sinh khí. Tôi vào nhà thấy một thân hình gầy gò nằm trên bộ ván. Từ nhà sau, di của em nhận ra tôi nên bảo: *Con Rỉ đó thầy*. Tôi đến bên em, khẽ lay em dậy. Em mở mắt nhìn tôi, nhận ra tôi và ra dấu muốn nằm vững.

Tôi dìu em nằm xuống vững. Em lại nhìn tôi và nói:

-Bây giờ mà... thầy còn đến thăm em. Em cảm ơn thầy lắm.

Chợt nghe em gọi tôi là thầy, tôi cố làm ra vui vẻ bảo em:

-Sao lại gọi anh là thầy, anh chứ!

Em nở một nụ cười buồn, hiu hắt, cháy cả ruột gan, bảo tôi :

-Còn gì nữa mà... gọi anh...

Sáu tháng sau...!!!

Sau đó, mỗi lần nhớ lại em, tôi nhớ em đã hát bản *Trăng mờ bên suối* hai lần. Lần đầu khi em còn là một em học sinh bé bỏng chỉ hát theo sự chỉ dẫn của tôi. Lần sau, 17 năm sau khi em đã là một thiếu nữ em lại hát và chỉ cho mỗi mình tôi nghe vào một buổi trưa tại nhà hàng Đô Thành ở Sài Gòn. Và sau đó cũng 17 năm, tôi đã đến thăm em lần cuối.

Tính đến nay, từ ngày em hát bản nhạc *Trăng mờ bên suối* lần đầu tiên trong dịp lễ phát thưởng ở trường Chợ Gạo đến ngày tôi viết bài hồi ký buồn này đã 60 năm trôi qua.

Từ đó mỗi lần nhớ đến em là tôi nhớ câu nói của em làm cháy cả ruột gan: *Còn gì mà gọi... anh.* và vắng vắng trong tôi giọng ca của em càng ngày càng thêm sâu lắng, buồn thương...

*Một ngày xa nhau xóa bao hình bóng
Trời bày chia ly chỉ cho lòng héo
Giờ đây cách xa người quên hay nhớ
Ngày xưa còn đó trăng nước mong chờ.*



THẦY TÔI

Nếu tính theo dòng chảy cuộc đời đến thời điểm 60 năm của tôi thì tôi có 6 năm ở nhà ôm vú mẹ, nín chân cha, lại có 5 năm học *i, i... đi học, a, a... quả na, o, o... tàu mo...* và những bài tập đọc trong Quốc văn Giáo khoa thư buồn chán, như... *Ồi! Cảnh biệt ly sao mà buồn vậy...* rồi cộng thêm 4 năm trung học, học chữ Tây nhiều hơn chữ Việt, chót hết 1 năm ở Sư phạm học nghề dạy học cho trẻ Việt mà dạy theo kiểu sư phạm Tây. Thời gian còn lại là làm nghề “gỗ đầu trẻ”. Tóm lại “sáu mươi năm cuộc đời” của tôi chia ra, chỉ có 6 năm gà con ăn quần cối xay, còn thì hết 54 năm trôi buộc trong bốn bức tường của lớp học để khi đi học bị

thầy đánh và khi đi làm thầy giáo thì... đánh lại học trò... Đời mà, ăn miếng trả miếng chứ! Tội gì!

Vậy mà khi tính sổ lại cuộc đời làm học trò và làm thầy giáo, lời lỗi đâu không thấy mà thấy toàn những kỷ niệm buồn thương xé lòng, mỗi khi nhắc lại thầy mình, bạn cũ, trường xưa... là nước mắt dâng trào, mặc dù tôi đã ở tuổi 90-1 mà buồn thay... hồ lệ sao vẫn chưa vơi.

Thầy tôi, một thầy giáo làng như bao nhiêu thầy khác, dạy các lớp chót ở bậc sơ cấp, trong thời điểm tôi học, xa lắc xa lơ bảy tám mươi năm của thế kỷ trước. Vậy mà hình ảnh ông thầy ốm nhom, ốm nhách, mặc một cái sơ mi trắng sòn bầu, nút áo, cái còn cái mất, bỏ lửng vào trong cái quần ka-ki rộng thùng thình gọi là quần tây nhưng có thể mấy ông Tây không nhận ra cái quần truyền thống của họ... vẫn còn lảng vảng bên tôi.

Một cái nón nỉ cũ mềm mà màu nguyên thủy của nó không biết là màu gì nên khi thầy lấy ra làm mẫu cho học trò làm bài tập vẽ thì ôi thôi nó ra không biết bao nhiêu màu lạ lùng. Đôi giày hiệu ba-ta của thầy cũng vậy, luôn luôn cho lũ học trò nhìn chòng chọc vào hai ngón chân cái của thầy có chỗ trống để chui ra ngoài, ngo ngoe. Còn nói về chân dung thầy tôi thì thôi khó đoán, khó lường, thay đổi bất thường. Khi thầy vui, vui lắm, khi Thầy buồn, buồn hiu. Cặp mắt Thầy cũng vậy, mỗi ngày tụi học trò chúng tôi chỉ nhìn vào đôi mắt thầy là đoán ra hôm nay lớp học sẽ biển lặng sóng êm, trái lại là lớp học sẽ ba đào dậy sóng. Sao lại có tình trạng “thay đổi thời tiết” bất thường như vậy? Nói theo chuyện Tàu hồi đời xưa: Hạ hồi phân giải.

Đó là thầy tôi, thầy Nguyễn Văn Nguru, thầy dạy lớp Dự bị của tôi vào niên học 1932-1933 tại một ngôi trường làng nghèo nàn, mùa mưa gió tạt mùa hè nắng soi. Nhưng thầy tôi và tôi dường như có cái duyên tiền định, nên sau cái niên học ở cái lớp Dự bị đó rồi, những tưởng đường thầy thầy đi, đường trò trò đi... Trò có vọng tưởng thầy lắm thì họa hoàn chỉ nhớ những cái phạt quì gối hàng giờ mà thầy quên bảo ngồi xuống, hay những cái khẻ

tay để lại dấu hằn kỷ niệm mấy ngày không phai. Nhưng riêng đối với thầy tôi đây, thầy Ngưu của tôi, gần như suốt cuộc đời thầy tôi và đời tôi đã nợ nhau... từ muôn kiếp trước nên không thể rời xa nhau trong quãng đời còn lại.

Từ khi vào chuyện tôi đã nói khá tường tận về chân dung của thầy tôi, một ông thầy như bao ông thầy khác đã khai trí cho tôi khi còn thơ ấu ở bậc sơ cấp trường làng. Vậy mà tôi, một đứa trẻ nhà quê, một đứa học trò nhỏ dại, chất phác, ngu ngơ... đến khi lớn lên vẫn tôn thờ thầy tôi trong tâm trí, mặc dù sau này tôi biết được thầy là một người... đam mê cờ bạc. Cờ bạc là lý do cho cuộc sống, là lẽ sống của đời thầy. Nghề mô phạm cao quý của thầy chỉ là phương tiện để có tiền và có tiền chỉ để... vầy cuộc đồ đen.

Thầy ơi, em nói điều này về thầy vẫn với một lòng kính yêu thầy như thuở nào, vì lớn lên em biết là con người có những cái đam mê nhiều khi vô lối như vậy. Và thầy cũng vậy. Vì thực sự trên phương diện đạo đức xã hội, họ không có tội gì cả. Tại sao người ta cứ ra rả hát câu này: *Làm sao cắt nghĩa được tình yêu*, mà sao họ không chịu sửa lại giùm thầy tôi: *Làm sao cắt nghĩa được... đam mê*.

Cũng như thầy, nào phải thầy cờ gian bạc lận gì để mong móc túi người ta, mà chính cái “máu đồ bác” đó nó ở trong thầy như một con ma ám ảnh thầy. Thầy như bị thúc đẩy phải đánh bài, bài nào cũng được... tứ sắc, chập ổ, bài cào, cách tê, xập xám, hốt me, dzà dzách, tài xỉu... mặc dù thầy biết, hơn ai hết, không bao giờ thầy “ăn”, chỉ có thua và thua.

Tuy nhiên, thầy vẫn xem đó là một đam mê đặt trên cả sự sống. Thầy đã nghiện cờ bạc từ lúc nào chắc thầy cũng không biết. Hôm nào vào lớp mà thầy có hẹn trưa lại có một sòng tứ sắc, hay một ván các-tê là thầy vui thấy rõ. Tụi học trò mặc sức quậy phá, la hét... Hôm nào không có... tay bài cào ba lá nào rủ ren, hay không có ai hẹn hốt me, đồ hột... là thầy... quạu và cái quạu này có thể trút lên đầu mấy thằng học trò... xấu số.

Thầy chơi bài như một nhà hiền triết, lúc bấy giờ chưa có giải pháp trị liệu để giải toả ức chế là “ngồi thiền”, nên có thể thầy xem cờ bạc là một phương pháp giải toả căng thẳng. Mỗi lần thầy sạch túi, thầy rũ “áo phong sương” đứng dậy ngâm nga câu “Buồn ơi! Chào mi.” Rồi thầy hết buồn... trông đợi sòng bài... xập xám chiều nay tại nhà thằng Tám Cỏn, hay sòng tứ sắc nơi con mẹ Tư Ốm, vợ thằng cha hương quán

Nhút. Cứ như vậy, tiền lương của thầy đem nướng vào các cuộc đồ đen không đủ, thầy phải vay chỗ này mượn chỗ kia. Nhà thầy khá xa trường, vậy mà thầy vẫn phải cuốc bộ đi dạy, một lý do rất dễ hiểu là tất cả xe đạp mà cô mua cho thầy đều chạy theo thầy vào các sòng đồ bạc.

Vì vậy thầy bị đòi đi dạy hết trường này đến trường khác cũng vì cái tội cờ bạc. Lúc nào trong đầu thầy cũng có ý nghĩ đánh bài. Chỉ có chơi bạc, thầy mới vui, mới thoải mái. Những lá bài tướng sĩ tượng xe pháo ngựa cùng với “hoảng” “khập”... những tiếng lách “hột me” giòn tan trong cái tô sứ... luôn luôn nằm trong mơ tưởng của thầy. Ngay khi dạy tại một quận xép nhỏ, giờ ra chơi chỉ có 15 phút, thầy vẫn tranh thủ chạy xuống chợ gần đó... đánh mấy ván bài cào với mấy chú lính Bảo an. Khi trống vào học, thầy chạy về trường... dạy tiếp...

Năm 1957, một buổi chiều từ Sài Gòn tôi ra ga xe lửa mua vé về Mỹ Tho, gặp thầy. Thầy bảo: *Có tiền mua vé cho thầy về, thầy hết tiền rồi.* Tôi: *Dạ.* Và mua vé xong đưa cho thầy kèm theo 1 đồng bạc và thưa: *Thầy dùng uống nước.* Thầy thấy vậy nói tiếp: *Nè có tiền cho thầy mượn 5 đồng.* Tôi hỏi: *Chi vậy thầy?* Thầy nói: *Để thầy trở lại sòng “tài xỉu” gỡ...!!! Khổ nổi! Không bao giờ từ “gỡ” này có trong đời cờ bạc của thầy tôi.* 5 đồng đó không bao giờ thầy trả cho tôi được, nhưng mỗi lần thầy gặp tôi thầy đều nhắc: *Thầy còn thiếu em 5 đồng...*

Có một người học trò cũ kể: Ngay ngày đầu tiên được đòi về một trường mà thầy đã dạy trước đó. Tan học sáng, thầy chạy

đến nhà học trò cũ không phải để thăm học trò mà... mượn tiền đánh bài với người trong xóm.

Trời xui khiến khi thầy đã già, trò đã lớn tuổi... thầy trò lại có nhà ở gần nhau. Có những đêm, thầy kêu cửa trò và bảo: *Cho thầy ngủ nhờ*. Trò hỏi: *Sao thầy không về nhà*. Thầy nói: *Đi đánh bài về khuya, cô hồng cho vô nhà!* Thế là thầy trò chung một giường nhưng... đồng sàng dị mộng!

Sau ngày 30.4.1975, ngày lịch sử, thầy trò không gặp nhau. Cuộc đời thay đổi, bài bạc không còn. Hỏi thăm thầy, tôi được biết thầy theo cô về quê ở xã Tân Hòa Thành. Ít lâu sau đó, một hôm tôi gặp thầy quá già yếu, đi bộ giữa trời trưa nắng trên đường Ngô Quyền. Tôi nhìn thầy già nua vì thời gian và tiêu tụy vì thiếu thốn, nhưng thầy vẫn mặc một chiếc áo sơ mi sòn vai, bỏ vào quần đúng theo tác phong một thầy giáo, mang đôi xăng-đan đẹp lép bước những bước chân nặng nề, hướng về bến xe cách hai cây số: Tôi hỏi: *Thầy đi đâu?* Thầy bảo: *Thầy về quê lâu rồi, bữa nay nhớ Mỹ Tho quá, xuống chơi, bây giờ thầy đi lên bến xe đặng về nhà*.

Tôi chưa kịp hỏi thăm thì thầy quay lưng đi. Tôi đứng đó nhìn theo Thầy mà lòng dạ rã rời... bỗng thầy quay lại, đến bên tôi, kề tai tôi nói: *Thầy còn thiếu em 5 đồng, không biết chừng nào thầy trả...!!!* Rồi thầy lại cúi mặt xuống đường, bước chân nặng nề... lủi thủi... về hướng bến xe xa lắc xa lơ.

Tôi nhìn cái nắng tháng tư, tôi nhìn cái nón vải rách tua, tôi nhìn đôi xăng-đan đứt quai, tôi nhìn cái giỏ xách dệm trơn trơn không có đến một ổ bánh mì chỉ có một... ộp nhang nhỏ xíu. Tôi cũng biết rằng lúc bấy giờ, trong túi tôi cũng trống trơn như cái giỏ xách của thầy, không có cả chiếc xe đạp để đèo thầy lên bến xe, nên tôi chỉ còn biết nhìn theo thầy mà rung rung nước mắt. Bóng thầy tôi mờ dần trong ánh nắng hè, đứng ngo, chói chang, nóng bỏng...

Và cũng là lần cuối cùng tôi gặp lại thầy tôi. Sau này mỗi lần nhớ thầy tôi, tôi thì thầm với thầy : “thầy ơi! 5 đồng đó không phải thầy mượn của em, xin thầy coi như là thầy trò mình hùn đánh tài xỉu,,,,,rồi thua nghe thầy.”



TÌNH NGƯỜI CA SĨ

Đêm đêm trên bờ sông Bảo Định, thành phố Mỹ Tho, nơi một dãy hàng quán ăn uống, dưới những ngọn đèn mờ tỏ, khách thường nghe một giọng ca của một cô gái bán phồng tôm vô cùng truyền cảm. Khách ngẩn ngơ bỏ đĩa đưa mắt tìm người ca sĩ. Khách gọi lại, mua một gói phồng tôm, nhìn cô “ca sĩ” chỉ là một cô gái, một cô gái như những cô gái bán hàng cho khách ăn uống về đêm.

Vẫn một chiếc áo bà ba trắng, nhưng khéo may nên ôm sát thân hình em, đường tà áo xẻ khá cao nên để lộ một mảnh... trần nồn nà. Cổ áo trái tim trễ xuống khá sâu cho thấy nhấp nhấp nhô hai gò bồng đảo đang độ xuân thì... khiến khách không rời tầm mắt. Đôi mắt em xanh xéch, một ít liến thoắng, một ít thách thức cho những người đàn ông khi nhìn vào. Dường như trời sinh ra em để ban nụ cười cho mọi người, những nụ cười làm ấm lòng và rạo rục cả những trái tim... vô cảm.

Khách mua một gói bánh phòng tôm, vẫn cầm trong tay, không ăn, chỉ lo nhìn cô bán hàng mà quên trả tiền. Cuối cùng khách rút rề đề nghị em hát lại bài em vừa hát. Không do dự, em vui vẻ đặt sàng bánh phòng tôm lên bàn, nhí nhảnh nheo mắt nhìn khách, nhoẻn một nụ cười rạng rỡ, cất giọng ngâm:

*Ai mua trăng, tôi bán trăng cho
Trăng nằm im trên cành liễu đợi chờ
Ai mua trăng, tôi bán trăng cho
Chẳng bán tình duyên ước hẹn hò.*

Trên trời có ánh trăng khuya, dưới sông có dòng nước lững lờ, giữa đông đảo khách ăn uống, tiếp theo là tiếng ca em vang lên có lúc rộn dập như oán thương nức nở, có lúc như trầm lắng chơi vơi lắng chìm, khiến cho cảnh vật như lắng đọng lại và mọi người như thả hồn để nghe em hát.

*Đường lên dốc đá nửa đêm trăng tà nhớ câu chuyện xưa
Lầu ông Hoàng đỏ thưở nào chân
Hàn Mặc Tử đã qua
Ánh trăng treo nghiêng nghiêng, bờ cát dài thêm hoang
vắng
Tiếng chim kêu đau thương, như nước nở dưới trời sương
Lá rơi rơi đâu đây sao cứ ngỡ bước chân người tìm về
giữa đêm buồn
Đường lên dốc đá nhớ xưa hai người đã một lần đến
Tình yêu vừa chớm xót thương cho chàng cuộc sống phé
nhân
Tiếc thay cho thân trai, một nửa đời chưa qua hết
Trách thay cho tơ duyên chưa thắm nồng đã vội tan
Hồn ngất ngư điên cuồng cho trời đất cũng tang thương,
mà khổ đau niềm riêng.*

Khách lắng nghe em hát mà không nhìn em. Khách chống tay lên cầm đưa tầm mắt lên nền trời đã phủ sương khuya. Dường như khách đang thả hồn mình phiêu lãng theo tiếng hát của em. Em vẫn ung dung hát và khi nhìn khách đang để hết tâm ý nghe

tiếng hát của mình, em đến bên khách, đưa tay xoa vào vai khách như an ủi như vỗ về và giọng em tiếp tục lênhên...

*Hàn Mặc Tử xuôi về quê cũ, giấu thân nơi nhà hoang
Mộng Cầm hơi thôi đừng thương tiếc, tủi cho nhau mà
thôi*

*Tình đã lỡ xin một câu hứa, kiếp sau ta trọn đôi
Còn gì nữa thân tàn xin để một mình mình đơn côi.
Tìm vào cô đơn đất Quy Nhơn gầy đón chân chàng đến
Người xưa nào biết, chốn xưa ngập đường pháo cưới kết
hoa*

*Chốn hoang liêu tiêu sơ Hàn âm thầm nghe trăng vỡ
Xót thương thân bơ vơ, cho đến một buổi chiều kia.*

Hầu hết khách ăn uống đã ra về, quán hàng gần như vắng lặng, Sương khuya đã thấm ướt vai khách. Chỉ còn khách ngồi ủ rũ, bất động, vẫn không nhìn em nhưng em biết khách vẫn còn muốn nghe em hát, nên em đã chấm dứt bản nhạc buồn...

*Trời đất như quay cuồng khi hồn phách vút lên cao
Mặc Tử nay còn đâu!!!!*

Tiếng ngân của em kéo dài, nhỏ dần rồi tắt lịm trong làn gió lạnh của đêm khuya. Khách vẫn ngồi im. Em đến bên khách, đưa tay lay khách dậy. Khách ngược mắt nhìn em để em chợt nhận ra là khách đã khóc. Những giọt nước mắt của một người đàn ông trung niên đã rơi khi nghe một cô em bán phòng tôm hát... nói lên nhiều điều trong cuộc đời khổ lụy này.

Những đêm sau, cũng vào giờ về khuya khách ăn uống không còn bao nhiêu, người ta vẫn còn thấy người khách cũ vẫn nơi chiếc bàn cũ, vẫn với cô gái bán phòng tôm, vẫn với gói phòng tôm trong tay không bao giờ ăn, vẫn với giọng hát u buồn của cô gái, cùng với bản nhạc cũ, lênhên trôi theo làn gió nhẹ trong những đêm thu bên bờ sông Bảo Định của đất Mỹ Tho.

Có lần khách hỏi: *Em tên gì?* Em thưa: *Người ta gọi em là bé Lan.* Cũng có người gọi là *bé Lan bán phòng tôm.* Khách lại

hỏi: *Ba má em đâu?* Em lại thưa: *Ba má em cũng ở gần đây.* Rồi lại hỏi: *Sao em lại bán bánh phồng tôm? Em có đi học không?* Em nhìn xuống dòng sông nước chảy lờ đờ, với đôi mắt xa xôi điệu vợi... lâu lắm em thưa: *Nhà em nghèo. Em học đến lớp 8, mẹ bảo đủ rồi ở nhà phụ mẹ buôn bán nuôi ba em bệnh và đàn em nhỏ xíu...*

Khách nghe đến đây chau mày, thở ra, không muốn hỏi gì thêm nhưng dường như khách nhớ điều gì nên lật đặt hỏi em: *Em biết hát hò nào? Ai dạy em hát?* Cô gái vui vẻ hẳn lên: *Đâu có ai dạy em đâu. Em nghe đài Phát thanh, đài Truyền hình, coi kênh Đại nhạc hội... rồi em hát. Vậy thôi.*

Về sau... khách hàng ăn uống hằng đêm nơi đây đã có thói quen... trông chờ con bé bán bánh phồng tôm và thằng cha nhạc sĩ... làm vài bản nghe chơi rồi hãy về. Thằng cha nhạc sĩ này chính là người khách đêm đêm mua bánh phồng tôm của cô gái mà không hề ăn, chỉ xin được nghe một bản nhạc duy nhất mà không chán. Đó là bản nhạc Hàn Mặc Tử.

Nhưng bỗng nhiên, một đêm như mọi đêm, khách hàng ăn uống trông chờ cặp tài tử này phục vụ nhạc... miễn phí mà sao không thấy. Đêm sau, đêm sau rồi lại những đêm sau cũng không có. Rồi từ đó hai nghệ sĩ tự nguyện này bỗng dưng cùng nhau biến mất nơi các quán hàng ăn uống bên bờ sông Bảo Định.

Quán hàng từ ngày vắng bóng hai người này nhất là im vắng giọng ca buồn của cô gái bán bánh phồng tôm, khách hàng cảm thấy như mất mát, thiếu thiếu một cái gì thương thương, nhớ nhớ...

Rồi cái gì cũng quen, chuyện đời là như vậy, khách ăn uống nơi đây đã quên mất cô gái, quên bản nhạc Hàn Mặc Tử mà cô gái hát theo yêu cầu của anh chàng nhạc sĩ gần nào đó cũng như chuyện gió thổi mây bay... Thế nhưng một hôm khách hàng đang theo dõi một chương trình ca nhạc trên Truyền hình Sài Gòn có một ca sĩ đang trình bày... bản nhạc Hàn Mặc Tử... Mọi người

bồng reo lên: *Trời ơi! Con Lan. Con Lan bán bánh phòng tôm.* Có tiếng phê bình: *Nó đẹp quá cơ!* Cũng có tiếng xen vô: *Nó hát hay... vàng mây.* Rồi cũng có người không tin vào chính mình nên thắc mắc: *Ủa, con nhỏ này là ca sĩ thiệt sao ta?* Và mọi người một tiếng: *Hoan hô bé Lan bánh phòng tôm, con nhỏ này làm nở mặt nở mày... tụi mình luôn.*

Cô bé Lan bán bánh phòng tôm tỉnh lẻ, nhờ giọng ca thiên phú và duyên may gặp một nghệ sĩ vĩ cầm lỡ vận về quê ẩn dật nâng đỡ, uốn nắn, chỉ bảo, dạy dỗ... để giờ đây trở thành một ca sĩ nổi tiếng từ các tụ điểm ca nhạc nổi tiếng, những phòng trà sang trọng đến đài truyền thanh, truyền hình ở đô thành Sài Gòn, nhất là với nhạc phẩm nổi trội nhất, nhạc phẩm Hàn Mặc Tử.

Phương, một nghệ sĩ vĩ cầm có hạng trong các ban nhạc Sài Gòn trốn cuộc tình duyên trái ngang về quê... ăn vạ. Gặp cô bé Lan và được cô này hát cho nghe một bản nhạc, và oái oăm thay bản nhạc này có quá nhiều liên hệ với cuộc đời đau khổ của anh. Cho nên, chỉ ngần ấy thôi là chàng nghệ sĩ trở về với máu nghệ sĩ “mang” bé Lan về nhà tập tành, uốn nắn từ lời ca tiếng hát, đến luyện giọng, phong cách biểu diễn như một người... em gái, hơn một chút một người học trò, hơn một chút... một người tình. Trời thương, bé Lan đã thủ ba vai đó một cách hoàn mỹ.

Giờ đây trong giới nghệ sĩ Sài Gòn có thêm một ngôi sao mang tên Phương Lan (Xin nói rõ Phương Lan chỉ là một tên nhân vật trong truyện không dính líu gì đến bất cứ một nghệ sĩ nào mang tên Phương Lan của Sài Gòn xưa) là tên ghép của Lan, tên cô gái và tên người thầy là Phương, nhạc sĩ Phương. Ngược lại Lan Phương giờ cũng là tên gọi mới của nhạc sĩ Phương.

Giọng ca Phương Lan với bản nhạc Hàn Mặc Tử của Trần Thiện Thanh và phải có tay đàn vĩ cầm Lan Phương đệm nhạc, đã một thời chinh phục khán thính giả của các tụ điểm nhạc, các phòng trà, trên đài truyền thanh lẫn truyền hình. Phương Lan và Lan Phương sống chung hạnh phúc trong một căn phố trên con đường Duy Tân sang trọng. Ban ngày người đệm đàn cho người

kia tập hát. Đêm đến, nơi này hay nơi kia, nơi Phương Lan biểu diễn là Lan Phương đệm nhạc. Và dường như chỉ có tiếng nhạc đệm vĩ cầm của chàng thì tiếng ca của nàng mới lên đến đỉnh cao của nghệ thuật.

Tài lên cao thì thì tiền cũng nhiều thêm. Hạnh phúc con người cũng do đó mà thôi. Có lần, Lan bảo người yêu: *Em thấy cây đàn của anh cũ quá, em muốn mua cây khác cho anh.* Phương nhìn người tình bé bỏng của mình, không giấu được nỗi cảm động: *Đàn càng cũ tiếng càng hay em à. Nhưng nói thật là nếu mua anh thích một cây vĩ cầm mà phải của hãng Giovanni Paolo Maggini bên Ý đóng anh mới chịu.* Phương nói đến đây, nghĩ là mình nói đùa cho vui nên phá lên cười hả hả... rồi thôi. Trong khi đó Phương Lan nói nhỏ chỉ cho mình nghe : *Nhất định em sẽ mua cho anh cây đàn đó.*

Mỗi lần xong buổi trình diễn, vừa ra khỏi cửa là Lan biết Phương đang đón mình ở đâu, nên chạy lại mừng rỡ vui mừng như một đứa bé đi học về được cha đón. Hai người đèo nhau trên chiếc xe Vespa, không quên ghé vào Givral hay Brodard... mua một hộp bánh, để về nhà khi đêm lại, hai người vừa kể chuyện vừa ăn bánh uống trà... Thường là câu chuyện kể rằng: *Ngày xưa bên bờ sông Bảo Định có một cô bé nhà quê bán bánh phồng tôm và một chàng nhạc sĩ lỡ vận... gặp nhau, rồi trở thành thầy trò, rồi trở thành đôi nghệ sĩ nổi tiếng, rồi trở thành đôi bạn tình có một thiên tình sử đẹp khiến không ít người đồng điệu ganh tị... rồi hết chuyện... họ ôm nhau đi vào giấc mộng vu sơn.*

Thời gian có cái định luật của nó cũng như cuộc đời cũng vậy. Chính cái định luật khắt khe này đã dẫn dắt cuộc đời của chúng ta chứ không phải chúng ta. Cặp nghệ sĩ này cũng vậy. Một hôm Phương đang đệm đàn cho Lan hát trong một phòng trà, Phương cảm thấy đầu mấy ngón tay tê dại. Khó khăn lắm Phương mới đi hết bản nhạc. Tối lại về nhà Phương vào phòng mở đèn để thấy là ở kẽ tay kẽ chân mình có những dấu mận đo đỏ, tím tím...

Phương không dám nhìn, thần thờ tắt đèn... lên giường nằm, tay gác lên trán, suy nghĩ mông lung.

Phương nhớ những cuộc ái ân giữa hai người mà luôn luôn chính Phương chủ động càng ngày càng thưa thớt. Thậm chí mỗi khi lên giường ai cũng viện cớ mệt mỏi và mỗi người nằm nghiêng về một hướng của riêng mình để tìm giấc ngủ... không biết giấc ngủ của họ có yên ổn không? Có những lần trước khi đi hát, Lan bảo Phương không phải đón vì sau đó có cuộc họp mặt với các bạn bè, Lan có thể về nhà bằng taxi. Những lần như vậy, Lan lại về nhà rất trễ. Và đã có nhiều lần như vậy lắm rồi. Sáng hôm ấy sau một đêm không ngủ, Phương đứng dậy đến trước gương nhìn vào gương thấy mình, Phương bỗng buông tiếng thở dài...

Thế rồi, Phương viện cớ muốn nghỉ ngơi một thời gian, nên nhờ một người bạn đệm vĩ cầm thay mình cho Lan hát, nhưng vẫn giữ thói quen đưa rước Lan khi đi trình diễn đâu đó. Một đêm kia, sau khi hát xong ở phòng thu âm của đài truyền hình ra cửa, Lan nhìn quanh không thấy người yêu đón. Đang ngơ ngác, có một anh tài xế taxi bảo là có một người thuê anh chờ và đưa Lan về nhà. Lan đành lên taxi mà trong lòng bất an. Về đến nhà Lan chạy tìm Phương khắp nơi không có. Vào phòng, Lan thấy một phong bì xanh bên cạnh một đóa hoa hồng tươi thắm, đặt giữa giường trên tấm nệm màu thiên thanh còn phẳng tấp, thoang thoảng mùi nước hoa thường lệ.

Lan run tay mở phong bì, chưa chi Lan đã cảm thấy một điều gì bất an nên nước mắt đã ràn rụa. Thơ rằng:

Em yêu quý,

Người xưa có câu: Đời nghệ sĩ - chỗ này anh sửa lại cho hợp với hoàn cảnh chúng ta - bất hủ nhân gian kiến bạc đầu. Ha!ha! ha!!!! Và thầy trò mình, anh em mình, vợ chồng mình đã có một thời gian dài quá hạnh phúc phải không em. Đối với anh như vậy là quá đủ. Anh cảm ơn em đã đem lại điều này cho đời

anh tưởng như không còn gì trước khi anh gặp cô gái bán phở tôm.

Nay tuổi đời của anh như vậy là quá đủ. Còn em, anh nói với em điều này là lời của một người cha nói với con, một người thầy nói với một đứa học trò, một người anh nói với một người em gái... Là em còn trẻ, tuổi đời em còn dài, sự nghiệp em còn tương lai... em cứ sống như mọi người có quyền đó. Anh tạm biệt em, anh sẽ về ẩn dật đâu đó nơi quê nhà vẫn tin tưởng và vui mừng là đứa con tinh thần của mình, đứa học trò của mình, người yêu của mình sẽ sống đầy đủ trọn vẹn hạnh phúc.

Trong khi anh vắng mặt, em chỉ nghĩ đến anh thôi – không nghĩ sao được phải không em – nhưng đừng bao giờ tìm anh và cứ tin tưởng là anh vẫn yêu em. Tiền em làm ra gửi trong ngân hàng do anh đứng tên, anh đã xin đổi lại tên em rồi. Số tín dụng vẫn để trong ngân tử thường lệ.

Em đừng quên hát bản nhạc Hàn Mặc Tử khi nhớ anh. Đó là bản nhạc của đời anh.

Chiếc hôn cuối cùng cho em! Vĩnh biệt em. Anh.

Thế là một cuộc rút lui có trật tự. Chàng về vị trí của mình. Nàng được trả tự do. Cuộc sống của hai người vẫn tiếp tục theo cái trật tự của nó. Nhưng trong thâm tâm làm sao người này có thể quên người kia hay ngược lại. Cho đến một ngày sau hai năm xa cách, nhân ngày Tết, Lan không thể dằn lòng được nhất định khăn gói về tìm người tình cũ. Về Mỹ Tho tìm đến ngôi nhà cũ, không có. Hỏi thăm nhiều người mới biết Phương đau yếu và theo người em về quê miệt Cái Bè. Lan lại lên Cái Bè, khó khăn lắm mới tìm được nhà người em. Vào nhà, Lan chợt thấy cây đàn vĩ cầm cũ năm xưa đang được dựng đứng trên một bàn thờ sau cái lư hương, trong lư hương ba cây nhang đang cháy. Lan rưng rờ làm rơi túi xách xuống nền đất lạnh, và Lan cũng ngã quỵ xuống đó, nước mắt lưng tròng chỉ còn buông ra hai tiếng: *Anh ơi!*

Cô em của Phương bước ra dìu Lan ngồi lên ghế, thút thít kể chuyện: *Anh em biết mình bệnh gì nên trốn chị về ở với em. Anh lại không muốn ở Mỹ Tho sợ chị về tìm nên anh em bỗng bế nhau về quê ngoại. Bệnh anh trở nặng nhiều khi em tỏ ý muốn báo tin cho chị nhưng nhất định anh không cho. Anh cố gắng không nhắc đến tên chị, nhưng em biết trong thâm tâm anh lúc nào cũng có chị. Anh ra đi cách nay chưa đầy tháng. Trước khi mất anh dặn em đừng bao giờ để hình anh lên bàn thờ mà chỉ để cây đàn này thôi. Mà thật vậy, nhìn cây đàn em như thấy anh.*

Lan vừa nghe vừa khóc. Đến đoạn cô em nhắc đến cây đàn, Lan không kiềm chế được nữa đứng vậy ôm cây đàn vào lòng cùng với tiếng khóc thảm thiết. Cô em dọn lễ vật cho Lan lay cúng Phương xong kéo ra vườn thăm mộ. Lan trở ra đường mở cửa xe, lấy ra một cái hộp khá lớn mang theo. Mộ Phương chỉ là một nắm đất còn ướt, trên mộ mọc mấy mầm đậu xanh và trước mộ có một cây mía, trên thân cây mía có một dây khăn trắng quấn ngang.

Lan bình tĩnh đến lấy dây khăn trắng choàng vào người và quì trước mộ Phương, lầm thầm nói với Phương như khi Phương còn sống mà nước mắt tuôn tràn. Đến khi người nhà đốt giấy tiền vàng bạc, Lan mở hộp lấy ra một... cây đàn vĩ cầm mới tinh khôi.

Lan quì trước mộ hai tay nâng cây vĩ cầm nức nở nói với Phương: *Anh! Anh ao ước có được một cây đàn vĩ cầm mà phải hiệu Giovanni Paolo Maggini bên Ý. Anh nói chơi thôi, nhưng em thì không. Em nguyện trong đời em phải có một món quà xứng đáng với ơn anh với tình anh. Đó là cây đàn vĩ cầm hiệu Giovanni Paolo Maggini. Cho nên gần đây em được mời qua Pháp trình diễn, em nhất định đến Ý và mua cho bằng được cây đàn mà anh mong ước.*

Có cây đàn trong tay, em nghĩ là cuộc sum họp chúng ta sẽ vô cùng hạnh phúc. Nhưng trời không chiều người em về đây, cây đàn đó mà anh lại bỏ đi rồi. Thôi thì em gửi nó cho anh đây.

Nói xong, Lan nhờ cô em gom lá dừa khô lại đốt cây đàn vĩ cầm mới tinh khôi hiệu Giovani Paolo Maggini mua tận bên trời Tây. Tiếng cháy nổ của cây đàn vĩ cầm như gõ nhịp, trong khi Lan hát cho người nằm xuống đoạn cuối của bản nhạc đã từng kết chặt hai người:

*Chốn hoang liêu sơ Hàn âm thầm nghe trăng vỡ
Xót thương thân bơ vơ, cho đến một buổi chiều kia.
Trời đất như quay cuồng khi hồn phách vút lên cao
Mặc Tử nay còn đâu!!!*



ÔNG TỪ ĐÌNH ĐIỀU HÒA

Ông Từ nào cũng vậy thường thuộc về hạng người tứ cố vô thân, không nhà không cửa nên không có nghề nào đành phải làm... ông Từ. Thử nhận dạng một ông Từ điển hình ngày xưa nơi một ngôi đình, đình Điều Hòa thuộc Mỹ Tho.

Một ông già, già qua hình hài có nghĩa là không đi đôi với tuổi tác vì không ai buồn tìm hiểu ông Từ mấy tuổi làm chi: ốm tong ốm teo, tay chân khẳng khiu, hàm râu trên hàm râu dưới thưa không đủ che cái miệng móm xòm. Búi củ hành nằm trên đỉnh đầu với mảng tóc tai xơ rơ, cần cỗi. Một cái áo bà ba vải ú đen bạc màu. Một cái quần đen lửng cững không dài không ngắn, lưng lửng như thời trang các cô gái bây giờ, cho thấy đôi ống

quyển gầy guộc trên đôi bàn chân đẹp lép, đen đúa, gân guốc đến tội nghiệp, chắc chưa bao giờ làm quen với đôi guốc có đầu đến giày vớ.

Đây! Hình hài của ông Từ như vậy nhưng trông vào mặt ông, mắt ông, miệng ông... là ta thấy cả một bầu trời lạc quan, vui vẻ một cuộc đời đáng yêu đáng sống. Cái miệng mom móm luôn nở một nụ cười, cặp mắt hấp háy bao giờ cũng lóe lên tia sáng yêu đời, hai hàm râu lưa thưa luôn động đậy gieo cái hí lộng, niềm vui cho mọi người.

Hằng ngày công việc khá nhẹ nhàng chỉ có quét dọn ngôi đình, chính điện, ngôi đình giữa, võ ca, sân khấu cùng với ba dãy hành lang, giàn sập để dân ngồi xem hát đình... tổng diện tích không nhiều khoảng... 1.000 mét vuông. Ngoài ra mỗi tháng ông phải lau chùi hương án, bàn thờ, quét bụi cho các cặp liễn đối, hoành phi khoảng chừng mấy chục bộ.

Nhưng, khi đến lễ cúng đình thì quả thật công việc không dễ dàng chút nào. Từ mấy tháng trước, ông làm tất cả mọi việc như rửa ráy lại hàng tá chén bát tô tộ, chảo đựng, nồi niêu, soong chảo, sửa lại lò bếp, cho việc nấu nướng, lau chùi, châm dầu cho hàng trăm ngọn đèn bàn thờ, chuẩn bị cho đủ đèn sập đèn cầy, phơi lại các lễ phục của học trò lễ, khảm trái bàn thờ, chiếu để dân làm lễ Thần.

Vào ngày lễ hội, ông là cái máy robot chớ không còn là ông Từ bằng xương bằng thịt nữa từ việc mổ heo làm bò, nấu nướng, dọn cỗ cúng đến việc nhận lễ của dân đem đến cúng Thần, việc nào cũng có ông làm hoặc chỉ bảo hoặc kiểm tra, sau đó đến hết lễ việc phân phối lộc thần cho dân cũng chính ông Từ gánh từng gánh thịt, xôi bánh trái đi phân phối khắp cả làng.

Theo năm tháng, hình ảnh ông Từ đình làng tôi vẫn còn mãi trong ký ức của tôi. Một con người cần cỗi từ thể xác đến tri thức thể mà trong ông vẫn dung nạp một tâm hồn cao cả, một độ

lượng bao la chỉ biết sống cho tha nhân cho đức tin, không phải cho riêng mình mà cho thiên hạ.

Mỗi nén nhang ông thắp lên cho vị Thần Hoàng để cầu mong cho hạnh phúc cho bá tánh, cho người dân trong làng chớ không phải cho mình một cách âm thầm, nhẫn nại, vô tư. Thật vậy khi ông ra đi như khi ông đến với đình, cũng chỉ với cái áo đen vải ú bạc màu và cái quần quá ngắn không đủ che đôi chân gầy gò ốm yếu.

Ông Từ đình làng tôi không còn nữa, ngôi mộ đất của ông gần ngôi đình cũng không còn nữa. Ông cũng không có con cháu để có được một vừa nhang thờ cúng. Tuy nhiên theo tôi, ông vẫn đang âm cúng ngự trị trong ngôi đình mà ông đã dày công chăm sóc, bên cạnh vị Thần Hoàng mà ông đã suốt đời nhang khói. Ông vẫn tiếp tục sứ mệnh là hun đúc niềm tin trong lòng người dân trong làng mình trên con đường hướng thiện, sao cho tròn câu quốc thái dân an, tôn chỉ tối thượng của các vị Thần Hoàng tại các ngôi đình đây đó trên khắp đất nước Việt Nam.

2. NHỮNG MẢNH TÌNH

TRUYỆN NGẮN

*Một thuở hoa cài trên túi áo
Trọn đời vương vấn mãi mùi hương*

BỨC THƠ TÌNH 60 NĂM MỚI HỒI ÂM

Năm 1944, tôi tốt nghiệp sư phạm tỉnh Mỹ Tho cùng với 19 nam và 6 nữ đồng nghiệp. Thời gian học hai năm chung trong khóa sư phạm đã tạo cho chúng tôi một tình bạn thắm thiết giữa người này và người kia, không phân biệt nam nữ.

Ra trường tôi được bổ đến một trường bên hữu ngạn sông Tiền còn nàng bên kia tả ngạn. Khi còn học chung, tình bạn học thân thương và ai cũng nghĩ vậy, nhưng khi xa nhau rồi mới tự hỏi có phải tình bạn hay tình yêu ? Tự hỏi rồi đâm ra tiếc, tiếc rồi thương, thương rồi nhớ, nhớ rồi yêu...

Ngày xưa ngày xưa, đường lộ giao thông còn nhiều khó khăn. Nhớ chuyện đời xưa có nói tình yêu phân cách chỉ một con sông Tương chàng đầu sông nàng cuối sông, còn thời của tôi không có sông Tương, nhưng cũng phải mấy chặng đường xe ngựa lộc cộc, hai ba con đò chòng chành sóng gió.

Hơn nữa bạn với công việc dạy dỗ làm sao mà mấy sông cũng lội mấy đèo cũng leo thôi thì đành... thả lá đề thơ. Thơ tình thì dễ rồi chỉ tốn nửa giờ viết lách bay bướm hoa lá cành, thậm chí một chút dầu thơm hiệu Chiêu Paris (Soir de Paris) dán 2 xu tiền cò, bỏ vô thùng thơ nhà dây thép là xong. Chỉ còn ngồi chờ... tin nhận hồi âm chớ không dám nói chờ sung rụng.

Rồi thì sớm tối trưa chiều cứ ngong ngóng đón anh trạm của nhà việc trong làng hỏi thăm có thơ không. Ngày nào cũng

hỏi, thét rồi anh trạm thấy thương hại bảo: *Thầy đừng nóng, có là tôi đem liền cho thầy mà*. Thằng cha trạm này có viết thơ tình lần nào đâu mà nóng với hồng nóng!

Ngày qua ngày, tháng qua tháng... mỗi mòn con mắt dù mới tương tư chưa đến nỗi làm cho bạc mái đầu, mà bức thư hồi âm trông đợi lại biến biệt tăm hơi. Cuối cùng nghĩ là mình bạc phận không được người ta thương. Rồi lại nghĩ dù không thương cũng phải viết một bức thư an ủi chớ! Ai lại vô tình đến thế. Thời gian là liều thuốc an thần tốt nhất... tuy nhiên lòng cũng mgậm ngùi thương hại cho chính mình không có số đào hoa.

Đời người chưa chấm dứt là vở kịch đời chưa kết thúc và bức thư tình của tôi cũng vậy. Ngày... tháng... năm 2004, nghĩa là đúng 60 năm sau ngày bức thư tình đầu tiên của tôi gửi đi, mặc cho tôi trông đứng trông ngồi bức thư hồi âm không bao giờ có, thì hôm nay đang ngồi ngoài sân vừa đếm lá vàng rơi rụng, vừa nhổ mấy sợi râu mọc vô trật tự, thì chợt có một người khách nữ bảo là từ bên Úc về, đến thăm.

Tôi ngờ ngợ nhìn, cố moi trong ký ức để nhận ra người khách lạ nếu không nhận ra sẽ bị cho là vô tình vô nghĩa. Khách vẫn nhìn tôi, cười mà không nói, tôi nhìn khách mà bối rối tâm can. Cuối cùng khách hỏi tôi:

-Nhớ ai hôn?

Tôi mở tròn đôi mắt, nói mở tròn cho nó lãng mạn một chút chớ thật sự là đôi mắt tôi còn tròn trịa gì nữa, mà không đáp được. Đợi cho tôi nhìn khách như van lơn, khách mới thân mật nói:

-Trần Thị Ánh nè.

-Trời!

Tôi chỉ biết kêu Trời và nhìn trân trân người con gái mà tôi đã gửi bức thư tình đầu tiên mà chỉ đáp lại bằng một sự im lặng phũ phàng. Nỗi hận lòng qua 60 năm vẫn còn trong lòng nên

tôi quên mời khách ngồi, quên lấy nước đãi khách, quên cả hỏi thăm gia cảnh.

Chừng lấy lại bình tĩnh, tôi mới hỏi và được biết người bạn đồng khóa, người bạn đồng nghiệp, người yêu trong tâm tưởng nay đã là góa phụ và đã là bà ngoại, bà nội sắp lên bà cố hiện đang định cư tại Úc về thăm quê hương... chợt nhớ đến tôi nên tìm đến thăm tôi.

Tôi vẫn còn ám ức về sự vô tình của người bạn cũ nên cuối cùng không đành được, tôi hỏi:

-Khi ra trường đi dạy, Anh có nhận được thư tôi không?

Không đợi khách trả lời, tôi tiếp với giọng còn hờn dỗi một chút:

-Làm gì mà tệ dữ vậy, không thèm trả lời người ta một tiếng. Có chê có ghét thì cũng viết vài chữ chớ. Làm người ta trông lên trông xuống.

Khách nhìn tôi cười chúm chím và còn trêu chọc tôi:

-Rồi sao, thất tình phải hôn? Sao không đi tu? Hay nhảy xuống sông tự tử?

Thấy tôi hăm hăm muốn nổi giận, khách dịu giọng nhìn tôi:

-Anh biết hôn, được thư anh, liền ngày chúa nhật đó, tôi đi qua Vang Quới để tìm anh, khó khăn lắm mới đến được nhà anh ở trọ. Nơi đây chị chủ nhà nói anh về Mỹ Tho. Tôi định chờ anh, nhưng chỉ bảo không biết anh có về sớm không. Nhưng tôi vẫn chờ.

Nói đến đây, khách nhìn tôi và dường như trong ánh mắt có cái gì đó như trách móc. Khách nói tiếp:

-Ngồi chờ anh nơi nhà chị chủ nhà, tôi nói tôi là cô giáo, bạn của anh đi thăm anh vậy thôi chớ... tôi với anh hồng có gì hết.

Chị chủ nhà nghe vậy mới kể cho tôi nghe về anh nhiều chuyện lắm.

Nói đến đây khách háy tôi một cái rồi kể tiếp:

-Chỉ nói nào là anh còn trẻ, bảnh trai mấy ông làng ai cũng muốn gả con gái cho anh, mấy cô trong giồng trong rẫy gì đó cũng vậy, đi ra đi vô ngó vô trường kiếm anh hoài... Mà coi bộ anh cũng khoái lắm. Chúa nhật thứ năm nào anh cũng đi luông tuông vô trồng... hông biết làm cái giống gì ở trồng.

Đó, anh coi nghe thấy ghét hôn! Tôi nghe chị chủ nhà nói xong, bỏ đi về một nước cầm theo luôn ổ bánh mì lạp xưởng mua ở chợ Mỹ định đem qua cho anh.

Khách nói với tôi xong, nhìn tôi cười và nói tiếp:

-Cũng may! Nếu bữa đó gặp anh, chắc hông biết bây giờ đời tôi ra sao đây.

Nghe xong, tôi vui vẻ khác thường vì bức thơ tình 60 năm mới được hồi âm, mới được giải mã, nên tôi cũng cười, nhìn khách với lòng tự ái được vỗ về và bắt chước cổ nhân triết lý ba xu với người yêu hụt một chút:

-Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ. Vô duyên...

-Thôi ông ơi! Cỡ ông bây giờ chuẩn bị mua vé tàu suốt là vừa rồi còn ở đó... mà hữu duyên với vô duyên.

Đưa khách ra cổng về, khách nói với tôi:

-Đừng viết thơ cho tôi nữa nghe ông! Mấy đứa cháu nội cháu ngoại, chúng kè kè bên tôi hoài.

Tôi thở dài lẩm bẩm:

-Viết làm chi nữa...???!!!

MẮT EM TRONG LỆ HÁT ĐÌNH

Ngày xưa lâu lắm vào thời nhà Nguyễn, ở miền Nam nước ta, xã được gọi là thôn, đến khi người Pháp thiết lập chế độ hành chánh thuộc địa, đổi lại gọi là làng. Vậy là làng tôi, làng Tân Thạch thuộc quận An Hóa, tỉnh Mỹ Tho như tất cả các làng khác có một ngôi đình.

Đình là một nét cổ văn hóa độc đáo ở nước Việt Nam chúng ta từ Bắc chí Nam. Đình là trung tâm tín ngưỡng, để từ đây khơi dậy, phát huy trong toàn thể cư dân trong làng một niềm tin vào một Vị Thần luôn luôn bảo vệ phù hộ cho dân làng tránh được thiên tai, địch họa có được một đời sống vật chất sung túc, một đời sống tinh thần an lạc.

Đình còn là trung tâm văn hóa vốn là nơi dạy học cho trẻ con mãi cho đến những năm 1950-1960, nhất là trong thời gian chiến tranh mà trường học bị tàn phá. Đình còn là nơi hằng năm dân làng tổ chức lệ cúng kỳ yên, một lễ hội lớn nhất trong năm của từng làng. Lệ kỳ yên hay nói nôm na là lệ cúng Đình là ngày mà ban khánh tiết đình tổ chức cúng thần để cầu xin Thần phù hộ cho dân làng được mưa thuận gió hòa, an cư lạc nghiệp, tránh được lụt lội bão tố, tránh được các bệnh tật, thời khí...

Trong lệ cúng đình, có một nghi lễ quan trọng là lễ thỉnh sắc tức là sắc thần do vua ban chiếu để phong một vị thần ngự trị ở làng này hầu bảo vệ dân làng theo ước vọng nêu trên. Thỉnh sắc tức là thỉnh sắc Thần từ nơi lưu giữ là nhà việc đến chính điện của ngôi đình để làm lễ.

Lễ thỉnh sắc rất long trọng nhà nhà lập bàn hương án trước nhà để khi kiệu sắc đi ngang, chủ nhân ra lễ bái và cúng vái mong cho gia đình mình được mọi việc hanh thông. Cho nên đi theo đoàn thỉnh sắc rất đông, từ các cụ ông cụ bà, những vị chức sắc trong làng, những nông dân, những bà nội trợ đến những thanh niên nam nữ vừa tuổi cập kê để nhân cơ hội này mà làm quen, mà kết thân, mà tính chuyện yêu đương.

*Bên đường trang trí bàn hương án
Khấn vái cầu an cả xóm làng
Tiếng pháo vang rền nghênh đón sắc
Khói hương đèn nến dậy hoa đăng.*

*Các cụ ung dung đi dần lễ
Các bà tiếp bước miệng cầu an
Gái trai sánh bước cùng đưa mắt
E ấp môi chờ mộng phấn son.*

(Thơ trích trong bài của tác giả)

Tôi và em cũng trong đám gái trai này. Em không ở cạnh nhà tôi như cô láng giềng của Nguyễn Bính nhưng cũng không xa xôi diệu vợi như cô tình nhân rau sắn của Tản Đà, chỉ cách nhà tôi không đầy ba sào đất. Chúng tôi vẫn biết nhau từ khi còn nhỏ, nhỏ xíu nên chưa biết gì để nói. Cho đến khi lớn lên, rồi biết mắc cỡ thì cũng không dám nói với nhau điều gì. Có điều, về phần tôi, có một cái gì đó vẫn thôi thúc tôi gặp em, nói với em điều gì đó mà trái tim tôi luôn luôn nhắc nhở.

Hôm nay trong cuộc diễu hành thịnh sắc này, ngàn năm một thuở mà cũng có lẽ ông tơ bà nguyệt đâu đó đã chập hai mối dây tơ hồng vào nhau, nên khi cuộc thịnh sắc bắt đầu, thì trời ơi bên cạnh tôi là em. Trời đã về đêm, mặc dù đèn nến như hoa đăng nhưng cũng chỉ mờ ảo để cho cuộc gặp gỡ thêm phần thuận lợi. Trên trời trăng mười sáu loáng thoáng sau rặng tre huyền hoặc càng khiến cho cảnh vật thêm phần thơ mộng.

Tôi bạo dạn nhìn vào mắt em, đôi mắt đen huyền của người con gái mười lăm sao mà thăm thẳm như vậy. Em giữ tầm mắt của em cho tôi mà không hề trốn chạy. Tôi đắm chìm trong đáy mắt của em và dường như chúng tôi đã nói lên tất cả với nhau những điều mà trước đó chúng tôi muốn nói mà chưa nói.

Cho nên suốt lộ trình thịnh sắc, tôi cũng muốn nói với em lắm nhưng khôn nổi tôi không biết phải nói lời nào trước lời nào sau. Vì chính con tim tôi hướng dẫn tôi, mà chính nó cũng đang

đập lộn xộn lung tung. Hơn nữa tiếng nhạc lễ đình tai chết óc có thể làm át mất tiếng tỏ tình, vốn dĩ phải cần sự êm đềm lãng mạn. Nhất là trong khi các bà cụ luôn miệng lâm râm lời cầu nguyện mà mình lại mở lời tỏ tình với người yêu thì bất kính quá. Cứ thế cho đến khi đoàn thỉnh sắc về đến đình và đoàn diễu hành tan hàng, chúng tôi chỉ biết nhìn nhau. Và bao nhiêu đó quá đủ cho tôi.

Sau lễ cúng Thần là dân làng được xem hát bội. Buổi diễn đầu tiên được gọi là “xây châu”. Khán giả tùy tiện tìm chỗ ngồi nơi hai giàn sạp hai bên sân khấu thường dành cho các bà các cô, còn đàn ông con trai thì tìm chỗ đứng đâu đó vì thành phần này dự lễ cúng đình đâu phải để... coi hát. Tôi cũng vậy, tôi đứng dựa một cây cột đình, hàng cột chính và khi khán giả đông tôi có thể tranh thủ leo lên đứng trên tầng đá kê cột, để xem cho mãn nhãn. Cái thế coi hát đình này ngày xưa người ta gọi là “ôm cột đình”.

Tôi đã ôm cột đình như vậy nhưng không phải để xem hát mà đưa mắt... tìm em. Tuồng diễn hôm nay là tuồng *Phàn Lê Huê cứu Tiết Đình San*, một chuyện tình ngang trái. Nhưng giờ này, ở nơi này tôi đâu có xem hát để ghét thằng cha Đình San phụ rầy Lê Huê, mà là tìm cho ra em ngồi ở đâu. Trời cũng thương, chỉ một vài đảo mắt là tôi thấy bóng hồng ngồi ở hàng đầu dãy sạp bên trái của sân khấu nghĩa là không gần tôi lắm mà cũng không xa tôi lắm để tôi đủ nhìn em khá rõ ràng. Em mặc chiếc áo màu tím hoa cà, làm tăng vẻ mặt sáng như trăng rằm, lông lánh đôi bông mù u ở tai. Cho nên thay vì hướng mắt lên sân khấu tôi luôn dành ánh mắt tôi hướng về em.

Và như trong mộng, tôi thấy cặp mắt em cũng đáp trả cho tôi những ánh mắt nồng nàn, nóng bỏng có thể làm tan chảy những tảng băng lạnh giá. Tôi đã ôm cột đình như vậy và nhìn em như vậy cho đến khi văng hát. Về nhà, mọi người hỏi tôi Hát hay hông? Tôi đáp lấy lệ: *Cũng hay!* Rồi đi ngủ với nhiều mộng đẹp.

*Đêm đầu tôi đứng đầu song
Nhìn qua sân khấu bóng hồng trần gian*

*Bà ba tím vẽ thanh tân
Mà hồng mắt thăm một vầng trời cao
Ôi sao tôi lại nôn nao
Vì tầm mắt ấy dường trao cho mình
Đêm về tôi phải làm thính
Nếu ai có hỏi hát đình vui không?*

(Thơ tác giả)

Đêm sau, trời vừa chạng vạng là tôi đã đến đình... giành chỗ tốt để có thể không phải coi hát mà để nhìn em. Tôi đến hơi sớm có lẽ các diễn viên hát bội chưa sắm tuồng và hai sạp cho khán giả ngồi cũng còn trống lỗng. Không sao tình yêu mà phải có cái giá của nó. Rồi sự mong đợi cũng đến, sau khi thầy tuồng “rao bản” là hôm nay đoàn hát sẽ diễn tuồng *Lưu Kim Đính giải giá Thọ Châu*, (Sẵn đây xin nhắc chuyện mấy ông già Nam Bộ ngày xưa thích đùa cợt bông đùa nên sửa tên vở hát này thành Lưu Kim Đính gảy d. Thọ Châu thay vì giải giá), thì thấy em đến vừa đúng lúc. Em tìm chỗ cũ, tôi cũng thấy em vừa ngồi xuống thì đưa mắt nhìn sang hướng tôi... lòng tôi vui sướng biết bao nhiêu.

Như đêm hát đầu tiên, không biết em thì sao, nhưng còn riêng tôi thì Lưu Kim Đính có phá thành giải cứu người yêu được hay không, tôi không cần biết chỉ biết dán mắt vào em.

*Đêm sau vẫn đứng đầu song
Nhìn qua sân khấu bên đông vẫn nàng
Tìm tôi lại đập rộn ràng
Mắt nàng dường đã nhìn sang tìm mình
Rập rình tiếng trống dập rình*

(Thơ tác giả)

Đêm nay là đêm hát thứ ba, đêm chót. Thường là vào đêm hát chót của lệ hát đình, người ta phải chọn một vở tuồng có ý nghĩa, tức là vua tốt phải lên ngôi, quan trung thần được khen thưởng, kẻ nịnh thần phải bị trừng trị, đất nước được thanh trị, người dân an cư lập nghiệp... cho nên vở tuồng này lấy tên là

tuồng “tôn vương”. Năm nay đình tôi chọn vở “*San Hậu hồi chót*”

Cũng như các đêm trước, tôi cứ mãi nhìn em, thấy em nhìn tôi bằng đôi mắt long lanh, ướt rượt khiến tôi mát lòng mát dạ. Chúng tôi bạo dạn đưa tình bằng đôi mắt dù còn rụt rè nhưng thâm đậm và dạt dào tình cảm vì chúng tôi biết khán giả mãi mê theo dõi tuồng *San Hậu*, đâu có để ý gì đến chuyện người khác. Đường như đôi mắt của chúng tôi đã nói lên được điều mà không phải dùng lời nói, nên vở hát chưa kết thúc là tôi ra về.

Do thần giao cách cảm chẳng mà trên đường về đến một khúc quanh vắng vẻ, tôi đứng lại đợi em bên một hàng rào bông bụp. Đúng như vậy, tôi không phải đợi lâu là em đến, ngần ngừ một chút rồi đứng lại gần bên tôi. Trăng 18 còn ẩn khuất trong rặng tre chỉ đủ chiếu ánh sáng mờ ảo cho hai người yêu nhau nhìn nhau mà trái tim hồi hộp, tay chân như bủn rủn, miệng muốn nói điều gì mà không thành lời. Tôi đưa tay nắm tay em. Em để tay trong tay tôi. Trên trời gió thổi mây bay, chung quanh tiếng côn trùng hòa một điệu nhạc tình muôn thuở, trong chúng tôi một cơn sóng ngầm trời dậy...

Thế đấy chúng tôi trong tư thế đó, cảm thông nhau, hai tâm hồn như hòa quyện với nhau, chỉ nhìn nhau bằng đôi mắt nóng bỏng còn thì chúng tôi không biết phải nói gì, phải làm gì. Thế rồi đoàn người coi hát lũ lượt ra về. Họ vừa đi vừa vui vẻ kể cho nhau về tuồng tích vở hát, tôi đành cầm tay em đưa lên hôn chưa kịp nói lời tái ngộ thì em đã buông tay tôi luống cuống ra về sau khi nhìn tôi lần cuối mà không kịp một lời hẹn ước.

*Đêm về sao tỏ trăng mờ
Đợi nàng tôi đứng bên bờ giậu xanh
Tần ngần nàng lại vịn cành
Đôi môi áp ứng đôi tình chưa phân
Có lời mà khó phân trần
Chỉ bằng bốn mắt nói thâm tình yêu.*

(Thơ tác giả)

Rồi ngày hôm sau, hôm sau rồi hôm sau... tôi cố ý đi tìm em, có khi đón em trên đường đi chợ, có khi ngày rằm vào chùa xem em có đi chùa cùng mẹ không, có khi đến đứng trước cổng nhà em... mà không bao giờ gặp em. Không bao lâu, mùa thu về với lời ca rằm rộ: *mùa thu rồi ngày hăm ba...* không biết em đi đâu còn tôi đi tản cư xa lắc xa lơ, ngàn trùng điệu vợi...

“*Mắt em trong lệ hát đình*”, cái nắm tay bên hàng rào bông bụp và cái hôn đầu đời trên bàn tay lạnh ngắt của người con gái ngày nào, đã làm tôi xao xuyến rồi theo năm tháng cũng dần phai trong ký ức. Mãi đến gần đây, sáu mươi năm sau, tôi gặp lại... tôi dùng từ nào cho phải đây? Em ư? Có được không? Bạn ư? Nghe sao mà lảng nhách. Chị ư? Còn kỳ cục nữa. Thôi thì... bà vậy.

Những ánh mắt đưa tình, cái nắm tay bên hàng rào bông bụp, nụ hôn vợi vã không đủ cho chúng tôi tìm nhau và giữ nhau, nhưng cũng đủ cho chúng tôi nhớ nhau khi tuổi về chiều. Ngày gặp lại muộn màng để nhớ về dĩ vãng và cũng chỉ đủ cho tôi đặt mấy câu hỏi vụng về:

-Bà khỏe không?

-Ông cũng khỏe hả? Mấy cháu nội, cháu ngoại rồi?

-Một bày. Bà cũng vậy chứ gì?

-Có còn coi hát đình hông?

-Đâu còn hát hò gì nữa mà coi...

-Ồ, đâu còn hát hò gì nữa... Buồn quá hả ông!

Chỉ có vậy thôi!

Đấy mỗi tình “hát đình” nên thơ biết bao nhiêu nhưng thuở bấy giờ đâu phải muốn đến nhà con gái người ta chừng nào cũng được, còn con gái cũng vậy “*khue môn bất xuất*”! Thôi thì già biệt tình yêu, già biệt đôi mắt huyền chỉ còn nhớ lại cái nắm tay khi gặp nhau ở hàng rào bông bụp, dưới bóng trăng hạ huyền mờ ảo trong một lệ cúng đình.

Đôi mắt đó bây giờ vẫn còn nhưng vẻ mơ huyền long lanh ướt át ngày nào, cũng như chiếc áo hoa cà màu tím ngày xưa, đã bạc màu theo dấu thời gian.

DUYÊN TÌNH LỖ BƯỚC

1935. Bên hữu ngạn sông Tiền, nơi một trường làng gần vàm Rạch Miễu, trong năm học lớp Dự bị, tôi ngồi cạnh Nhung, một bạn gái nhỏ chơi nhà chòi, cùng tuổi, cùng xóm, cùng thầy, đồng môn từ thuở mới cấp sách vào trường.

Trong những giờ tập đọc, cô chúng tôi thường có thói quen là bắt chợt ngắt ngang đoạn đọc của bạn này rồi lập tức chọn một bạn khác và bảo:... *suite* (tiếp theo). Một giờ tập đọc như vậy xảy ra trong một buổi học trưa buồn hiu hắt. Ngoài sân nắng hè hừng hực. Trên ngọn cau gió im phăng phắc. Từ gốc cây đa cạnh đình làng, vắng vắng tiếng gà gáy trưa. Ôi! Sao mà buồn ngủ quá vậy! Bài tập đọc hôm nay là bài *Kẻ ở người đi* trong quyển Quốc văn giáo khoa thư. Trong giờ tập đọc nhàm chán đó, trong giây phút nửa mê nửa tỉnh của tôi đó, bỗng tôi nghe vang dội trong tai: *Tuấn. Suite!*

Tôi đứng lên như một con rô-bô chính hiệu của hãng Sony bây giờ. Mắt tôi mở to nhìn trừng trừng vào dòng chữ in vô cảm trong quyển sách trên tay, mà không biết phải bắt đầu từ đâu. Tinh thần bấn loạn, bỗng tôi nghe nho nhỏ bên tai như lời ban ơn của Đức Quan Thế Âm cứu khổ: *Cha mẹ tiền tôi ra tận bờ sông...* Tôi lớn tiếng đồng dạng đọc: *Cha mẹ tiền tôi ra tận bờ sông...* Đọc xong đoạn văn cứu khổ này, tôi vẫn chưa tìm ra chỗ nào để đọc tiếp. Tay tôi bắt đầu run lên, mắt bắt đầu hoa, miệng bắt đầu lập bập... thì may quá vắng vắng trong tai tôi đoạn tiếp: *nơi chỗ thuyền đậu...* Tôi mừng quá vừa muốn lớn tiếng đọc: *nơi...* Thì ông roi mây trong tay cô tôi nhip trên bàn một cái cốp, tiếp theo hai tiếng tây quen thuộc mà nghiệt ngã: *à genoux!!* (*quỳ gối!*).

Chưa hết, vốn là tự nãy giờ, diễn tiến của sự việc làm sao qua được đôi mắt kinh nghiệm của cô tôi, ngay cả khi cô gọi tôi đọc tiếp là cô đã biết tôi đang thả mộng hồn phiêu diêu đâu đó rồi và cô cũng nhìn rõ là tôi nhờ Nhung ban ơn tế độ nhắc tôi, vậy mà tôi vẫn còn tiếp tục ù lì, nên cô nói tiếp: *Còn con nhỏ đó nữa, à genoux!!* Thế là Nhung ríu ríu quỳ gối bên cạnh tôi.

Bài tập đọc được tiếp tục cho đến gần hết giờ mà Nhung và tôi vẫn còn trong tư thế *à genoux* như vậy. Ngoài kia nắng hè vẫn đỏ lửa, tiếng gà gáy trưa vẫn nhạt khoan. Trong này, tôi liếc thấy Nhung xê qua xê lại hai đầu gối tôi biết là Nhung đang đau, tôi lén cô lấy hai cuốn vở, ra dấu cho Nhung nhóm lên để tôi kê cho đỡ đau. Nhung làm theo tôi và nhìn tôi với đôi mắt dịu hiền.

Tan học, trên đường về tôi nhanh chân chạy theo Nhung và nói với Nhung: *Nhung ơi, mày có giận tao không?* Không thấy Nhung trả lời vẫn đều bước nhìn về phía trước. Tôi lại chạy theo: *Nhung ơi! Đừng giận tao nhen!* Lần này Nhung quay lại nhìn tôi với một giọng như hờn trách như mắng nhiếc mà sao tôi nghe ngọt ngào quá :” *Hổng chịu dò bài! Nhắc hai ba lần mà còn hổng biết. Tối ngày cứ lộn sòng, bắn chim. Cứ lo chơi, học dở ẹt, hạng đứng sau người ta hoài!*” Nghe qua câu mắng yêu đó, tôi vui trong lòng biết bao, nhảy chân sáo về nhà quên mất cái vụ bị cô bắt *à genoux*.

Học xong ban sơ đẳng tiểu học nơi trường làng, chúng tôi, đám bạn tôi tất nhiên có cả Nhung, qua tỉnh lý Mỹ Tho để học tiếp ban tiểu học nghĩa là phải ba niên học: lớp nhì một năm, lớp nhì hai năm và lớp nhứt.

Ở đây, ngôi trường tỉnh đồ sộ này so với cái trường ọp ẹp của tôi, còn mang một cái tên tây dài nhằng mà lúc bấy giờ chúng tôi không biết nó nói lên điều gì: *Groupe scolaire de Mỹ Tho*, tiền thân của trường Nam Tiểu học Mỹ Tho, còn có lúc là trường Tiểu học Trương Công Định, có lúc là trường Tiểu học Cộng đồng Mỹ Tho rồi bây giờ là trường Trung học cơ sở Xuân Diệu... Ôi! một ngôi trường thôi mà còn phải thay họ đổi tên bao nhiêu lần. Chưa

kể mấy lần tản cư, dời chỗ để thành cái trường nghèo xơ nghèo xác là Trường Lá, đến đổi mất gốc mất rễ phải mang cái tên mượn là Trường Cầu Bắc...

Học tại trường Việt Nam mang cái tên tây *Nhóm học sinh Mỹ Tho* này, chúng tôi, Nhung và tôi, phải học riêng, vì nam nữ đã đến lúc phải *thọ thọ bất thân* rồi. Cũng không xa lắm tôi học bên cái trường Việt mang tên Tây đó, còn Nhung lại học bên cái trường tây lại mang tên Việt. Đó là trường đầm. Ở đời có nhiều cái nghịch lý như vậy và ta cứ cố sống như vậy cho nó quen. Số là ở Mỹ Tho lúc bấy giờ có một ngôi trường dành cho mấy thằng học sinh Tây con chính hiệu và những học sinh Việt có cha mẹ có quốc tịch Pháp hay là Tây lô-can hoặc là công tử bột con ông cháu cha, tất nhiên có con trai và cả con gái học chung thế mà sao không gọi trường Tây mà gọi trường đầm. À thì ra mấy ông Tây nổi tiếng là nịnh đầm mà.

Cái trường đầm này vào thời này không còn Tây đầm học nhiều nữa vì Thế chiến thứ II đã xảy ra ở mầu quốc, nên người Pháp về nước rất nhiều, trường như bỏ trống cho nên học trò gái Việt Nam qua học khính ở đây. Vậy, chúng tôi, Nhung và tôi tiếng là học khác cơ sở nhưng chỉ cách nhau cũng chỉ là cái giậu mồng toi xanh rờn thấp chủng của Nguyễn Bính thôi, muốn qua chùng nào cũng được không cần trèo tường như Thuý Kiều tìm Kim Trọng.

Nhà chúng tôi ở tuốt bên kia sông Tiền, nên buổi trưa chúng tôi cùng ở lại trường ăn trưa chung ở căn-tin. Ăn cơm trưa xong, chúng tôi, trai gái được các thầy gác chia làm hai nhóm hẳn hoi và đem “nhốt” ở hai nơi riêng biệt để phòng “hậu họa” cho đến buổi học chiều.

Chúng tôi đã lớn – Nhung và tôi – chúng tôi không còn mảy tao với nhau như hồi còn nhỏ nữa. Bây giờ khi tiếp xúc với nhau chúng tôi thường nói trống với nhau hay gọi tên nhau, có lúc Nhung xưng em với tôi, tiếng em của người con gái không phải là em gái của mình nghe sao mà mát ruột mát gan. Mặc cho quý thầy

gác căn-tin có ngăn sông cách núi, có rút cầu cấm ngõ... nhưng khi mà tình yêu nói lên tiếng nói rồi thì năm sông bảy núi gì cũng trèo... và nhất là có lúc thầy cũng... ngủ trưa.

Những lúc này, Nhung thường hẹn tôi đến một góc rào vắng vẻ phủ đầy dây hoa ti-gôn. (Về điều này xin nhấn nhủ: Những kẻ yêu nhau đừng bao giờ dính dấp tới hoa ti-gôn, kinh nghiệm qua nhà thơ TT.KH. Xui lắm!). Quanh rào trường Nam lúc bấy giờ có trồng nhiều hoa ti-gôn. Trong các cuộc hẹn hò của chúng tôi, xin độc giả đừng hồi hộp theo kiểu chuyện tình Roméo-Juliette, vì khi Nhung *lần theo dấu hài của Thuý Kiều*, tìm đến tôi là chỉ để đưa cho tôi một... củ khoai lang hay một đoạn khoai mì có chút xiu tương, một cái bánh giá có con tép mòng nhỏ xiu hoặc một cây kẹo mút cứng ngắt..vì sợ tôi đói bụng.

Còn tôi cũng vậy do tiếng gọi tình yêu, ăn cơm xong có lúc cũng lén leo rào ra ngoài... lượm me chín đem tặng “nàng”. Chúng tôi, không phải một mình tôi, còn có những thằng bạn lang bạt kỳ hồ cũng theo tôi. Chúng biết từng cây me nào ở đoạn đường nào hôm nay có me chín, chẳng hạn cây me còi ở gần nhà thầy kiện Hỳnh Thái Thông đường Ariès, ở đoạn đường nào là có cây me ngọt, chẳng hạn cây me trước Nhà Em (Nhà thương trẻ em) đường Bourdais... để chúng tôi đến đó lượm me rụng nếu không có cũng không ngần ngại leo lên bẻ trái, mặc cho bà ngoại răn đe, không nên leo các loại cây có trái chua vì loại cây này ai leo lên dễ té lắm. Không sao, chỉ cần thấy Nhung nhận trái me còn vừa chín dốt với vẻ mặt cảm động là đủ rồi mặc dù có lúc Nhung nhỏ nhẹ bảo: *Lượm thôi đừng có leo nghe hông!*

Có một lần mãi la cà tìm một trái me ngọt cho Nhung cho nên khi đến nơi hẹn thì quá trễ không thấy Nhung chờ tôi như mọi khi. Lỡ hẹn thì buồn, nhất là lỡ hẹn với người yêu thì buồn biết mấy. Chiều lại trên bắc về nhà, Nhung đến gần tôi thì tay lên lan can, nhìn ra sông làm như không phải nói chuyện với tôi, sợ các bạn trông thấy. Nhung nói nhỏ nhưng với giọng trách móc:

“Hỏi trưa đi đâu biệt vậy. Tắm sông hả? Chờ hoài hồng thấy, thằng Tư Lùn nó đến đưa cho Nhung trái me nè.” Tôi nghe tới thằng Tư Lùn *cho Nhung trái me nè* mà Nhung còn xoa xoe cho tôi thấy, tôi nổi giận: *“Sao hồng ăn đi, ngon lắm mà!”* Nhung không nói không rằng, quăng trái me xuống dòng sông cuộn sóng. Thấy vậy, tôi hả hê, mừng quá muốn nói cái gì đó, chưa kịp thì Nhung lại nói: *“Nhớ nghe, ham chơi cho dữ, cứ đi sau đi trễ hơn người ta hoài, coi chừng nghe...”*

Ba năm trời đi học như vậy, và ngày nào như ngày nấy khoảng 5 giờ sáng chúng tôi đốt đuốc cùng lên bến bắc, chiều năm giờ tan học chúng tôi cùng chờ nhau cũng bên bến bắc để về nhà cùng một lượt. Những buổi sáng thứ hai mỗi chúng tôi phải xách theo một bao đựng 5 lon gạo để đóng cho căn-tin. Thường là tôi giành xách cho Nhung. Lúc đầu Nhung không chịu nhưng những lần về sau Nhung cảm thấy là tôi rất vui khi được xách bao gạo cho Nhung, nên Nhung không nỡ từ chối, ban cho tôi cái ân huệ này. Còn với tôi, vui cũng có nhưng lắm lúc cảm thấy phải xách cả hai bao gạo cũng... hơi nặng.

Nhớ lời Nhung dặn *“đừng có ham chơi trễ nải, đi sau hoài coi chừng..”* tôi luôn luôn cảnh giác cho nên ngay vào mùa đông lạnh thấu xương, chỉ với một cái quần xà-lỏn cụt ngắn, một cái sơ-mi mỏng te, run lập cập mà vẫn phải dậy sớm hơn Nhung, lên bến bắc trước Nhung để đợi Nhung... Tình yêu nào cũng vậy mà, phải vượt qua mọi thử thách. Tôi tự dặn lòng mình như vậy.

Ba năm đăng hỏa, chúng tôi thi đậu bằng Tiểu học. Tôi thi rớt vào Trung học Mỹ Tho. Có lẽ Nhung đã đoán trước nên có lần mắng tôi ham chơi hơn ham học, cứ luôn luôn đi sau, đi trễ. Nhung Nhung có biết không, trong thời gian học tiểu học mãi lo lượm me, xách gạo... cho Nhung có thời giờ đâu mà học, lại nữa cái đề luận thi Pháp văn nó không “hạp” với thằng học trò nhà quê như tôi *“Hãy tả một anh trồng rừng dạo trên một toa xe lửa”*. Anh trồng rừng dạo ra sao cũng không biết, xe lửa thì có thấy chớ có leo lên lần nào mà nói toa hay không toa! Do đó bảng hồ

không đề tên tôi, không sao vì con người có số mà. Vì vậy, tôi phải lên Sài Gòn học tại một trường tư thục danh tiếng lúc bấy giờ, trường Đồng Nai có cái tên Tây rất ăn tiền *Institution Donnai* nên giá học phí nội trú một tháng cũng... rất ăn tiền, cao hơn tiền lương một công chức chính ngạch là 28 đồng bạc Đông Dương. Nhưng có được một cái may mắn nữa là Nhung thi đậu vào trường Áo Tím tức là *Collège des jeunes filles*, tiền thân trường Gia Long. Do đó ở Sài Gòn chúng tôi lại thường có cơ hội gặp nhau. Con người có số mà!

Những ngày chủ nhật, sọt-ti chúng tôi có dịp gặp nhau ở Sở thú, ở vườn Bô-rô..., những ngày lễ chúng tôi hẹn nhau mua vé xe lửa hay vé xe đò Hữu Lợi về Mỹ Tho hoặc vé xe Đông Á Bến Tre về thẳng nhà. Vậy chúng tôi, Nhung và tôi đã có một sự ràng buộc đầy hứa hẹn cho một tương lai mà chúng tôi dù không nói ra cũng đã cảm nhận là hạnh phúc đã chấp cánh cho chúng tôi rồi.

Đến năm học thứ ba, Thế chiến thứ II đã lan đến Việt Nam. Sài Gòn thường bị Đồng Minh cho máy bay đến thả bom và đánh phá các căn cứ quân sự của Nhật Bản. Thế là chúng tôi, Nhung và tôi lại phải về quê. Tôi vào học khóa Sư phạm tiểu học do thầy Dương Văn Cấp vừa là Thanh tra tiểu học vừa là giáo sư trường Nguyễn Đình Chiểu chủ trương. Chương trình giáo khoa về sư phạm lý thuyết và thực hành học bên trường tiểu học còn phần chương trình giáo dục trung học phổ thông học bên trường Nguyễn Đình Chiểu, nhờ học khinh như vậy nên tôi mới được vinh dự là môn sinh của cụ Nguyễn Đình Chiểu dù chỉ có một năm.

Còn Nhung vào học ngành y tá tại bệnh viện tỉnh. Thế là trở lại Mỹ Tho, chúng tôi lại có dịp gần gũi nhau và dường như Trời đã dày công vun đắp cho chúng tôi một quá trình bên nhau tốt đẹp để đi đến một tương lai lý tưởng.

Năm 1944 tôi ra Sư phạm đi dạy tại một trường thuộc một vùng có tiếng là cây lành trái ngọt tức nhiên cũng là nơi có gái

đẹp trai tài, nói trai tài là nói theo lẽ thôi, chứ tôi không ưa cái vẻ này cho lắm. Đó là làng Vang Quới, ngày xưa thuộc Mỹ Tho nay thuộc Bến Tre. Trong khi đó, Nhung phải lên Sài Gòn học hết khóa y tá tại nhà thương Chợ Rẫy.

Thế là chúng tôi xa nhau. Ngày xưa có yêu nhau mà xa cách nhau trăm dặm thì cái nhớ nhau... đành chịu. Chưa có mobile, portable, chưa có Hello!, Allô!, chưa có “chat qua chat lại” như bây giờ. Còn thơ từ, nhà dây thép lúc này đã mang danh là con rùa lệt ngửa rồi. Thơ từ may mắn về đến quận xã... thì đối với các ông trùm, ông cai việc phụ trách phát thơ không lương, tự nguyện, cái kiểu tự nguyện có “động viên”... thì thơ từ của người khác đối với họ không hơn tờ giấy vụn. Vui phát chơi hổng vui quăng mất.

Đây, trong hoàn cảnh đó, tôi nhớ Nhung biết bao nhiêu, lúc đầu tôi cũng viết thơ hoa lá cành gửi cho người yêu, chờ thơ trả lời quả là cảnh... nàng Tô Thị trông chồng. Một bức thơ đi phải mất 3, 4 tháng họa may mới có thơ hồi âm. Chuyện gì muốn nói với nhau không còn ý nghĩa gì cả, thời khắc hò hẹn thì thôi đành chờ... kiếp sau.

Rồi còn cái câu: *Xa mặt cách lòng*. Người xưa có nói!. Nhung với tôi thì không! Hình bóng Nhung vẫn ngự trị trong tôi. Làm sao tôi quên được khi còn quá nhỏ Nhung đã vì tôi mà bị cô bắt quì gối. Làm sao quên được Nhung đã trốn thầy cho tôi từ đoạn khoai mì đến cây kẹo mút. Làm sao quên được khi Nhung đã ném trái me chín của thằng Tư Lùn “dâng tặng” cho Nhung xuống sông làm tôi hả dạ...

Cho nên như đã nói, ở cái đất tôi dạy có nhiều gái đẹp này, nổi nhớ nhung người yêu mà không có điều kiện giải tỏa, lòng tôi ray rứt biết bao nhiêu. Trong khi đó, những bóng hồng cứ nhớn nhớn trước mặt nhìn thầy giáo chưa vợ với cặp mắt long lanh ướt rượt... mặc cho tôi vì lòng chung thủy vì mối tình đầu với Nhung nên lắm lúc tôi phải niệm *Quan Thế âm Bồ tát cứu nạn cứu khổ* gia hộ cho tôi được tai qua nạn khỏi.

Cho đến một hôm, tôi nhận được một phong thư bèo nhèo, đọc đầu nhà dây thép thấy đã trên 4 tháng và tên người gửi là Trần Thị Nhung, Y tá, số nhà... đường... Sài Gòn. Ngoài phong bì có chữ “Thơ Gấp”. Tay tôi run lên, tôi xé phong bì ra đọc:

Anh Tuấn,

Ngày lễ mãn khóa y tá tổ chức tại nhà thương Chợ Rẫy, có ba em dự, em chính thức được bổ nhiệm làm y tá và làm việc lại tại nhà thương. Trước đó một tháng em cũng có thơ mời anh lên mừng cho em, nhưng em buồn biết bao nhiêu vì không thấy mặt anh.

Trong buổi lễ này có một thằng bạn đồng khóa, nó đến cầu hôn em với ba em. Ba em đồng ý nhưng em khước từ bảo là em đã có anh rồi. Ba em cũng dễ dãi bảo em hãy viết thơ gọi anh lên gặp ba em, rồi ba em tính cho. Em lại viết thơ cho anh. Em lại chờ. Anh vẫn bất tin.

Cuối cùng ba em không chờ được và em cũng... không chờ được vì anh... anh luôn luôn trễ nải, đi sau, đi chót... bản chất của anh ngay từ lúc nhỏ đã như vậy rồi. Anh biết không???!!!

Tháng sau là đám cưới của em rồi. Em không mời anh đâu vì em biết là có mời anh, anh như thường lệ vẫn là người... đến trễ, đến sau.

Anh liệu hôn, em không còn bên anh để... nhắc bài cho anh trong cuộc sống luôn luôn bê trễ của anh nữa đâu!

Em Nhung.

Tôi chỉ còn biết khóc trừ!

TUỔI THƠ... XA RỒI

Mùa Phật Đản năm xưa tôi vừa lên tám được theo bà nội, ba mẹ, các anh đi lễ Phật ở Núi Bà, Tây Ninh. Vốn là cư dân

vùng đồng bằng nên khi được đi hành hương ở vùng núi, tôi vô cùng háo hức. Trông chờ ngày lên đường tôi đã tưởng tượng và hình dung biết bao điều lý thú về núi mà nơi đó có cây cao bóng cả, kỳ hoa dị thảo, suối chảy thông reo, biết đâu có cả tiên ông đánh cờ buổi sáng, tiên nữ nhảy múa dưới trăng giữa tiếng chim kêu hạc múa... Cho nên chưa đi mà dường như tôi đã biết quá nhiều về núi.

Hôm ấy cả nhà dậy sớm lên một chiếc xe đồ cọc cạch, thùng xe bằng cây sơn màu đỏ choét, hai cái đèn pha giống như hai cái gàu tát nước, một cái kèn mà mỗi lần bóp lên phát ra một âm thanh toé toét khó nghe. Theo sự sắp xếp, tôi được ngồi giữa anh tôi và bác tài xế ở hàng đầu. Mọi người đã lên xe. Giờ khởi hành bắt đầu. Bác tài xế ra hiệu, chú lơ dùng ma-ni-quên¹ quay máy. Chú quay cật lực, máy mới chịu nổ. Cả chiếc xe rung lên, khói phun mịt trời. Để khởi hành, tôi thấy bác tài có những thao tác vừa tay vừa chân lộp cộp lạch cạch, chiếc xe mới chịu từ từ tiến lên tuy vậy cũng phải cà giựt cà giựt mấy cái.

Tôi có dịp nhìn bác tài rõ ràng hơn. Với bộ râu trái ấu trên vẻ mặt phong trần, một cái nón kết nhóp nhúa trên đầu, một khăn rằn quấn quanh cổ, bác tài quả là tiêu biểu chuẩn mực nhứt cho các bác tài thời bấy giờ.

Xe chạy một thời đường phải đậu lại để chờ chuyển phà qua sông. Xe đợi khá lâu. Trên xe giờ đây chỉ còn duy nhất một hành khách là tôi, tất cả đều phải xuống xe đi bộ. Khi có tiếng còi hoét hoét của một công nhân cầm cờ đỏ, cái cổng tre sơn trắng đỏ được giở lên, xe xuống cầu. Xe lại phải đậu trên một cái “thốt” để một số mạch-lô² đẩy cái thốt cho xe quay đít lại hướng về chiếc phà. Xe xuống phà.

Qua sông, xe chạy qua một thành phố với những dãy phố ngói san sát, hai bên đường tráng nhựa êm ru có những hàng cây

¹ Manivelle (tiếng Pháp): tay quay để làm nổ máy

² Matelot (tiếng Pháp): thủy thủ

cao cho bóng mát. Người ta qua lại đông đảo dập dìu, xe đạp cóc keng, xe kéo ê ép, có cả những cỗ xe ngựa lóc cóc... Cái kèn xe có nhiều cơ hội phát huy tác dụng, nhưng có điều tiếng toét, toét toét vô duyên của nó làm cho tôi buồn cười. Cặp mắt đắm đắm nhìn về phía trước, bác tài phải trở hết tài năng của mình để giữ cho cỗ xe được an toàn. Bác ghì chặt vào “tay bánh” giống như cái vòng xe tôi đánh chơi nhưng nhỏ hơn, không ngừng lắc qua lắc lại. Qua ngã tư ngã ba, hoặc có ai băng qua lộ, hay một xe nào đó vượt qua, bác luôn miệng cầu nhàu và lăm lăm chửi đồng một tiếng.

Dù sao tôi cũng thích ngồi gần bác tài để được nhìn sự vật rõ hơn. Hai bên đường hầu hết đều là đồng ruộng mênh mông, có nơi ruộng vừa mới cấy, có nơi lúa đã trở đòng đòng. Một bầu trời bao la xanh mát, những cánh cò loang loáng bay lên đáp xuống. Dọc theo con đường thiên lý chạy dài không ngớt trước mắt tôi là những đường dây thép lượn lên lượn xuống. Cảnh vật mới lạ, gió đồng mát rượi khiến cho tôi vui sướng phấn chấn vô cùng.

Tôi nhìn ra sau thấy nội tôi bồm bẻm nhai trầu, dường như cũng hả hê với cái hả hê của tôi lắm. Ba mẹ tôi cũng vui lây, thỉnh thoảng chỉ cho các anh tôi tên những địa danh của vùng đi qua cũng như tên những cây cầu mà các anh tôi chưa từng biết.

Xe chạy gần đến một cây cầu mà từ xa đã thấy đồ sộ, lừng lững một giàn sắt đen sì cao nghều nghệu, dài thăm thẳm. Đến nơi xe bị chặn lại bởi một cổng sơn đỏ. Người gác cổng cầm cờ đỏ ra dấu cho tất cả xe dừng lại. Bác tài nói trở ra sau:

- Chết cha kẹt xe lửa rồi.

Tôi nghe từ xa tiếng rầm rầm lần lần lớn lên đình tai điếc óc, từ từ hiện ra từ trong hầm cầu một cỗ xe đen thù lù, phun khói đen ngòm chạy trên hai đường sắt... phát ra một thứ hòa âm hỗn loạn chát chúa của đá xanh và sắt thép. Xe lửa đi khỏi, cổng giờ lên, xe chúng tôi qua cầu. Tôi lăm lăm đếm: một, hai, ba... bốn... năm... và khi xe qua khỏi cầu là hai trăm mười sáu.

Chúng tôi lại phải qua một thành phố nữa, lần này lớn hơn, nguy nga hơn, nhà cao cửa rộng, người qua kẻ lại tấp nập, xe cộ chật đường... huyền ảo, nhộn nhịp... Ra khỏi thành phố này, xe lại chạy giữa những cánh đồng đường như cao ráo hơn, khô cằn hơn và ở đây tôi thấy nhiều bò hơn là trâu như ở xứ tôi. Lại nữa nhiều lúc xe phải lên dốc rồi xuống dốc. Chiếc xe cà khồ của chúng tôi có lẽ phải ráng sức lắm nên máy nổ âm âm, khói bốc đen ngòm... ì ạch, ì ạch... Nhưng mỗi khi xe xuống dốc, ruột tôi hơi thót lên một chút. Đến một nơi có cái cua khá vắng vẻ, bác tài cho xe dừng lại bên đường rồi bảo:

- Bà con xuống xe “xả xúp-páp”, tôi đổ nước xe luôn.

Thì ra người ta thì xả nước còn xe thì vô nước.

Xe lại chạy, bác tài lại nói:

- Qua cái cua này mình thấy núi Bà Đen rồi.

Quả thật trước mắt tôi một ngọn núi thực sự đã hiện ra. Tròn như cái tô lật úp, xanh lam trên nền trời xanh lơ, trên đỉnh có những làn khói bạc lơ lửng bốc lên. Núi đây rồi, núi Bà đây rồi. Lần đầu tiên tôi thấy núi, tròn trịa, không nhọn hoắt, không lồi lõm, hiền hòa, êm ả... Tôi nôn nao để được leo núi.

Không có nhiệm vụ gì trong đoàn như dẫn nội, xách giỏ trâu cho nội nên tôi là người leo lên gộp đá đầu tiên. Sương đêm còn đọng, nền đá lạnh và trơn trượt. Như một con sóc tôi thích thú nhảy nhót, leo trèo, hết nhìn lên ngọn cây cao chón chở lại nhìn xuống vực sâu hun hút. Êm đềm cái êm đềm của thiên thai chẳng? Thanh lặng của bông lai chẳng? Tâm hồn tôi thư thái. Trí óc lâng lâng. Tôi tung tăng chạy nhảy như con chim sáo vẫn biết rằng nội, ba mẹ, các anh đều dõi mắt trông chừng tôi.

Tôi chợt nhìn thấy một gốc cây đồ sộ, không biết mấy vòng tay người lớn ôm cho giáp. Tôi ngược nhìn lên thân cây cao vút theo một đường thẳng rất chuẩn, lại không có tàn nhánh bâng quơ. Chợt một vật gì từ trên cao bay loáng thoáng, nhẹ nhàng và đáp xuống nền đá một cách duyên dáng. Tôi cúi xuống nhận thấy

khá nhiều rơi rớt đây đó và lượm lên một chiếc. Một vật gì đó có một cái hột tương tự như củ nén đeo theo hai cánh mong manh hình vòng cung. Tôi tung lên cao, vật này bay vòng vòng, hai cánh xoay tít trông rất vui mắt. Thế là tôi lượm lên bỏ vào túi để thỉnh thoảng quăng lên theo chiều gió. Hầu hết chúng đều không bay xa, lặn quần rồi lại về với tôi.

Thế là tôi có một trò chơi để quên cái nhọc mệt leo núi. Trong khi đó nội tôi luôn miệng niệm Nam mô Quan thế âm Bồ tát với một giọng thành kính và đôi mắt từ bi luôn nhìn theo tôi đang chơi đùa với một vật mà tôi không hề biết tên.

Mãi mê với trò chơi mà ở quê tôi không có, tôi không để ý đến một nhân vật nhỏ bé mặc một bộ đồ đầm bông đủ màu sắc, khuôn mặt bầu bĩnh, tóc hớt bôm bê, đôi mắt lơ lơ đen huyền, đôi chân nhỏ xíu trắng tươi trong đôi xăng đan màu đỏ... từ lúc nào đang chăm chú nhìn theo trò chơi của tôi một cách thích thú. Bị lôi cuốn, cô bé vừa chạy theo vừa đưa tay để chụp lấy cái vật mà tôi vừa tung lên đang vòng vo rơi xuống. Cô bé không với được vật mình muốn bắt lấy, đang từ từ bay ra khỏi tầm tay, sắp rơi ra ngoài triền núi. Hụt hững, cô bé tròn xoe đôi mắt vẻ tiếc rẻ và nhìn tôi nũng nịu như hờn dỗi, như muốn bắt đền. Chợt có tiếng gọi:

- Mai, con coi chừng.

Thì ra cũng có một đoàn hành hương cùng lên núi với chúng tôi mà mãi mê chơi, tôi không để ý. Cô bé Mai, à thế là bé Mai rồi. Bé Mai lại nhìn tôi với đôi mắt tròn vo hột nhãn, nửa như ra lệnh nửa như cầu khẩn để tôi lại tung lên cái vật kỳ lạ này để bé Mai chụp lấy. Bé Mai có biết đâu rằng thoát đầu nhìn bé Mai tôi đã bị thu hút bởi vẻ mặt ngây thơ, đôi má bầu bĩnh, cặp mắt tròn xoe đen lay láy, nhút là vẻ phụng phịu của một người con gái... mà tôi thì không có chị kể cả em gái. Cho nên tôi hạnh phúc biết bao khi nhìn bé Mai nũng nịu nhìn tôi van lơn.

Tôi lấy ra một cái tung lên, nhưng không quá cao không quá xa để bé Mai chụp được. Lòng hào hiệp của tôi được tưởng thưởng, cô bé nắm được đồ chơi. Dường như bé Mai biết được là trong sự thành công của mình có một chút xiu gì đó ẩn tình của tôi. Bé nhìn tôi với một nụ cười rạng rỡ trong đôi môi nhỏ nhắn rồi đột nhiên chạy lại nắm tay tôi ra dấu cho tôi lại tung lên lần nữa để bé lại chụp.

Và tôi cũng không biết từ khi nào, bé Mai và tôi đã tay trong tay tung tăng chạy nhảy không rời nhau nửa bước. Gia đình chúng tôi từ nội đến ba, mẹ... và bên kia gia đình của bé Mai nhìn chúng tôi quấn quít bên nhau, tự dung có một sự đồng cảm nào đó nên đều nhìn chúng tôi một cách triu mến. Mỗi tình cảm tương quan bất chợt này đã làm vơi đi sự mệt nhọc của hai đoàn hành hương nên tôi không nghe tiếng niệm Phật của nội nữa mà chỉ thấy nội nhìn sự quyến luyến của chúng tôi mà luôn nở một nụ cười với cái miệng móm mém dễ thương của nội. Và cũng nhờ vậy mà chúng tôi lên đến Chùa Trung hồi nào không biết.

Chúng tôi ra sau chùa nơi có những hồ lấy nước suối từ những ống tre dẫn từ thượng nguồn để rửa ráy sạch sẽ, chuẩn bị hoa quả nhang đèn lên lễ Phật. Theo sự sắp xếp của hai gia đình, hai chúng tôi quỳ đàng trước và cạnh bên nhau. Nhìn lên tượng Phật uy nghi, nghe tiếng mõ vang vang, tiếng nam mô đều đều... tất cả tạo nên một bầu không khí huyền diệu khiến cho tôi chưa có một ý niệm gì về tâm linh nhưng cũng thấy lòng xao xuyến. Tôi hé nhìn những người lớn, tất cả đều có một tư thế, một phong cách, một ánh mắt đầy niềm tin. Tôi lại nhìn Bé Mai, Bé Mai cũng vậy, hai tay chấp trước ngực, đôi mắt tròn xoe đắm đắm nhìn lên tượng Phật, thân bất động. Trong khi đó chưa chi tôi đã cảm thấy bất an, mỗi tay mỗi chân.

Theo từng hồi chuông, mọi người thì thụp lạy, miệng lâm râm niệm Phật hoặc cầu nguyện một điều gì. Tôi có biết gì cho cam, như cái máy mọi người lạy, mình lạy, mọi người lép nhép mình cũng vậy. Nhưng tôi rất ngạc nhiên khi nhìn sang bé Mai

thấy bé lâm râm một câu gì đó dường như có ý nghĩa, đôi mắt sáng rực nhìn vào Đức Quan Âm. Lễ xong tôi là người đầu tiên bước ra khỏi chiếu trong khi mọi người kể cả bé Mai còn lễ thêm ba xá.

Bé Mai lại nắm tay tôi ra sau chùa nơi lấy nước từ trên suối. Bé Mai đưa tay hứng những dòng nước trong vắt từ ống tre tóe vào tôi và nhìn tôi cười còn ra hiệu cho tôi làm như vậy với bé Mai. Tôi tham gia vào trò chơi, nhưng có lẽ nhiệt tình hơn. Tôi vốc một vốc nước từ trong hồ đầy tạt vào mặt bé Mai. Nước khá nhiều đủ để vào mắt vào mũi khiến cho bé Mai sặc sụa chạy né tránh vấp vào một gộp đá ngã sóng soài trên nền đá cứng.

Tôi hốt hoảng chạy lại đỡ Bé Mai lên. Đầu bé Mai nằm trong tay tôi, mắt đỏ hoe, trong mũi nước còn đọng khiến cho Bé Mai sặc lên mấy lần, tóc tai, bầu áo ướt sũng. Bất giác tôi bật khóc. Nước mắt ràn rụa. Không biết tôi khóc vì sợ ba mẹ mắng hay ba mẹ bé Mai giận hay tôi sợ bé Mai đau. Rồi như tự trách mình sao lại nông nổi thay vì che chở cho bé lại làm cho bé đau. Bé Mai nhìn tôi khóc, đưa tay vuốt lại tóc, dụi mắt nhắm miệng cười rồi lại lấy tay chùi nước mắt cho tôi. Bé Mai nhìn vào tôi hỏi:

- Bộ thương lắm hả?

Tôi đáp không suy nghĩ:

- Ừa.

Chớ không lẽ trong tình huống này mình đáp là không. Bé Mai lại hỏi:

- Sao thương?

Tôi chịu, không trả lời được. Nhưng may quá tôi nghĩ ra một câu:

- Tại làm bậy.

Bé Mai chưa tha, trời ơi sao con gái lại khôn hơn con trai nhiều quá vậy, lại bảo:

- Nội bảo làm lỗi thì phải sám hối mới hết tội.

- Sám hối là làm sao?

Thế là bé Mai dẫn tôi trở vào điện. Hai chúng tôi quỳ trước đấng Quan Thế Âm, bé Mai lại nhỏ nhẹ bảo tôi:

- Sám hối đi.

Tôi lại ngơ ngác:

- Nói gì?

Bé Mai lại dạy:

- Tôi không tát nước vào Mai nữa.

Tôi lặp lại câu của bé Mai trước Đức Bồ Tát, không biết người có chấp nhận lời sám hối chân thành của tôi không, nhưng tôi thấy lòng tôi thư thái vô cùng.

Chúng tôi lại tay trong tay ra sân chùa, thi nhau tung những vật gì quay tròn theo gió để cùng nhau chạy theo chụp lấy. Lần này khi tung lên tôi cố tình nhẹ tay, vừa tầm với của bé Mai vì vậy mỗi lần chụp được, bé nhìn tôi với ánh mắt ngây thơ và một nụ cười biết ơn. Riêng tôi cảm thấy một niềm vui khó tả. Cũng có chiếc bay lên gặp cơn gió mạnh chao đi ra khỏi lan can sân chùa rơi xuống sâu thẳm của triền núi để lại cho chúng tôi một tiếc rẻ của hạnh phúc tan đi.

Sau khi lễ xong ở Chùa Hang trời đã xế chiều, cả hai gia đình đồng xuống núi ra về. Vẫn hai chúng tôi, tay trong tay dung dăng dung dẻ tiến lên trước vui sướng nghe chim ca hót đâu đây hòa điệu với tiếng ve sâu vào hạ, gió núi vi vu mát rượi, chúng tôi nhảy nhót như đôi chim non nên chẳng mấy chốc đã đến cây cổ thụ nơi mà chúng tôi nhặt những vật có cánh quay tròn, đã tạo cho chúng tôi một niềm vui sướng và một thứ tình cảm mơ hồ mà tôi không rõ lắm.

Chúng tôi ngồi lại dưới gốc cây. Tôi hỏi bé Mai:

- Nhà ở đâu?

Bé Mai đáp:

- Ở trên Thủ.

Bé Mai lại hỏi:

- Còn nhà ở đâu?

- Ở tuốt dưới Bến Tre.

Tôi không biết Thủ ở đâu, bé Mai chắc cũng không biết Bến Tre là ở đâu. Một phút im lặng. Chợt bé Mai hỏi tôi:

- Chùng nào mình gặp lại nữa?

Trời ơi, câu hỏi bất ngờ của bé Mai khiến tôi trở về thực tế. Tôi có nghĩ gì đâu, chẳng qua đi chùa gặp nhau, nô đùa với nhau rồi nhà ai nấy về. Thế là xong. Rất đơn giản. Nhưng khi câu hỏi của Mai đưa ra, tôi cố tìm câu trả lời mãi không ra, kịp khi một ý nghĩ thoáng qua trong trí óc của tôi để có thể bật thành tiếng thì nước mắt tôi đã tuôn tràn ngăn không cho tôi nói thành lời. Câu đó là: “Mình làm sao gặp được nữa”.

Tôi ghen ngào nhìn bé Mai đang ngược mắt nhìn tôi trông chờ câu trả lời không bao giờ có. Tôi nhớ lại mới sáng nay, khuôn mặt bầu bĩnh và đôi mắt ngây thơ của bé Mai nhìn tôi như cầu khẩn để được làm quen, giây phút tôi gạt nước làm bé Mai té xuống nền đá để bé Mai gối đầu trên tay tôi đưa tay chùi nước mắt cho tôi với nụ cười tha thứ, giây phút tôi quỳ bên cạnh Bé Mai để sám hối trước Đức Quan Âm... và tôi đã chẳng nói là tôi thương bé Mai sao. Vậy có phải là tôi đã thương Bé như đứa em gái mà tôi hằng mong ước không, hay là cái gì đó khác hơn... mà tôi không biết. Một cái gì đó kết hợp chúng tôi mơ hồ nhưng chân thành, sâu lắng, thánh thiện, gắn bó, buộc ràng...

Chùng nào mình gặp lại nữa ? Tôi ghen ngào với câu hỏi này nên chỉ biết nhìn bé Mai. Bé Mai lại nhìn tôi với đôi mắt trông chờ một câu trả lời không bao giờ đến. Bé Mai đứng lên bước vài ba bước rồi quay lại bảo tôi:

- Mình lượm cái này đem về nhà đi.

Chúng tôi gom lại những vật có cánh bay vòng tròn đã từng giúp cho chúng tôi quen nhau, rồi bé Mai lại chia ra:

- Cái này anh, cái này em, cái này anh...

Và vật cuối cùng lẽ ra thuộc về bé Mai nhưng bé Mai bảo:

- Cái này đem về Bến Tre đi...

Luôn luôn là bé Mai hướng dẫn tôi, chỉ bảo tôi... vậy rồi đây nếu tôi không có bé Mai...

Đã đến những gộp đá cuối cùng, nhìn từ trên đã thấy xe đậu, giây phút xa nhau không còn bao lâu, bé Mai kéo tôi lại và hôn trên trán tôi, cặp mắt buồn hiu, lí nhí mấy lời dường như là... về rồi buồn lắm...

Tôi thẩn thờ lên xe cố dõi mắt theo gia đình bé Mai. Hai xe cùng khởi hành một lượt. Xe bé Mai trước, xe tôi sau. Bé Mai ngồi phía sau nên tôi vẫn còn có thể nhìn thấy bé Mai thêm một đôi đường. Tôi thấy bé Mai giơ tay ra dấu chào tạm biệt. Rồi bé Mai lại tung lên những vật nhỏ có cánh xoay vòng tròn, có cái đập vào kiếng xe tôi. Xe bé Mai chạy nhanh hơn nên lần lần bỏ xe tôi lại phía sau. Tôi cố nhìn theo, nhìn theo cho đến khi lớp bụi đường xóa mờ bóng dáng chiếc xe còn tôi màn nước mắt cũng đã xóa nhòa hình ảnh bé Mai.

Tôi lặn vào túi lấy ra mấy vật nhỏ có cánh xoe xoe trong lòng bàn tay. Bác tài trông thấy bảo tôi:

- Biết trái gì hôn? Trái sao đó.

- Trái sao là gì ?

- Trái sao là trái của cây sao. Cây nó cao lớn lắm, mọc trong rừng trên núi, gỗ nó dùng làm nhà, đóng ghe tốt lắm. Trái của nó đó.

Tôi hỏi:

- Ủa mà sao nó có cánh chi vậy?

- Trong rừng có nhiều loại cây như vậy, trái nó có cánh để khi rụng xuống gió thổi bay đi xa để truyền giống mà.

Tôi mân mê trong tay mấy trái sao, nhìn vào hai cánh mong manh mà vừa mới đây đã kết hợp hai chúng tôi thành một đôi bạn chẳng, hơn thế nữa một đôi anh em chẳng, cũng chưa phải... mãi đến bây giờ tôi cũng chưa nhận định được mối tình cảm mà chỉ trong khoảnh khắc vẫn còn tồn đọng mãi trong tôi mặc dù đã xa, xa lắm rồi. Tôi không quên được hình ảnh Bé Mai ngồi trên xe, tay cầm mấy trái sao nhìn theo tôi rồi dần dần mất hút sau lớp bụi mù.

- Nội ơi, Lễ Phật Đản này ba mẹ và các con đi lễ Phật ở núi Bà Tây- Ninh. Ba mẹ sợ nội không khỏe nên không dám mời nội dẫn tụi con đi.

Nội hỏi lại:

- Phật Đản rồi à? Đi núi Bà Tây Ninh hả?

- Vâng.

Ông nội đồng dặc nói:

- Vậy ông nội đi với tụi con chứ.

- Hoan hô nội. Ba mẹ bảo không sao đâu vì bây giờ đâu phải leo núi nữa mà mệt. Có cáp treo rồi.

Thế là gia đình sung sướng được cùng nội đi lễ Chùa. Đến chân núi, trong khi mọi người chuẩn bị mua vé đi dây cáp thì nội lại bảo:

- Không đi dây cáp, đi bộ, nội muốn leo núi.

Mọi người chung hửng nhưng nội tiến bước lên phía trước như một vị tướng xung phong. Thế là tất cả phải bồng bế theo nội. Cháu trai một bên, cháu gái một bên thiếu điều khiêng nội lên. Nội còn cười bảo:

- Nội đi một mình mà... hồi đó...

Thế là ì ạch lắm chúng tôi mới lên được độ vài trăm mét. Bỗng nhiên nội đứng lại nhìn chăm chăm vào một cây cổ thụ. Nội tháo mắt kiếng ra ngồi xuống gốc cây như tìm một vật gì. Cuối cùng nội nhặt những vật gì đó cỡ hột đậu phộng có hai cánh mỏng manh cong vút. Nội lại quăng lên, mấy vật bay vòng vòng theo chiều gió nhẹ nhàng rơi xuống nền đá. Nội cười một mình. Cả đàn con, cháu nhìn nội ngỡ ngàng kịp khi nội đồng dặc ra lệnh:

- Thôi, xuống đi cấp treo.

Cả nhà lại một lần nữa tuân lệnh mà không biết rồi sẽ còn gì nữa chẳng?

Chiều về, nội vẫn khỏe, nhưng có điều nội không nói gì. Nội lấy ra những vật nhỏ mà nội đã lượm ở chân núi, lau chùi sạch sẽ rồi lại để vào trong một cái hộp đem cất vào trong hộc tủ của nội. Công việc nội làm đối với chúng tôi quá tối nghĩa nhưng xem chừng nội làm rất cẩn trọng. Nội trở lại nằm trên ghế xích đu, mắt nhắm chiu. Tôi không thể chịu được nên đến bên nội, xoa xoa vào vai nội nịnh mấy câu:

- Nội đi chùa về có vui không?

- Vui.

- Vui sao hở nội?

- Thì được đi lễ Phật.

Tôi chưa khai thác được cái bí ẩn này nhưng không chịu thua. Tôi lại hỏi:

- Còn cái vụ mà mấy cái gì đó nội lượm về bỏ trong hộp đó nội?

Không thấy câu trả lời. Tôi thất vọng quá vì đây là cái tôi muốn hiểu. Kịp khi thấy vẻ tiu nghỉu của đứa cháu mà nội cưng nhứt nhà, nội bảo:

- Nhắc ghé lại ngồi cạnh nội, nội kể cho nghe.

Rồi nội kể rằng: “Mùa Phật Đản năm xưa...”.

DƯỚI BÓNG GIÁO ĐƯỜNG

Cô và tôi cùng đi dạy học nhưng khác trường. Mỗi sáng chúng tôi, kể cả những bạn đồng nghiệp khác, cùng lên bến xe để cùng đi vì các trường chúng tôi dạy, cùng chung một tuyến đường. Trường của ai gần thì xuống trước, trường của ai xa thì xuống sau. Tan học chiều chúng tôi về nhà cũng trên chiếc xe đó nhưng có điều ngược với lộ trình ban sáng.

Chúng tôi số nam, nữ gần như bằng nhau, tuổi tác cũng xê xích nhau nhưng có điều khác nhau vì có người đã có gia đình, có người chưa. Nhưng tình đồng nghiệp tình bạn bè của chúng tôi vẫn khăng khít, buộc ràng.

Lượt đi cũng như lượt về chúng tôi ngồi bên nhau trên hai cái băng cây cứng ngắc của chiếc xe đồ cộc cách cũ kỹ, chuyên đưa rước chúng tôi như vậy đã mấy năm nay và có lẽ nhờ chiếc xe ân tình này mà chúng tôi, tất cả chúng tôi, cảm thấy gần gũi nhau hơn, thương mến nhau hơn.

Thật vậy, thời gian ngồi bên nhau mỗi ngày hai lượt đi về thời gian không lâu, tuy nhiên cũng đủ cho chúng tôi trò chuyện, hàn huyên, kể cho nhau chuyện buồn chuyện vui của ngày qua. Thế nên có thể nói chúng tôi là một gia đình, một gia đình thật sự. Chúng tôi biết nhau cặn kẽ từ ông bà cha mẹ đến anh chị em vợ chồng của nhau kể cả con cái của chúng tôi từ ngày sanh của chúng, tên họ và chữ lót của chúng, kể cả bản tính của từng đứa.

Vậy đó, riết rồi sự gặp gỡ hằng ngày của chúng tôi đã trở thành một thói quen, một nhu cầu đến đổi những ngày nghỉ chủ nhật, nghỉ lễ nhất là ngày nghỉ hè chúng tôi nhớ những chuyến xe chật cứng, nhớ cái chỗ ngồi trên cái băng cứng ngắc, nhớ anh này lăm chuyện, nhớ anh kia hút thuốc liền miệng không ai muốn ngồi gần, nhớ chị này sáng nào cũng chia cho chúng tôi một củ khoai, một trái chuối nấu, cũng có một cô thường chọn một chỗ tận cùng để ngồi, cô này có đôi mắt u huyền thăm thẳm, mỗi lần

ai nói đến hay trêu chọc, cô không bao giờ trả lời chỉ đáp bằng một nụ cười buồn.

Vì trường tôi dạy gần nhất nên tôi chọn một chỗ gần cửa để khi đến trường tôi xuống xe cho dễ. Thế là chỗ tôi ngồi đối với chỗ cô có đôi mắt u huyền này là khoảng cách xa nhất theo đường đối góc, nhưng trái lại là tôi có được một tầm nhìn về cô tốt nhất. Và đối với tôi chắc có lẽ cô cũng trong vị trí để nhìn tôi rõ nhất nếu cô muốn.

Ngồi trên xe chật chội, những người ngồi đối diện quá gần để tôi nhìn mà không khỏi làm người ta khó chịu nên thôi đành gởi ánh mắt mình cho người xa nhất để rồi dần dà tôi cảm thấy ghiền đôi mắt u huyền của nữ đồng nghiệp của mình vốn là em của một người bạn đồng nghiệp mà tôi biết cô từ thuở còn kẹp tóc đi học trung học.

Cô luôn luôn mặc một chiếc áo dài trắng một cái quần đen vừa vặn, không kiêu cách, đơn giản, tay này ôm một cặp da sờ sách, tay kia nắm hờ chiếc nón lá, quai nhung màu hoa cà. Cô ngồi như bất động, đôi mắt mùa thu lơ đãng nhìn qua cửa xe ra khung trời loang loáng những cánh đồng lúa và miệng cô sẵn sàng một nụ cười buồn để đáp lại cho những ai muốn nói chuyện với cô.

Tôi nhìn cô, mãi nhìn cô, nhìn đôi mắt xa xôi của cô, nhìn nụ cười buồn của cô mà không sợ cô phật ý vì dường như không bao giờ cô nhìn tôi. Những chuyến xe đưa rước thầy cô giáo như vậy cứ tuần tự, nhần nại đưa chúng tôi về làng xã nông thôn, để trước là chúng tôi có đồng lương sinh sống, sau nữa đem mấy cái chữ ít ỏi của chúng tôi trao lại cho các trẻ em dốt nát, nghèo khó, quê mùa. Chúng tôi không dám xem đây là một thiên chức như nhiều người thường gán cho nhà giáo, nhưng rất vui với cái nghề nghiệp nhỏ bé, khiêm nhường của mình nhất là khi cuối năm các em thi đậu được tiếp tục ra tỉnh học tập.

Còn phần chúng tôi cũng vậy, năm tháng gần gũi nhau, tình cảm giữa chúng tôi càng thêm sâu đậm, cái vui của người này là cái vui của người kia, cái buồn của người kia là cái buồn của người này. Cho nên khi gặp nhau ở bến xe là chúng tôi đã thấy vui, chiều lại xuống xe chia tay lòng đã chợt buồn.

Một hôm chuyến xe chiều đưa chúng tôi về thành phố để trên đường về nhà, cô giáo đồng nghiệp của tôi, cô có đôi mắt u huyền, có nụ cười buồn này đến bên tôi và khẽ khàng nói với tôi: *Chiều mai là Lễ Giáng Sinh anh đi Nhà Thờ xem máng cỏ đi.*

Tôi biết gia đình cô vốn là một gia đình thờ Chúa rất ngoan đạo, cô vẫn biết tôi không có đạo mà vẫn mời tôi dự Lễ Giáng Sinh, thật sự tôi vô cùng cảm động, nên tôi nói với cô: *Cám ơn cô, chiều mai tôi sẽ đến.*

Thế là hôm sau, Lễ Giáng sinh năm ấy tôi đã đến khu Nhà Thờ như đang trong hội hoa đăng, đèn đóm sáng trưng, lồng đèn đủ kiểu đủ cách lung linh rực rỡ muôn màu. Tôi vào xem máng cỏ trong khu Nhà Thờ, nơi đây có thiết kế một cái máng cỏ có lẽ lớn nhất, không thiếu bất cứ một dấu vết lịch sử của Chúa ra đời. Từ tượng Đức Mẹ trên tay là Chúa Hài Đồng đến những thiên thần múa khúc giáng sinh kể cả những con trư, con lừa dễ thương... Tất cả khung cảnh huyền ảo kỳ diệu này trong một ánh sáng mờ lung, chập chờn hòa quyện với điệu Thánh ca đầu dây, cùng với tiếng chuông Nhà Thờ thánh thoát, khiến cho tôi là người ngoại đạo mà vẫn thấy lòng mình như được chấp cánh lên cao.

Tôi đang thơ thẩn xem từng hang đá, từng cảnh tượng, từng lối trưng bày của máng cỏ này đến máng cỏ kia hầu so sánh xem cái nào đẹp hơn cái nào thì bước chân nhẹ nhàng khiến tôi nhìn lại. Thì ra cô giáo, cô đồng nghiệp của tôi, cô đồng nghiệp có đôi mắt u huyền và nụ cười buồn muôn thuở. Cô nhìn tôi và nói: *Cám ơn anh đã đến.* Tôi đáp: *Lễ năm nay vui quá. Em mừng lễ chưa?* Bỗng nhiên tôi gọi cô là em. Và dường như cô không để

ý đến tôi thay đổi lời gọi như vậy, trái lại cô cười, vẫn nụ cười buồn và nói: *Em vừa trong Nhà Thờ ra.*

Và em - thôi thì tôi gọi em vậy, vì em nhỏ tuổi hơn tôi, vì em là em của một bạn thân của tôi - em đã đưa tôi đi vòng quanh trong khu giáo đường đang vào lễ tụng bùng náo nhiệt và đến khi chúng tôi chào nhau ra về, chúng tôi cũng không nói một lời nào thêm.

Tháng ba năm sau vào mùa Phục sinh, hôm nay là ngày lễ Lá, tôi tự động đến trước Nhà Thờ chờ em ra lễ. Không lâu, đoàn người từ trong Nhà Thờ đi ra mỗi người trân trọng với hai tay cầm một cành cọ. Em là người ra sau cùng, cành cọ trên tay, mắt đăm đăm nhìn lên khoảng trời xanh trước mặt, miệng còn đang lâm râm một đoạn kinh Thánh nào đó.

Tôi nhìn em với tất cả lòng ái mộ đối với một tâm hồn thánh thiện đang tìm đường về với Chúa. Tôi tránh không cho em thấy và tôi đã ra về mang theo hình ảnh của em với đôi mắt u huyền với nụ cười buồn và có thể với trái tim của Chúa trong em.

Ngày chiến tranh chấm dứt, hòa bình trở lại tất cả chúng tôi những thầy giáo cô giáo phải trải qua ít nhiều khó khăn. Trong số tất cả thầy giáo cô giáo đã cùng đi chung xe vào nông thôn ruộng rẫy để dạy học nay không còn ở nhiệm sở cũ. Kể chuyện đi trường này, người chuyển đi trường khác, Chúng tôi ít gặp nhau, thoảng đôi khi gặp nhau là chỉ để chúng tôi chia nhau từng trăm gam bột ngọt, một mảnh thịt vụn, một khúc cá thu... và chúng tôi, em và tôi chỉ nhìn nhau mà không nói điều gì, đôi khi em ban cho tôi một cái nhìn sâu thăm thẳm và đương nhiên với một nụ cười, vẫn nụ cười buồn muôn thuở.

Tôi nghỉ dạy sớm hơn em, em tiếp tục đến tuổi về hưu và vẫn ở chung với gia đình người anh, bạn tôi vốn đông con. Sức khỏe em càng ngày càng kém. Mỗi lần tôi gặp – ít khi lắm – là tôi thấy em gầy thêm, đi đứng khó khăn hơn và đôi mắt không còn u

huyền nữa mà đã mệt mỏi với thời gian cũng như nụ cười buồn giờ đã trở nên héo hắt.

Có một lần tôi gặp em đi xe đạp khá xa nhà với vẻ tiêu tụy rõ rệt. Tôi dừng xe lại hỏi, em cho biết là em đi mua thuốc. Bỗng nhiên tôi nắm lấy tay em, nhìn em mà tôi muốn khóc. Tay em lạnh ngắt và em cũng nắm tay tôi với bàn tay gầy guộc, khẳng khiu của một phụ nữ tuổi đã về chiều.

Thời gian không chờ ai, tôi nghe tin em bị tai biến. Tôi đến thăm em. Vốn là bạn thân với anh của em nên anh bảo tôi tự tiện vào thăm em. Em nằm trên giường bệnh, mặt thanh thản, thấy tôi đến thăm, em cố nở một nụ cười, một nụ cười theo tôi là một nụ cười vui nhất mà em ban cho tôi. Thăm em xong, tôi nắm tay em từ giã và chúc em: *Hãy can đảm, Chúa che chở cho em.*

Một lần khác tôi đến nhà không phải để thăm em mà để gặp anh của em thì thấy em cùng người em gái đi xem lễ về, dáng người khá khỏe mạnh. Tôi chúc mừng em. Em cảm ơn.

Thế rồi vào một ngày cách nay hai năm, trong khi tôi vắng nhà, giọng một người phụ nữ lớn tuổi báo với gia đình tôi qua điện thoại: *Xin báo với ông C., cô D. đã mất rồi!!!*

Tôi được tin này với một nỗi xúc động vô cùng. Hình ảnh một nữ sinh còn kẹp tóc đuôi gà cho đến khi là một cô giáo chung xe với mình đi dạy, có một lần đã mời mình dự lễ Giáng Sinh, đồng cam cộng khổ sau ngày đất nước hết chiến tranh, hai lần để cho mình nắm tay trong giây phút bình hoạn và nhất là còn đó trong tôi, đôi mắt u huyền và nụ cười buồn thăm thẳm..

Tôi đặt một vòng hoa tươi màu trắng, viết trên băng màu tím hai câu bằng chữ la-tinh: *Requiescat in pace. Vade in pace.* (Nguyện cầu cho Bằng an. Bằng an trong Chúa). Tôi đặt tràng hoa trước linh cữu em và nguyện cầu cho em về với cõi Chúa. Tôi nhìn di ảnh em và vẫn còn nhận ra gương mặt bình thản của một người cô nữ suốt đời chỉ biết ban phát cho người ánh mắt và nụ cười thánh thiện, nhân hậu, hiền hòa.

Em về với Chúa đã hai năm, tôi cố tìm hỏi trong số những người trong gia đình cô, tôi cũng tìm những người bạn của cô và cả của tôi để thử tìm hiểu người phụ nữ nào đã gọi báo tin chẳng lành cho tôi là ai. Nhưng đến nay người tôi muốn biết vẫn chưa được biết.

Năm nay trước ngày Giáng Sinh, tôi có viết một bản nhạc với tựa là “Tiếng chuông gọi buồn” và nhờ một ca sĩ vốn trong ca đoàn Nhà Thờ trình bày. Tôi đã đem đến tặng gia đình em. Ông anh của em nay cũng đã lớn tuổi, sau khi nghe bản nhạc ông đề lời cảm ơn tôi và bảo trong một cuộc họp gia đình đông đảo ông sẽ cho hát lại để mọi người cùng nghe.

Tôi xin chép lại lời ca trong bản nhạc để thay lời kết:

Tiếng chuông gọi buồn

Người đã đi rồi mà sao đâu đây vẫn còn vương vẩn một bóng hình.

Người đã đi rồi đôi mắt người xưa vẫn còn thăm thẳm trong tôi.

Người đã đi rồi vào một mùa đông một mùa đông lạnh căm gió rét.

Người đã đi rồi và đã mang theo mang theo bóng ngả hoàng hôn.

Giáng sinh năm xưa sương lạnh chiều đông nhớ em nhuộm buồn qua đôi mắt.

Giáng sinh năm này tiếng chuông giáo đường để em chấp cánh trên nẻo đường về

Lạy Chúa trên cao, cho con hãy ban cho con một ngôi sao, một ngôi sao hồng ân nhỏ bé để con dâng tặng người xưa.

Lạy Chúa trên cao, cho con hãy ban cho con một ngôi sao, một ngôi sao hồng ân nhỏ bé để con dâng tặng người xưa...

Vào những ngày lễ Giáng sinh sau, tôi thường nghe lại bản nhạc buồn trên đây và tôi vào Nhà Thờ đặt một bông hoa hồng trước lọ tro của một người cô nữ đã từng ban phát cho đời và cho tôi những nụ cười thánh thiện.

TÌNH BẠN HỌC DUYÊN HÀNG XÓM

Trưa hè, từ một gian nhà lá ba căn hai chái, nằm nép bên vườn dừa, nhìn ra cánh đồng nắng cháy, phát ra một giai điệu vang vang, trầm buồn, ngả ngón như có thể tắt lịm bất cứ lúc nào, nếu không có tiếng gà gáy trưa cầm canh, khơi động cho cảnh vật thêm phần khởi sắc: gia nhà, quốc nước, tiền trước, hậu sau, lục sáu, tam ba...

Chúng tôi năm trai một gái, suýt soát tuổi nhau, giữa năm, sáu, bảy. Trai gái đều mặc quần áo vải thô, màu vỏ măng cụt, nút áo bằng vỏ ốc trắng lại kết khuy chỉ đen, lưng quần bằng vải đen bỏ lòng thông, lủng lẳng, luôn đi chân trần. Có điều khác là chúng tôi, con trai, đầu chừa ba vá bánh bèo, vừa mát mẻ, vừa ấm mủi vì cái bánh bèo ngay mủi ác lớn nhứt có nhiều tóc nhứt. Còn học trò gái để tóc dài bỏ đằng sau ốt, lưa thưa, sắp sải, cọng dài cọng ngắn, kẹp lại bằng cái nẹp tre, dính dầu dừa lâu ngày đen lờm. Chúng tôi đến trường, tức là nhà thầy từ sáng sớm, mang theo một mo cơm vắt, một ít miếng cá khô bé tí teo, hoặc một ít cá kho mặn chát.

Chúng tôi ở lại trường, học cho đến ngọ mới ăn cơm, cơm xong ra vườn làm cỏ, trở vào trường học cho đến xế mới về nhà. Vậy đó, thời dụng biểu của chúng tôi là canh một, canh hai... gà gáy sáng, gáy trưa, mặt trời lên được hai tầm, đúng ngọ, xế chiều, chạng vạng, thu không... mà dường như tất cả chúng tôi đều đứng giờ đúng khắc, không đến đổi như bây giờ nào là đồng hồ tự động, điện tử, kỹ thuật số, đeo tay, bỏ túi, treo tường... vậy mà...

Những câu ngêu ngao khi nãy, là chúng tôi đang đọc chung bài học vỡ lòng “Tam Thiên Tự” khi vào học chữ Nho. Chúng tôi ngồi xếp bằng quanh một cái bàn thấp hình chữ nhật, còn gọi là quả đường, đặt trên một bộ ván ngựa khá rộng. Thầy tôi, ốm tong ốm teo trông già lắm, theo con mắt trẻ thơ của tôi,

mặc áo dài bằng lãnh đen, một cái đầu tóc nhỏ xíu gần như trên đỉnh đầu, mà người ta thường gọi là củ tỏi, một cặp mắt kiếng trắng gây mất một gọng, thay bằng một sợi kẽm càng tăng thêm phần khắc khổ cho thầy tôi.

Trong giờ lên lớp, thầy tôi ngồi ở đầu quả đường, gương mặt tiêu tụy, má hóp cùng với hàm râu trên hàm răng dưới thưa rỉnh, nếu thầy cho phép, tụi học trò chúng tôi có thể đếm chính xác số râu của thầy. Thầy tôi tựa lưng vào cái gối ôm lớn, hai đầu có kết vải xanh, vàng, trắng, đỏ... thành hình khối đa giác, lâu ngày không giặt - làm sao giặt được - nên nham nhúa màu thời gian.

Thầy ngồi ở đầu bàn, số học trò chỉ có năm, nên thầy kiểm soát rất chặt chẽ, chỉ trừ những lúc thầy mệt mỗi ngủ quên, ngẹo đầu trên chiếc trên chiếc gối ôm, những giấc ngủ trời cho. Khi vào bài học, thầy ra lệnh: “Gia nhà...” vừa xong là “ông roi mây” nhip xuống quả đường một cái “cốp” để bắt nhip cho một tiết đọc bài hay nói đúng hơn là một khúc hòa ca... không có đoạn kết: Gia nhà, quốc nước, tiền trước, hậu sau, lục sáu, tam ba... Chúng tôi đọc như một cái máy, không cần biết từ đó nghĩa là gì. Giọng ngân nga thét rồi thành đơn điệu, nhừa nhựa, nhuê nhoài, nhạt nhòa...

Cứ thế, giữa trời trưa hè bật gió, nơi một cánh đồng chứa chan ánh nắng, một góc vườn tịch mịch không xao động... âm thanh của chúng tôi phát ra ru ngủ mọi vật từ động vật đến thực vật. Thật vậy, con Mướp nằm lim dim bên xó bếp, nghĩ rằng lũ chuột chắc cũng đang ngủ trong hang, con Đom cũng khoanh tròn, mắt nhắm hít, kể cả mấy cây cau trước nhà cũng không phe phẩy tàu lá.

Còn chúng tôi cũng đang trong tình trạng thiêm thiếp. Tiếng ê a của chúng tôi phát ra có lẽ do từ tiềm thức mà thôi, kể cả cái ngả đầu qua ngả đầu lại của chúng tôi cũng hẳn là do quán tính. Thầy lúc bấy giờ cũng trong trạng thái đó chẳng, nên không

còn ôm gối nữa mà thầy ngã đầu vào gối, mắt nhắm, ngủ một giấc ngủ ngon lành.

Tiếng ngáy của thầy làm cho bộ râu ít ỏi của thầy nhip lên nhip xuống, và ít ra nhờ vậy mà cái trường học nhỏ bé của chúng tôi còn phần nào sinh khí.

Thầy tôi, một nhà nho lỡ vận, từ đâu ngoài Trung, ngoài Bắc vào cái đất xó xỉnh này lập nghiệp. Thật ra những bậc sĩ phu tiên phong này, sau khi đỗ đạt ở các khoa thi Hương, hoặc lận đận trong các khoa thi Hội nên một mình một thân vào Nam sinh sống. Thầy tôi đến với chúng tôi chỉ mang theo mình một bộ áo the, một cây dù, một cây bút lông, một nghiên mực và một pho kinh sử trong... óc, cùng một tấm lòng đôn hậu trong... tim. Nơi đây, với cái vốn trí thức, các bậc tiền hiền này thường làm những nghề nghiệp như thầy thuốc, thầy địa lý, thầy dạy học...

Thầy tôi vốn là bạn kết nghĩa với ông tôi từ khi hai người gặp nhau, đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu. Không biết cơ duyên nào, đưa bước chân giang hồ thầy tôi đến an cư rồi cưới vợ, lạc nghiệp rồi có con, có cháu... Ngoài nghề làm thầy thuốc, còn xem địa lý nhưng nay đã già thầy tôi chỉ còn dạy chữ Thánh hiền cho con cháu trong làng.

Trường của thầy tôi, thật sự cũng chính là ngôi nhà ba gian hai chái bắt vần mà thầy tôi đang ở, có lẽ được xây cất từ xa xưa lắm rồi. Ngôi nhà của thầy tôi lợp lá chằm đóp, khá đẹp đẽ, xinh xắn, nhất là mát mẻ. Thầy tôi dạy hết khóa này đến khóa khác, học trò chỉ từ năm đến mười, không có niên khóa, không có chương trình, không có dụng cụ. Thời khóa biểu do thầy tôi ban hành bằng miệng. Vậy mà trường lớp kỷ cương, giáo trình sát sao nhứt là kỷ luật nghiêm minh, giữ vững lề xưa nếp cũ: Quân, Sư, Phụ.

Mỗi lần học trò phạm lỗi, không biết cơ man nào là lỗi như ngủ gục, chào thầy quên chấp tay, nấu nước chưa sôi đã châm, quạt thầy không đủ mát, lỡ nói một lời mà trong sách vở

không cho phép... là bị phạt. Hình phạt thì đa dạng, từ quỳ gối nhìn vào vách hàng canh giờ, quét sân quét vườn cho đến khi nào không còn cọng rác, xách nước từ ao đổ cho đầy mấy cái mái vú, đến khẻ tay hoặc thông thường là nằm dài xuống đưa đít cho Thầy đánh từ ba, bốn, năm... roi tùy theo lỗi mà thầy cho là nặng, nhẹ. Cho nên khi chúng tôi linh cảm là hôm nay có thể ăn đòn, thì thủ trước một miếng mo cau lót đít. Thầy vẫn biết điều này, tuy nhiên thầy giả bộ làm ngơ. Chúng tôi cũng biết như vậy, vì nhìn đôi mắt của thầy qua mấy mươi năm dạy học, làm sao thầy không biết lũ học trò ranh mãnh, nhưng... giờ cao đánh khẻ. Tình thầy trò Việt Nam mà, muôn đời vẫn vậy.

Trong số các môn sinh của thầy có một nữ sinh, một học trò gái duy nhất, tên Thu Cúc cũng là cháu nội của thầy. Thu Cúc hiền hậu, thuần lương, nét na, chăm chỉ... con chim đầu đàn của trường. Đường như Thu Cúc là trợ lý của thầy cũng nên. Chả thế mà mỗi lần thầy ra lệnh xong, là Thu Cúc cất giọng đầu tiên cho chúng tôi bắt nhịp. Chẳng hạn, thầy ra lệnh: “Quyển Một, Chương Hai, Tam Tự Kinh” là lập tức Thu Cúc cất tiếng: Nhon chi sơ... là chúng tôi đọc to lên: “Nhon chi sơ, tánh bổn thiện, tập tương viễn, tánh tương cần...” Và khi chấm dứt thiên nào thì Thu Cúc chậm lại, giống như trong một bản trường ca đến trường canh chót vậy. Chúng tôi nhất nhất hợp xướng, Thu Cúc trong vai thủ xướng.

Trong vai học trò, Thu Cúc là chim đầu đàn, trong vai giảng dạy Thu Cúc là trợ lý, còn trong gia đình Thu Cúc là cháu nội của thầy. Nhưng không vì vậy mà Thu Cúc không chịu hình phạt theo trường qui. Lẽ tức nhiên là Thu Cúc ít bị phạt hơn, vì là một học trò gương mẫu trong mọi lãnh vực, tuy vậy cũng không phải là không bao giờ.

Vốn là, khi chúng tôi khởi đầu tập viết, không được viết thẳng trên giấy bạch hay giấy bưởi mà phải viết trên lá chuối phơi khô, ép lại, tro màu vàng sậm, cũng không phải bằng mực tàu, mà bằng nước của gạch mài ra giống như màu son hay chu vậy. Một

hôm đến giờ tập viết, thầy bảo Thu Cúc phát những giấy lá chuối cho học trò. Thu Cúc có phận sự róc lá chuối, phơi khô để phát cho chúng tôi. Nhưng lần này số giấy lá chuối không đủ số cho học trò. Thế là phạm trường qui. Thầy bảo Thu Cúc cúi xuống và phạt Thu Cúc ba roi, về hai tội, một là phạm kỷ luật trường qui, hai là không tuân hành gia qui.

Nhìn người bạn đồng môn gái mà chúng tôi quý mến, nhận ba roi không nường tay của thầy, mà cũng là ông nội, chúng tôi bàng hoàng thương cảm, lại trộm nghĩ, mà Thu Cúc lót mo cau vào đít thì đỡ biết bao. Thu Cúc đứng lên, khoanh tay cuối đầu thưa: *Cám ơn thầy đã dạy con*. Một cảm xúc bùi ngùi, mà mãi tới giờ này viết lại những dòng này, lòng tôi còn bồi hồi cảm kích và hãnh diện cho một nền giáo dục lên đến tuyệt đỉnh như vậy.

Tôi có ngờ đâu, những nét chữ nguệch ngoạc thô thiển bằng màu gạch nước, trên những tấm lá chuối xác xơ đó, cùng những bài đọc thuộc lòng u ơ tưởng chừng như vô thức đó, đã dẫn đưa chúng tôi trở thành những con người, suốt đời lấy tấm gương Minh Tâm soi rọi cho một cuộc sống thanh cao.

Chúng tôi đã học qua Tam Tự Kinh, giờ đây chúng tôi đã bắt đầu nghe “nghĩa.” trong Minh Tâm Bửu Giám. Thầy luôn khởi đầu bằng “Tứ viết.” Những câu sau đây chẳng những khắc sâu vào trong trí óc chúng tôi, mà còn ghi đậm trong trái tim chúng tôi: *Vi thiện giả, thiên báo chi dĩ phước. Vi bất thiện giả, thiên báo chi dĩ họa*. Nghĩa là: Làm việc phải, Trời cho gặp phước. Không làm việc phải, Trời cho gặp họa, Từ ngàn xưa, Thánh hiền đã để lại khuôn vàng thước ngọc cho hậu thế noi theo, xoay quanh Chân - Thiện - Mỹ.

Thu Cúc giờ đây đã là một cô gái đẹp, cái đẹp đoan trang, thùy mị, cái đẹp của đồng lúa, vườn tược, trong gia đình là một người con hiền thực, trong trường là một môn sinh gương mẫu. Chúng tôi ở trường được phân công rạch ròi. Sáng sớm đến trường, trò nào quét sân, trò nào thu dọn trường học, trò nào quạt lửa nấu nước, pha trà. Riêng tôi có lẽ được Thầy yêu hơn, nên

được giao trách nhiệm lau chùi bộ văn phòng tứ bảo gồm có giấy, bút, mực, và nghiên mực.

Thu Cúc không được giao công việc nào, nhưng hình như trong bất cứ công việc nào cũng có mặt Thu Cúc. Tiếng là anh Đinh phụ trách công việc quét dọn trường lớp, nhưng Thu Cúc đã làm việc đó từ sáng sớm. Cũng như anh khác lo việc nấu nước pha trà, thực sự lửa củi đã có sẵn, bình tách đã rửa xong.

Phản sắp xếp bộ văn phòng tứ bảo, nghe qua là nhẹ nhàng nhưng là công việc khá tế nhị mà Thầy quan tâm nhứt. Tôi loay hoay mãi mới để được tập sách của Thầy cho đúng chỗ, góc bàn bên mặt, khoảng cách giữa mép bàn và bìa sách phải một lòng tay. Xấp giấy bạch để Thầy viết, được vuốt thẳng nếp, đặt bên góc trái của bàn, ngang tầm với tập sách, một thanh tre lóng bóng dần lên trên. Nghiên mực lau chùi xong cho vào một ít nước, cầm thổi mực lên mài sao cho vừa đủ sánh để viết. Tuy nhiên độ đậm đặc thì chính Thu Cúc cố vấn cho tôi. Xong việc, tôi đứng ra xa nhìn thành quả của mình có đúng chuẩn mực chưa, lau lại một lần nữa mặt bàn đã sạch bóng. Vậy mà vẫn còn một động tác cuối cùng, là đặt “ông roi mây” vào đúng chỗ. Nắm lấy cây roi mây lạnh lạnh, tôi kính cẩn và trịnh trọng đặt nhẹ bên tập sách, không gây nên một tiếng vang nhỏ nào. Đặt xong, tôi đi thụt lùi mắt vẫn còn nhìn lại, sao thấy “ổng” lạnh lùng và vô cảm đến như vậy.

Thầy ra trường, leo lên bộ ván, ngồi trước quả đường, chúng tôi đứng xếp hàng ngang chắp tay cúi đầu chào Thầy bằng câu:

- *Chúng con xin vưng lời Thầy.*

Thầy nhìn chúng tôi có vẻ hài lòng bảo:

- *Vào trường.*

Ngày xưa trẻ con chỉ có hai chữ “vưng lời” thầy là mọi việc sẽ đi đúng hướng cho một đời hữu ích về sau. Chỉ có vậy.

Giọng Thầy tôi đã khàn vì tuổi già, nhưng mắt thầy tôi vẫn còn sáng rực một niềm tin tưởng, một niềm hy vọng vào chúng tôi, đề lưu truyền chữ nghĩa hay ít ra là ý tưởng thánh hiền mà chúng tôi đã thọ giáo.

Cuối năm đó, sức khỏe không cho phép thầy mỗi sáng lên lớp, tựa lưng vào gối ôm để giảng dạy cho chúng tôi nữa. Cái Tết thầy năm nay cũng là cái Tết thầy cuối cùng của chúng tôi, mà cũng là cái Tết Thầy dạy chữ Nho cuối cùng tại làng tôi. Một thúng nếp, một con gà mang đến nhà thầy, chúng tôi chấp tay trước ngực đứng nghe những lời giảng dạy cuối cùng của thầy, với một niềm kính yêu sâu đậm. Công thầy là ơn khó trả. Tình thầy là nghĩa không quên. Từ đây, trong làng tôi, không còn vang vang lên những âm thanh đọc bài bổng trầm của lũ trẻ ba vá miêng vừa, với tiếng gà gáy trưa trong các bụi tre bên bờ ruộng nữa.

Bạn tôi và tôi phân tán ra đi học ở các trường dạy Quốc ngữ trong làng, rồi lên tỉnh học ở bậc Trung học. Trong khi đó, Thu Cúc chỉ học hết Sơ đẳng tiểu học ở làng, rồi nghỉ học ở nhà phụ cha mẹ với công việc ruộng vườn đồng áng, dệt vải trồng bông... Gái thì giữ việc trong nhà, khi vào canh củi khi ra thêu thùa... Thầy của chúng tôi cũng đã qua đời.

Phần tôi, học xong khoa Sư phạm, được bổ đi dạy tại một trường Tiểu học thuộc một tỉnh khá xa với tỉnh nhà. Một hôm về quê thăm nhà, ba má tôi bảo là trước đây, ông nội tôi và ông nội Thu Cúc vốn là bằng hữu thâm giao, đã có hẹn ước gá nghĩa vợ chồng cho tôi và Thu Cúc. Vâng lời ông nội nên ba mẹ tôi đã có cuộc trao đổi với ba má Thu Cúc, và đã chọn ngày tôi đi coi vợ. Thế là tôi phải xin phép trường để về quê theo ba má đi coi vợ.

Trước khi được phép đến nhà gái, gia đình chúng tôi được thông báo là tôi không được mặc đồ tây, có nghĩa là phải mặc áo dài khăn đóng. Giờ vào nhà gái cũng được ấn định là giờ Thìn giờ Dậu gì đó, may là có nói khi mặt trời lên cỡ hai tám. Chúng tôi gồm ba người, ba má tôi và tôi, khăn gói lên đường, với trà rượu

bánh trái thơm tất, không quên xem đi xét lại y phục của mình có làm vui lòng bên kia chưa.

Đến nơi chúng tôi phải đợi ngoài cổng khá lâu mới được ba má Thu Cúc áo dài khăn đóng chỉnh tề ra rước chúng tôi. Phân ngôi chủ khách ở bàn giữa, còn tôi được lệnh đứng dựa góc cột cạnh bàn thờ. Bất chợt, tôi nhìn lên di ảnh thầy tôi, một thoáng xúc cảm đến với tôi, vui mừng có, e thẹn có... nhưng khi trông thấy “ông roi mây” vẫn còn dựng trên bàn thờ cùng bộ văn phòng tứ bảo, tôi mỉm cười tự bảo chắc là thầy phật mình dựa cột đây!

Trong khi chủ khách nói chuyện, tôi mệt mỏi nghĩ thầm mình là vai trò chánh hôm nay, mà không ai thèm ngó ngang gì đến mình. Tôi mãi lo ra, thậm chí không còn biết mình đang ở đâu, đang làm gì, nghĩ bụng mình là khách mà cũng không được mời một tách nước. Bỗng má Thu Cúc đứng lên đi vào nhà trong, trở ra theo sau là Thu Cúc, người bạn học chữ Nho năm xưa của tôi, cháu nội của thầy tôi, giờ này là một cô gái xinh đẹp, nhẹ nhàng, uyển chuyển. Thu Cúc mặc một cái áo dài màu tím hoa cà, một cái quần bạc soạn trắng màu hạt trai, mang đôi dép dừa. Nhìn kỹ hơn, thấy cô đeo một cây kiềng cổ vàng, một đôi bông mù u, tóc được bới cao lên có thả bánh lái, thơm mùi dầu dừa. Thu Cúc khá tự nhiên, đến chào ba má tôi, rót nước mời ba má tôi, rồi lại chào lần nữa trước khi trở vào nhà trong.

Nếu không để ý lắm, có thể nói là Thu Cúc không thèm đếm xỉa gì đến tôi, nhưng tôi thoáng thấy khi cúi đầu chào ba má tôi, cô đã dành cho tôi một cái nhìn ấm áp. Tôi thấy lòng mình rộn lên một niềm vui, cho bỏ công từ sáng đến giờ bị bỏ rơi. Tôi còn đương đưa mắt theo dõi Thu Cúc, thì ba tôi bảo tôi đến thưa hai bác đề cáo từ. Ba lại còn dặn y hệt như đối với một đứa trẻ:

- *Bỏ dép ra.*

Thế là tôi lại học thêm ở đây một bài học không phải Tam Tục Kinh mà là đường xưa lối cũ.

Sau đó, hai lễ nhỏ ba lễ lớn, bỏ trâu cau, vắn danh... gia đình tôi mới được tổ chức lễ hỏi chính thức nhìn nhận Thu Cúc là dâu nhà tôi và tôi là rể của gia đình thầy tôi. Nhiều khê lăm, cuối cùng chúng tôi nhận được một tấm giấy hồng đơn bên đằng gái, thỏa hiệp ngày giờ rước dâu: Ngày rước dâu là ngày Quý Mão, tháng Mậu Dần, năm Đinh Hợi, giờ Ty. Tôi lại phải xin phép nghỉ một tuần lễ để làm đám cưới. Thời gian dài như vậy theo ba tôi là để tôi tập cách làm rể cho phải phép vì bên ấy là gia đình lễ nghĩa.

Rồi giờ H cũng đến. Đoàn rước dâu khá đông, ba má tôi, ông mai, một nhân vật quan trọng trong bất cứ lễ cưới nào của Việt Nam, phải là một người có danh phận, đạo đức, giỏi ăn nói, am hiểu lễ lối tập tục..., còn có các vị thân bằng quyến thuộc của gia đình, một số nam, nữ thanh niên cho buổi lễ thêm phần xuân sắc. Ngoài ra còn có một nhân vật cũng rất quan trọng và nổi bật là chú rể phụ. Tiếng là phụ, song những chú rể phụ rất sáng giá đối với các cô đưa dâu và nhứt là các cô dâu phụ bên đằng gái. Tôi chọn chú rể phụ này là anh Lành vì nhiều lý do, anh là bạn học chữ Nho với thầy tôi, nhà anh cùng làng với nhà tôi, anh cùng học sư phạm và cùng làm thầy giáo như tôi, và nhứt là anh rất hiền.

Chúng tôi khởi hành rất sớm. Con đường quá quen thuộc với tôi từ bụi cây, đám cỏ, đụn đất gò cao mà tôi đã sáng đi chiều về, gợi lại trong tôi biết bao nhiêu kỷ niệm thời thơ ấu. Trên đường đi rước dâu mà hình ảnh cô dâu không có trong tôi, mà chỉ có hình ảnh thầy tôi với dáng vóc gầy gò vì tuổi đời, tiêu tụy vì miếng ăn tấm áo.

Thùng thình trong cái áo rộng dày cui, cái quần trắng dài lệt bệt, tôi lê bước chân đã rất bóng vì đôi giày mới mua, trông cho mau đến nơi. Ông mai đi bên cạnh tôi lăm bằm... ngày... tháng... giờ Ty... giờ Ty... rồi ông lại lăm bằm giờ Ty là mấy giờ? Rồi làm như sành sỏi lăm, ông co tay lên bấm Tý, Sửu, Dần, Mão... À, giờ Ty chắc là... tám giờ sáng, tám giờ sáng... giờ kiết

mà. Sau gần một tiếng đồng hồ, nhà thầy tôi đã lú dạng ở sau rặng cây. Ông mai sợ trễ nên hối thúc đoàn người nhanh chân.

Đến nơi, ông mai ra lệnh:

- *Dừng lại, chỉnh đốn quần áo, sắp sửa lại lễ vật. Trầu rượu nhang đèn xong chưa...*

Tất cả rầm rập vung lệnh. Ông chạy đến chú rể phụ nói nhỏ điều gì đó coi bộ khẩn trương lắm. Đến bên tôi, ngấm lại bộ áo thùng thình của tôi, nói:

- *Tới rồi nghen. Đàng hoàng nghen.*

Đội ngũ chỉnh tề xong. Ông nhìn lên mặt trời rồi lại ra lệnh:

- *Bà con đợi tôi vào xin phép nhập gia rồi vô. Nghe chưa?*

Ông dẫn chú rể phụ mang theo khay trầu rượu tiến về phía cổng nhà thầy tôi. Ông mai đến cổng thấy vẫn còn khóa, nhóng cổ nhìn vô nhà, con chó mực sủa vang. Ông tăng hắng. Không ai ra. Ông lớn tiếng gọi. Không ai trả lời. Ông kéo cánh cửa cổng nghe lộp cộp làm cho con chó mực gầm gừ hơn. Mất kiên nhẫn, ông mai lớn tiếng gọi ới ới, trong nhà có người đi ra nói gì đó khiến ông tiu nghỉu trở ra, về mặt bí xị nói:

- *Ờ trông người ta nói chưa tới giờ nhập gia.*

Có người hỏi:

- *Chừng nào?*

Ông trả lời xuôi cò:

- *Ai biết !*

Thế là đoàn rước dâu chúng tôi lại phải chờ và chờ... chờ cái giờ Ty tốt lành này đây. Nắng lên, mọi người không còn giữ được nữa, ngồi bệt xuống hai bên lề đường. Các cô gái cũng không còn kiêu cách nữa, tìm mấy gốc cây dựa lưng, phần son loang lổ. Chú rể phụ, từ sáng lác quan bao nhiêu, bây giờ lại uể

oải, tìm nơi để khay trầu rượu xuống rồi bỏ đi vô một lùm cây. Ông mai lóng ngóng nhìn vào cổng nhà hàng gái, xem coi có dấu hiệu nào cho biết giờ Ty đã tới chưa. Trời bỗng nhiên râm mát. Mọi người thở dài nhẹ nhõm, giờ Ty chưa tới cũng được, miễn là trời mát là được rồi. Ông mai chạy tới chạy lui động viên:

- Giờ khắc quan trọng lắm, vợ chồng ăn ở với nhau có thuận hòa hay không, có con đàn cháu đống hay không là do giờ tốt... vậy chờ một chút có sao đâu...

Mọi người lại an tâm, nhứt là tôi, vì tôi là người trực tiếp chịu ảnh hưởng mà. Tuy nhiên, nỗi mừng chưa trọn thì mưa đã lất rắt rơi. Gió nổi lên. Bầu trời xám xịt. Tiếng mưa càng dồn dập. Ông mai chạy lại cổng nhìn vào nhà, con chó mực lại gầm gừ mà vẫn không có ai ra mời vô. Giờ Ty vẫn chưa đến. Cái giờ tốt lành này còn xa, còn mưa thì đã gần, càng ngày càng lớn. Những cây dù che nắng giờ này được giương lên để chống chọi với những hột mưa càng ngày càng nặng. Cánh cổng nhà cô dâu vẫn im ỉm.

Thế là cả đoàn rước dâu theo bản năng, đã tự động chạy vào một ngôi nhà gần đó để đợi mưa. Tôi cũng không lạ gì đối với ngôi nhà này. Chủ nhân của ngôi nhà cũng là một chức sắc trong làng, cùng trạc tuổi với ba tôi, lẽ tức nhiên là hàng xóm của ba má Thu Cúc. Những người khách không mời mà vô, lúc đầu còn e dè, nên chen chúc ở hàng ba, hai bên chái. Chủ nhân từ trong nhà bước ra niềm nở mời vô nhà. Ông mai ngại sự kiêng cử gì chẳng nên tỏ lời chối từ, nhưng chủ nhân cởi mở:

- Mời tất cả quý ông quý bà vào trong, cho khô ráo rồi uống nước, chờ đến giờ rồi mình nhập gia. Có sao đâu.

Thế là chúng tôi vào trong nhà. Vô tình ba má tôi ngồi ở bàn giữa cùng các vị cao tuổi, bên kia là hai ông bà chủ nhà tốt bụng. Các cô các cậu vui vẻ chiếm lĩnh hai bộ ván hai bên. Chú rể phụ và chú rể chánh vẫn đứng dựa cột, trên tay người này khay trầu rượu, trên tay người kia một bó hoa. Thoạt nhìn thì quả đây

là một lễ rước dâu chứ không phải là cảnh đút mưa. Bà chủ nhà giống tiếng vào trong:

- Phụng ơi, đem nước ra con.

Từ trong nhà sau, Phụng đi ra, tay bưng một mâm bình trà, tách uống nước, cúi đầu chào chung mọi người, nhưng với riêng tôi, cô nheo mắt một cách ranh mãnh, thầm nói với tôi một điều gì mà tôi nghĩ là cô cố ý chọc ghẹo tôi. Sau khi đãi nước ở bàn chánh, cô bưng lại hai tách nước đến bên tôi và chú rể phụ:

- Mời chú rể chánh và chú rể phụ uống nước, rồi đi rước dâu kéo lờ hội.

Cô Phụng vốn là bạn học sư phạm với chúng tôi, cùng ra dạy nhưng được về tỉnh nhà vì là nữ. Cô dạn dĩ, vui vẻ, cởi mở nên được mọi người yêu mến. Trong lúc đó, ba má tôi nói chuyện gì đó với ba má Phụng coi có vẻ tâm đắc lắm. Mưa dần dứt hột, trong khi đoàn người chúng tôi ẩm áp trở lại, trong bầu không khí vui vẻ của gia đình hiếu khách này. Trái lại với lúc mới đến, giờ đây mọi người lại ngại một việc có vẻ trái ngang, là phải ra ngoài để nhập gia. Ai cũng nghĩ với bộ vận như vậy, quần áo ướt sũng, giày guốc bùn sinh, đường lộ lầy lội, mọi người cũng đã ngao ngán cái cảnh đợi chờ bất tận. Cho nên khi có một đại diện bên đảng gái đến, xin phép ông chủ nhà cho vào gặp ba má tôi, để báo tin giờ Ty đã đến, có thể tiến hành lễ nhập gia. Ba tôi đứng lên từ tốn thưa lại:

- Xin nhờ về trình với anh chị tôi, là tôi xin phép hoãn lại cuộc rước dâu hôm nay, và xin được thảo luận sau để định ngày trở lại. Vì như ông thấy, tình cảnh chúng tôi như vậy mà tiến hành lễ, xem ra bất kính quá.

Thế là lễ rước dâu của tôi không thành. Đoàn người trên đường về xem ra còn vui vẻ hơn khi đi. Ông mai cụt hứng vì không có cơ hội để trở tài ăn nói, miệng vẫn lẩm bẩm giờ Ty, giờ Ty... Ba má tôi cũng không nói gì, nhưng dường như hai ông bà cũng không buồn vì đón dâu hụt. Các cô, các cậu đi rước dâu, cứ

theo chọc ghẹo chú rể phụ và tôi. Trong bộ dáng của tôi trên đường về, áo dài thụng ướn sưng nặng chình chịch, chiếc khăn đóng lột ra cặp nách, đôi giày hàm ếch rách trong tay, ống quần be bét bùn đất, thật tội nghiệp làm sao!

Dù vậy tôi tỉnh bơ, không hụt hẫng, không thất vọng, vì từ lúc tôi cắp dù đi coi vợ cũng do ba má tôi bảo, lúc đi làm lễ mấy lượt cũng do ba má tôi bảo, rồi khăn đóng áo dài đi rước dâu cũng là do ba má bảo..., tôi có làm chủ tôi đâu? Đặt đâu ngồi đó mà. Hơn nữa thầy tôi đã từng ngâm nga: “*Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung. Phụ xử tử vong, tử bất vong bất hiếu.*” Cái câu trước, tôi không để ý lắm, vì vua chúa tôi ở đâu tôi không biết mà ông cũng không biết tôi. Còn câu sau thì gay lắm. Cha ở sát bên mình thì ông xử thế nào mình phải chịu thế ấy. Hơn nữa ông có xử gì nặng cho cam: Đi cưới vợ, sướng lắm rồi. Cho nên cha mẹ bảo sao tôi làm vậy mà. Biết đâu, rồi đây tôi còn vung lệnh ba má tôi làm điều gì nữa đây? Cung kính bất vi phụng mạng. Lại nhớ đến thầy tôi rồi.

Tôi hết phép, lại trở về nhiệm sở dạy học, có điều các bạn đồng nghiệp được tôi mời về ăn tiệc cưới, mà không có cô dâu nên khoái chí, lan truyền thành một vấn đề thời sự nóng bỏng.

Một năm sau, cũng một đoàn rước dâu, cũng ba má tôi, cũng ông mai chuyên nghiệp đó, cũng thân bằng quyến thuộc đó, cũng các cô cậu thanh niên đó, cũng chú rể đó lên đường... chỉ có thay đổi một người, người đó là chú rể phụ, anh Lành, vì anh bạn không thể giúp tôi được. Con đường vẫn là con đường cũ, khoảng cách giữa họ đàn trai và đàn gái cũng không thay đổi. Chỉ có khác là nhà cô dâu bây giờ không phải là nhà của Thu Cúc mà là nhà của cô dâu khác, cô dâu Minh Phụng.

Số là, ba má tôi cảm cảnh gia đình của Phụng, nhứt là biết Phụng cũng là bạn học và là đồng nghiệp của tôi, nên đã trầu rượu đến nhà ba má Thu Cúc để tạ lỗi từ hôn. Sau đó ba má tôi lại xin làm sui với ba má Minh Phụng. Lần này ông mai không phải

tồn nhiều công sức, mà lễ rước dâu vẫn được tiến hành đúng theo thông tục, gọn gàng nhanh chóng, với sự hài lòng của mọi người.

Trên đường về đi bên cô dâu, lòng tôi nao nao một nỗi buồn, một ray rút xâm chiếm tâm hồn tôi. Tôi nhớ đến Thu Cúc từng giai đoạn khi còn nhỏ. Lúc quây quần đọc bài, sắp xếp lại bộ văn phòng tứ bảo cho thầy, lúc cùng quét sân đun nước, lúc tôi được thầy khuyên “đỗ” nhiều, Thu Cúc đã nhìn tôi có vẻ triu mến, lúc Thu Cúc chịu đòn đau mà không hề khóc, ngày tôi đi coi mắt Thu Cúc, Thu Cúc đã giả vờ cúi xuống để được nhìn tôi, và tôi mừng tượng Thu Cúc đã buồn biết bao nhiêu, khi lễ rước dâu năm ngoái bất thành, và hôm nay... hôm nay trong khi tôi làm lễ trước từ đường của gia đình Minh Phụng, Thu Cúc đã nghĩ gì...?

Và tôi cũng nhớ đến thầy tôi, một nhà Nho lỗ vận, mưu cầu đem chữ thánh hiền lưu truyền lại cho đàn con cháu. Nhớ tới thầy, khi học trò nộp bài viết với tuồng chữ đúng bộ, đúng nét, sỗ đứng, gạch ngang cứng cỏi, thầy vỗ đầu khen, bảo là sẽ có chí khí. Nhớ tới thầy, khi thầy đánh đòn, vẫn biết học trò chơi khăm lót dít mo cau, mà vẫn giả dò như không biết. Nhớ tới thầy đã cùng ông nội tôi, giao ước để đính hôn cho tôi cùng Thu Cúc...

Thế mà tôi đã phản thầy, không giữ tín nghĩa. Tôi lại nhớ thầy, mỗi lần học trò hư, thầy lại giành lấy trách nhiệm: “Giáo bất nghiêm, sư chi tội”. Đó là thầy cao thượng tự trách mình, nhưng riêng con thì không phải vậy, vì con là một đứa học trò bất nghi, hư thân mất nét, không noi gương thầy sống cuộc đời “*an bản lạc đạo*”. Nhớ đến Thu Cúc, tôi chỉ thương cảm, nhớ đến thầy tôi không cầm được nước mắt lã chã. Tôi nói với tôi: *Thầy ơi, nhất định con sẽ chuộc tội con trước thầy.*

Năm tháng qua, hai mươi năm sau, cũng một lễ rước dâu, cũng xuất phát từ nhà tôi, cũng trên con đường mà tôi đã hai lần đi rước dâu. Có điều là lần này chú rể không phải là tôi, mà là con trai đầu lòng của tôi. Còn tôi và vợ tôi đã lên hàng thông gia. Trên đường đi đến họ hàng gái, tôi chợt nhớ lại lần rước dâu bất thành với Thu Cúc, tôi không cảm thấy buồn mà trái lại tôi vui vẻ hơn

bao giờ hết. Tôi mong sao nhanh chóng đến nhà đàn gái để đón cô dâu, cô con dâu của tôi, có lẽ tôi còn nôn nóng hơn thằng con trai của tôi. Vợ tôi biết ý tôi nên nhìn tôi mỉm cười.

Vậy là ngôi nhà của sui gia tôi đây, mà cũng là nhà của thầy tôi trước đây, tức là ngôi nhà của Thu Cúc hay nói cho đúng hơn là ngôi nhà của vợ chồng thầy giáo Lành, chủ rể phụ huyệt của tôi năm xưa. Cũng công cũ nhưng được mở toang tự lúc nào. Chúng tôi vào nhà. Được phân ngôi chủ khách nơi bàn giữa, bên đây là vợ chồng chúng tôi, bên kia là vợ chồng sui gia gái, tức là thầy giáo Lành và cô Thu Cúc. Ông mai định mở lời để tiến hành nghi thức, tôi xin thông gia cho phép tôi làm lễ thầy tôi trước.

Tôi đứng lên cầm khay trầu rượu, đến bàn thờ thầy tôi, đốt ba nén hương, rót ba chung rượu, chấp tay xá thầy và thưa rằng:

- Thưa thầy, thằng học trò bất nghì này, hôm nay đến chuộc tội với thầy đây. Xin thầy lấy lượng khoan dung mà tha tội bất tín, bất nghĩa cho nó. Mặc dầu thầy đã từng giảng cho con nghe: Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ. Vô duyên đối diện bất tương phùng. Tuy vậy, trong bất cứ trường hợp nào ở đây, con cũng là người có tội với thầy. Hôm nay con đem đưa con trưởng của con về nhà thầy, để nó được diễm phúc gọi thầy là ông cố và để gọi Thu Cúc là má, có như thế con mới chuộc được tội của con. Được vậy lòng con sẽ nhẹ nhàng hơn. Xin thầy nhận ba lạy của con.

Tôi lễ thầy xong, trở lại bàn ngồi. Vợ chồng giáo Lành nói:

- Thôi lễ ra mắt ông bà của anh như vậy đã đủ rồi. Chỉ cần thằng Trung Nghĩa và con Hiếu Thuận lạy ra mắt ông cố là xong. Chúng ta dự tiệc.

Tôi vui quá nên có lỡ lời, mà sao không ai bắt lỗi cả:

- Ý, thằng Trung Nghĩa và con Hiếu Thuận còn phải lạy ra mắt hai ba, hai má nữa chứ.

Chiều lại về nhà, vợ tôi thấy tôi vui vẻ, nói cười luôn miệng:

- Sao mà ông vui dữ vậy?

Tôi nói:

- Đám cưới mà.

Bà lại nói tiếp:

- Đám cưới của con chó bộ của ông sao?

Chỗ này, tôi hết cãi nên làm thinh. Vợ tôi mon men lại gần nói tiếp:

- Gặp chị Thu Cúc coi bộ mừng quá hén?

Tôi mắc cỡ nhìn chỗ khác. Thật sự, tôi vui không vì tôi gặp lại Thu Cúc, mà tôi vui vì tôi đã nói được với thầy tôi lời tạ lỗi tưởng chừng như không bao giờ có, nếu trời không giúp tôi.

Bất giác, tôi lầm bầm trong miệng: *Gia nhà, quốc nước, tiền trước, hậu sau, lục sáu, tam ba...*

TÌNH ĐẦU LỖ BƯỚC

Sau khi tốt nghiệp sư phạm, tôi được bổ nhiệm về một trường ở đồng bằng sông Cửu Long. Nơi đây là vùng đất đai trù phú, cây lành trái ngọt, gạo trắng nước trong. Lẽ tức nhiên, với điều kiện môi trường như vậy con người ở đây cũng tươi tắn, xinh đẹp rạng rỡ. Tôi nói con người ở đây xin hiểu cho là phái nữ vì khi ôm được mảnh bằng sư phạm rồi, thầy giáo trẻ nào cũng hy vọng được về một địa phương có những bông hồng, những cô thôn nữ duyên dáng, mặn mòi thơm mùi lúa chín, nước da mơn mớn màu hoa sứ hoa lài.

Chả thế mà mấy thằng bạn của tôi tỏ ra ganh tị với tôi. Có cậu bị bỏ lên Đồng Tháp để vừa dạy học vừa đập muỗi, đàn ông còn ít gặp có đâu người đẹp! Có cậu xuống tận Bạc Liêu quanh năm ăn cơm với cá kèo, cá chốt... đến khi đi thăm phụ huynh gặp toàn là mấy cô Minh Hương nói tiếng Tiều rành hơn tiếng Việt. Có cậu lại trôi nổi xuống tận Trà Vinh rồi lãnh một trường trong sóc xem như là bạc phận. Thế là tôi được kể như tốt phúc có quới hơn độ mạng.

Ngày tựu trường, lúc bấy giờ mỗi làng chỉ có một trường và mỗi trường chỉ có hai lớp: lớp Đồng ầu tức là lớp Một học chung với lớp Dự bị tức là lớp Hai, gọi là lớp hỗn hợp, chỉ do một thầy đứng lớp. Do vậy, tôi phải cáng đáng mọi việc. Từ việc liên hệ với làng xã để thông báo ngày tựu trường đến việc quét dọn trường sở, sửa sang bàn ghế, sơn lại tấm bảng đen đã trở thành màu bạc ...

Ngày trường mở cửa, quần áo chỉnh tề, tôi đường bệ đến khai mào cho một công việc có thể sẽ đeo đẳng tôi suốt đời. Cũng thấy hãnh diện lắm vì lần đầu tiên ra đời, thầy giáo kiêm trường giáo tôi bước vào cổng trường, ngẩng cao đầu đi giữa hai hàng phụ huynh dẫn con em đi học. Mọi người dạt ra nhường lối đi danh dự cho tôi. Có người nghiêng mình chào, tôi khẽ đáp lại bằng một cái ngả đầu kiểu cách mà tôi cóp nhặt trong các tuồng cải lương.

Tôi đến ngồi vào bàn viết, thẳng người, đảo mắt một vòng để nắm vững đối tượng rồi lại tự xét nét vẻ hào hoa phong nhã của mình xem sao: sơ mi trắng măng sét nút vàng, đồng hồ Mulco đeo tay, viết Parker giắt túi... Lần lượt phụ huynh dẫn học sinh đến trình diện. Các em đã học qua lớp Đồng ầu năm nay lên lớp Dự bị đứng riêng. Em nào mới vào học vỡ lòng đứng riêng. Không khí trang nghiêm.

Tất cả len lén nhìn tôi với vẻ vừa tôn kính vừa sợ sệt, nhất là các em mới đi học lần đầu, cố nép mình vào phụ huynh, có em lại khóc thét lên. Tôi bắt đầu điểm danh, em nào đã học năm

trước cho vào ngòl bên phân nửa của phòng học dành cho lớp Dự bị. Đến lượt các em mới vào học. Đối với các em này công việc khá phức tạp.

Phức tạp vì có một số phụ huynh thậm chí không biết con em mình tên gì. Đa số không có giấy khai sinh hoặc có mà tên trong khai sinh không đúng với tên gọi. Mặt khác có nhiều đứa trẻ mang những tên như Đực, Cu, Mắm, Ngỗng... còn những tên khác nữa mà với ngòl viết nhà mô phạm, tôi không thể viết ra được. Thế là tôi xin với phụ huynh cho tôi đổi những tên như sau: Trò Đực sẽ là trò Đức, trò Mắm sẽ là trò Mẫn, trò Cu sẽ là trò Cử... nếu có nhiều em Đức sẽ là Đức 1, Đức 2, Đức 3 v.v... Nói là vậy, song trong suốt năm học chỉ có thầy là gọi theo tên mới còn học sinh, các em cứ Cu, Đực... vang rân thậm chí còn đặt thêm những biệt danh để đời.

Số học sinh không đông, công việc ghi danh cũng sắp hoàn tất, tôi mới có dịp nhận diện một người mà từ đầu, tôi đã đặc biệt lưu ý. Số phụ huynh đến hôm nay hầu hết đều là cha mẹ lớn tuổi, hoặc một vài anh chị lại còn quá nhỏ và đều là nông dân ăn mặc theo kiểu thôn quê, chỉ có một người, một người con gái, một người con gái đẹp giữa côi hồng trần. Trang phục của cô, lối chải tóc của cô, đôi tay trắng nuột chắc chưa bao giờ đụng tới cái liềm cắt lúa, đôi chân nhỏ xinh xắn trong đôi guốc kiêu chắc cũng chưa bao giờ lội xuống ruộng, đã làm cho tôi quên mất công việc tôi đang làm.

Mãi lo nhìn phụ huynh này mà không ngó ngang gì đến cô học trò của tôi đang trở mắt nhìn tôi. Kịp khi có tiếng:

- *Thưa thầy, em của em tên Y Lang - Kiêu Y Lang - sanh ngày... tháng... năm 193...*

Tôi rất đổi ngạc nhiên vì từ lúc bắt đầu đến giờ chưa có một người nào khai lý lịch con em mình rạch ròi như vậy. Tôi bị cô gái này thôi miên mất rồi, nên mặc dù cô đã nói hết những điều tôi cần, mà khổ nỗi tôi có nhớ gì cho cam. Ba hồn bảy vía tôi

đâu mất rồi chẳng!? Tôi trở nên vụng về lúng túng. May quá tôi lấy lại được bình tĩnh và áp dụng khoa sư phạm bằng phương pháp bắt chước Gia Cát Lượng ngày xưa khi bí quá phải dùng cách “dục hoãn cầu mưu”. Tôi cố kéo dài:

- *Em Lan...*

Cô gái đỡ lời:

- *Ỗ Lang, Lang có “g” thừa thầy.*

Tôi lại tiếp:

- *Họ...*

- *Họ Kiều, Kiều Ỗ Lang.*

Tôi buột miệng khen:

- *Trời ơi tên gì mà đẹp dữ vậy!*

Tôi châm dứt chiến thuật “lấy địch đánh địch” của tôi bằng cách tiếp tục:

- *... sinh ngày... tháng... năm...?*

Cô gái vô tình bỏ tức những điều tôi cần biết một cách bất đắc dĩ. Cô đưa em vào chỗ ngồi xong trở ra cổng trường về một nước, không đoái nhìn lại ông thầy của em mình trong khi ông thầy mãi nhìn theo cô mà quên đánh hồi trống nhập học khai giảng, cũng là hồi trống trường đầu tiên trong đời dạy học của tôi. Tuổi đôi mươi trắng xé của tôi vào đời sao mà tàn tẽ như vậy!

Trời thương, mấy tháng đầu nghề dạy học của tôi cũng trôi qua suông sẻ. Học sinh xem chừng cũng vui vì có ông thầy trẻ. Phụ huynh có vẻ hài lòng vì thầy giáo... coi bộ cũng hiền. Ngôi làng tôi đến dạy xem ra trù phú, bên sông bên lộ, vườn tược sum suê, ruộng đồng phì nhiêu, nhà cửa sung túc... cho nên có khá nhiều cô gái đẹp lại có học thức. Trường tôi lại nằm bên vệ đường chính dẫn lên chợ, nên sáng nào các cô gái đi chợ thường hay nhìn vào trường không biết vô tình hay cố ý. Nhưng dù sao tôi cũng vô cùng đắc ý và nghĩ lại thấy thương hại cho mấy thằng

bạn của tôi phải đi dạy nơi khi ho cò gáy. Lật bật tôi dạy ở đây cũng gần nửa năm. Gió bắc non đã về. Trời bắt đầu se lạnh. Mỗi ngày cơm nước chiều xong, tôi xách xe đạp xuống Lộ Ngang, nơi đây có một ngã tư, đường chính cắt ngang làng với con đường ra Bến Cát và trở vô Thới Lai. Tuy là lộ đất nhưng cao ráo, nước mưa chảy hết xuống ruộng nên cỏ cú mọc xanh ròn quanh năm. Trên đường là những rặng trâm bầu, lác đác những cây trâm tàn xanh mươn mướt khiến cho cánh đồng bát ngát đỡ trơ trọi. Bốn bên là ruộng lúa, lúc này lúa chín sắp gặt nên thoang thoang mùi lúa mới.

Tôi dựng xe bên lộ, ngồi trên rẽ một cây trâm nhìn về phía chân trời tây bằng láng hoàng hôn. Những cánh cò trắng đang sải cánh về tổ lướt ngang phần đỏ chói của mặt trời sắp lặn tạo nên một mảng trời chiều vừa hoành tráng vừa thơ mộng. Chiều nào cũng vậy, đường về chiều ít ai qua lại, tôi vu vơ ca hát mấy câu, tự mình thưởng thức, lòng lâng lâng vui sướng giữa cảnh trời đất sắp sang đông.

Chạng vạng tối, những côn trùng của đồng ruộng bắt đầu trỗi giọng. Như một dàn nhạc hòa tấu có bàn tay vô hình điều khiển, khúc mở đầu rụt rè, chậm chậm, thưa thớt, với một vài điệu rời rạc... dần dần to hơn, dồn dập hơn. Như bắt được nhịp, những âm thanh trầm bổng khác nhập cuộc để như một dàn đại hòa tấu đi đến đoạn chính của một dạ khúc đồng quê tuyệt vời. Lần nào cũng vậy, tôi đợi cho đến khi khúc nhạc lên đến đỉnh cao của những thanh âm hòa quyện với nhau thành một thứ âm thanh của đất trời mới lững thững lấy xe ra về.

Như vậy, cho đến một hôm, như thường lệ tôi đang ngắm trời trăng mây nước thì từ đằng xa có hình dáng một người con gái đi về phía tôi. Cô đi ngược lại những tia nắng vàng vọt của mặt trời chiều tạo nên một bóng hình huyền ảo. Đôi chân nhịp nhàng bước đều đặn, mạnh dạn nhưng không thiếu phần duyên dáng, lần tiến đến gần chỗ tôi ngồi. Chợt nhận ra bên đường có người, cô tránh sang một bên rồi tiếp tục đi. Tôi cố nhìn theo

người lữ hành cảm thấy có một cái gì quen quen, nhớ nhớ nhưng mãi không có trong ký ức. Nhưng dù sao buổi dạo mát hôm nay có dịp diện kiến một mỹ nhân chẳng là đáng nhớ lắm sao.

Chiều hôm sau cũng vào giờ ấy, cũng nơi gốc trâm bầu ấy, tôi đang nhớ lại cuộc gặp gỡ hôm qua và vái trời cho ngày hôm nay người đẹp trở lại nếu có duyên phận. Lòng chân thành của tôi có lẽ làm xúc động đến đáng thiêng liêng nào đó nên hiện thực là đây, cô em đã xuất hiện từ xa và đường xưa dẫn lối, cô em đi ngang tôi và đoạn phim chiếu ngày hôm qua tái diễn với hai diễn viên, vẫn không có diễn xuất nào khác.

Rồi chiều hôm sau nữa, ngồi chờ đợi bên gốc trâm bầu, tôi bỗng ngâm nga một câu thơ trong bài “Tình tuyệt vọng” của một thi sĩ Pháp đã được nhà văn Khái Hưng dịch ra: “... Nhìn ta như thể nhìn người không quen”. Nhưng đúng theo số tử vi, tôi có số đào hoa, lần này cô dừng lại khẽ nghiêng đầu chào tôi với hai tiếng:

- *Thưa thầy.*

Tôi lính quỳnh không biết phản ứng thế nào thì cô đã đi xa trong sự tiếc nuối vì tự trách mình vụng về. Nhưng dù sao đêm về tôi ngủ với nhiều mộng đẹp.

Lại chiều hôm sau tôi đi sớm hơn một chút. Ôn trời, tôi không phải chờ lâu, từ đằng kia bóng hồng tiến đến nơi có một kẻ đang chờ với trái tim đập nhanh, với đôi tay như thừa thãi, với đôi môi mấp máy câu gì đó đã học thuộc lòng. Cô đến gần tôi, tôi đứng lên chặn đường như kẻ đón đường đòi nợ. Cô chào tôi giống như một đứa học trò:

- *Thưa thầy.*

Tôi lập bập một câu khá vô duyên:

- *Cô đi đâu vậy?*

- *Em đi thăm người chị ở Bến Lãng.*

Tôi muốn hỏi tiếp: Đi thăm gì mà mỗi ngày vậy? Nhưng may quá thần khẩu chặn tôi lại đúng lúc. Trời độ nên cô nói:

- *Thầy quên em rồi sao? Em là chị của Ý Lang.*

À thì ra hôm rày tôi cứ mang máng nhớ một người mà ngày tựu trường đã để trong tôi một hình bóng khó phai. Thế là cái đoán tính của tôi không bắt nhịp được với con tim của tôi. Tôi hoàn hồn nên mạnh dạn nói:

- *Tôi nhớ ra rồi. Ngày hôm ấy cô là người đẹp nhất.*

Lại một câu nịnh đầm vô duyên. Ngày đó toàn là các cha mẹ học sinh đều lớn tuổi có ai là thiếu nữ đâu mà đẹp nhứt đẹp nhì. Không biết cô có nhận định điều này không nhưng cô nói:

- *Cám ơn thầy*

Rồi chưa chi đã:

- *Thưa thầy em đi.*

Tôi muốn bảo cô khoan đi, nhưng thấy tro trên quá nên đành câm như hến nhìn theo. Bỗng nhiên cô dừng lại nhìn vào mắt tôi hỏi:

- *Ngày mai thầy có ra đây không?*

Tôi sung sướng đáp ngay:

- *Chiều mai tôi chờ cô ở đây.*

Một cuộc hẹn hò đầu tiên của đời tôi sao mà chóng vánh, êm đềm, thơ mộng quá. Tôi muốn hát lên một bài hay ít ra một câu gì đó. Và tôi đã hát giữa cánh đồng bao la bát ngát như rộng mở đón tôi vào hạnh phúc: Đời ta bao vui tươi như hoa hồng thắm. Bao chim đua hát...

Đêm về không ngủ được chỉ trông đến giờ cuộc hẹn đầu đời. Nhưng tôi bỗng nhớ ra là ngày hôm sau tức là ngày chủ nhật tôi phải về thăm gia đình theo thường lệ. Thôi chừ hiếu để một bên, định bụng sẽ về thăm bù lại một ngày nào đó.

Lần này tôi tự tin nên chừng chặc hơn nhiều. Tôi nhìn sâu vào đôi mắt cô, nhìn gương mặt khả ái của cô, nhìn mái tóc đen huyền phủ bờ vai của cô... tôi tự cho mình là con người tốt phước. Cô trầm tĩnh hơn tôi, đôi mắt không còn xa lạ nữa ánh lên một cái gì đó quyến rũ, mời gọi, khiêu khích. Tôi chấp chờn trong ánh mắt của người con gái. Bỗng cô lên tiếng:

- *Anh chờ em có lâu không?*

Tôi mát ruột mát gan làm sao, đã anh em rồi. Tôi mạnh dạn hơn:

- *Mình lại đây ngồi đi.*

Cô ngoan ngoãn theo tôi. Chúng tôi ngồi trên một gòp đất phủ cỏ xanh, dưới tàn một cây trâm xanh mướt, nhìn ra cánh đồng vàng ối thoang thoang mùi lúa chín. Cô chọn một chỗ ngồi vẫn giữ khoảng cách khá xa với tôi. Nhưng con trai phải chủ động hơn, mấy đứa bạn tôi bảo vậy, tôi xích lại một chút, không thấy phản ứng, lại một chút nữa cô vẫn ngồi yên.

- *Cô tên gì?*

- *Em tên Diệu Lang.*

Tôi đỡ lời:

- *Kiều Diệu Lang, tên đẹp quá phải không?*

- *Sao anh biết họ của em?*

- *Vì em là Kiều Ý Lang chị phải là Kiều Diệu Lang rồi.*

Tôi tiếp:

- *Diệu Lang, cô đẹp lắm.*

- *Cám ơn anh*

Rồi cô rụt rè sửa lại:

- *Em chớ sao lại cô.*

Tiếng em để gọi người yêu đầu tiên sao mà tha thiết đến như vậy. Câu chuyện giữa hai người mới yêu nhau sao mà rời rạc thế. Tôi chỉ biết loay quanh qua mấy câu nói về bé Ý Lang chăm học, ngoan ngoãn, lễ phép... Còn Diệu Lang cũng không hơn gì tôi, tay luôn ném những mảnh đất vụn xuống ruộng. Nhưng dù sao tôi vẫn thấy được ngời bên cô gái đẹp như thế này kể ra cũng hạnh phúc lắm rồi. Tuy nhiên vẫn thấy thiếu thiếu một cái gì.

Bỗng tôi chợt nhớ ra, cũng mấy thằng bạn, không biết chúng học ở đâu, dạy tôi: Đàn ông phải biết tấn công. Nên tôi làm như vô tình chạm vào tay em. Em không giựt tay lại mà dường như cố tình để nguyên trạng. Tôi mạnh dạn nắm tay em. Em vẫn để như vậy. Có điều tay em sao nóng hổi còn tay tôi lại lạnh ngắt. Bầu nhiệt huyết của tuổi hai mươi đã giúp cho tôi thêm phần can đảm:

- *Anh yêu em, Diệu Lang.*

Không thấy trả lời. Tôi lặp lại. Cũng không có câu trả lời, tuy nhiên tay em vẫn nắm trọn trong tay tôi. Tôi lại hỏi, em không trả lời mà nói:

- *Đây nè, anh còn muốn gì?*

Nửa vế trước làm ấm lòng tôi còn nửa vế sau... anh còn muốn gì? Muốn gì? Cái này mấy thằng bạn tôi không có mách nước cho tôi. Quả thật tôi có biết muốn gì đâu. Chỉ biết gặp em, một người con gái, trong tuổi đầu đời, làm quen với nhau, thân nhau, thương nhau, nhớ nhau... còn thì mơ hồ, bàng lãng...

Trời tối dần, trăng non đã xuống khỏi ngọn tre, nơi chúng tôi ngồi lại vắng vẻ, hơn nửa giờ này ở thôn quê mấy ai ra đường ngoại trừ những kẻ yêu nhau, làm cho tôi can đảm hơn, trái tim cũng đập mạnh hơn. Tôi choàng tay lên vai em và đặt một nụ hôn trên trán em, cái hôn đầu tiên của người con trai với một người con gái nhưng tôi không cảm nhận được nó khác hơn cái hôn của tôi với đứa em tôi. Nhưng dưới bóng trăng tôi thấy vẻ mặt em, đôi

mắt em, đôi môi em... toát lên một cái gì đó rạng rỡ, long lanh, nóng bỏng... tôi mới thấy lòng mình rạo rực khó tả.

Trong một lần gặp gỡ sau vào một đêm không trăng sao, chúng tôi ngồi bên nhau thân mật hơn, gần bó hơn... sau khi có một vài lời hẹn ước cho tương lai tôi có quyền được âu yếm hơn. Tuy nhiên tôi cảm thấy có một cái gì đó không ổn, không được bình thường, nhưng điều đó đối với tôi còn quá mơ hồ để nhận định nó là cái gì? Trời không lạnh mà em mặc khá nhiều áo, từ áo trong áo giữa ra áo ngoài ba bốn lớp. Tôi có cảm tưởng là em mặc áo giáp để ra trận hay lãng mạn hơn là những cô gái Nhựt mặc bộ ki-mô-nô truyền thống.

Có một lần, nói có người khuất mặt làm chứng, tôi vô tình chạm vào, nói thế nào cho phải đây, vào thắt lưng của em. Một vật gì khá to dường như bằng vải se và gút lại. Tôi rất tiếc tôi không là nhà văn, càng không phải là nhà văn tả chân mà lại là một nhà giáo nên đoạn này tôi không thể viết rõ ràng, dễ hiểu hơn được. Tôi phải vận dụng vừa trí thông minh, vừa óc trình thám kẻ cả năng khiếu tưởng tượng của tôi để hiểu được là em đã thắt lưng em bằng sợi dây vải hàng mấy chục gút để nó biến thành một củ năng cứng ngắt.

Lúc bấy giờ làm gì có dây thun, phệt-mơ-tuya hay nút tây nút u gì cho cam chỉ có một thứ dụng cụ đó mà thôi, vừa tiện lợi vừa rẻ tiền vừa chắc chắn. Đây, người yêu của tôi như vậy, tôi không có gì để trách cả. Có điều thỉnh thoảng tôi nhớ một câu chuyện trong chiến tranh lần thứ nhất ở Âu châu, chuyện này không liên quan gì đến yêu đương cả.

Số là quân Pháp, để phòng thủ có bố trí một chiến lũy vô cùng kiên cố, chiến lũy Ma-gi-nô mà họ lấy làm tự hào. Nhưng sau đó chiến lũy này bị quân Đức chọc thủng phá hủy tan tành. Vị tướng lãnh Đức đã nói: Không có một chiến lũy nào kiên cố cả, chỉ có ta không biết chỗ yếu của nó thôi.

Còn tôi không phải là tướng lĩnh đó chỉ là một thầy giáo tập tễnh vào đời, nên chiến lũy vẫn được bảo vệ vững chắc. Hơn nữa tôi vẫn bằng lòng với hạnh phúc mà em đã dành cho tôi, chiều chiều ngồi bên em được nghe em nói những lời êm đẹp, được nghe em hát những lời tình tứ.

Cũng trong chừng mực đó những cuộc hội ngộ đều đặn của chúng tôi ngoài những lời ca tiếng hát cho nhau, những câu chuyện về việc học hành của bé Ý Lang, thỉnh thoảng có trao đổi nhau những chiếc hôn thơm tho không khác gì những chiếc hôn mà tôi đã hôn em tôi thuở nhỏ. Thực sự tôi đã yêu Diệu Lang lắm rồi, ngày ngày đi dạy trông đến chiều để gặp em, vừa chia tay đã thấy nhớ, ngày chúa nhật về quê chưa chi đã thấy cồn cào ruột gan.

Ngày qua ngày, những con ve sầu trên ngọn cao vút của các cây sao bên đình đã cất tiếng ra rả báo hiệu mùa hè đã về, có nghĩa là sắp đến ngày bãi trường cũng có nghĩa là ngày tôi và em sẽ xa nhau dù trong hai tháng. Những buổi học cuối cùng đối với tôi sao mà buồn vậy. Các em học sinh nhỏ bé của tôi mới ngày nào còn nhìn tôi lấm lét, bây giờ đã nắm tay tôi nở những nụ cười ngây thơ, vô tư để lộ mấy cái răng sún.

Còn Ý Lang xinh đẹp nhất lớp, học chăm nhút nhát và dường như trong ánh mắt của em hình ảnh thầy có cái gì gần gũi với em hơn so với các bạn của em. Biết đâu chừng trong ánh mắt thầy đối với em cũng có cái gì tương tự.

Ngày nghỉ hè đã đến. Buổi học cuối cùng không có liên hoan, không có lời chúc tụng của trò... chỉ có vài trái mận, vài trái chuối, mấy củ khoai, thầy có mang vào mấy cục kẹo tây, không có viết bài không có trả bài thế mà lớp học im lặng, buồn hiu, xa vắng... Tôi đảo mắt nhìn từng em từng đứa, thằng Đức 2, thằng Cử 1, bé Lớn, bé Bê... từng gương mặt ngây thơ rồi đây sẽ để lại trong tôi biết bao kỷ niệm của lớp học đầu tiên trong nghề dạy học của tôi.

Cái buồn của buổi chia tay với các em học sinh ban sáng vẫn còn đeo đẳng tôi mãi đến khi tôi đến nơi thường lệ để gặp Diệu Lang. Hôm nay em là người đến trước tôi. Từ xa tôi đã thấy em nhìn cánh đồng trời gốc rạ, ném vu vơ những hòn đất vụn. Tôi đến và ngồi cạnh em, em không quay lại, mắt vẫn xa xôi nhìn vào khoảng không của bầu trời chiều rắng nắng. Tôi nắm tay em. Em ngả đầu vào vai tôi. Tiếng ếch ương từng chập trỗi lên giữa cái im lặng của chúng tôi sao mà ảo não quá.

Em lần trong túi móc ra một vật gói trong lớp giấy bông dúi vào tay tôi. Tôi mở ra, mùi nước hoa lâng lâng, một chiếc khăn tay lụa trắng, viền xanh, trong một góc có thêu hai con chim đậu trên cành mai có hoa vàng, đầu châu lại như cùng song ca một bản tình ca. Tôi hôn vào chiếc khăn và hôn em để kịp nhận thấy đôi mắt em nhạt nhòa nước mắt. Thì ra em đã khóc tự lúc nào. Tôi cũng đau buồn không kém nên cố gượng nói với em:

- Hè có hai tháng, rồi anh sẽ lại trở xuống dạy. Lại nữa nhà mình có xa gì đâu năm ba hôm anh lại xuống thăm em.

Em vẫn khóc... rồi bật thành tiếng. Tôi cố dỗ dành nhưng nỗi buồn của em dường như không thể dùng lời mà xóa được. Tôi cũng buồn không kém gì em. Tôi cũng muốn khóc theo em nhưng dường như nước mắt của tôi thiếu một cái gì đó để có thể kết tụ được. Thật tình, tôi không hiểu tại sao tôi yêu em đến thế mà buổi chia tay lại thiếu chất lâm ly.

Trong thời gian nghỉ hè mặc dù tôi vẫn nhớ Diệu Lang, nhưng lần lựa tự hẹn với mình ngày này qua ngày khác để rồi không có dịp xuống thăm người yêu. Đến ngày tựu trường tôi lại được lĩnh bổ nhiệm đến một nhiệm sở khác rồi năm sau lại đến một nhiệm sở khác.

Qua ba mùa khai giảng tôi vẫn không có tin tức nào cho em, lẽ tức nhiên em cũng không có tin tức gì cho tôi vì đối với em, tôi quả là chim trời cá nước. Nhưng em có biết đâu mỗi lần

ghi danh học sinh vào học cho kỳ khai giảng mới là hình ảnh em nắm tay Ý Lang trình diện xuất hiện mãi trong tôi.

Do vậy, ngày tựu trường nào cũng khơi dậy trong tôi một kỷ niệm buồn man mác, nhớ nhớ, thương thương. Ý Lang, em lên lớp mấy rồi, chị em hiện giờ ở đâu, chiều chiều có đi Bến Lãng để thăm chị nữa không? Diệu Lang, em có ra Lộ Ngang nơi chúng ta thường ngồi vào các buổi chiều, để biết là sáng hôm sau buổi chia tay, trên đường về nhà, anh đã ghé nơi đó khắc vào gốc cây trâm hai chữ Diệu Lang... Thật sự tôi chưa tìm ra mà đã đánh mất rồi cái gì đó của tuổi đầu đời thơ mộng, yêu đương.

Cho đến một hôm, tôi nhận được một phong thơ không có địa chỉ của người gởi, nhưng tuồng chữ tròn trịa đều đặn nắn nót... đánh thức kỷ niệm ba năm qua. Tôi hồi hộp đọc thơ:

Vang Quới, ... ngày... tháng... năm 194...

Anh kính yêu.

Anh ngạc nhiên lắm khi đọc thơ em phải không? Nhưng em thì không. Vì ba năm qua, năm nào, tháng nào, ngày nào em cũng nhớ anh. Đi ngang trường học vẫn biết không có anh, em vẫn quay mặt vào tìm. Qua Lộ Ngang vẫn mừng rỡ tưởng anh ngồi đó với em, một hôm không dẫn được, em vào nơi chỗ chúng ta thường ngồi để được thấy anh có khắc hai chữ Diệu Lang vào cây trâm và em đã khóc... Em mãi dõi theo bước chân anh. Anh đổi đi trường nào em cũng biết, anh chưa lập gia đình em cũng biết.

Anh, má em biết chúng ta thương nhau. Má không ngăn vì má nói má thích có thằng rể làm thầy giáo lắm. Má cho là thầy giáo trí thức, đàn ông, thật thà, chung thủy. Cho nên mỗi lần em đi gặp anh, má không rầy mà còn dạy bảo em.

Má em người Hoa, truyền thống lễ giáo còn ăn sâu. Cho nên từ nhỏ má đã dạy dò không ngớt: con gái phải biết giữ gìn, cái giá trị lớn nhất là phải “đàn ông” từ đàn ông em viết trong ngoặc kép, nên ra đường phải ăn mặc kín đáo, đừng “phô trương” cũng trong ngoặc kép... rồi má còn dạy em nên xem má

mà làm gương. Hồi xưa ở bên Tàu, bà ngoại thường căn dặn má làm như vậy, như vậy... mỗi khi đi ra ngoài kể cả khi má đã được làm lễ hỏi với ba rồi. Và em đã vâng theo lời má mặc dù chắc không chuẩn mực lắm.

Bây giờ đã trưởng thành, em đã hiểu ra. Em hiểu ra là tình yêu đâu chỉ là đạo đức không thôi. Nên em đã đánh mất anh rồi. Má cũng đã hiểu được nên có lần hỏi em: lâu quá sao không thấy anh xuống chơi. Em thưa với má là em cũng không biết tại sao anh bất tin, nhưng em biết một điều là anh thương em lắm lại nữa anh là người đàn ông hoàng, từ đàn ông hoàng này không có trong ngoặc kép. Má nghe qua chợt thở dài bỏ ra nhà sau. Viết đến đây em thấy tội nghiệp anh quá mà cũng tội nghiệp cho em nữa, phải không anh?

Tháng sau là đám cưới của em rồi. Anh có về dự lễ cưới em không? Má vẫn thương anh. Ý Lang nhắc anh mãi. Cây trâm anh khắc tên em chưa liền da, mỗi lần nhớ anh, em xuống đó đọc tên em rồi ngồi đó khóc.

Em cầu mong anh tìm được một người yêu đúng nghĩa của nó.

Như mọi bức thư tình, anh cho phép em viết lần cuối hai chữ “hôn anh”.

Em Diệu Lang.

Tôi thần thờ xếp lại lá thư trong khi đôi mắt tôi cay xé. Tôi không hiểu tại sao lúc chia tay với Diệu Lang ba năm trước, Diệu Lang đã khóc với tôi còn tôi thì chưa có lý do để khóc chẳng? Còn nay, Diệu Lang sắp sửa lên xe hoa có khóc chẳng, nếu có chắc chỉ là nước mắt của cô dâu. Còn tôi, những giọt nước mắt bây giờ, tôi biết chắc là tôi khóc cho tôi, cho tuổi thanh xuân của tôi và cho cả cuộc đời tôi.

3. NHỮNG NGƯỜI BẠN

CHUYỆN KỂ

ĐÔI LỜI BỘC BẠCH

Những chuyện nhỏ, rất nhỏ đã từng đi đôi với đời sống của chúng tôi trong vùng đất thân yêu, miền sông nước Cửu Long, cách nay nửa thế kỷ về trước. Chúng tôi, tuổi đời đã vào buổi xế chiều thường nặng lòng hoài cổ nên những kỷ niệm xưa hay về khuấy động tâm tư. Mỗi lần nhớ hai câu thơ của Bà Huyện Thanh Quan thì tôi thấy lòng mình đầy trắc ẩn:

*Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.*

Những chuyện nhỏ, tầm thường như chuyện con chim quốc bị bắt trong sân chùa, con chim sẻ tìm người để được giúp đỡ, con sáo hiện thân của người mẹ, con vẹt con lạc mẹ, con Vện làm môi cho bữa nhậu, con Xù trung thành, con đế côm gáy suốt canh thâu để tìm bạn tình, con chuột lắt bị bắt...

Những chuyện này giờ đây đôi với chúng tôi không còn là chuyện có thể quên mà là chuyện để nhớ, để thương. Những con người chất phác, mộc mạc, chân tình sống cùng ruộng đất cò bay thẳng cánh. cùng sông rạch chằng chịt quanh co, cùng những con vật đã từng có mặt khi ông cha ta khai hoang lập ấp ở dải đất phương Nam.

Xin gửi đến tất cả những người cùng có chung nỗi cảm hoài này một chút hương quê còn đọng lại trong “Những người bạn của chúng ta”.



CON QUỐC TRONG CHÙA VĨNH TRÀNG

Anh là một thợ kỹ làm việc tại Mỹ Tho. Thú giải trí của anh là săn bắn không chuyên, cho vui thôi. Những ngày lễ hay chủ nhật, ăn sáng xong, anh vác cây súng hơi hiệu Saint-Étienne, bắn đạn chì, leo lên xe đạp chạy vào trong các làng mạc quanh vùng.

Những cuộc đi săn như vậy thường không được mẹ anh và vợ anh tán thành. Nhưng anh chống chế bảo chỉ là trò giải trí thôi, với lại có ít con chim săn được đem về rô-ti ăn sáng với bánh mì cũng thích. Hơn nữa săn bắn được chấp nhận như là một môn thể thao mà các nước trên thế giới đều chấp nhận.

Nói gì thì nói, mỗi lần anh đi săn về đồ từ trong túi dết ra mấy con chim, lớn có nhỏ có, chết dí, bị đạn bắn trúng máu me còn bê bết, mẹ anh và vợ anh không hề nhìn đến, chỉ có anh đem đi vật lông, làm thịt, ướp gia vị rồi đem chiên hay xào xào gì đó.

Thú giải trí này anh đeo đuổi cũng khá lâu, đôi khi anh cũng có nghĩ một chút về sự bất bình của mẹ và vợ, anh cũng có đôi phần ái ngại nhưng rồi anh cho là phụ nữ thường hay mũi lòng. Cho đến một buổi sáng kia...

Một buổi sáng chủ nhật như thường lệ, ăn sáng xong, vác súng, đeo túi... anh ung dung xách xe đạp vào chùa Vĩnh Tràng. Nơi đây có nhiều cây to, bóng mát, êm tịnh nên chim đủ các loại

về đây làm tổ. Anh đến nơi, dựng xe ngoài cổng, hăm hờ mang súng vào khu vườn khá sâu uất của ngôi chùa cổ kính. Trong một buổi sớm mai tốt trời, đàn chim thi nhau ca hát líu lo. Chúng bay lượn từ cành này sang cành khác, từ cây này qua cây kia. Chúng đuổi nhau cùng hát một điệu hòa ca vang lừng, vui vẻ.

Hôm nay là lần đầu tiên anh đến một nơi mà từ trước anh chưa hề đến vì đây là ngôi chùa mà theo người ta bảo là nơi không được sát sanh. Nhưng khi đến đây rồi, anh vô cùng thích thú vì anh thấy đây là nơi săn bắn lý tưởng. Chim nhiều vô số, chúng bay chúng lượn, chúng ca chúng hát... làm cho cảnh chùa vô cùng sống động trong một buổi sáng thanh bình hoan lạc tưởng chừng như ở chốn thần tiên.

Anh mãi mê theo dõi đàn chim nhón nhơ bay lượn, tai nghe tiếng chim líu lo lãnh lót đến nỗi anh quên là anh đến đây để săn bắn, nhưng khi tầm mắt anh hướng lên ngọn một cây sao, anh chợt thấy trên một cành lẻ loi, một đôi quốc đang sát cánh đậu bên nhau thay phiên ria lông cho nhau một cách âu yếm. Máu săn bắn của anh nổi lên, đưa tay bẻ súng để nạp đạn, hướng mũi súng lên đôi quốc, mắt anh rực lên một tia dục vọng độc ác...

Chát! Tiếng súng oan nghiệt nổ. Một trong hai con quốc rớt ngay trước mặt anh, nằm ngửa sải cánh, gãy dựa, máu loang ra mặt đất, đôi mắt chim còn đủ thời gian để nhìn anh và nhìn lên ngọn cây tìm bạn trước khi bất động.

Trong lúc đó, tiếng súng của anh đã làm cho đàn chim khắp ngôi vườn trong chùa đang tung tăng ca hát bay lượn, bỗng hốt hoảng, tán loạn, nhón nhác, tan đàn... tìm nơi ẩn trú. Cảnh vật như đen sầm, vắng lặng, không gian như thu hẹp, thời gian như ngừng trôi.

Anh cuối xuống nhặt con chim lên với một nụ cười thỏa mãn vì tài thiện xạ của mình nhưng vừa ngẩng mặt lên, anh chợt thấy sừng sững trước mặt anh một nhà sư trong lớp áo nâu sòng, nhìn anh với đôi mắt nghiêm nghị. Trước ánh mắt này, anh không

đủ can đảm để nhìn lại nhà sư và lặng lẽ bỏ xác con chim vào túi sẵn, ra về.

Chúng nào tật nấy, anh không thể nào bỏ qua khu vườn của ngôi chùa mà nơi đây là một nơi lý tưởng cho cuộc săn bắn. Thế là chủ nhật sau, cũng vào buổi sáng, vẫn súng sẵn, vẫn túi đạn anh lên đường vào chùa. Anh bước vào chùa và vô cùng ngạc nhiên là khác với lần trước, lần này anh không thấy đàn chim nào bay lượn, không nghe một tiếng chim nào ca hát, cảnh vật như tối sầm, lạnh lẽo, cây cối như ử rữ, bất động chỉ nghe văng vẳng tiếng tụng kinh trầm bổng, xen lẫn tiếng chuông thanh thoát, tiếng mõ đều đều từ trong chùa vọng lại.

Theo bản năng tự nhiên, anh ngược lên ngọn sao nơi cành cây mà anh đã bắn chết một trong hai con quốc để tìm con còn lại để... bắn nốt ư. Anh lấy làm thích thú thấy con quốc còn lại vẫn đậu một chỗ, chỗ cũ nơi mà con quốc kia đã bị anh sát hại lần trước.

Anh nạp đạn, hướng mũi súng lên con chim lẻ bạn, đưa mắt ngắm vào đầu ruồi, ngón tay trở cho vào cò súng, dang ra để lấy đà... thì một bàn tay vỗ vào vai anh, một lời nói nhẹ nhàng nhưng trầm hùng:

- *A-di-đà Phật! Ông không cần phí viên đạn nữa. Nó đã chết rồi.*

Nhà sư, từ lâu đã theo dõi hành vi của anh và nói tiếp:

- *Từ ngày ông bắn con quốc kia chết rồi, mỗi đêm nhà chùa chúng tôi luôn luôn nghe tiếng gọi thảm thiết của con còn sống. Tiếng gọi bạn áo nâu thê thảm đến nỗi nhà chùa phải đang đêm dậy tụng kinh phụ họa để cầu nguyện cho con chim đã bị ông sát hại được siêu thoát và để an ủi cho con chim còn sống.*

Nhà sư nói đến đây, chỉ lén xác con quốc cắn đang bám trên cành và nói tiếp:

- *Những đêm sau, nhà chùa còn nghe tiếng gọi bạn của nó nhưng càng thưa dần, càng yếu dần cho đến cách nay ba đêm nhà chùa không còn nghe tiếng con quốc khóc bạn nữa. Sáng hôm sau, nhà chùa đến dưới cội cây nhìn lên thì quả thật con chim vẫn còn đậu đấy nhưng chỉ là cái xác không hồn. Ông nhìn kỹ xem...*

Nhà sư và anh cùng ngược mắt lên thì bỗng một con gió thổi qua, cành cây dao động, xác con quốc rơi xuống đất trước mặt anh, khô cằn nhưng đôi mắt vẫn mở to như nhìn anh. Nhà sư chấp tay vái:

- *A-di-đà Phật! Và định cúi xuống nhặt xác con chim lên.*

Nhưng anh thợ săn quăng mạnh cây súng ra xa và ngăn nhà sư lại:

- *Xin thầy, để đó con!*

Anh ngồi xuống hai tay bọc lấy xác con chim, nhìn vào nó với đôi mắt đầm lệ:

- *Thầy cho phép con được chôn xác con quốc dưới cội cây sao này và con xin thầy giúp cho con được mỗi tuần thất nhật, vào chùa cúng rồi cho hai chúng sanh mà con đã sát hại, đồng thời để con được sám hối tội lỗi của mình.*

Nhà sư thanh thản:

- *Mô Phật!*

Anh vào chùa mượn một cái vá và thỉnh ba nén nhang. Trở ra anh đào một cái huyệt khá rộng chôn xác con quốc theo chỉ dẫn của nhà sư, lấp đất lại thành một cái gò nhỏ, thấp ba nén nhang trước mộ phần, miệng anh lâm râm điều gì đó rồi buồn bã chào nhà sư:

- *Con kính cảm ơn thầy đã hướng dẫn con được giác ngộ.*

- *Mô Phật! Xin thí chủ mang cây súng về.*

Anh lặng lẽ đến nhặt cây súng lên và đem ra khỏi cổng chùa, đập vào một gốc cây, cây súng gãy làm ba làm tư, anh ném đi cùng với bao đạn còn lại.

Từ đây, đàn chim trong ngôi vườn của chùa Vĩnh Tràng cũng như tại các ngôi vườn khác trong vùng, trở lại cảnh thanh bình.



CON CHUỘT LẮT TRONG NGÔI NHÀ CỔ

Tôi có bốn phận chăm sóc một ngôi nhà cổ ở trung tâm một thành phố, không phải với tư cách thừa kế mà chỉ là một ông từ có trách nhiệm hàng ngày quét dọn, sáng chiều đốt nhang nơi bàn thờ Phật và bàn thờ ông bà, cha mẹ, cô bác đã quá vắng.

Số là ngôi nhà mà tôi có vinh dự đặt bước chân gầy gò nhỏ bé khiêm nhường vào đang trải qua thời kỳ đổi thay của đất nước, tất nhiên ngôi nhà này cũng bị lôi cuốn vào sự đổi thay tất yếu đó. Thật ra là sau một thời gian ngắn, những chủ nhân của ngôi nhà này vì tuổi đời đã cao nên lần lượt ra đi. Một số khác vì hoàn cảnh cũng phải người nơi này người nơi khác, ngôi nhà cổ dùng làm nơi thờ phượng bỗng nhiên trở nên vắng vẻ, quạnh hiu.

Tôi vô công rồi nghề được phân công đến làm ông từ cho ngôi nhà tông đường. Ngôi nhà cổ này vốn dĩ trên trăm tuổi, khá

rộng lớn, từ cột nhà đến sườn nhà, bao lam, hoành phi, liễn đối... đều làm bằng gỗ quý. Bàn ghế, tủ phen, ván giường cũng vậy đều là vật dụng bằng cây danh mộc, nằm trong dạng đồ cổ nên được chạm trổ công phu.

Bồn phen của tôi là mỗi ngày quét dọn nhà cửa, lau chùi bàn ghế, sáng chiều đốt nhang đốt đèn trên bàn thờ Phật và bàn thờ ông bà. Chỉ có vậy, nhưng nếu hiểu được cái ngôi nhà cổ này thì mới biết công việc của tôi không hề nhẹ nhàng chút nào. Nhà rộng thênh thang, tủ ghế, giường ván chập ních... quét xong đầu này thì bụi bám đầu kia. Bàn thờ thì không kể xiết từ ông bà cố đến ông bà nội, đến cha mẹ, đến cô bác, dượng dì, cậu mợ... và bàn thờ nào cũng vậy lư hương, chân đèn, bình bông, ảnh thờ... không dễ cho việc lau chùi kỹ lưỡng.

Thật tình mà nói, tôi cũng ngao ngán lắm rồi, mỗi sáng làm công việc sạch sẽ này từ nhà trên, đến nhà dưới, qua nhà ngang nếu có lương tâm chức nghiệp một chút thì đến giờ cơm trưa chưa xong. Cho nên tôi dành cái việc làm kỹ lưỡng này một năm đôi lần còn thì hàng ngày... tôi làm chiếu lệ. Ông bà chắc cũng thông cảm nỗi cơ cực của tôi mà hỉ xả. Và cũng do cái tội tắc trách này mà một hôm trong một lần công tác đại vệ sinh nhà cửa, tôi mới có dịp mở cửa một cái tủ...

Một cái tủ nhỏ mà ngày xưa các nhà sang trọng thường đặt bên đầu giường gọi là “bàn đêm” và trên cái bàn đêm này lại có một cái “đèn đêm”, với cái bóng đèn nhỏ vừa đủ sáng, bao trùm bằng một chụp đèn bằng lụa hồng hay xanh. Đó là ngày xưa khi còn các gia chủ trước, còn khi tôi về nhậm chức ông từ rồi, cái bàn đêm này cùng với cái đèn đêm có chụp lụa hồng này đối với ông từ quả là thừa thãi. Cho nên tôi đem cái tủ quý giá này cất vào một góc nhà và đợi khi tôi tổng vệ sinh, tôi mới mở tủ ra lau chùi.

Cái tủ này cao chỉ sáu tấc, mặt tủ bằng phẳng vuông góc bốn tấc cạnh, làm toàn bằng gỗ đỏ. Sườn cây loại ba phân vuông, nóc tủ vách tủ là ván gỗ một phân rưỡi. Xin nhắc là loại cây gỗ

này vô cùng quý, là một loại danh mộc có thân gỗ vô cùng cứng chắc, tuổi thọ của loại gỗ này là vô cùng.

Hôm nay, tôi làm công việc vệ sinh nhà cửa để chuẩn bị cho dịp Tết Nguyên Đán nên có phần chu đáo hơn. Sau khi lau chùi các tủ ghế khác xong, tôi đến cái tủ nhỏ này, dùng khóa mở cửa để lau chùi phía trong, mặc dù tôi không có đồ vật gì trong tủ cả, kể cả sách vở. Tủ mở ra, tôi nhìn vào trong để xem bụi bặm nhiều ít, tôi chợt thấy một bộ xương nhỏ xíu, trắng phếu, đầy đủ từ đầu đến chân và đuôi. Bộ xương này có lẽ đã ở trong này lâu lắm rồi nên không còn dấu vết gì và cũng không hề có một mùi hôi thúi nào.

Tôi cố nhìn kỹ bộ xương không lớn hơn ngón tay út... rõ ràng là bộ xương của một con chuột, một con chuột lắt nên bộ xương mới nhỏ đến vậy. Tôi bàng hoàng và xúc động vô cùng. Tôi dùng đèn rọi vào trong tủ thì thấy cạnh bộ thi hài nhỏ xíu đó, có một dấu khoét vào thành gỗ gõ dày cui của cái tủ. Dấu khoét hay dấu cắn, dấu gặm nhấm gì đó đã khoét sâu vào thành một phần tư hình cầu, giống như phân nửa của vú cau, có kích thước cỡ một phân rưỡi bề kính và sâu vào khoảng một phân.

Tôi ngồi bệt xuống gạch, mắt nhìn trừng trừng vào bộ xương con vật nhỏ bé và liên tưởng đến một việc làm ngoài sức tưởng tượng, phi phạm để tranh thủ cho sự sống còn của một số kiếp phù du. Và nó chỉ là một con vật, một con vật quá bé bỏng.

Có thể là trước đó, tôi đã vô tình khóa cửa tủ mà không biết có một sinh vật, một sinh vật cần khí trời, cần thức ăn, đồ uống... ở trong đó. Và hình ảnh con chuột đã phí tất cả sinh lực của mình với đôi hàm răng mảnh khảnh để cố cắn khoét tám vách gỗ đồ dày một phân rưỡi trong bao nhiêu ngày đêm, để mong tìm tự do, đã làm cho tôi bàng hoàng.

Ra ngoài, con chuột này không phải chỉ để được tự do sống cho riêng mình mà biết đâu còn cho đàn chuột con đang nheo nhóc chờ cha mang thức ăn về. Biết đâu cả mẹ chúng cũng

lo âu chạy ra chạy vào hang để biết rằng có cảnh: kẻ trông cha người trông chồng.

Trong tâm trí tôi, một cuộn phim quay chậm tất cả sự việc xảy ra kể cả khi con chuột đã kiệt sức trong mấy ngày liền, dùng răng để nghiền thân gỗ cứng như sắt, mà vẫn miệt mài, miệt mài khi sức cùng lực tận, buông xuôi và biết đâu hình bóng của đàn con nhỏ của nó vẫn còn trong tâm tưởng của nó vào phút chót.

Tôi thần thờ đóng cửa tủ, khóa lại và xem như đây là mộ phần của một chúng sanh. Từ đó tôi không hề đụng chạm đến cái tủ này, cái bàn đêm này nữa.



CON CHIM SẼ

Lúc bấy giờ vào khoảng tháng hai năm 1972, tôi đang phụ trách công tác hành chánh tại một trường Trung học lớn của thành phố Mỹ Tho. Phòng tôi làm việc cùng một dãy với văn phòng gồm tất cả phòng của dãy lầu Bắc của khu trường.

Dãy lầu Bắc và dãy lầu Nam của trường có một lối kiến trúc khác với các dãy khác đã quá cũ, còn các dãy mới cất sau này thì quá mới. Chỉ có dãy lầu Bắc và dãy lầu Nam là cất theo lối kiến trúc thuộc địa, có hành lang rộng thênh thang, có cửa lá sách mát mẻ, có trần nhà tô vôi ẩm cứng cùng với vách tường xây bốn

mười nên bốn mùa, ở trong hai dãy lầu này, mọi người đều cảm thấy thoải mái mặc cho trời mưa trời nắng, mặc cho mùa đông hay mùa hè.

Cũng như các phòng khác, phòng tôi phía trước là hành lang là cửa ra vào và một cửa sổ rộng lớn. Phía sau là một cửa sổ cũng rộng lớn như vậy, ngoài kia là một hàng cây anh đào, không phải loại đào ngoài Bắc mà là loại anh đào ở Đà Lạt, có bông nhưng thưa thớt và không đẹp như hoa đào ngoài Bắc hay của Nhật Bản. Tuy nhiên tàn lá của nó thì quanh năm xanh mướt, một màu xanh êm dịu và rậm rạp đủ cho các loài chim về đậu, như chim sẻ, chim sâu, chim rẻ quạt, chim mắt khoen, nhất là vào dịp gần Tết có bầy chim trao trảo về luôn cái cộ chí chèo.

Một buổi sáng khoảng 9 giờ, tôi nghe tiếng kêu chíp chíp bên tai, tôi cứ ngỡ là tiếng kêu từ ngoài rặng cây anh đào, nhưng tiếng kêu khác thường chớ không phải tiếng gọi bạn thường lệ. Tôi nhìn ra ngoài, chợt thấy một con chim se sẻ đang đậu trên bệ cửa sổ, không xa bàn viết của tôi, đang giương đôi mắt nhìn tôi. Tôi vô cùng ngạc nhiên vì tôi chưa hề thấy một con chim nào mà dạn như vậy. Con chim se sẻ cứ nhìn tôi, đôi cánh vỗ nhẹ, và chiếc mỏ nhỏ bé tiếp tục kêu chíp chíp.

Tôi thử khoa tay đuổi, nó vẫn không bay. Tôi thử đưa tay bắt nó, nó vẫn không tránh né. Cuối cùng tôi đành phải đứng lên, đưa tay mặt bắt nó để trên bàn tay kia và cố tìm xem trong con chim có điều gì khác thường không. Chừng đó tôi mới khám phá ra có một con kiến vàng đang đeo và cắn vào gần mí mắt của nó. Tôi nhẹ nhàng gỡ con kiến vàng ra và lấy tay xoa xoa chỗ nó bị cắn. Xong, tôi để nó đứng xuống bực cửa sổ, vỗ vỗ vào đầu nó và bảo nó:

- Rồi, tao gỡ con kiến vàng cắn mày rồi. Thôi bay đi về với vợ con đi. Nhớ cẩn thận nghe không.

Không biết con chim se sẻ có nghe và hiểu tôi nói gì không, nhưng nó nhìn tôi và kêu nhẹ nhẹ chíp chíp... rồi vỗ cánh

bay theo tiếng chim gọi đàn đang vang dội trong ánh nắng ấm mùa xuân chan hòa trên các ngọn anh đào, phía sau dãy lầu Bắc ngói trường.



LUCKY

Năm 1991. Nhà tôi ở giữa trung tâm thành phố. Chung quanh nhà có tường bao quanh. Cổng vào ít khi mở, chỉ khi nào có khách đến.

Đằng sau nhà tôi, có một mảnh vườn nho nhỏ để tôi trồng đủ thứ hoa kiểng. Một buổi xế, như thường lệ, tôi xách thùng nước tưới cho mảnh vườn nhỏ bé của tôi. Tôi chợt thấy một con chó - nhà tôi không hề nuôi chó - nằm co ro trong một góc vườn. Con chó không lớn lắm chỉ độ lớn hơn bắp chân tôi một chút, thuộc loại lông xù màu trắng có những vệt vàng ủa đỏ đây trên thân mình của nó. Tôi đoán nó là loại lai giống chó Nhựt vì đôi tai cụp xuống, chiếc mõm nhỏ xinh xắn, đo đỏ chỉ có thể dùng để ăn, để sửa chó không thể cắn ai.

Tôi nhìn nó, ngạc nhiên vì không biết nó từ đâu đến. Nó nhìn tôi bờ ngỡ, rụt rè có đôi phần bẽn lẽn nên vẫn nằm ép mình

xuống đất, co đôi chân trước giấu vào thân mình. Tôi đành ngồi xuống, dè dặt đưa tay thử xoa vào đầu nó, nó không phản ứng mà trái lại đưa cặp mắt nhìn tôi như van xin một điều cứu giúp, hay ít ra như đưa một lời xin lỗi vì đã xâm phạm gia cư bất hợp pháp.

Tôi vỗ vỗ vào đầu, xoa vào lưng, nâng nó dậy... nhất nhất nó làm theo tôi nhưng còn đôi chút rụt rè, nhút nhát. Tôi gọi nó đi theo tôi để tôi đưa nó ra đường cái hòng trả nó về với chủ nó. Nó không đi. Cuối cùng nó nằm xuống chỗ cũ và luôn ghéch mõm nhìn tôi, theo dõi bước chân tôi. Tôi đành để nó nằm đó và ra mở cổng để hy vọng nó nhớ chủ cũ, nó có thể ra về tự do.

Chiều lại, tôi lại ra chỗ cũ tìm nó. Nó vẫn nằm đó, vẫn nhìn tôi với ánh mắt lúc xế nghĩa là như van lơn như cầu khẩn. Tôi không chịu được, nên ra sau nhà bếp lấy một cái đĩa với một ít cơm thịt hòa trộn chung lại và không quên múc một lon nước trong đem đến cho nó. Tôi đặt thức ăn và lon nước trước mặt nó. Nó nhìn tôi lần này là cái nhìn dò xét mà không chịu ăn uống gì cả. Tôi ngồi xuống, lấy tay xoa đầu nó, vuốt lưng nó, kéo đĩa cơm đến sát bên mõm nó rồi nói với nó:

- Ăn đi. Mày đói bụng phải không? Tao biết mà. Ăn đi rồi tao tính cho.

Con chó lại ngược mắt nhìn tôi rồi dùng lưỡi nhẹ nhẹ đưa thức ăn vào mõm. Trong khi nó ăn, tôi vẫn ngồi đó với nó, vẫn nói với nó những lời tri ngộ. Ăn uống xong, lần này tôi đi mà không gọi nó theo, nhưng nó rón rén đi theo tôi, từ trong vườn ra đến ngoài sân, đi vào cả trong nhà... dường như tôi và nó đã có một mối thâm giao từ trước.

Thế là đêm đó nhà tôi có thêm một thành viên không mời mà đến. Tôi biết nó là phái yếu nên muốn đặt cho tên Jackies nhưng thôi sợ đụng chạm với quý bà nên tôi đổi lại là Lucky mặc dù tên này không có gì là nữ tính cả. Không sao, nó đâu có biết gì.

Lucky thích nghi và hòa hợp với gia đình tôi một cách nhanh chóng. Nhất là đối với tôi, suốt ngày nó quanh quẩn bên tôi. Sáng ngủ dậy người chúc tôi “buổi sáng tốt lành” trước nhất là nó. Tôi quét sân là nó lèo đèo theo tôi. Tôi ra vườn là nó quần quít theo tôi. Tôi xem truyền hình là nó nằm dưới chân tôi. Tôi ăn cơm là nó cũng ăn cơm nhưng chưa được cùng mâm. Cái điều này thật ra tôi và nó chưa bình đẳng được. *Sorry* nghe Lucky!

Cho đến một hôm cả nhà tôi phải đi Sài Gòn để tiễn một người trong gia đình trở qua Pháp. Trước khi đi, tôi vỗ vào đầu nó và căn dặn:

- *Lucky, bữa nay cả nhà có việc phải đi hết lên Sài Gòn. Mày ở nhà một mình coi nhà nghe không. Đừng ra ngoài đường xe cộ dữ lắm. Tao có để cho mày một đĩa cơm rồi đó. Chiều tao về.*

Chúng tôi ra cổng, khóa trái cổng lại, lên xe, nó, con Lucky đứng trong cổng nhìn ra có vẻ lo lắng. Xe chạy, chúng tôi vẫy tay chào:

- *“Bye bye” nhé Lucky. Chiều gặp lại.*

Chiều lại, xe về đến Trung Lương, trời mưa lất phất, tôi nhớ đến Lucky, buột miệng nói:

- *Cha! Con Lucky bữa nay nhớ mình dữ lắm. Mình về đây nó mừng cho mà coi.*

Tôi nôn nả bước xuống xe trước nhất, chưa kịp mở khóa mà tôi đã gọi:

- *Lucky ơi! Lucky... tao về nè, mày đâu...?*

Im lặng, không tiếng trả lời, không bóng dáng của con Lucky trái với dự đoán của tôi là nó sẽ nhảy lên ôm chầm lấy tôi mà ngoắt đuôi, mà mừng rỡ, mà gâu gâu... Tôi chạy vội vào nhà, lên nhà trên, xuống nhà dưới vào trong phòng... tuyệt nhiên không thấy con Lucky.

Tôi hốt hoảng mặc vội cái áo mưa, dầm mưa ra đường để kiếm nó. Trời vẫn mưa, đèn đường mờ nhạt không đủ sáng để tôi tìm nó. Tôi vừa đi, vừa đảo mắt nhìn quanh, vừa gọi Lucky ơi, Lucky hỡi... Bật vô âm tín. Tôi đi gần hết các khu phố quanh vùng, mưa càng nặng hạt, tôi đành quay về nhà mà lòng rối như tơ vò. Đêm đó tôi không ngủ được.

Ngày hôm sau tôi vẫn đi tìm nó khắp nơi, nhìn vào nhà người ta mong tìm thấy nó như kẻ ăn trộm rình nhà. Mấy ngày liền như vậy, nên tôi không còn hơi sức nào đi tìm nó nữa đành ở nhà tìm việc lật vật để làm, để quên nó... thì trái lại càng nhớ nó hơn vì đi đến đâu dường như cũng có hình bóng nó theo tôi.

Một tuần lễ sau, tôi đã hoàn toàn thất vọng, thôi đành tự an ủi là nó có thể trở về với chủ cũ của nó. Chỉ mong vậy thôi, chớ trong lòng vẫn không yên, vẫn mãi nhớ đến nó. Một buổi xế trưa, vẫn một buổi xế như lần tôi gặp nó đầu tiên, tôi đang chăm chú ngồi tỉa mấy cành cây kiểng trồng bên lối vào nhà, tai tôi bỗng nghe tiếng kêu ư ử... khẽ khàng mà như khẩn cấp, tôi vội nhìn ra cổng đang khép kín, tôi chột nhận ra... nó, con Lucky.

Cổng đóng kín toàn là song sắt, nên con Lucky phải nằm sát xuống nền xi-măng để có chỗ trông nhìn tôi và lên tiếng kêu ư ử. Khoảng trống này đủ chỗ cho nó chui vào, nhưng nó vẫn nằm đó, hai chân trước quào quào xuống nền gạch, mõm nó không ngót gọi tôi bằng những tiếng kêu êm ái, mắt nó nhìn tôi van lơn như thuở nào. Tôi mừng quá lớn tiếng:

- *Lucky!*

Chùng đó nó mới chui vào cổng và nhảy bổ lên tôi, kịp khi tôi dang tay ôm nó vào lòng. Trong khi tôi liền miệng nói với nó những lời lo lắng, nhớ thương, thì nó bám vào tôi không ngớt liếm tay, liếm mặt, liếm mũi tôi. Tôi có cảm giác là nó trở về nhà như một đứa trẻ bỏ nhà đi hoang, mặc cảm tội lỗi nên không dám tự động vào nhà nếu không được phép.

- *Lucky ơi, mày đâu phải như vậy đâu. Tao biết hôm đó mày đâu có biết tao đi đâu và chừng nào về, mày mới đi kiếm tao và lạc đường về nhà mà. Mày đâu có bao giờ bỏ tao phải không Lucky?*

Thế là Lucky trở lại là một thành viên không thể thiếu của gia đình tôi, mà càng thâm đậm tình cảm, càng sâu sắc ân tình hơn nữa sau chuyến phiêu lưu có thể gian truân về phần nó còn về phần tôi biết bao lo âu thương nhớ.

Lại một buổi xế trưa – sao những biến cố xảy ra giữa tôi và con Lucky thường vào buổi xế trưa như vậy! – có một người khách lạ, một người phụ nữ xin tôi được vào nhà tham quan vườn kiếng của tôi. Tôi tiếp cô và hướng dẫn cô đi xem từ trước ra sau. Tôi đang giải thích cho cô về một số cây cảnh mà cô chưa biết, bỗng con Lucky từ trong nhà chạy ra, đứng lại nhìn người khách... rồi dậm sầm nhảy bổ lên người khách. Khách ôm nó vào lòng và nói:

- *Trời ơi! Con chó của cháu đây mà.*

Tôi chết đứng như trời trồng. Không còn gì để bàn cãi là con chó của ai. Và tôi đã thấy trước việc gì sẽ xảy đến để một lần nữa chia cắt giữa tôi và nó mà lần này thì không còn cơ hội tái ngộ. Người khách phân trần:

- *Con Lyly của cháu, nó đi lạc gần năm nay. Bữa nay may quá cháu gặp nó ở đây... Cô ngập ngừng muốn nói tiếp mà không nói được.*

Cô không nói được nhưng tôi, tôi biết cô muốn nói điều gì, nên tôi nói:

- *Bây giờ cô muốn xin nó lại phải không?*

Cô không trả lời, nhưng đôi mắt cô biểu lộ sự biết ơn. Tôi lại nói:

- *Thật tình mà nói, cả nhà tôi thương nó lắm, nhất là tôi. Tôi không bao giờ quên kỷ niệm của tôi khi nhận nó vào nhà tôi,*

tôi cũng không quên có một lần cả nhà tôi đi vắng bỏ nó một mình, nó đi tìm tôi lạc đường, cả tuần lễ sau mới tìm được về nhà.

Tôi nói tiếp:

- Như vậy, tôi thông cảm với cô về sự mất mát đó. Vậy cô cứ bắt nó về đi nhưng cho tôi biết nhà cô ở đâu để tôi xin phép cô thỉnh thoảng đến thăm nó. À quên, tôi không biết trước đó nó tên gì, nhưng khi về nhà tôi, tôi gọi nó là Lucky.

Khách tự nãy giờ trò chuyện với tôi vẫn ôm con Lucky trong lòng. Nó nghe hai người chủ nói chuyện qua lại, không biết có hiểu gì không nhưng có lúc nó nhìn cô khách có lúc nó nhìn tôi, vẻ lo âu.

- Cháu thành thật cảm ơn bác, xin bác tùy tiện đến nhà cháu bất cứ lúc nào để thăm nó.

Nói đến đây, khách cúi xuống nói với Lucky:

- Nè để ông ôm con một chút đi rồi về nhà, cảm ơn ông đi Lyly.

Tôi xua tay không nhận con Lucky do khách trao cho tôi để nói lời tạm biệt, mà cũng không muốn nhìn nó, chỉ nói với khách:

- Cô về đi. Tôi không tiễn cô ra cổng đâu.

Tôi đi vào nhà và không biết khi ra đến cổng, nó, con Lucky có nhìn lại tìm tôi hay không?

Tôi muốn đến thăm “nó” lắm. Nhưng tôi dần lòng nghĩ rằng đến làm chi cho thêm lưu luyến rồi ai về nhà nấy. Nhưng cuối cùng tôi không cưỡng được sự thôi thúc của lòng nhớ thương, nên vào một buổi sáng tôi tìm đến thăm nó.

Nhà đóng cửa, có lẽ vì ông bà chủ nhà đi làm, con cái đi học. Tôi đến trước cổng lén nhìn vô, chưa kịp nhận định được bên trong có gì, bỗng tôi giật nẩy mình, một tiếng “hực” và một cái

bóng nhảy lên cửa cổng cố bám vào song sắt, len đầu ra kẻ hở thè lưỡi liếm thân mình tôi với những tiếng kêu ư ử... thuở nào.

Tôi đưa tay vào nâng “nó” lên, nó bám vào tay tôi như không muốn rời ra chỉ biết liếm và liếm, không có thời gian để “nói” gì với nhau. Mắt nó nhìn tôi như trách móc như van lơn đừng bỏ nó nữa. Thế đấy, tôi và “nó” gặp gỡ nhau sau một thời gian xa cách, kẻ bên ngoài, kẻ bên trong, chia cách bởi cánh cổng sắt phân đôi.

Tôi muốn để nó xuống nhưng không được vì nó cố bám vào tôi, hơn nữa để nó xuống thì tôi và “nó” lại xa nhau quá tầm tay. Cho nên sự trùng phùng của chúng tôi trong một tình huống buồn cười như vậy, mãi đến khi cô chủ nhà về.

Cô lật đật mở cửa và nó đã nhảy vào trong lòng tôi tự lúc nào. Cô chủ nhà cảm động nên vuốt lưng “nó” và nói:

- *Thôi Lucky, để ông nghỉ chó. Ông còn đến thăm Lucky nữa mà.*

Rồi day qua tôi, cô tiếp:

- *Bác ơi, từ hôm về nhà cháu, cháu gọi nó Lyly, nó không trả lời mà gọi nó Lucky là nó chạy lại.*

Sau câu nói đó, tôi nhìn “nó” với một ít hãnh diện và có lẽ “nó” cũng vậy.

Đến lúc chia tay, cô chủ nhà vẫn phải ôm nó vào lòng rồi dỗ nó như dỗ một đứa con:

- *Thôi để ông về, lâu lâu ông đến thăm Lucky nữa mà!*

Rồi cô ôm nó vào nhà trong, không tiễn tôi ra cổng. Tôi cũng muốn thế.

Đó là lần thăm Lucky duy nhất cũng là lần thăm cuối cùng của tôi. Sau chuyến thăm này, tôi không còn can đảm để trở lại thăm “nó” nữa, mặc cho sự nhớ thương “nó” dày dò tôi.

Một năm sau, vô tình tôi gặp cô chủ của Lucky ngoài đường. Cô buồn bã kể lại với tôi:

- *Bác ơi! Con Lucky chết rồi!*

Tôi bàng hoàng như nghe một hung tin, cô kể tiếp:

- *“Nó” là loại giống lai nên nhỏ con, cháu không biết việc này, nên khi sanh con, nó không đủ sức và đã chết trên tay cháu cách nay mấy tháng, Cháu muốn đến cho bác biết nhưng sợ bác buồn.*

Cô nói xong, cúi mặt xuống và lững thững đi...

Từ hôm đó và mãi về sau, nhớ đến “nó”, lòng tôi nặng trĩu một nỗi buồn.



BỐ KHOEN

Cuối mùa mưa bão, trời vẫn còn lất phất mưa, gió se lạnh, trong một góc vườn hẻo lánh trên một cánh khế hoang vắng khiêu, già nua, cằn cỗi bố Khoen bảo với vợ:

- *Hôm nay trời vẫn còn bão mà hai ngày rồi mẹ nó chưa có gì ăn để ấp trứng. Thôi thôi vậy, để anh bay đến đâu đó kiếm cái gì đó cho em nhé.*

Mẹ Khoen nhìn chồng bảo:

- *Thôi anh à. Em còn chịu được. Mưa bão nguy hiểm lắm.*

- *Không sao đâu, anh chỉ bay gần đây thôi. Có gì anh bay nhanh về mà. Em vào ấp trứng kẻo lạnh. Anh đi đây.*

Mẹ Khoen không kịp ngăn chồng, trở vào tổ, trộn hai chiếc trứng xanh xanh, xinh xinh, phủ hai cánh lên ấp mà mắt thì nhìn theo dấu bay của chồng lo lắng, không yên.

Bố Khoen bay đi chập choạng vì chính mấy ngày rồi bố Khoen cũng có ăn gì đâu, cũng đang đói, sức lực cũng không còn bao nhiêu. Tuy nhiên, lòng thương vợ, thương các con tương lai đã giúp cho bố Khoen tiếp tục cuộc hành trình trong thời tiết khắc nghiệt này.

Bố Khoen, đáp xuống một cành mạn, cố tìm một con sâu, một cái kén... không có. Trời mưa gió mấy ngày liền đã làm trôi sạch các sâu bọ, kén nhộng. Bố Khoen lại đáp xuống một bãi cỏ để thử tìm vài con cào cào hay châu chấu non... cũng vô vọng. Bố Khoen lại bay đi, bay đi nhưng đôi cánh như rã rời, đôi mắt như hoa lên, nhưng không thể bỏ cuộc, bố Khoen cứ bay, cứ bay và quan sát...

Bỗng trước mặt có một ngôi nhà lá nhỏ, bên cạnh là một mảnh vườn cây ăn trái. Thường lệ là bố Khoen rất sợ những nơi có nhà cửa vì nơi này có người ta ở, mà người ta, nhất là trẻ con, thường là kẻ thù đáng sợ nhất của loài chim. Nhưng lần này sự sợ hãi đó được bỏ qua, mặc dù nơi này là vùng cấm kỵ của bố Khoen, nhưng ngược lại là nơi có thể có nhiều thức ăn cho vợ và cho chính mình.

Với ít nhiều cảnh giác, bố Khoen đáp xuống nóc ngôi nhà lá đó, đưa mắt quan sát và chợt nhận ra có một con châu chấu treo lủng lẳng trong một cái lồng tre và lồng tre này cũng được treo trên một cành cây trâm cạnh nhà.

Bố Khoen với kinh nghiệm bản thân biết đây là một cái bẫy, một cái bẫy chim cho nên bố Khoen không dám nhìn nữa và bay lên lượn xuống nơi đây để thử tìm đâu đó có một con sâu,

một cái bướm nào không? Nhưng vô vọng. Bô Khoen lại chọt bay ngang cái bầy chim khi nãy và hình ảnh con châu chấu béo tròn trong bầy làm động lòng bô Khoen. Bô Khoen nghĩ là mình chỉ nhanh nhẹn nhảy vào đớp lấy con châu chấu vụt bay ra liền thì bầy không kịp sập. Chỉ có cách đó, mẹ nó mới có sức lực để ấp trứng nuôi con.

Nghĩ là làm. Cốp! Một tiếng bầy sập. Bô Khoen đã bị nhốt kín trong lồng bầy, miệng còn ngậm con châu chấu, mắt sợ hãi, lảo liên, cánh cố đập, chân cố quào... nhưng lồng bầy bằng tre đan chắc chắn. Bô Khoen sau một lúc vùng vẫy để thoát thân, không được, kiệt sức nằm sải cánh cam chịu theo số phận. Con châu chấu rơi đi đâu không biết, bô Khoen đưa mắt nhìn ra ngoài lồng bầy, trời vẫn còn mưa, nghĩ đến mẹ nó có lẽ giờ này đang chờ đợi, lo âu.

Một giờ sau, trời quang mây tạnh, bô Khoen cố đứng lên, chim chíp kêu, nhón nhác nhìn bên đây bên kia tìm một chỗ trống để có thể thoát thân. Từ trong nhà một cậu bé ra vườn, thấy có một con chim bị sập bầy vui mừng thót lên:

- *À! Con mắt khoen đẹp quá. Tao bắt được mây rồi.*

Cậu bé leo lên cây. Gỡ cái lồng bầy đem xuống để trên nền đất, ngắm nghía con chim rồi tạt lưỡi :

- *Mây đẹp quá Khoen ơi ! Mây ở với tao nghen.*

Cậu bé lui cui lấy cái lồng chim khác, cẩn thận bắt bô Khoen chuyển sang lồng mới, để vào một vài thức ăn và không quên một chung nước trong vắt rồi cẩn thận đem treo trước thềm ba nhà. Cậu bé vô cùng thích thú thỉnh thoảng chạy ra ngắm nghía gọi Khoen ơi, Khoen hỡi, động viên:

- *Ăn đi, tao có nhiều hạt kê lắm, tám nữa nè, rồi tao bắt cào cào châu chấu cho... Rồi tao tập cho mây hót nghe không ?*

Bô Khoen từ lúc bị nhốt vào trong lồng mới, mới biết là mình đã bị cầm tù, có nghĩa là con đường về với vợ con không

còn nữa, ngoài kia trời rộng mây xanh không còn nữa. Bố Khoen vẫn đói, ruột gan đang cồn cào, sức lực đã tàn nhưng nhìn thức ăn nước uống đầy đủ mà bố Khoen vẫn đứng đưng. Bố Khoen chỉ nghĩ giá mà mang được thức ăn này về cho mẹ Khoen rồi trở lại bị cầm tù cũng cam.

Ngày hôm sau, bão đã tan, trời nắng tốt, cậu bé ra thăm Khoen, thấy Khoen vẫn ủ rũ không ăn uống gì cả nên lấy lòng xuống để trên nền nhà, năn nỉ Khoen :

- Ăn đi Khoen, ăn cho khỏe rồi tao bắt thêm mồi cho.

Bố Khoen vẫn trơ trơ, nhìn ra khung trời tự do mà nơi đó có mẹ Khoen đang khắc khoải trông chờ. Cậu bé không chịu được nên mở lồng ra định bắt Khoen ra vỗ về. Nhưng bố Khoen trong một phút xuất thần đã lợi dụng sự vô ý của cậu bé, tập trung tất cả sức lực còn lại, vụt ra khỏi lồng cất cánh bay đi.

Bố Khoen lao đảo vì kiệt sức, đường bay không chính xác, một cơn gió nhẹ là đủ cho bố Khoen mất thăng bằng. Nhưng phía trước là tổ, là vợ, là con... bằng bất cứ giá nào cũng phải về nơi đó và bố Khoen đã thắng.

Bố Khoen loạng choạng đáp xuống tổ, bên cạnh mẹ Khoen, ngã gập người xuống, kiệt quệ. Mẹ Khoen lo lắng nhìn chồng, bước ra nhường tổ cho chồng nằm đồng thời để áp mấy quả trứng đã có dấu hiệu nở con. Mẹ Khoen nhìn chồng và bảo :

- Anh nghỉ đi và ấp con luôn thể. Trời nắng tốt để em bay đi tìm thức ăn cho.

Bố Khoen không còn sức lực gì để ngăn cản, nhìn vợ với ánh mắt yếu ớt nhưng tràn đầy tình thương. Mẹ Khoen tung cánh lên nền trời hôm nay xanh tươi nắng ấm, có nghĩa là cơn trùng sẽ ra tràn đồng.



CON CHUỘT LẮT VÀ CHỊ HAI

Nhà có nhiều chuột lắm, nhưng chỉ là chuột lắt (nhất), chỉ gặm nhấm phá phách ban đêm, từ nhà trên, lên gác, xuống nhà bếp, lu gạo, tủ ăn... không bắn thiu đáng gớm ghiếc như loại chuột xù chuột cống. Tuy vậy chúng vẫn là một mối quan tâm khó chịu, là một nỗi bức dọc cho mọi nhà, nhất đối với các cô, các bà nội trợ.

Không giận sao được, sáng dậy thấy nắp lu gạo bị cắn một lỗ, thấy cửa lưới tủ ăn rách tung, thấy nải chuối cứng trên bàn Phật bị moi khoét hai ba trái, thấy cái áo để trong tủ không đóng kỹ lưỡng bị gặm nát cái lại... cho nên chị Hai nhất định ra chợ mua một cái bẫy sập để về... trừ khử cái loại phá hoại này.

Lần đầu chị mang cái bẫy lưới kẽm về, đặt xuống đất, tập tành sử dụng nó. Chị giương nắp bẫy lên, lấy một miếng mồi có thể là một mẩu thịt vụn, một miếng khô nhỏ... cài vào một cọng kẽm bỏ thông trong bẫy, đoạn gài phía ngoài nắp bẫy vào phần trên, sao cho con chuột nào vô phúc cắn vào miếng mồi làm bật cái khoen gài, nắp bẫy do sức bật của lò xo sập xuống thế là toi đời chú chuột.

Chị loay hoay tập làm cho quen tay để chiều nay chị sẽ ứng dụng lần đầu tiên cho lũ chuột biết tay, nhưng chị hí hoáy thế nào để bị nắp bẫy sập xuống đánh mạnh vào tay chị, đau điếng. Bao nhiêu cái đau đó chị lại trút vào đầu mấy con chuột chết tiệt này:

- Mày ở đó coi tao!

Trong khi chị đang hăm hờ tập tành cái dụng cụ ghê gớm này – tất nhiên là đối với lũ chuột lắt nhỏ bé thôi – thì ông nội theo dõi từng ly từng tí, không nói không rằng, khi thấy chị bị bẫy sập đánh vào tay, ông cười rồi bỏ đi.

Chiều lại vừa chạng vạng, chị Hai trông đợi giờ này từ xế trưa, chị lấy bẫy ra, lần này chị đã quen tay nên chị gài mồi vào bẫy xem ra chuyên nghiệp lắm. Chị mang bẫy đến khung bếp mà chị biết là con đường mà mấy chú chuột sử dụng hàng đêm để phá hoại mọi thứ.

Sáng hôm sau chị dậy sớm hơn mọi khi, đến ngay nơi chị đặt cái bẫy, chị vui mừng reo lên :

- À thì ra, mày chết với tao rồi!

Thật vậy, chị đã thành công. Một con chuột lắt đã bị sập bẫy từ đêm hôm. Chỉ là một con chuột lắt, quá nhỏ chỉ lớn hơn ngón tay cái một chút. Nó đang nhảy lên nhảy xuống trong lồng bẫy, cố vẫy vùng để tìm lối thoát một cách tuyệt vọng. Chị Hai xách cái bẫy ra ngoài sân, đặt xuống đất, dùng một thanh tre nhỏ đưa vào lồng lừa thế để đâm hay đập cho con chuột chết.

Con chuột nhỏ bé chỉ biết nhảy lên nhảy xuống một cách tuyệt vọng chớ không có cách nào tránh né. Khi đã bị mấy vết đâm trúng khá mạnh con chuột nằm ngửa ra và bốn chân run rẩy, cam chịu số phận để cho chị Hai nhân cơ hội này kết thúc cuộc đời con vật bé bỏng, bằng một vết đâm mạnh vào đầu. Máu từ trong đầu chảy ra ướt cả lồng sắt, rỉ xuống nền đất.

Chị Hai hả dạ, mở lồng bẫy ra cho xác con chuột vào bao ni-lông ném vào thùng rác, thỏa mãn vì mình đã thành công trong việc diệt trừ một giống phá hại, có thể làm nguy hại cho sức khỏe con người. Chị mỉm cười và nghĩ chiều nay chị sẽ giăng bẫy ở một nơi khác, rồi hôm sau, hôm sau nữa... đến một ngày nhà chị sẽ không còn một con chuột nào cả. Nghĩ đến đây chị Hai mỉm

cười. Ông nội, từ này giờ theo dõi tấn thảm kịch này một cách chăm chú, đến khi kết thúc ông lặng lẽ trở vào nhà trong.

Đêm đến chị Hai lại giương bẫy ở một nơi khác, vì chị nghĩ con đường cũ chuột đã biết mỗi hiểm họa rồi, nên chị đem đến nơi mà theo chị nghĩ là chuột sẽ theo đường này mà đến thập gạo. Sáng hôm sau, chị cũng dậy sớm đến thăm bẫy nhưng lần này chị thất vọng vì không có con chuột nào bị sập bẫy cả. Nhưng chị vô cùng ngạc nhiên là tại sao bẫy vẫn sập mà không có con chuột nào bị bẫy. Chị suy nghĩ mà không hiểu tại sao nhưng cuối cùng chị cho là hệ thống bẫy không đủ nhạy, hoặc là con chuột này nhanh nhẹn quá chăng. Chị lẩm bẩm :

- Nhưng không sao, tối nay mày sẽ biết tay tao !

Thế là đêm đến, chị lại giương bẫy và sáng hôm sau, mới tung búng sáng chị đã đi thăm bẫy. Chị càng thất vọng là bẫy vẫn sập mà kẻ phá hoại lại không bị bắt. Vậy nghĩa là sao ? Những đêm kế tiếp chị Hai vẫn kiên trì giăng bẫy và sáng lại thăm bẫy thì bẫy vẫn trong tình trạng cũ nghĩa là bẫy sập mà không có kẻ thù trong đó.

Cho đến một hôm, chị Hai đang tức bực vì bẫy mãi mà không tóm được thêm một con chuột nào nữa, nên chị nổi giận quăng cái bẫy ra xa, mặt hầm hầm... thì ông nội đến và ôn tồn nói với chị Hai :

- Nội thả đó con !

Chị Hai, nhìn nội ngỡ ngàng :

- Trời ơi ! Nội có biết nó phá hại và gây ra nguy hiểm biết bao nhiêu không ?

- Nội biết và nội còn biết nhiều hơn con. Nhưng có điều cái ngày mà con dùng một cây tre để đâm chết con chuột nhỏ bé đó trước mặt nội, nội thấy không cảm lòng được.

- Vậy con phải làm sao bây giờ nội ?

- Trước hết nội nói một chút về tâm linh. Vạn vật đều là chúng sanh, nghĩa là cũng ham sống sợ chết, cũng biết vui buồn đau khổ hờn giận và nhất là cũng có tính hiếu sinh, do đó cũng có nỗi dòng lưu giống. Cái cảnh con dùng một cây tre tìm cách đâm, đập một sinh vật nhỏ bé chỉ bằng lòng tay của con, mà nạn nhân không hề có được một phản ứng nào chống đỡ.

Nghỉ một lát, nội tiếp :

- Con có lý do chính đáng của con để giết nó vì nó là loài phá hại, nhưng nó, nó cũng có lý của nó, mà lý của nó còn chính đáng và cấp bách hơn của con, đó là : nuôi sống đàn con mới ra đời của nó, nên nó không ngại hiểm nguy đến tính mạng của mình đi tìm thức ăn cho con nó.

Chắc con không thấy, nhưng nội thì nội thấy. Nội nhìn vào đôi mắt nó, nội không thấy sự sợ chết của nó mà nội thấy trong đôi mắt nó là hình ảnh của một bầy con đỏ nheo nhóc đang chờ nó mang thức ăn về cho chúng và cả cho mẹ chúng để mẹ chúng có sữa cho chúng. Và trước khi con đâm nó một nhát cuối cùng, có lẽ hình ảnh vợ con nó cũng còn trong ánh mắt hay trong tim nó.

Ngừng một lát và nhìn về mặt dịu dàng của người cháu nội, nội nói tiếp :

- Nội không đạo đức giả đâu, đó là sự thật hiển nhiên đau khổ cho tất cả đời sống của chúng sinh, nghĩa là kẻ cả của chúng ta.

Chị Hai tỏ ra cảm động trước những lời nói của nội và chị hỏi thêm :

- Vậy con phải làm sao ?

- Đây, nội chờ con hỏi nội câu này. Trước hết nội hỏi con, từ trước đến giờ trên thế giới này đã có bao nhiêu triệu cái bẫy chuột, bao nhiêu tấn thuốc diệt chuột, bao nhiêu tấn keo trù

chuột, bao nhiêu triệu con mèo bắt chuột... mà con thấy chuột có hết không?

Một bài học muôn đời con ạ! Đó là ngựa bệnh hơn trị bệnh! Nghĩa là con làm sao mà nhà con không có chuột chó không phải đợi khi có chuột rồi con mới tìm cách trừ khử nó.

Chị Hai nhìn nội chưa hiểu được nội nói gì, nên hỏi nội:

- Con vẫn chưa biết nội muốn con làm gì?

- Đây nhé! Con thử quan sát ngôi nhà nhỏ bé của mình đi. Từ nhà trên, nào là bàn ghế tủ phen, giường ván... bày biện khắp nhà, thêm vào đó các loại đồ quá cũ không còn xài nữa vẫn giữ lại chất đống lên đó; xuống nhà bếp ngoài các thứ cần dùng như tủ ăn, lu nước, thạp gạo, thùng rổ, ghè hũ, chai lọ... còn các thứ không xài cũng vẫn giữ lấy vất vương đâu đó. Ngoài ra còn đủ thứ vật nhà bếp thừa thãi không thu dọn, các thức ăn không bảo quản đủ kín, như vậy con có thấy nhà mình là một ổ chuột khổng lồ không? Ngoài ra ngoài hè, sau vườn rác rưởi, cây cỏ mọc tràn lan tạo cho lũ chuột một môi trường tốt để sống.

Ông nội nghỉ một lát để cho chị Hai có thời gian suy nghĩ, rồi tiếp:

- Bây giờ nếu ta mạnh dạn vứt bỏ những thứ thừa thãi đó đi, giữ lại những thứ gì cần thiết để cho ngôi nhà không còn một hốc kẹt nào dung thứ cho bọn chúng, thì chúng lấy đâu để sinh sống, sanh sôi, nảy nở.

Nội nghe người ta kể rằng bọn trẻ nhỏ ở các thành phố của các nước tiến bộ bên Âu châu, khi đi học chỉ biết con chuột, con muỗi, con thằn lằn... qua hình ảnh trên sách vở, hoặc trên phim ảnh mà thôi. Ở nhà, chúng kiểm soát con mắt không ra những thứ đó.

Chị Hai dường như bị nội thuyết phục nhưng cũng cố lên tiếng:

- Mà nội ơi, chỉ nhà mình làm như vậy thì bọn chuột các nhà khác cũng bò qua nhà mình thôi.

- Nhưng hãy bắt đầu từ nhà mình đi con! Còn cái bầy của con, cho nội xin đi.

- Để chi vậy nội?

- Để quăng đi!



CON MỰC THAY THẾ...

Cái xóm của anh Bảy Lọ ồn ào lắm, nhất là những hôm có một bữa tiệc thịt chó. Như hôm nay chẳng hạn, hầu hết đàn ông trong xóm, lắm khi cũng có phụ nữ tham dự, tập trung đến nhà anh Bảy Lọ.

Những bữa tiệc thịt chó, sau này còn gọi là thịt cay - một món ăn văn hóa theo lời anh Bảy Lọ - được tổ chức linh đình lắm - văn hóa mà - tức nhiên phải có kế hoạch. Kế hoạch đó thường được hoạch định ngay trong bữa tiệc thịt chó trước một cách qui củ, nề nếp và mỗi thành viên trong hội ẩm thực này hay thực khách cũng được, được phân công trước, ai cung cấp vật gì, ai làm việc gì một cách rõ ràng cụ thể... làm sao cho khi ráp vào bữa tiệc kế tiếp, mọi việc đều tiến hành suôn sẻ trôi chảy, để khi nhâm nhi một miếng dồi, gặm một miếng sườn nướng hay tộp

một nhúm tiết canh... thì mọi người cùng ực rượu một cách ngon lành như vậy.

Trong đầu chuyện tôi có dùng từ ồn ào, mà nãy giờ chưa có gì ồn ào cả. Vậy tôi xin thêm. Trong khi ăn uống ô ạt đó mà thiếu những tiếng cãi lầy to tiếng, thậm chí tiếng chửi thề ồm tỏi hay văng tục bán mạng thì đâu phải là bữa tiệc thịt chó. Cho nên, bữa tiệc thịt chó phải có một không khí chiến tranh náo nhiệt, có cãi cọ, có chửi mắng, có nói tục bắt phân thắng bại... nhưng sau bữa tiệc lại là một cảnh hòa bình đến mủi lòng. Mọi chiến binh nằm dài ra đó, gác chân lên nhau để ngáy, để lảm nhảm, để ụa mưa... Có như vậy bữa tiệc thịt chó mới là một bữa tiệc thịt chó.

Nhưng hôm nay, ta nói về một bữa tiệc thịt chó đã được trù hoạch lần trước và hôm nay, chính hôm nay là ngày thực hành kế hoạch đó để chuẩn bị cho một bữa tiệc thịt chó, lần này linh đình nhất, hoành tráng nhất, hào hùng nhất. Như một qui định, các y kỳ phận, sáng hôm nay vợ chồng anh Bảy Lọ dậy sớm, mở rộng cánh cửa cái, xuống bếp coi lại củi đuốc đủ chưa, lu nước lóng phèn hôm qua đã trong chưa, gia vị như sả, riềng, gừng, tỏi, ớt, ca ri, muối, nước mắm... các thứ sẵn sàng chưa.

Mọi người lần lượt tề tựu. Đến trước nhất là chị Năm Giá, tính đảm đang của phụ nữ mà, chị mang đến mấy cái rổ đựng nào là rau cải, khoai lang, mua thêm cả riềng và sả, là hai món gia vị cho loại thịt này, thiếu nó là không ăn được, bún, bánh hỏi, bánh mì. Kế tiếp là anh Sáu Ngọt, anh vừa vác trên vai một ghè rượu đế, vừa xách tay một can rượu nếp thang, nặng quá, anh phải gọi anh Bảy Lọ:

- Ê Bảy Lọ đỡ giùm một tay mây. Nặng thấy mẹ.

Bảy Lọ đỡ phụ thấy nặng quá, nói:

- Trời! Gì mà nhiều vậy mây!

- Nhiều cái con khỉ, nhằm nhò gì bao nhiêu đó mây. Làm bộ hoài.

- *Hà! Hà! Anh Bảy Lọ cười mon. Nói vậy chứ mình tao là phân nửa rồi.*

Mọi người lục tục đến. Nhưng một người mà ai cũng chờ mà người này chưa đến. Ai cũng đứng lên ngồi xuống trông ra lộ xem anh chàng này tới chưa. Mặt trời đã lên cao mà người trông đợi vẫn chưa xuất hiện. Ai vậy, ai mà quan trọng vậy. Không đến thì cho de có sao đâu. Anh ta bận việc gì không đến thời thôi. Có mợ thì chợ cũng đông, không mợ thì chợ cũng không buổi nào. Nói vậy chứ đâu có được, anh chàng này có vai trò chính mà!

Có anh đại miệng:

- *Chắc là nó bị thổ tả rồi quá.*

Anh khác :

- *Hổng chừng con nó bị té sông.*

Càng về trưa, mọi người càng nhón nháo. Bỗng từ mé vườn xuất hiện “người ấy”, con người mà mọi người đang trông đứng trông ngồi. Có anh chửi đồng một câu:

- *Thằng mắc dịch, báo hại người ta trông muốn chết.*

Mọi người đang mừng như trẻ trông mẹ đi chợ về, bỗng có một tiếng của ai đó reo lớn:

- *Ủa! Sao nó đi tay không vậy ta?*

Mọi người ồ lên một tiếng:

- *Sao vậy?*

Có người chửi thề. Có người nổi giận chạy ra sân, đón anh ta hỏi:

- *Đâu rồi?*

Không đợi anh ta trả lời, người này lôi anh ta vào nhà, đẩy anh vô đám đông rồi hỏi tiếp:

- *Sao? Mày nói cho tụi tao nghe coi, mày hứa cái gì?*

Anh này tui nghiù:

- *Hồi tối này, tao bắt “nó” rồi, tao bỏ vô bao bố, lấy lạt dừa cột lại đằng hoàng, sáng dậy tỉnh xách “nó” đến tụi bây, tao thấy còn cái bao không. “Nó” đâu mất.*

- *Sao mày không kiếm “nó”.*

- *Tao kiếm “nó” hồi sáng tới giờ mà “nó” đâu mất mới tới trễ nè.*

Tất cả thực khách tương lai đang chờ một bữa tiệc ra hồn mà bữa tiệc đã biến thành mây khói. Chửi cha không bằng đổ rượu. Cái ghè rượu đế này, cái can rượu nếp than này không có “nó” chỉ đem đồ mà thôi.

Sự phẫn nộ của mọi người lên đến cực điểm, tưởng chừng có thể ăn tươi nuốt sống cái thằng cha dờ hơi này. Chỉ có bao nhiêu đó mà không nên thân. Rồi có kẻ ác mồm nói nhỏ nhỏ là hồng chừng là con mẹ vợ nó ghét tụi mình mới mở dây thả “nó” chớ gì. Câu nói này lan ra, sự tức giận của đám người hụi bữa tiệc càng lên cường độ, như lửa đổ thêm dầu. Thế là một trận đánh hội đồng lên đầu lên cổ của anh chàng hứa ầu này.

Đánh thằng cha này cũng không sướng ích gì, nên mọi người ngồi xuống, trầm ngâm như những nhà hiền triết đang suy ngẫm tìm ra một khám phá cho sự thay thế cần thiết nếu một việc nào đó bất thành, chớ không thể ngồi yên mà khóc cho thất bại. Thế là rượu đế, rượu nếp thang, rượu chuột con, rượu rắn hổ mang... được dọn ra cùng một ít mồi như khô sặt, mắm ruốc, me, cóc, ổi... nhâm nhi và kỳ diệu thay rượu vào... sáng kiến ra.

Anh chàng tội phạm của bữa tiệc bất thành này đang gật gù suy ngẫm, và dường như trời phù hộ cho anh có cơ hội chuộc tội, nên khi... con Mực lớn cỡ bắp vế của anh Bảy Lợ đến cọ cọ vào chân anh để nịnh anh kiếm một cái gì đó thừa thãi cho nó, thì anh chàng này bỗng reo lên:

- *Tìm ra rồi! Nếu anh có học một chút anh sẽ reo lên “Eurêka”.*

Mọi người đổ dồn vào anh:

- *Tìm cái gì?*

Anh chỉ chỉ ngón tay xuống gầm bàn. Mọi người cúi xuống và nhận ra cái tìm ra rồi của anh chàng này sao mà đúng lúc quá vậy. Chỉ trừ anh Bảy Lợ hơi do dự một chút. Nhưng thiếu số phục tùng đa số. Thế là...

Thế là, với những bàn tay nhà nghề trong lãnh vực này nên chỉ một loáng là con Mực của anh Bảy Lợ đã nằm trong cái bao bố lã ra không phải là chỗ của nó. Không khí nhà anh Bảy Lợ bỗng trở nên huyền ảo, tiếng cười, tiếng nói tục, tiếng chửi thề rân lên và người ta không còn chê bai anh chàng kia nữa mà trái lại còn vỗ vai anh khen:

- *Thằng cha này vậy mà hay. Lần sau nghe mậy, lần sau nhớ kiếm lại con kia nghe. Của đâu mà bỏ mậy. Nhớ ghen: Nhứt Đóm, nhì Cò, tam Mực, tứ Vện.*

Vậy là đâu còn sót con nào đâu!



CON VỊT XÓM ĐẬP ĐÁ

Thành phố Mỹ Tho, cuối đường Ngô Quyền gần mé sông Bảo Định, queo qua trái có một xóm mà người ta gọi là xóm Đập Đá. Chả là nơi đây có một gia đình người Hoa từ mấy đời lưu truyền làm nghề đục đá như làm cối xay bột, cối đâm tiêu, tảng đá kê cột nhà, mộ bia... lắm khi cũng có lãnh những công trình có tính văn hóa dân gian như tạc bông sen, ông địa.

Nơi xóm Đập Đá này vào năm 1967, 1968 gì đó có một đứa bé mới lên sáu, đó là bé Cần. Bé Cần đang đi học lớp Một trường Nam Tiểu học Mỹ Tho. Một buổi sáng nghỉ học bé Cần ra trước nhà chơi. Nơi đây có một người đàn bà bán hột vịt lộn. Hột vịt lộn nếu ai ở Mỹ Tho đều từng ăn. Trứng vịt trước khi đem ấp (ấp điện) phải qua cặp mắt nhà nghề xem nó có “trống” hay không. Hột vịt cho vào lò ấp trong vòng 10 đến 12 hay 14 ngày là người ta đem ra bán cho những người mua về luộc ăn. Còn hột vịt ấp cho nở để bán vịt con phải đợi đến 21 ngày.

Sở dĩ có thời gian dài hay ngắn là vì có người thích ăn hột vịt ấp lâu ngày để cho con vịt được lớn, có người, những người này a-ma-tơ thôi, thấy con vịt lớn quá có mỡ, có chân, có lông... nhất không dám ăn chỉ dám ăn hột “úp mề” thôi. Con nít thì chỉ dám ăn lòng đỏ còn sót lại con vịt con thì đưa cho người lớn. Hoài của!

Ăn hột vịt lộn thì phải ăn chung với rau răm, chấm muối tiêu, uống la-ve mới đúng điệu. Có người ăn cả chục trứng, có

người ráng lắm ăn hai, ba trứng là ghê răng. Tuy nhiên ăn nhiều quá, coi chừng nửa đêm bị Tào Tháo rượt, nhất là lược ầu còn ba sồn, ba sực.

Thôi trở lại chuyện thằng bé Cần. Bé Cần ra trước nhà chơi luẩn quẩn quanh người bán hột vịt lộn sống. Bỗng bé Cần nghe tiếng chim chirp từ trong một cái trứng còn chắt đông trong một cái thúng. Bé Cần ngồi chồm hòm nhìn vào cái trứng vịt đã có dấu của một sự khẻ mở, có vài vết nứt rạn và từ đó tiếng chim chirp phát ra. Bé nhìn chăm chăm vào trứng vịt và thấy nó bắt đầu động đậy.

Trong khi người chủ bán hột vịt đang bận rộn sang hột vịt từ thúng này qua thúng kia, bé cầm cái trứng vịt khẻ mở lên đưa mắt sát vào vết nứt rạn để xem thì vết nứt bể ra, một cái đầu con vịt nhỏ xíu lú ra, mắt ngơ ngác nhìn quanh và ngung trên đôi mắt của bé Cần. Và một cái lắc mạnh, quả trứng bể hai rớt xuống đất, một con vịt con nằm gọn trong bàn tay nhỏ bé của bé Cần.

Con vịt con còn yếu ớt đứng không vững, bộ lông măng vàng ửng còn ướt, nhưng đôi mắt thì lanh lăm rồi. Đôi mắt nhìn qua nhìn lại, thỉnh thoảng nhìn vào bàn tay của bé, đôi khi nhìn thẳng vào mắt bé. Chị bán hột vịt quay lại và nhận thấy tình huống như vậy:

- Bé Cần đem nó vô nhà nuôi đi. Nó khôn lắm.

Bé Cần thích quá hai tay bế con vịt con chạy vụt vào nhà. Bé Cần lấy tấm cho ăn, lấy nước cho vịt uống. Vịt con nhanh chóng thích nghi với cuộc sống một cách phi thường, nó lớn lên dường như không cần ai chăm sóc ngoại trừ việc rải cho nó một ít thức ăn cho nó một tí nước uống. Nhưng có một điều lạ là từ khi nó về với bé Cần đến lúc lớn lên nó không hề rời bé Cần nửa bước bất cứ lúc nào, ngày cũng như đêm.

Khi còn nhỏ chưa đủ lông đủ cánh thì nó lẫm chẫm theo bé Cần. Bé Cần ăn cơm là nó chêm chếp dưới chân bàn, bé Cần học bài là nó lẩn quẩn bên chân, bé Cần leo lên cây mận là nó

đứng dưới gốc mận trông lên. Thậm chí đêm về, bé Cẩn ngủ trên giường thì nó ngủ dưới chân giường.

Mỗi lần bé Cẩn đi đâu xa, bé Cẩn phải nhốt nó vào một cái lồng tre khá rộng, không quên dùng vài cục gạch dẫn lên trên. Khi *nó đủ lông đủ cánh* thì nó được quyền đi rong chơi với bé Cẩn xa hơn, ngay cả đi ra chợ, ra công viên... bé Cẩn đi trước là nó lạch bạch theo sau luôn miệng kêu cạp cạp. Ngay cả khi bé Cẩn tắm ngoài mé sông là cơ hội cho nó thi thố tài bơi lội của nó.

Đến một lúc nào đó người trong khu phố đều có thói quen là hễ thấy bé Cẩn là người ta đưa mắt tìm con vịt, và hễ nghe tiếng kêu cạp cạp bất thường ngay giữa chợ là người ta đảo mắt tìm bé Cẩn. Sự khắng khít buộc ràng của đôi bạn này trở thành một truyền khẩu vui vui trong khu phố.

Sự tăng trưởng thể chất của một con người với tuổi đời trăm năm nếu so với tuổi đời ngắn ngủi của một con vịt quả là một chênh lệch quá cao. Con vịt hồi nào mới nở trên lòng bàn tay bé nhỏ của bé Cẩn, nay đã trưởng thành nhanh chóng để kịp thời trở thành người bạn tâm giao, nhưng liệu với cái đà tăng trưởng này nó còn tồn tại bao lâu nữa trên cõi đời để mãi là người bạn có thể sát cánh bên bé Cẩn.

Khi bé Cẩn lên học lớp Ba nghĩa là bé Cẩn và con vịt đã có được ba năm tri âm tri kỷ, thì bé Cẩn vẫn còn là một cậu bé nhưng con vịt đã là một con vịt già, một “người” bạn già. “Người” bạn già này đã yếu lắm rồi, không còn nhanh nhẹn theo kịp chân bạn như thuở còn xuân xanh, tiếng kêu của nó không còn hùng dũng nữa, mắt của nó cũng không còn sáng tỏ nữa.

Cho đến một ngày, trên đường về từ công viên, vào một buổi chiều dậy gió, như thường lệ bé Cẩn đi trước, bạn vịt lạch bạch theo sau. Đến một đoạn đường bạn thấy mình chậm chân tụt lại sau, bạn cố gắng vỗ cánh vụt chạy cho kịp bé Cẩn. Định mệnh đến: một chiếc xe đạp chạy vút qua cán phải bạn già. Bé Cẩn chỉ còn nghe tiếng kêu hãi hùng “cạp” cuối cùng.

Cúi xuống bỗng bạn già lên, bé Cần chỉ còn kịp nhận ra ánh mắt yếu ớt của nó nhìn mình như nói lời vĩnh biệt. Bé Cần ôm xác bạn mình về nhà mà nước mắt đầm đìa.

Lâu lắm về sau, khu phố Đập Đá mới nguôi ngoai về câu chuyện buồn này. Câu chuyện con vịt và thằng bé Cần.



SÁO

Chị tôi mất sớm khi còn quá trẻ, ở tuổi mười chín, bỏ lại cho chúng tôi một đứa con vừa lên chín tháng. Con của chị tôi ở với chúng tôi nghĩa là cùng với ông bà ngoại, mấy người cậu và một người dì. Cháu tôi mồ côi từ quá nhỏ, ba cháu sau đó tục huyền, nên cháu chỉ trông cậy vào chúng tôi. Cháu tên là Bích, nhưng bà chủ đất của chúng tôi cho biết là tên Bích của cháu trùng với tên của ông thân bà và bà đề nghị chúng tôi sửa lại. Chúng tôi đành sửa lại cháu tên là Bép, một tên gọi cho vui thôi vì cháu còn quá nhỏ, không biết gì, hơn nữa trong khai sinh vẫn là tên của cháu.

Cháu ở với chúng tôi nhận được sự nuôi dưỡng vô cùng chu đáo của ông bà, dì cậu để bù lại cho sự mất mát quá lớn vì mất mẹ. Khi cháu lên bảy, học lớp Hai, tôi có bắt được một con

sáo vừa ra ràng, trong một tổ sáo trên một cây bần, chỉ có duy nhất một con sáo con này mà thôi.

Con sáo được chúng tôi - cả nhà chúng tôi - chăm sóc cốt ý là nuôi con sáo sau này lớn lên sẽ là con vật làm bầu bạn với cháu chúng tôi. Chúng tôi mua một cái lồng khá rộng giữ gìn sạch sẽ, có chung cho sáo uống nước, có thau nhỏ cho sáo tắm... Chúng tôi thay phiên bắt cào cào, châu chấu... cho sáo ăn phủ phê nên sáo lớn lên như thổi. Khi nó trở thành con sáo trưởng thành rồi, thì quả thật là con sáo đẹp vô cùng. Màu lông đen mượt, cái mỏ vàng ánh điểm trên đầu một cái mòng đỏ ửng, hai chân cũng cùng màu vàng với bốn móng nhỏ xíu màu hồng thanh thoát.

Khi sáo đã trưởng thành, theo định kỳ một tháng chúng tôi “lột lưỡi” một lần. Lột lưỡi là bóp mỏ sáo cho hỏ ra, và khéo léo dùng tay gỡ một cái mảy cứng cứng dưới lưỡi, nhờ vậy lưỡi đủ dẻo để uốn nắn tiếng kêu thành tiếng nói con người. Ngoài ra, lúc này ngoài thức ăn chính là cào cào, châu chấu, thịt heo, cá nhỏ... còn phải cho sáo ăn ớt, phải là ớt hiểm và thật nhiều. Một món ăn hằng ngày không thể thiếu cho sáo cũng như cho các giống chim tập nói tiếng người.

Lúc này sáo bắt đầu kêu chí chóc chưa thành tiếng hót, chưa ổn định được giọng cao giọng thấp, nghe rất buồn cười. Tuy nhiên sáo vẫn thích “kêu” như vậy. Đến bây giờ chúng tôi mới nghĩ việc đặt tên cho nó. Như trên đã nói ngụ ý chúng tôi nuôi con sáo này là muốn cho cháu chúng tôi, thằng Bép có bầu có bạn, nên khi lựa tên đặt cho sáo, chúng tôi thỏa hiệp nhanh chóng là sáo mang tên... Bép.

Thế là gia đình chúng tôi có hai tên Bép, một đứa cháu và một con sáo. Do đó, mỗi khi chúng tôi cho sáo ăn chúng tôi gọi “Bép, Bép”, mỗi khi thay nước cho sáo uống chúng tôi gọi Bép, Bép... Thậm chí đi ngang lồng sáo chúng tôi cũng luôn miệng “Bép, Bép”. Rồi cả xóm, mọi người đến nhà tôi, kể cả các cháu nhỏ bạn của Bép đến chơi cũng gọi con sáo là Bép. Và từ đó con

sáo mỗi lần được gọi tên Bép đều trả lời “Bép”. Rồi con sáo của chúng tôi biết nói. Tiếng nói đầu tiên của sáo là “Bép”.

Cho nên mỗi lần chúng tôi gọi: “Bép ơi” Là có hai tiếng trả lời, của thằng cháu chúng tôi : “ạ” đồng thời tiếng trả lời của sáo là: “Bép”. Và Bép đến chơi với sáo vẫn gọi là Bép và sáo muốn gọi Bép vẫn gọi là Bép. Vậy Bép là sáo mà sáo cũng là Bép.

Có một lần tôi vô ý khi mở lồng để sáo sổng lồng bay ra ngoài. Tôi lo sợ là sáo sẽ bay đi. Những nỗi lo của tôi biến thành một niềm vui vô hạn. Ra khỏi lồng, sáo cũng bay đi, nhưng nó bay đi tìm thằng Bép, đậu lên vai rồi rĩa vào tóc, rồi nhỏ nhẹ gọi: “Bép, Bép”. Thật tình thấy cảnh đó, tôi xúc động đến chảy nước mắt. Và từ đó chúng tôi không nhốt con sáo vào lồng nữa, chỉ để cửa lồng trống cho chiều sáo vào ngủ thôi. Tuy vậy chúng tôi vẫn cảnh giác không nuôi mèo trong nhà nữa.

Thế là, thằng Bép ở đâu là sáo ở đó. Có lúc sáo nhảy lúp xúp - chân sáo mà - theo chân Bép, có lúc chuyền trên cành cây ổi, cây xoài để bắt kịp Bép, có lúc thân mật hơn, nhảy đậu trên vai thằng Bép mà gọi “Bép, Bép”. Những đứa trẻ trong xóm thường đến bên cạnh Bép giả bộ đánh lên mình Bép rồi nói: “Đánh mày nghe Bép, đánh mày nghe Bép”. Sáo lập tức bay lại và sà vào cắn, mổ những đứa trẻ này.

Trường Bép học cách nhà chúng tôi trên một cây số, khá xa nên mỗi ngày đi học hai buổi, Bép bỏ con sáo ở nhà trong thời gian khá dài. Về sau, không chịu được sự trống vắng lâu như vậy, sáo bay theo Bép đến trường. Đường xa, lại nữa ngoài đường đông người sáo không thể cùng “đi bộ” với Bép được nên sáo bay chuyền từ ngọn dừa này đến ngọn dừa khác để đến trường cùng Bép một lúc. Đến trường Bép vào học trong lớp, sáo ung dung đậu trên nóc trường chờ đợi cho đến khi tan học và trên đường về cũng vậy nghĩa là cùng lối di chuyển như lần đi. Mỗi ngày học hai buổi, thế là Bép và Sáo mỗi ngày phải bốn lượt đi về có nhau.

Nhưng không phải là sáo cùng đến trường như vậy là cho có bạn thôi đâu. Mà là có một nguyên nhân khác. Đó là, có những đứa bạn của Bép biết là sáo luôn luôn bảo vệ cho Bép nên trên đường về mấy bạn này giả bộ đánh Bép và nói: “Đánh mày nghe Bép”. Thế là từ trên cao, sáo đâm bổ vào cắn mổ các bạn của Bép.

Phải chăng là sáo luôn luôn đi theo bên Bép để bảo vệ Bép khi cần. Và chúng tôi, kể cả những người quen biết với chúng tôi cũng có một ý nghĩ: sáo chính là hiện thân của mẹ Bép về bảo vệ cho con. Ý nghĩ đó làm cho chúng tôi thương cảm không nguôi, mãi cho đến khi viết lại những dòng này, sáu mươi sáu năm trôi qua, tôi vẫn không cầm được nước mắt.

Một buổi chiều tan học, Bép về đến nhà mà sao sáo chưa về. Chúng tôi ra sân ra vườn tìm kiếm không có. Chúng tôi đổ xô ra đường xuôi lên ngược xuống để tìm, luôn miệng gọi “Bép ơi! Bép hồi!” Đi đến chạng vạng, chúng tôi tưởng chừng như tuyệt vọng, nhưng chúng tôi cố đi mãi, đi mãi đến cách nhà trên cây số.

Trời đã tối nhưng chúng tôi không bỏ cuộc. Và bỗng tôi nghe văng vẳng có tiếng “Bép, Bép”. Chính nó, mà nó ở đâu sao không bay ra chỗ chúng tôi. Thế là chúng tôi lần theo tiếng kêu, càng lúc càng lớn dần, cho đến khi chúng tôi phát hiện là sáo bị nhốt trong một cái lồng bàn, trong một ngôi nhà lá. Thế là chúng tôi xin lại, ông chủ nhà tốt bụng bảo là đứa con của ông cùng đi học về, đã vô tình bắt được và giấu nó vào trong cái lồng bàn. Chúng tôi và sáo mừng mừng tủi tủi ra về.

Giả thuyết cho sáo là mẹ Bép về bảo vệ cho con càng được củng cố là vì cho đến một ngày kia, chúng tôi thấy sáo luôn bay đi bay về lồng và lần nào cũng có một cọng rơm, một cọng cỏ và sáo đã xây một cái tổ trong lồng. Cái tổ không hoàn chỉnh lắm mà cũng không thấy sáo đẻ trứng nào và dường như việc xây tổ này xảy ra cùng một chu kỳ nhất định.

Càng ngày chúng tôi càng thấy tình mẫu tử của sáo và Bép càng rõ nét. Sáo không hề rời Bép bất cứ lúc nào, mắt luôn dán vào Bép và Bép cũng vậy, ngoài giờ đi học ở trường còn lúc nào sáo và Bép cũng bên nhau.

Bép đã lớn, đậu xong bằng tiểu học, sáo cũng đã già, tiếng kêu Bép Bép đã khàn, cánh bay đã yếu và một buổi sáng, chúng tôi thức dậy thấy sáo, từ lúc nào đã rớt trong một thùng đựng dầu dừa. Vớt sáo lên chỉ còn là cái xác không hồn. Chúng tôi đem chôn sáo ở một gò đất, như chúng tôi đã chôn chị tôi, khi Bép mới lên chín tháng.

Sáo ơi!



CON VỆ CỦA ANH TÁM BA XỊ ĐẾ

Anh Tám ba xị đế đã hẹn với anh em bạn đồng ả là mai này đến nhà anh để tổ chức một bữa tiệc cây tung bùng hoa lá để bù lại một thời kỳ vắng bóng.

Cái tên Tám ba xị đế này nổi như cồn không những trong giới giang hồ lấy đế làm thức uống chính thay thế cho nước lã, mà còn lan rộng ra trong giới nấu rượu lậu, vì nếu rượu ai nấu mà được anh Tám khen ngon là bán chạy nhất. Anh Tám hãnh diện

với cái biệt danh này lắm, nhưng vợ con anh thì không, nhưng anh nói :

- *Ôi! Đàn bà con nít biết khi gì !*

Nhớ lời hẹn, chiều nay anh Tám cho con Vện ăn một bữa thật no nê. Cơm còn nóng hổi mà anh đã đem trộn với nước thịt để cho con Vện ăn. Con Vện ăn coi bộ ngon lành lắm, lâu lâu lên nhìn chủ với ánh mắt biết ơn. Ăn xong, Vện khoan tròn giữa nhà nằm ngủ với nhiều mộng đẹp hy vọng ngày hôm sau, rồi hôm sau nữa sẽ được ông chủ tốt bụng chiêu đãi như vậy nữa. Thế là Vện ngủ một giấc ngủ thần tiên, giả mà đêm đó có ăn trộm đến nhà anh Tám, Vện cũng không biết.

Trời vừa rạng đông, con Vện bỗng giật nảy mình chưa kịp la lên thì đã bị một khúc cây ngang ở cổ để nó kịp nhìn lên thì thấy người ngang cổ mình là ông chủ thân yêu, hằng ngày vuốt ve nó, nựng nịu nó với lời lẽ triu mến và nhất là mới chiều hôm qua đây đã cho nó ăn một bữa cơm ngon.

Nó chưa kịp hiểu tại sao thì nó đã bị ông chủ lừa nó vào một cái bao bố và ông chủ cẩn thận lấy dây lạt dứa ngoai lại phía ngoai. Con Vện vùng vẫy, tru lên thảm thiết... nhưng không cách nào thoát khỏi cái bao bố oan nghiệt. Thế rồi, kiệt sức Vện nằm im và thở hồng hộc. Anh Tám kéo cái bao bố quăng vào góc nhà. Anh đến bàn, rót nước uống, lấy thuốc ra hút và chờ...

Anh chờ một chốc thì lần lượt những người bạn có hẹn của anh đến. Chỉ loáng một cái là tất cả nhị thập tướng quân sát cây đã đến đông đủ không thiếu một ai. Thật là một sự đúng hẹn nghiêm túc, đúng giờ, đủ số. Mọi người hể hả, kẻ mang theo vật này người mang theo vật kia... bỏ lên bộ ván dầu một đồng nào là sả, riềng, lá cách, khoai lang, rau thơm mọi thứ gia vị cần thiết như tương, chao, đậu khấu, quế, trần bì... và nhất là hai thùng đế 10 lít, mua chịu của thằng cha Tư Khều trên Giồng Quít. Đế này mà đi với dôi chó là... phải nói.

Bảy Sún nhượng mắt ngẫm hỏi Tám ba xì đế. Anh này hội ý hắt mặt về cái bao bố trong xó nhà. Bảy Sún lấy chân đá đá vào cái bao. Con Vện hực một cái làm anh ta giựt mình, chửi thề một tiếng rồi khen:

- *Khá ngen, thằng Tám mày khéo nuôi à ngen !*

Bỗng tiếng của ai đó như ra lệnh :

- *Rời, khởi đi !*

Một đề nghị có vẻ hợp tình hợp lý :

- *Của thằng Tám, vậy để nó ra tay cho đủ tình đủ nghĩa phải không ?*

- *Phải lắm ! Ê Tám ra tay đi mậy.*

Tám ba xì đế hăm hờ bước đến xách cái bao bố lên, đi ra cầu ao, ngang cửa tiện tay lấy cây tầm vông cầm theo. Vài người theo anh ta. Anh xách cái bao bố trong khi con chó giẫy giụa dữ lắm, tru lên những tiếng thống thiết. Anh Tám xách xuống cầu lủi, thấy cái bao xuống nước dùng tay này nhận cái bao chìm xuống tay kia lura cái đầu con Vện để dùng cây tầm vông đập xuống.

Anh Tám đập cái trúng cái không, con chó lông lộn mà không còn tru tréo được nữa vì nước đã vô mồm vô mũi. Vài anh ngồi trên bờ ao chỉ trỏ cho anh Tám :

- *Đó, nện xuống, nện xuống đi.*

Có tiếng chê :

- *Thằng cha dở thấy mẹ. Nãy giờ mà hổng xong, gặp tao...*

Nhưng con Vện đã bất động. Trong bao bố ướt sũng không còn dấu hiệu gì động đậy. Tiếng rên rĩ cũng không còn. Mọi người reo mừng:

- *Xong rồi, đem lên đi cha nội để lấy tiết canh không nó đặc mẹ hết!*

Anh Tám xách cái bao bỏ lên bờ, thả xuống đất và lấy tay mở dây lạt dừa, tay kia anh cầm sẵn một con dao bén ngọt, một anh khác thủ sẵn một cái thau. Anh Tám nhanh tay kéo toạt miệng bao để định lôi con Vện ra, cắt cổ lấy máu thì từ trong bao bổ một cái tung mình, và nhanh như chớp con Vện phóng ra khỏi bao nhanh chân chạy thoát thân.

Ai nẩy tung hứng không kịp trở tay, không biết phải làm gì chỉ biết đứng ngây người và trở mắt nhìn theo con Vện đã mất dạng. Một lúc sau lấy lại bình tĩnh trước một sự kiện dở khóc dở cười đáng nguyên rửa này, nổi lên những tiếng chửi thề bạt mạng, những tiếng văng tục vang trời, những lời buộc tội thẳng cha Tám ba xì đế: có bao nhiêu đó mà không nên thân đánh gì hết..

Mọi người lui thủi ra về và không quên dặn anh Tám là nếu bắt nó lại được thì hú kêu anh em lại liền. Anh Tám trả lời ậm ừ mà buồn xo. Anh Tám vào nhà gom góp, dọn dẹp các thứ mà các bạn nhậu mang lại vào một chỗ, xách hai thùng rượu đem cất vào buồng. Mọi việc xong, anh trở ra nhà trước ngòi vào bàn, chống tay lên cầm nhìn ra sân, rót nước mà không uống, đốt thuốc mà không hút. Trưa lại, chị Tám kêu ăn cơm, anh cũng không ăn.

Anh Tám ngồi thừ như vậy cho tới chiều tối, mắt cứ dăm dăm nhìn ra sân, bỗng anh thấy một cái bóng đi vào cổng, dáng đi loạng choạng, khập khiễng, rụt rè. Thì ra con Vện, con Vện trở về. Nó rón rén muốn vào nhà mà dường như không dám, muốn quay đi mà không đành. Nó cứ thập thò ngoài sân. Anh Tám nãy giờ theo dõi con Vện, bỗng nhiên anh đứng dậy đi ra sân tiến về con Vện, con Vện ngấp ngừng nhưng cuối cùng nó quì hai chân sau xuống, ngóng cổ lên, ngoắt đuôi tỏ dấu mừng anh Tám, như một đứa trẻ đi xa mới về mừng cha.

Anh Tám cúi xuống ôm con Vện vào lòng mà nước mắt anh chảy ròng ròng. Anh ẵm con Vện vào nhà vì dường như nó đi không nổi. Anh gọi vợ bảo đem cơm cho con Vện ăn. Con Vện

cúi xuống ăn cơm ngon lành lắm vì từ sáng đến giờ nó có ăn gì đâu. Vừa ăn, con Vện len lén nhìn anh Tám với ánh mắt biết ơn.

Ngày hôm sau, anh Tám kêu chị Tám, bảo:

- Bà đem mấy cái thứ hôm qua đó trả lại cho anh em, hai thùng rượu đó bà đem trả cho thằng cha Tư Khều và trả tiền rượu cho thằng chả luôn còn rượu, bà đem đồ đi.

Chị Tám ba xị để mừng quá:

- Thôi bây giờ ông bỏ cái tên ba xị để đi nghe không.

Trong khi hai vợ chồng anh Tám nói chuyện, con Vện còn đau đớn với những vết thương, nằm bên ngạch cửa, giương mắt nhìn ra sân để canh chừng người lạ đến nhà hay một con gà hàng xóm qua bươi phá luống rau, dường như nó không nhớ việc gì đã xảy ra ngày hôm qua.



CON CUỐNG CỦA THẰNG ÚT

Chỉ là một con vịt mái lạc bầy, loại vịt cà cuống, được thằng Út lượm về nuôi từ khi còn lông măng và khi lớn lên được Út đặt tên là Cuống.

Út và Cuống là hai bạn thân không rời nhau nửa bước. Ngày nghỉ học là đôi bạn lang thang trong vườn cây ruộng lúa, hay trên bờ ao sông rạch. Ngày đi học, Út phải dẫn nó theo và nhốt nhờ tại một nhà người quen gần trường học, để rồi tan học

đôi bạn cùng về nhà. Tình bạn giữa Út và Cuồng cả trong xóm ấp và ở trường học ai cũng biết, và cũng là đề tài cho mọi người trong khi trà dư tửu hậu.

Một buổi chiều, sau một cơn bão, Út và Cuồng ra bờ rạch, chọn một gò cao lên ngồi đó nhìn vu vơ ngắm cảnh trời nước về chiều. Cả hai nhìn dòng nước lũ sau cơn mưa đổ mạnh ra sông lớn. Con nước đang ròng nên càng đổ dồn lượng nước mưa từ trong ngọn rạch ra vằm sông cái như thác đổ. Không một chiếc ghe xuồng nào có thể lưu thông trong rạch được, dù ngược hay xuôi dòng nước.

Bỗng con Cuồng ngẩng cao cổ lên dường như nó nghe ngóng một điều gì. Út thấy nó có vẻ âu lo, nên cũng đưa tầm mắt xuống rạch tìm tòi quan sát. Nhưng tuyệt nhiên Út không nghe thấy gì, ngoài dòng nước dững mãnh cuốn trôi theo nó cành cây, đụn cỏ. Nhưng con vịt lại chồm lên trông xuống dòng nước đục ngầu.

Út cũng làm theo nó, và trong tai Út đã nghe tiếng kem kếp xa xôi, yếu ớt nhưng khẩn cấp và tầm mắt Út hướng theo tiếng kêu đó, để kịp trông thấy rõ ràng một con vịt con nhỏ xíu, còn vàng ánh lông măng, vật lộn với con nước đang thịnh nộ. Dường như nó không còn một sức lực nào để chống chọi với tình huống đó. Nó chỉ còn đủ hơi sức để kêu cứu, bằng tiếng kêu kem kếp tuyệt vọng

Con Cuồng đứng xồm lên, mắt nhìn Út như cầu cứu, nhưng có lẽ khi thấy Út có vẻ bất lực nên vụt một cái, nó phóng mình lao xuống dòng nước chảy xiết. Con Cuồng đã bám được con vịt con lạc mẹ, lấy mỏ cố đưa con vịt con vào bờ. Nhưng con nước đổ quá mạnh không giúp gì cho nó cả. Nó dùng cách khác, chuyển mình ra bên ngoài con vịt con, và cố lấy thân mình đẩy con vịt con vào bờ. Vẫn vô ích. Dòng nước đã nhanh chóng cuốn trôi kẻ bị nạn và người cứu nạn ra khỏi tầm mắt của Út sau rặng bần.

Giờ đến lượt Út lo sợ. Út muốn làm một cái gì đó, để thay đổi tình thế, làm một cái gì đó để đem ra khỏi vòng nguy hiểm cho không phải một mà là hai sinh vật. Út lật đật chạy theo bờ rạch, vạch lùm vạch bụi để nhìn xuống dòng nước cố tìm ra hai con vịt. Bờ rạch chỗ lồi chỗ lõm lại đầy lau sậy, cho nên Út cố chạy theo, mà dường như mỗi lần vạch được chỗ trống để nhìn xuống rạch, thì Út có cảm giác là càng xa hơn hai kẻ lâm nạn.

Út chỉ biết chạy theo và đến đoạn vàm đổ ra sông lớn, hai dòng nước rạch và sông đối lưu nhau, nên con giận dữ của hai dòng nước tạo nên một vòng nước xoáy nguy hiểm. Út nhìn từ rạch ra mặt sông bao la sóng gió, trên nền trời còn lầy phầy mưa bay, bóng tăm hai con vịt giờ đây đối với Út chỉ còn là ảo giác. Trời lại sầm tối. Cảnh sông nước sau cơn mưa lớn đã thô lương bây giờ lại càng thô lương hơn.

Trời đã tối mịt, Út vẫn còn ngồi trên vàm sông chờ đợi... Bỗng có tiếng ba Út gọi:

- *Út ơi, con ở đâu? Thôi tối rồi. Để mai ba với con đi tìm nó.*

Hôm sau, trời chưa sáng Út đã dậy cùng với ba ra bờ sông tìm con Cuồng.

Cả hai đi khá lâu mà vẫn không thấy gì, một ý nghĩ thoáng qua khiến Út lo sợ, biết nó có đủ sức chống chọi với cơn bão táp phong ba chiều hôm qua hay không? Nỗi lo âu hiện rõ trên nét mặt của Út, nên ba Út động viên:

- *Con đừng sợ, loài vịt là loài thủy cầm mà. Nhắm nhò gì với nó. Ba nghĩ nó đang bận bịu với con vịt con mà thôi.*

Út mong thầm là ba nói đúng. Nước sông giờ đây đang lớn đầy mà, mực nước đã lấp lửng bờ. Năng sáng bắt đầu soi rọi trong các lùm cây, hốc đất. Bỗng có tiếng kem kếp yếu ớt đâu đó. Cả hai dừng chân lại và ngồi xuống... lắng nghe, tìm kiếm.

Bỗng tiếng cạp cạp quen thuộc vang lên, và trong một lùm cây, con Cuống ngẩng cao cổ hướng về hai người như chào mừng về sự tái ngộ này nhưng không thấy con vẹt con đâu mà chỉ nghe tiếng kem kếp. Ba Út nâng mình con Cuống lên và phát hiện ra, con vẹt con đang rúc mình tìm hơi ấm trong lòng con Cuống.

Út vui mừng không tả được, đưa tay vuốt ve con Cuống:

- Mày giỏi lắm Cuống ơi. Có điều mày làm tao sợ quá. Nhưng sao hồi hôm mày không về?

Ba Út lại vỗ đầu Út và nói:

- Làm sao nó về được. Nó đâu có thể bỏ con vẹt con mà về một mình, lại với nó đâu có cách nào mà bỗng ẵm con vẹt con như mình.

Thế là Út ẵm con vẹt con trong tay đi trước, sau đó là ba Út và con Cuống. Tiếng cạp cạp của con Cuống khi về gần tới nhà như một dấu hiệu là ngay vẹt mà còn có tình đồng loại, tương thân tương trợ.

Và đó là ý nghĩa của sự sống còn trong vạn vật.



ANH BẢY GÁC CU BỊ VỢ BỎ

Anh Bảy gác cu tên thật là Bảy Nhỏ, con nhà khá giả, từ nhỏ đến lớn ở trong xóm Cây me. Nhà anh ở một bên là vườn cây

sum suê, một bên là đồng lúa mênh mông, nên chim chóc các loại bay về làm tổ. Từ nhỏ mẹ anh hát dỗ anh ngủ trên võng cứ lặp đi lặp lại:

Cu kêu ba tiếng cu kêu
Cho mau tới Tết dựng nêu ăn chè

Rồi lớn lên ra đồng buổi sáng cũng nghe cu kêu, vào vườn buổi trưa nghe cu gáy. Tiếng cu kêu, cu gáy lọt vào tai anh, truyền lên não anh, đọng lại trong trí nhớ của anh thành một đồng vọng không thể thiếu. Cho nên anh thích cu. Thích cu là anh nuôi cu. Nuôi cu là phải đi gác cu. Thế là anh có cái tên anh Bảy gác cu.

Trong dân gian có truyền tụng câu sau đây nói lên một sự thật phũ phàng về việc gác cu, nhưng anh vẫn bỏ qua, đã thích thì làm:

Ở đời có bốn cái ngu
Làm mai lãnh nợ gác cu cầm châu.

Ngu hay không không sao, miễn là mỗi lần xách lồng ra đồng gác cu là anh thấy lòng anh phơi phới sung sướng vô cùng. Này nhé, cánh đồng bao la, mây xanh gió mát, leo lên cành cây me treo cái lồng bấy xong, xuống nằm cạnh đồng rơm thơm phức mùi rạ mới, lắng nghe tiếng con cu mỗi gáy gọi bạn mà lòng anh mê mẩn. Con cu mỗi lại thường đổi giọng từ rúc lên cu, cu... đến gât gù đồ hột dòn tan rồi lại mơn trớn gọi bạn tình bằng một hơi líu ríu mê hồn... anh Bảy nghe mà mê ly mà say đắm:

- Trời ơi! Con Cườm gấm của ta sao mà gáy hay... vàng mây vậy ta!

Thế là anh Bảy vui vẻ chờ đợi... Anh giương mắt nhìn lên cành me đong đưa theo gió thổi, ần ần chờ thời, cầu xin một con cu trống nào đó nổi máu ghen lên đến chiến đấu với con Cườm gấm của mình là... khỏe. Anh chờ và chờ mà chưa thấy. Anh không nản chí. Kiên nhẫn là mẹ đẻ thành công mà. Cũng có một vài chú cu non nghe tiếng gáy của chim môi, bay lại đậu trên

một cảnh khác, nhìn vào cái bầy, do dự rồi bay mất. Có con bay sà vào bầy nhìn anh chàng Cườm găm thấy mình không đủ sức thi đấu với anh chàng cao thủ này nên cũng bay mất.

Mặt trời đứng bóng, anh đã đói bụng, con cu môi Cườm găm cũng mất hứng nên không hót gáy gì nữa, đứng xụi lơ trong lồng. Anh Bảy gác cu chán quá, leo lên cây me gỡ bầy, xách về, mặt mày bí xị. Về đến nhà lớn tiếng gọi:

- Đói bụng rồi, má sắp nhỏ dọn cơm tui ăn.

Từ trong buồng chớ không phải dưới nhà bếp có tiếng trả lời như nhát gừng:

- Đói thì xuống bếp nấu mà ăn. Hay kêu mấy con cu đó nó nấu cho mà ăn. Già đầu mà không nên nét, tối ngày cứ cu cu...

Anh Bảy giận quá nhưng không cãi lại được, xuống bếp lục com nguội ăn để trông cho trời mát mát một chút trở ra đồng gác nữa.

Thật tình mà nói, nhà anh Bảy từ hàng ba trước vòng ra mái hiên sau cả hai bên chái đều tòn teng lồng cu và lồng cu. Cu đã thuần, cu đang tập, cu mới bầy... mỗi buổi sáng sớm, trời tốt, nắng ấm đàn cu đồng loạt kêu, gáy, gù, hót, đổ hột... thì nhà anh quả thật là một nhà hát ô-pê-ra đang trình diễn với một điệu hòa âm hòa khí đủ các loại âm thanh và nhạc cụ. Đó là nói với anh hoặc người tình cò đến chơi thôi, chớ còn đối với vợ anh thì quả là một cực hình, vì phải ngày ngày đình tai nhức óc về cái giai điệu cu, cu... chán ngấy này.

Mặc cho vợ cần nhần, đay nghiến, bỏ đói bỏ khát nhưng anh Bảy gác cu vẫn miệt mài mê mẩn gác cu. Một hôm anh đi gác về, vui như trúng số vì anh mới bầy được một con cu trong một cặp mà anh theo dõi nó từ lâu vì chúng có lối đổ hột đến mê hồn. Anh chọn một cái lồng đẹp, cho vào đồ ăn thức uống cẩn thận, thả con cu mới bầy vào và chừng đó anh mới nhận ra đây là con cu mái. Không sao, anh sẽ có cách bầy con trống.

Con cu mới bầy chưa thích hợp với cảnh chim lồng cá chậu nên cứ bay nhảy loạn xạ trong lồng son. Nhưng cũng từ hôm ấy, mỗi sáng con cu trống đến nhà anh Bầy có lẽ để tìm cách cứu thoát hay ít ra thăm con cu mái. Sáng, trưa, chiều, anh Bầy biết chính là con trống này, con trống mà anh định bắt luôn cho đủ cặp.

Vì thế anh chọn chỗ để đặt bầy dụ con cu trống đến, nhưng con trống thừa kinh nghiệm để không là nạn nhân của anh Bầy. Anh Bầy lại nghĩ cách khác là anh dùng mủ mít, mủ sa kê trét lên các cành cây mà chim trống thường hay đậu. Thủ đoạn độc ác của anh chưa thành công thì một hôm anh được biết là vợ anh bỏ anh dẫn con về bên nhà vợ và tuyên bố là ở luôn bên đó.

Được tin này, anh Bầy cười khẩy:

- Khỏe! Khởi bị cần nhần nữa. Ở nhà một mình mặc sức mà đi gác cu, tập cu hót, cho cu ăn, tắm cu, nghe cu gáy...

Anh vui vẻ ra mặt. Đi đâu anh cũng khoe:

- Mẹ con nó về bên tôi còn khoái nữa kìa, vài bữa lợi về bây giờ cho coi.

Những ngày đầu là như vậy, anh khoái thật, muốn làm gì cho đàn cu thì làm không thấy đôi mắt soi mói của vợ.

Con cu trống mỗi ngày vẫn đến thăm cu mái, đứng trên cành cao nhìn về phía chim mái bị nhốt trong lồng, không gáy không kêu, không hót. Cu mái cũng vậy, mỗi khi cu trống đến nó vẫy vùng dữ lắm, cánh nó đập vào trong lồng, lông nó vẫy tung ra khỏi lồng bay lả tả. Anh Bầy nhìn cảnh này rất lâu. Bỏ vào nhà, anh thấy nhà vắng hoe, trưa rồi mà không có cơm ăn. Thằng con nhỏ mà anh rất thương thường ngày nó đồ ỉm với anh mà bây giờ nó theo về bên ngoại với mẹ nó rồi. Anh thấy nhớ nó. Nhớ con rồi anh thấy nhớ vợ. Cần nhần thì cần nhần nhưng nhiều đêm mưa gió có vợ hủ hỉ cũng vui. Nhà vắng hoe, anh cảm thấy buồn và buồn thật.

Một hôm không chịu nổi cảnh cô đơn, anh bấm bụng qua bên nhà vợ. Anh lón lén vào nhà. Không ai chào hỏi, chỉ có thằng con chạy lại gọi : *ba, ba*. Anh xuống nhà dưới kiếm vợ năn nỉ:

- *Thôi bà ẵm con về đi. Ở một mình buồn quá.*

Chị vợ hứ một cái cóc bảo:

- *Còn mấy con cu của ông đâu?*

- *Thôi mà bà, chuyện giải trí mà.*

- *Giải trí vậy đó hả. Ruộng nương không làm. Vườn tược không chăm sóc. Vợ con không ngó ngàng tới. Tối ngày cứ cu cu... Đi về đi!*

Bà mẹ vợ đi xuống bảo:

- *Má nói con nghe, lớn rồi phải lo gia đình vợ con chứ còn mấy con cu đó có ích lợi gì đâu. Lại với con cầm tù mấy con vật đó mang tội lắm. Nó cũng như mình cũng muốn sống, cũng có vợ có con cũng muốn sum họp. Con bắt nó nhốt lại cho con vui, con biết đâu là con chia cắt chúng nó, chúng nó đau khổ biết chừng nào. Nội hôm rày nè, con vợ con nó bỏ về đây là con chịu hồng nổi rồi, con thấy hông?*

Anh Bảy trước khi đến đây xin đón vợ về đã chứng kiến đôi cu bị chia cách cứ tìm nhau mãi, con trong lòng con ngoài lòng, nên khi nghe mẹ vợ nói như vậy anh xúc động quá bật khóc như một đứa con nít.

Chiều lại cùng với vợ con về nhà, việc đầu tiên là anh mở lồng thả con cu mái ra. Nó bay lên và đậu bên con cu trống rồi cả hai cùng tung cánh trên nền trời xanh. Anh nhìn theo mà lòng anh sung sướng vô cùng.



CON XÙ CỦA ÔNG BA KIM KHÁNH

Năm 1976, thành phố nhỏ của ông Ba Kim Khánh ở cũng có những thay đổi lớn như ở các vùng khác về kinh tế... nên gia đình ông Ba Kim Khánh phải chuyển từ kinh doanh vàng bạc đá quý sang một lãnh vực kinh tế khác: vùng kinh tế mới.

Ông Ba chuẩn bị cho đời sống mới một cách an phận, lẽ tất nhiên ông không thể mang theo tất cả những gì ông có, chỉ những quần áo cần thiết gói ghém trong một vài thùng giấy các-tông, một số chén bát dụng cụ nhà bếp, mỗi người trong số thành viên gia đình tự lo cho mình những vật dụng cá nhân. Chỉ thế thôi còn tất cả bỏ lại như nhà cửa, bàn ghế, tủ phen và... con Xù.

Trước ngày ra đi, ông Ba Kim Khánh có chạy qua nhà thầy giáo Tâm, một người bạn rất thân, ở đối diện nhà ông bên kia lộ:

- Thầy giáo ơi! Mai này tôi đi kinh tế mới rồi, tức nhiên tôi không thể nào đem con Xù đi theo được. Vậy tôi gởi nó cho thầy, nó cũng quen hơi với thầy lắm. Nếu nó chịu ở với chủ mới thì thôi, nếu không, thầy làm ơn đem nó qua nhà thầy cho nó ở nhờ. Khi nào tôi khá giả tôi về tôi xin lại. Cảm ơn thầy nhiều lắm.

Sáng hôm sau, gia đình ông Ba Kim Khánh dậy sớm, chất hành lý lên ba chiếc xe ba bánh để lên đường. Thầy giáo Tâm cũng có mặt để tiễn đưa ông Ba Kim Khánh. Khi tất cả lên xe rồi,

con Xù nhảy lên theo, nhưng xe quá chật không có chỗ cho nó bám vào và ông Ba cũng xua tay bảo nó:

- Xù, thôi ở lại đi. Chủ mới sẽ nuôi mày mà. Mày hiền lắm, ai rồi cũng thương mày. Lại với nếu không được, mày qua nhà thầy giáo ở đỡ chờ tao, tao có nói với thầy giáo rồi.

Ông Ba Kim Khánh nói rồi hồi xe chạy đi. Con Xù nhìn theo và chạy theo một đôi. Thầy giáo cũng chạy theo nhưng níu lưng con Xù lại:

- Thôi Xù, về đi rồi tao tính cho.

Xù trở về, nhà trống không, chạy tới chạy lui kêu ư ử. Lâu lâu nó lại chạy qua nhà thầy giáo Tâm đưa mõm lên nhìn thầy muốn hỏi tại sao? Chiều lại, thầy giáo Tâm đem cho nó một thau nhỏ đựng cơm có trộn chút đỉnh đồ ăn thừa. Xù không ăn, đem lại thầy giáo Tâm không ngủ được vì thầy cứ nghe mãi tiếng nó tru lên buồn bã. Ngày hôm sau, nó vẫn không ăn, thầy giáo chỉ còn cách pha cho nó ít sữa, nó nhìn thầy như cảm ơn rồi cũng liếm láp qua loa.

Ba ngày sau, người chủ mới đến nhận nhà. Người ta mở cửa ra, khiêng đồ vào, sắp xếp đồ cũ bày biện đồ mới trước sự ngỡ ngàng của Xù. Lúc đầu Xù còn sủa lên vài tiếng nhưng sau dường như nó biết sự phản ứng của nó cũng vô dụng, nó chỉ còn biết đứng nhìn mà cặp mắt đỏ ngầu.

Khi chủ nhà mới đã bày biện đồ đạc xong, mới biết có con chó của chủ nhà trước bỏ lại, nên ông bà chủ nhà mới cũng mừng rỡ, nghĩ là: Chó tới nhà thì sang vì cụ thể là chủ nó là chủ tiệm vàng mà, nên hai ông bà này “cưng” nó lắm, bảo người ở đem cơm nó ăn, lấy nước nó uống. Nhưng Xù cứ nhìn những người mới đến như người xa lạ.

Đêm đến theo thói quen trước kia, là Xù ngủ ngay trước cửa phòng của ông Ba Kim Khánh, nhưng hôm nay nó đến đây thấy có người khác, nó bỏ ra ngoài sân, rồi ra ngoài cổng. Thầy giáo Tâm, mặc dù thầy biết hôm nay là ngày chủ mới dọn nhà, là

ngày mà Xù sẽ gặp nhiều khó khăn, nhưng thầy giữ ý không dám qua nhà người ta mà thăm con Xù. Tuy nhiên thầy vẫn nhìn sang để xem con Xù phản ứng ra sao.

Đến chiều tối, thầy thấy con Xù không ngủ trong nhà mà ra nằm ngoài cổng nhìn vào nhà, thầy băng qua lộ vỗ vào lưng nó bảo:

- Thôi qua nhà tao ngủ đi Xù.

Xù ngược mắt nhìn thầy, không theo thầy mà nằm xuống trước cổng, đưa mắt nhìn vào nhà cũ. Thầy giáo đành về nhà, đêm đó thầy nghe tiếng con Xù tru sáng đêm.

Thời gian dài như vậy, thỉnh thoảng Xù chạy qua nhà thầy giáo Tâm, liếm tay thầy, ngoắt đuôi với thầy. Thầy vẫn cho Xù ăn nhưng Xù chỉ nhấm nháp lấy có. Rồi thì Xù chạy về nhà mà không vào nhà, lại nằm trước cổng ngày như đêm. Mặc cho ông chủ nhà mới cũng thường đem cơm canh thịt cá cho ăn mà Xù vẫn không ăn. Ông bà cũng mở cổng cho nó muốn vào nhà chừng nào cũng được, nó vẫn không vào.

Thân xác Xù càng ngày càng ốm, lông lá đã lâu ngày không tắm rửa nên ghẻ chốc khắp mình. Nhìn Xù bây giờ quả là con chó ghẻ, bị bỏ rơi. Thầy giáo Tâm ái ngại cho Xù nên ngày nào thầy cũng qua lộ kéo nó về nhà thầy để thầy chăm sóc. Nó cũng nghe lời nhưng chỉ một lúc là nó quay về chỗ cũ, nằm khoanh tròn hướng mắt về đầu lộ, nơi mà ba chiếc xe ba bánh đã đưa chủ nó đi đâu cho mãi đến bây giờ.

Tháng ngày qua, tính đến nay, Xù đã sống trong nỗi nhớ chủ đã trên năm tháng, thầy giáo Tâm bất lực không làm được theo lời ủy thác của ông Ba Kim Khánh. Cho đến một đêm trời mưa giông, thầy giáo Tâm ngồi dậy nghe sấm sét liên hồi, hòa lẫn với tiếng tru của con Xù bên kia lộ. Không đợi sáng, thầy giáo Tâm qua lộ, đến trước cổng nhà ông Ba Kim Khánh, thấy con Xù nằm bất động, đầu hướng về đầu lộ, thầy cúi xuống đỡ nó lên thì nó chỉ còn là cái xác không hồn ướt đẫm, cứng đơ, lạnh ngắt.

Thầy xách cái xác con Xù về nhà và đợi sáng thầy bỏ nó vào một thùng cây, đem theo một cái xuồng, dùng xe đạp chở nó vào trong vườn của thầy cách thành phố độ vài cây số. Thầy đào một cái huyệt, chôn con Xù, đắp thành một gò cao, lấy ra một cây cọ nhúng sơn đỏ, viết quệt quệt lên một miếng ván mỏng, cắm trước gò mả con Xù:

Nơi an nghỉ của Xù, con chó trung thành của ông Ba Kim Khánh.

Ngày ... tháng ... năm 197...

Thầy đốt ba nén nhang, đứng trước mộ phần lâm râm:

“Xù, mày là một người bạn trung thành của con người chúng ta”.

Mười năm sau, thầy giáo Tâm có một người khách từ nước ngoài về thăm. Đó là ông Ba Kim Khánh. Sau khi thầy kể sự tình về con Xù cho ông Ba nghe, cả hai vào nơi chôn cất con Xù. Ông Ba Kim Khánh ngậm ngùi đốt nhang cho nó và nhờ người lấy hài cốt nó thiêu và bỏ vào một cái hũ để ông mang đi.

Thầy giáo Tâm cảm thấy nhẹ nhàng.



CÁ NƯỚC TRÊN SÔNG CỬA ĐẠI

Tôi ở bên hữu ngạn sông Cửa Đại, vùng Rạch Miễu, nơi mà vào mùa gió chướng từ tháng chạp cho đến tháng tư, nước sông trở nên lờ lợ vì nước biển theo ngọn gió mùa vào pha trộn

với nước sông, cũng là lúc mấy chú cá nước theo dòng nước này vào sâu trong đất liền.

Cá nước là tiếng gọi loại cá này trong sông, còn ngoài biển là cá heo, là một giống cá thông minh nhất, chẳng những trong các loài cá mà cả trong thế giới động vật. Chúng gần gũi và thân thiện với con người một cách tự nhiên. Chẳng thế mà trên thế giới có rất nhiều trung tâm dùng cá heo biểu diễn đủ trò ngộ nghĩnh cho người ta xem. Lại có nơi dùng cá heo để chăm sóc trị bệnh cho những người bị chứng trầm cảm, để chơi đùa với các trẻ em khuyết tật.

Đàn cá nước ở sông Cửa Đại này cũng vậy. Chúng từ biển cả vào, thích nghi ngay với dòng nước thủy triều, với địa thế phức tạp của sông ngòi đầy rẫy cồn cát, lạch nước, doi, vịnh... Vào mùa gió chướng, cứ mỗi lần con nước nhuồn lớn, là loại cá nước này bắt đầu một màn trình diễn ngoạn mục. Chúng xếp hàng thi nhau lội về phía thượng nguồn, nương theo chiều gió, tranh thủ cùng các ngọn sóng bạc đầu, cùng thi nhau tiến lên phía trước. Thỉnh thoảng chúng trồi lên mặt nước, nhìn nhau với vẻ mặt tươi vui, rồi cùng nhau lặn hụp như một màn biểu diễn có tổ chức, một điệu vũ có biên đạo.

Gia đình tôi là một gia đình sông nước, có ghe xuôi ngược trên dòng sông này đã từ lâu đời, nên những chú nước này đều là những người bạn không thể thiếu mỗi khi chúng tôi giòng buồm nương theo ngọn gió chướng, ngược dòng lên thượng nguồn. Y như một cuộc hẹn, khi dòng nước ròng đôi chiều, với những bọt nước xoay hướng là chúng tôi giương buồm tách bến, thì đã có hàng đàn chú nước bên cạnh thuyền chúng tôi, ngóc mõm tươi cười như thách thức chúng tôi cho một cuộc đua hào hứng.

Một, hai, ba... Buồm căng gió, thuyền tách bến, bắt đầu một cuộc đua, một cuộc đua thật sự có chủ ý, có tổ chức, có hiệu lệnh xuất phát... chớ không phải là một cuộc đua vô tình mà có. Đàn nước cũng xuất phát cùng một lúc, nhưng buồm của chúng tôi bắt gió chậm, chỉ một loáng là các đối thủ của chúng tôi vượt

chúng tôi khá xa. Nhưng với lối cư xử *fairplay*, còn nói theo lối xưa là anh hùng mã thượng, các chú nược bơi chậm lại, có chú lội ngược trở lại, để chờ chúng tôi bắt kịp, sao cho cuộc tranh tài cao thấp được hấp dẫn hơn, sôi động hơn

Có lúc, không biết vì thuyền chúng tôi nhanh hơn hay mấy chú nược đuối sức chẳng, mà mấy chú tụt lại phía sau. Chúng tôi vỗ tay cổ vũ:

- *Đua ông nược! Đua ông nược! Thua rồi phải không?*

Nhưng chỉ loáng một cái là đàn nược vượt lên bỏ xa chúng tôi rồi, còn trôi lên, dựng mình lên lội đứng, ngẩng cao đầu với vẻ mặt tươi cười cổ hủ, nhìn lại chúng tôi như chế nhạo.

Những cuộc đua như vậy diễn ra hàng ngày, chúng tôi có dịp tiếp xúc với chúng, cọ xát với chúng, chúng lội sát bên thuyền chúng tôi, đưa lưng, đưa vây, ngóc cả mõm lên để chúng tôi có thể sờ vào chúng, nựng cái mõm hý lộng của chúng, thậm chí chúng tôi có thể đặt tên từng con qua cái thẹo trên lưng, cái vết chàm trên má, cũng có thể qua cá tính của từng con. Chẳng hạn: con Thẹo lội nhanh nhất. Con Xanh (có vết chàm xanh) thích lội đứng nhất, con Charlot có bộ mặt vui nhất...

Có truyền thuyết cho là cá heo, kể cả cá nược cái có thân hình đẹp như một vẻ nữ, đêm đêm thường nằm trên ghềnh đá, trên bãi cát ca hát những điệu buồn để mê hoặc các chàng thủy thủ đa tình. Cho nên người đời gọi là mỹ nhân ngư. Thật sự là chúng tôi không biết điều này. Mà thôi, cá nược cá heo đối với chúng ta với ngân ấy đức tính quá đủ cho chúng ta mến mộ quý trọng chúng rồi. Nếu quả có mỹ nhân ngư thật thì điều này chỉ làm rắc rối thêm cho cuộc đời phàm tục này mà thôi.

Vào những năm 1950, thuyền ghe trên dòng sông Cửa Đại này đã được cơ giới hóa, thêm vào đó chiến tranh trong vùng cũng đã góp phần khiến cho dòng sông êm đềm phẳng lặng thuở nào trở nên nguy hiểm, tạo ra một mối nguy cơ cho sự an nguy và sống còn của đàn cá nược,

Đây đó người ta đã vớt được một con cá nược bị chân vịt tàu chém phải, một vài con bị súng nổ bom rơi giết chết. Thế rồi, khúc sông Cửa Đại nơi chúng ở đã thừa thớt loài cá nược này, không còn những cuộc đua hào hứng giữa con người và cá nữa. Phần tôi vì sinh kế cũng bỏ dòng sông Cửa Đại này đi nơi khác, mà mãi trong lòng tôi vẫn còn hình bóng của đàn cá nược vui tươi, đầy nhân tính, thân thiện, gần gũi với loài người, trong số đó tôi vẫn còn nhớ con Thọ, con Xanh, con Charlot...

Lời nói thêm: Đến năm 1986, trong chuyến khảo sát sông Mekong của nhà hải dương học nổi tiếng quốc tế người Pháp tên là Jean-Yves Cousteau có đến Việt Nam với chiếc tàu chuyên dụng, chiếc Calypso, vì không được phép của chính quyền Campuchia vào biên giới nên phải đậu tại sông Mỹ Tho. Trong bản phúc trình sau đó, ông có viết về loài cá nược lúc trước ở vùng sông Cửa Tiểu, Cửa Đại, vì môi trường sinh sống không còn thích hợp, nên chúng tiến dần lên thượng nguồn sông Mekong. Chính ông đã khám phá ra loại cá nược này giờ đây đã có mặt tận trên biên giới Lào mà không còn được bao nhiêu.

Nếu thật vậy, các bạn nược ơi, sao bỏ chúng tôi đi xa vậy!?



**1 ĂN 100
CON ĐIỀU ĐÂY !**

Ta ngược dòng thời gian trở về ngày xưa cách nay trên sáu thập niên để tìm hiểu về thú đá gà gồm tổ chức trường gà, cấp độ, trận đá, ăn thua và nhất là số phận của những con gà.

Trường gà là một ngôi nhà vuông, thấp, lợp lá, phía trong người ta dựng một cái thành hình tròn nẹp lại bằng đệm bàng hoặc bằng cộng dừa nước, đường kính lối 5 m, bề cao lối 0,8 m cũng có thể nói là một cái võ đài cho gà đá.

Ở một phần bên ngoài cái vòng tròn này, có đặt một cái bàn cao. Trên bàn có một cái tô đựng cát. Trong tô đựng cát này người ta cắm một thanh tre và từ thanh tre có gài một cây nhang nằm ngang. Cây nhang được đánh dấu bằng mực tàu cho từng khoảng đều nhau. Ngay mỗi khoảng lại có treo một đồng xu tòn teng bằng một sợi chỉ.

Vào trận, nhang được đốt cháy và khi nhang cháy đến mức đánh dấu thì đồng xu rớt xuống đánh cái “beng” trên một cái đĩa thiếc, là hết một hiệp mà giới nhà nghề gọi là một “ôm”. Bộ phận này thay thế cho cái đồng hồ để tính “hiệp” đánh võ ngày nay. Mỗi ôm có thể là 15 phút. Một trận gà gay cán có thể kéo dài đến 8, 9 ôm.

Chung quanh vòng tròn là nơi ngồi của những tay đá gà. Những tay đá gà có nhiều thành phần lắm. Có người như ông Cả Tám, tay chơi gà chuyên nghiệp, ở nhà nuôi hàng chục con gà độ, có người chỉ nuôi vài con, có người không nuôi con gà nào cả, nhưng mỗi lần trường gà có đá là họ đến. Họ đến coi giò coi cẳng, coi cựa, coi vảy, coi lông mã, lông đuôi kể cả mòng, mỏ... của từng con. Tùy theo sở trường của từng người để cuối cùng họ xem nên bắt độ bên con nào. Số này gọi là dân “đá hàng xáo” rất đông và nhờ có số này mà trường gà hoạt động sôi nổi, rầm rộ.

Còn một số khác vì hiếu kỳ đến chơi thôi và cũng để tập tành... vào nghề, cũng có một số khán giả không thể thiếu là con nít. Trường gà hoạt động từ sáng đến chiều nên còn một số nữa là những bà, những chị bán bánh trái, cơm, cháo, bì cuốn, bì bún,

hột vịt lộn... kể cả những anh chàng từ thành phố xa xôi đạp xe đến bán bánh mì thịt, cà rem...

Ngoài vườn là nơi nhốt những con gà trong những chiếc lồng. Lồng gà được đặt xa nhau vì nếu không, các chú gà hiếu chiến này đang hồi sung sức hay mang lồng đến “sói” với nhau. Chúng nhìn nhau, so vảy so cựa, gáy rân lên như thách thức, như hứa hẹn một trận thư hùng chết sống. Những con gà được nhốt trong lồng nhưng các ông chủ gà cảnh giác vẫn cho người canh chừng đối phương... thuốc gà mình.

Ông Cả Tám có uy thế trong làng nên việc đá gà mặc dù bị cấm đoán mà với ông, những việc này không có hiệu lực gì cả. Ngôi làng nơi mà ông làm Hương Cả vẫn có một trường gà, và hôm nay trường gà này hoạt động định kỳ vào mỗi chủ nhật.

Tung bừng sáng là những tay chơi gà đã tề tựu. Họ có thể ở ngay trong làng, có thể ở các làng kế cận, cũng có những tay nhà nghề ở từ khá xa. Họ xách theo những con gà “chiến đấu” đang độ sung mãn trong những cái giỏ bàng khá lớn, có chứa mỗi bên hai cái lỗ tròn cho gà thở.

Mọi người đến đông đủ và sau khi xã giao chào hỏi lấy lệ là chiến trận mở màn. Khởi đầu là các ông chủ ôm gà mình vào trong vòng tròn, so qua so lại để “cáp độ”. Mỗi người chủ gà đều có một người đi theo vừa là huấn luyện viên vừa “cho nước” chú gà, đồng thời cũng là cố vấn hay quân sư cho ông chủ.

Quá trình cáp độ rất tốn thời gian vì mỗi người chủ gà đều có một “chiến thuật” chơi gà khác nhau. Nếu có người tin vào “ngũ hành: kim mộc thủy hỏa thổ” thì họ lấy ngũ sắc lông làm chuẩn, chẳng hạn thủy khắc hỏa... nên họ không bao giờ để con gà mình có lông trắng đá với con gà có lông đỏ, thua là chắc.

Cho nên gà đá phải có bộ lông mã đầy màu sắc: Như gà điều lông đỏ, đuôi đen, gà chuối lông vàng pha đủ màu, gà ô lông đen tuyền, gà xám lông màu đất sét, gà nhạn lông toàn trắng, gà ó

không có lông mã, lông như lông ó có lõi đá đòn cực mạnh, gà lau lông đen có lông mã trắng như bông lau...

Có người lại chuyên coi vảy, coi chân gà. Cũng lạ, cách đóng vảy, không con nào giống con nào cho nên con gà mình mà có vảy “hồng tâm” thì “chơi” với con gà có vảy “phản chủ” là “ăn chắc”. Và cũng có người chơi gà qua nghiên cứu tiếng gáy.

Nhưng cựa là quan trọng nhất vì cựa đối với gà là guơm là giáo là vũ khí. Gà ra độ phải đủ tuổi, phải qua quá trình nuôi dưỡng, huấn luyện, quần dượt công phu, có “xổ” định kỳ. Xổ gà nghĩa là cho hai con đá với nhau, nhưng phải bịt cựa lại. Cựa gà phải đủ dài, không ngắn quá, không dài quá, vừa đủ cong, nếu cong vút lên cũng không đúng chuẩn. Gà được đưa đến trường là cặp cựa phải sắc như dao cạo.

Cuối cùng con “Điều” của ông cả Tám “đụng” với con “Lau” của ông Bảy Thề ở An Khánh. Tiền bạc cá độ được hai bên thách thức và thỏa thuận, cùng với các tay hàng xáo cùng “đánh” được chủ trường gà lập trên một cuốn sổ như một hợp đồng được gọi là “làm sổ”. Về việc này chủ trường gà được hưởng 10% của người ăn. Sổ làm xong, trận đấu bắt đầu.

Nhang được đốt lên, trước khi treo đồng xu vào mức ghi dấu, một tiếng “beng” là hai bên “thả” gà. Thả gà nghĩa là khi vào ôm hay vào hiệp, chủ gà hay người cho nước đồng loạt thả gà của mình. Việc thả gà này cũng có nhiều mách lới lắm. Thả làm sao mà gà mình nắm thế thượng phong trước.

Sau khi được thả, con Điều và con Lau chưa lâm trận vội. Cả hai xù lông cổ lên, ngóng thẳng đầu vào đối phương, bốn mắt đảo qua đảo lại để tìm sơ hở của nhau, rồi một vài cái nạp dò xét. Trận chiến bắt đầu một cách dè dặt có tính anh hùng mã thượng, với những chiêu thức của những cao thủ võ lâm chứ không phải đấm đá như kẻ phàm phu tục tử.

Sau một lúc thăm dò hai đối thủ thật sự vào trận chiến. Nếu con Điều có những đòn “đá mé” sắc nét, thì con Lau với cái

lôi đá “đĩa” bí hiểm, cả hai tỏ ra đồng tài đồng sức. Hết ôm một cả hai được bông ra trông còn sung sức lắm. Chúng được phun nước cho mát, cho uống nước, lau mình và xem có vết chém hay không để được cho nước, hoặc dùng miệng nút máu.

Beng! Vào ôm hai. Mỗi đợt nghỉ cho nước lôi ba phút. Gà lại được hai người cho nước thả ra. Lần này không còn thăm dò nữa, cả hai xung trận quyết liệt ngay. Đủ thứ đòn, đủ thứ thế cả hai con Điều con Lau đều lần lượt đem ra thi thố. Y như những đấu thủ trên võ đài, nếu yếu thế cần nghỉ một chút, chúng biết chun vào cánh con kia ló đầu lên thở, hoặc cúi mình thấp xuống trốn dưới ức con nọ. Trong tư thế này, đối thủ của nó cũng không biết làm sao.

Thế đòn của chúng cũng tinh vi lắm từ đá mé, đá xỏ, đến đá đĩa và mỗi thế đá như vậy là mỗi lần cựa của chúng được sử dụng một cách nhuần nhuyễn. Đến hiệp thứ 4, hai con gà đã thấm mệt. Chúng đã bị thương tích quá nhiều. Giờ chúng chỉ dựa vào nhau và trông chờ đối phương sơ hở là tung mình nạp mạnh. Nhưng cũng là giây phút chết sống vì những đòn trí mạng này thường là đòn chí tử.

Ôm thứ sáu, con Điều xem ra thắng thế hơn, bây giờ chính là nó dẫn dắt thế trận. Con Lau chỉ biết tìm cách luồn lách, chui vào cánh con Điều để tránh đòn, nhưng cũng để chờ thời cơ. Ở ngoài, phía ủng hộ con Điều la ó, cổ vũ:

- *Đâm vô “ông địa” nó đi Điều.* (ông địa là nơi đỉnh đầu nghĩa là óc).

- *Khai “bồ lúa” nó đi Điều* (bồ lúa tức là bầu điều).

Rồi như cảm sự thắng trận trong tay, phe bên con Điều “phóng”;

- *1 ăn 10 đây!*

- *1 ăn 50 đây!*

Con Điều càng đá càng lần lượt. Con Lau chỉ còn biết tránh né thôi. Nó đã bị không biết bao nhiêu vết đâm. Một cái cánh đã xệ xuống, cần cổ nó dường như cũng đã bị thương nặng nên lắm lúc nó niễng niễng như muốn ngã quỵ xuống. Trong khi phe bên con Lau êm re, thì bên phe con Điều càng lớn tiếng hò reo như tiền ăn độ đã nằm trong tay.

Ôm thứ bảy. Nhờ được cho nước trong thời gian nghỉ ôm, con Lau vào trận khá vững một chút. Nhưng chỉ trong một loáng, nó cũng bị con Điều áp đảo. Nhìn nó, ai cũng nghĩ là nó sẽ ngã quỵ bất cứ lúc nào, nhưng đầu và mỏ nó vẫn hướng về con Điều, mắt nó vẫn nhìn trừng trừng vào con Điều, tưởng chừng nó sẽ quyết tử với con Điều.

Con Điều như say máu chỉ lừa một thế độc để kết thúc trận đấu và con Điều đã có được thế đó. Nó đợi cho con Lau mô trượt nó còn đang mất thăng bằng thì nó nắm lấy cơ hội, một cú tạt ngang vào mình con Lau, cựa của nó có thể đâm đầu đó trên mình con Lau. Con Lau ngã ra, không đứng dậy nổi, nằm ngửa đưa hai chân lên trời chòi chòi bất lực trước sự cắn mổ của con Điều.

Tiếng la như sấm của bên phe con Điều:

- *Thua rồi!*

Nhưng luật đá gà chỉ khi nào gà chết thật, hoặc bỏ chạy, hoặc bị thương mà kêu lên... mới gọi là thua. Con Lau chưa kêu, và không bao giờ nó kêu...

Ở ngoài có tiếng phóng cá có tính trêu chọc, nhạo báng hơn là có tính ăn thua :

- *1 ăn 100 đây ! 1 ăn 100 đây ! khà, khà...*

Êm re, ai đâu có tiền bỏ ra thua lẫn xẹt vậy. Nhưng bỗng có tiếng :

- *Tôi bắt.*

Thì ra người phóng là ông cả Tám, chủ con Điều, người bắt là ông Bảy Thề chủ con Lau. Mọi người nhìn ông Bảy mà thông cảm vì thua một đồng mà có dịp biểu lộ lòng thương con gà của mình, cũng đáng !

Con Lau vẫn chòi chòi đôi chân một cách tuyệt vọng. Con Điều cúi đầu xuống tìm chỗ mỗ để lấy đà nấp vào con Lau một đòn cuối cùng. Con Điều đưa đầu cúi xuống con Lau, cố tìm một điểm thuận lợi không được đang loay hoay mất kiên nhẫn, thì con Lau, với cái mỏ sắc bén mỗ ngay vào đầu của con Điều kéo xuống. Đồng thời với tất cả sức lực còn lại, nó tung mạnh hai chân có hai cựa sắc như dao vào đỉnh đầu con Điều. Và một mũi cựa đã ghim vào ông địa con Điều. Con Điều chỉ còn kêu lên một tiếng “quác” rồi té xuống đất giãy đành đạch, chết ngay tại chỗ.

Cả trường gà im lặng, kể cả ông Bảy Thề. Một sự kiện chưa hề xảy ra trong các trường gà từ trước đến nay. Cuối cùng ông Bảy vào ôm con Lau vào lòng, đưa tay vuốt lưng nó, vuốt đầu nó thì thấy nó ngoẻo đầu vào tay ông và nó đã chết rồi.

Còn chủ con Điều sau khi chung tiền thua rồi, gọi thằng cha giữ trường gà bảo đem về “nhậu đi “, còn ông ra vườn, ôm con gà khác vào cặp cho độ sau.

Trường gà hôm ấy có tất cả bảy độ. Việc ăn thua là việc con người, còn loài gà hôm ấy có đến 11 con chết tại chỗ, 2 con bị vết cựa đâm cùng mình kể cả một con gà rớt cũng không nuôi lại làm chi nên chiều lại cũng cùng chung số phận: “nhậu!”.

Lời nói thêm: Ngày nay việc đá gà cũng bị cấm đoán, nhưng óc cờ bạc vẫn còn, nên gà vẫn còn là con vật thí thân thể thảm hơn ngày xưa gấp bội lần, với cựa thép, cựa dao... nhiều trận chỉ kết thúc không quá một phút.



TIẾNG GỌI TÌNH CỦA CON DẾ CỜM

Mùa sa mưa giông vào lối tháng ba, tháng tư âm lịch, vừa chạng vạng, trẻ con đã háo hức vào trong vườn, đến mấy cánh đồng, thậm chí nếu ở thành phố bọn chúng đi dọc theo lề đường để... bắt dế.

Bắt dế là một thú đam mê của bọn trẻ tuổi từ năm, sáu trở lên đến mười bốn, mười lăm... mà bất cứ một người nào khi tuổi đời đã cao vẫn giữ nó mãi trong ký ức mình như một kỷ niệm không quên.

Chơi dế, đá dế là để thỏa mãn thú vui không những cho trẻ nhỏ mà còn cho cả người lớn. Chuyện xưa kể lại có ông vua Tàu từng ngồi cái đầu rồi mà vẫn ham mê đá dế mặc dù trong cung cấm của ông ta không biết bao nhiêu là trò chơi tiêu khiển kể cả hàng ngàn cung tần phi nữ.

Thú đam mê mà! Đầu có ai giải thích được, nhưng có điều thỏa mãn thú đam mê này, có ai biết rằng vô tình đã phạm một sai lầm trong qui luật của huyền vi tạo hóa. Bởi vì, những chú bé có tình bắt cho được những con dế, nhất định là phải dế trống - dế mái thì đâm đá gì được - đem về bỏ vào một cái hộp các-tông cứng, chớ loại mềm chú dế khoét lỗ chun ra mắt, cho chúng ăn cỏ củ non hoặc giá sống. Tức nhiên là mấy chú dế này được cung lắm, nhưng sau đó là số phận bi đát dành sẵn cho chúng rồi.

Suốt ngày mấy chú bé đem dế ra, lấy một cọng chun nhang dùng sáp ong dú quấn một ít tóc vào để vấy cho dế gáy. Dế có biết gì cứ nghĩ các sợi tóc kia là râu của tình địch nên nhảy cõn

lên, phùng cánh, gáy lên những tiếng gáy hùng hồn sẵn sàng xung trận. Thường thì các chú bé cũng thích nghe tiếng gáy của đế lắm nhưng yêu cầu chính là cho đế đá.

Cho nên vào mùa đế, các chú bé không bao giờ ở yên trong nhà, trông cho tan học là chạy ù về nhà, mang cái hộp đế của mình ra chỗ hên có thể là tại ngôi đình làng hay đơn giản là tại một gốc xoài, gốc mít nào đó mà những người bạn đá đế đã chờ sẵn.

Một trận đá đế cũng ồn ào, náo nhiệt, tung bùng... như tất cả cuộc tranh tài nào khác. Cũng có cấp độ so kè, có chấp lên chấp xuống... chẳng hạn con “than” của thằng Đực “chơi” với con “lửa” của thằng Mắm v.v... Tiếng cổ võ vang trời, tiếng khen chê dậy đất. Trận quyết đấu kết thúc nhanh chóng.

Nếu có những chú giắc đầu anh dũng kiên cường, thà chết không... chạy thì cũng có không ít những kẻ hèn nhát chưa chi đã xếp giáp qui hàng. Nhưng nếu có thắng trận một cách oai hùng hay bại trận một cách nhục nhã thì những chú đế này rồi cũng thân tàn ma dại, cũng bị ném đi như ném một cọng rác. Để rồi, đem lại các chú bé lại đốt đèn đi bắt những chú đế khác, cho đến hết... mùa đế.

Khi bầu trời có dấu hiệu báo những trận mưa đầu mùa và khi trời vừa chập choạng tối, đây đó trong vườn sau, ngõ trước đã vang lên tiếng đế gáy vang dội, liên hồi, bất tận với đủ giọng trầm bổng, nhặt khoan, du dương, ẻo lả đúng là một điệu hòa tấu tuyệt vời mà trời đất đã ban tặng cho con người chúng ta.

Nhưng sao con người lại được cái ân huệ ban tặng này? Không, không đâu. Thật sự đây là mùa cho loài đế làm nghĩa vụ lưu truyền nòi giống. Những tiếng gáy của đế trống với đầy đủ âm điệu cuốn hút, hấp dẫn, kêu gọi, mời mọc... chỉ là những bản tình ca kêu gọi bạn tình.

Trong thế giới vạn vật bao la, tiếng ve sầu vào mùa hạ cũng đã từng gây hứng cho biết bao nhà thơ, nhà văn ca ngợi, viết

nên những lời lẽ đề đời cho hậu thế, cũng chỉ là những bản tình ca qui ước. Chim bồ câu, chim cu, chim quốc... với những bản tình ca mượt mà, tình tứ, rộn ràng, nóng hổi... nhưng có lúc tình yêu dang dở, đứt đoạn, chia lìa thì những điệu tình ca này lại trở nên khắc khoải, thổn thức, bồi hồi, nức nở...

Nhưng cũng có những điệu tình ca ngộ nghĩnh, buồn cười, hý lộng để làm vui lòng bạn tình như của loài vịt, loài ngỗng, loài hải âu, loài chim biển. Ngoài những điệu tình ca, ta còn biết loài cá, loài chim lại còn có những điệu vũ huyền hoặc đến mê hồn để thu phục bạn tình.

Từ những con cá thia thia xinh xắn trong đồng ruộng đến những con cá khổng lồ như cá heo, cá ông... ngoài biển cả cũng đều có những màn trình diễn vô cùng ngoạn mục trong giai đoạn xuân thì.

Điệu vũ của loài hồng hoàng cao cát ngày xưa đã từng là khuôn mẫu của môn vũ đạo cho loài người. Nói đến bông lai ta thường nói đến phượng châu, hạc múa. Thực tế hơn, nếu ta nhìn lên lưng chừng trời về khuya trong một đêm sương mờ ảo, lơ lửng trắng thu ta sẽ có dịp thưởng thức đôi hạc trong động tác giao tình, đã thực hiện một màn phi vũ tuyệt vời thì thiết nghĩ không còn một cảnh hoan lạc nào trỗi tình hơn. Chẳng thế mà Tản Đà đã ca ngợi:

Cái hạc bay lên vút tận trời
Trời đất từ nay xa cách mãi
Cửa động
Đầu non
Đường lối cũ
Nghìn năm thơ thần bóng trắng chơi.

Cảnh loài hạc, loài sếu múa trong đêm trăng là có thật, ngay cả ở vùng Tam Nông, Đồng Tháp Mười của chúng ta cũng có, chớ không phải là sản phẩm tưởng tượng của nhà văn nhà thơ.

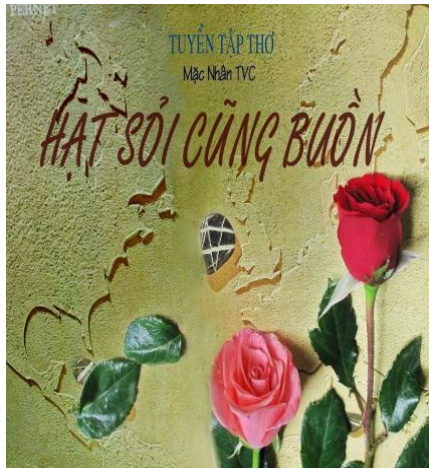
Dế cũng vậy, ngoài tiếng gáy nỉ non, ra rả... dế còn trình diễn những màn vũ để gọi bạn. Thật tình mà nói tiếng gáy của dế trong các điệu nhạc tình là vô song trong các loài vật, nhưng điệu vũ của nó thì khá quê kệch. Khi tiếng gáy của anh chàng lôi kéo được một cô bạn đến, anh ta lê cái thân quá khổ đi vòng vòng quanh cô bạn, đôi mắt liếc qua liếc lại đưa tình nhưng ấn tượng nhất là mấy chiếc râu dài lơ thơ, luôn ngo ngoe chạm vào cô nàng. Biết đâu đây là những nụ hôn tỏ tình chẳng?

Mùa dế năm này qua năm khác, các chú dế trống dùng tiếng gáy để gọi bạn tình, thì vô hình chung trở thành con vật hy sinh cho một trò chơi con trẻ và đi đến một kết cục bi đát, và cũng vì vậy các cô dế mái đến mùa xuân thì càng về sau càng hệt hẫng vì không còn nhiều điệu nhạc của đấng mày râu, để mặc sức cho các cô nàng chọn bạn tình nữa.

Phần bốn

THI TẬP

1. Tập thơ “XÓT XA”



Vạn vật đồng nhất thể

HẠT SỎI CŨNG BUỒN

Tôi từ miền Đông đất đỏ
Về miền Tây bằng xe bò lọc cọc.
Đổ sạn, xây nhà
làm cầu, đúc cống...
Số phận ư?
Tôi được bỏ quên sau mẻ đúc sạn
cuối cùng.
Lăn lóc đường trần

Dập vùi gió bụi
Nắng mưa không làm tôi nứt rạn
Đầy đọa càng nhiều thân tôi càng nhẫn
Vì tôi là hạt sỏi
vô tri
vô giác
vô tâm
vô thức
vô cảm
vô tình
Nhưng tôi tồn tại
tồn tại trong tăm tối, lặng cảm, vô hồn.
Số phận ư?
Một bước chân dẫm lên
Một bàn tay nhè nhẹ
Tôi nằm trong bàn tay nhỏ bé
Êm đềm
mịn màng
ấm áp
Một ít nước bọt lau tôi vào vạt áo
Tôi là sỏi đá
nhưng trơn tru bóng láng
đôi mài,
Không gay góc như đồng loại
hoang sơ.
Giọt nước bọt
giọt cam lồ, gột rửa bụi trần,
Bàn tay nhỏ bé nâng niu
Đôi mắt nhìn tôi âu yếm
Một nụ cười ban phát cho tôi
Hạnh phúc đầu đời.
Giọt mưa trên đá
Giọt sương trên cát
Mát lạnh đời tôi!

Số phận ư?
Thân thương đặt tôi vào túi áo
Tôi chuyển mình từ vô thức
Để cảm nhận một điều
vô sắc
Nhịp đập từ trong lồng ngực như lời ru
của trái tim
Nhẹ nhàng mà rung động
Yếu ớt mà bi hùng
Từ vô thức tôi đi...
Từ vô thức tôi đi...
Số phận ư?
Anh và tôi như bóng với hình
Ngày đi chơi đảo
nhảy cò
đánh búng...
Đêm về nhà
âm êm trong túi áo
bên lồng ngực
Để hòa nhịp với tiếng đập con tim.
con tim của anh.
nóng hổi, rạt rào, chan hòa, vô lượng...
Tôi không còn là hạt sỏi
vô tri cùng cát bụi
Mà là anh
Mà là tôi
khăng khít
hữu cơ
hữu cảm
hữu tình...
Số phận ư?
Với hạt sỏi, thời gian là vô nghĩa
trống không, mông lung.
Đến một lúc

Nhịp đập của con tim
sao im lặng?
Hơi ẩm sườn tôi
sao giờ đây giá lạnh?
Tôi cũng lạnh giá,
mất rồi!
Anh bất động!
Để cùng tôi
Trở về bất động
như bản thân tôi bất động.
Đường về...
Nhưng tôi vẫn trong túi áo anh
vẫn bên lồng ngực
vẫn bên trái tim anh, dù giá lạnh .
Mặc cho “con tim ta” không đập nữa
Có gì đâu?!
Anh và tôi cùng đi
cùng đi
Để cùng hóa kiếp
với nhau thôi!

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

Biển Đông hai mùa nam chương
Đất Nam mưa nắng giao mùa
Trời Ba Tri mây cao lồng lộng
Người Ba Tri muôn thuở còn đây
Ta đến đó nơi thầy còn đó
Ta về đây như kẻ về nguồn
Ta bờ ngõ trước đền cao ngói đỏ
Ta lạc loài trước bia đá lâu son
Bàn hương án lung linh bóng sắc
Nét chân dung tô điểm hình hài
Nhưng trong ta như vắng bóng thầy xưa.

Nhớ thầy:

Cân đai áo mao còn không quản
Khanh tướng công hầu cũng vứt đi
Giờ đây điện ngọc lầu son đỏ
Một góc bên vườn năm cỏ thi.

Nhớ thầy:

Mắt đêm tối nhưng tâm thầy rực sáng
Đốt tham tàn bằng lửa đỏ lòng son
Ngon bút lông mực thắm sắc gươm linh
Đâm cường bạo súng đồng im lặng tiếng.

Nhớ thuở:

Vân Tiên tay côn dẹp loạn
“Kiến nghĩa bất vi vô đồng dã
Lâm nguy bất cứu mạc anh hùng”

Nhớ nàng:

Nguyệt Nga trung trinh tiết hạnh:
“Thân ta còn đứng trong đời
Xin thờ bức tượng trọn đời thời thôi”

Quán rằng:

“Xem qua kinh sử mấy lần
Nửa phần lại ghét nửa phần lại thương”

Ngư rằng:

“Nước trong rửa ruột sạch trơn
Một câu danh lợi chẳng sòn lòng đây.”

Cảm kích:

Trời Cần Giuộc ù ù gió thổi
Hồn tử sĩ hịch văn tề lễ
Đất Ba Tri lưu dấu am mây
Khí thiêng phảng phất đâu đây.
Bến Tre lành lạnh gió mưa bay
Ngùi ngậm đường về ai có hay.

NGUYỄN TRÃI

Vải rụng vườn hoang hồn cổ độ
Sầu vương tóc bạc nổi u hoài
Tru di tam tộc sao đành để
Mây lấp ngàn xưa hận Úc Trai.

NGUYỄN TRIỀU

Một dải Trường Sơn công hạn mã
Nguyễn triều cứu đỉnh được bao thu
Ngai vàng mây độ mờ non Ngự
Đề dấy Hương giang bóng nguyệt mờ

QUANG TRUNG

Đồng Đa chiến thắng tan hồn giặc
Xoài Mút vang lừng lập chiến công
Chín tác gương thiêng nên lịch sử
Ngàn năm tưởng nhớ đức Quang Trung.

TRƯỜNG XƯA

Từ độ mai vàng biệt nắng xuân
Hoa đào viển xứ nở bao lần
Thương về trường cũ về trong mộng
Theo dấu người xưa vọng núi Tản.

TIẾNG AI HÁT...

Phím trắng đèn đêm đàn để lạnh
Ai đàn, ai hát, hát ai nghe
Nửa đêm những tưởng lời ngân cũ
Nhưng chỉ buồn thay gió lạnh về.

CHÂN DUNG

Nhớ lại “Hàn nho phong vị phú”
Dáng dấp người xưa có phải?
Một kiếp phù sinh
Bao năm lỡ vận
Chí cả không tròn nghiệp lớn
Tâm can gởi lại mai sau
Gian nhà xưa thanh bần màu cổ độ
Người cố tình tô đậm nét phong lưu
Sắc màu theo thời gian loang lổ
Nhưng trong tôi nét đậm chẳng phai tàn.

TÌM LẠI NGƯỜI EM TIỀN SỬ

Ta trở về tìm lại chốn hoang khai
Vùng nhật nguyệt trắng sao màu tím ngắt
Biển đông giá, mặt trời còn tím ngắt
Rong rêu vàng, màu đất chữa phôi phai.

Tôi tìm em, một người em tiền sử
Để nhìn em còn hòa nhập thiên nhiên
Để có được một người em nguyên bản
Của đất trời từ thuở mới khai thiên.

Đôi vai trần chắc nịch, mùi hương xạ.
Mảnh thân gầy mà đôi núi trập trùng
Tôi lạc bước trong hỗn mang cơ thể
Để nghe chừng mùi đất biển hòa chung

Đôi mắt em là lửa trời đỏ rực
Mắt thú rừng để soi bóng u minh
Đôi chân trần sổng soài như bầy sập
Trời vô tình nhìn đến lá nho xanh.

Em vào đời như nước nguồn lửa núi
Nhựa hoa căng sẵn đợi chú ong về
Em hiến trọn và nhận về tất cả
Của đất trời trong khoảnh khắc đê mê.

Nhịp âm dương xoay vần chỉ có thể
Như cỏ cây, như cầm điều, thú rừng
Em đã đến với đời như mảnh vỡ
Của đá trời gieo giống xuống trần gian

Rồi đến lúc em cho đời bên vách đá
Ánh thái dương hoàn tất một bào thai
Trong vũng máu đỏ hồng màu sinh khí
Tiếng tu oa khởi điểm một hình hài.

TIẾNG RAO TÀU HŨ MỪNG MỘT TẾT

Nhà nhà sum họp.
Hoa đăng hực hỡ rạng ngời
Rộn tiếng cười vui con trẻ.
Nhận gói lì xì màu đỏ
In hình chữ Phúc thắm tươi.
Cảnh Tết nhà ai ấm cúng
Giữa thị thành yên ắng đón xuân về
Nắng chói chang gay gắt về trưa

Bỗng một giai điệu lạc loài
Giữa trời xuân như van lơn mời gọi
Bỗng trầm hơi oán, hơi ai
Nhói trong tim, dâng trào lên khóe mắt
Chất nước mặn, muôn đời nhà Phật
Ban cho loài người kết tụ trong tôi.

“Ai ăn tàu hũ hôn???!!...”
Nắng lửa bốc lời rao lên cao vút

Gió xua đi tiếng gọi chôn hũ vô
Tôi trông đợi một lời kêu tế độ
“Tàu hũ!”
Mà sao sa mạc giữa đô thành
Im lặng!

Gánh hàng đây, nhà cửa ai đón xuân
Con cái đâu, đâu cảnh Tết quây quần
Bàn thờ lạnh, nén hương thơm ai đốt?
Tiếng rao hàng lạc giọng giữa bụi trần.

Đầu đội nắng vai oằn đôi quang gánh
Gió về trưa xua đuổi bước chân gầy
Nồi tàu hũ trên vai còn nặng trĩu
Đường vào xuân xa tấp bóng chân mây...

MẸ VIỆT NAM

Con đường quê chân trần trên sỏi đá
Gánh can trường nặng trĩu mãi bờ vai
Trời cao rộng mà người là sao nhỏ
Bóng xiên xiên bóng trải đổ đường dài

Đầu cao ngất trong vòm trời cao ngất
Nón lá buông che vạ nẻo đường mòn
Hai thúng nặng tình thương vô bờ bến
Nuôi chồng con chia sẻ việc nước non

Vai oằn nặng hai đầu hai quang gánh
Để tháng năm ròng rã gót chân mòn
Đường đời xa chân gầy luôn vững bước
Thời gian dài mà đỏ mãi lòng son.

Người cao vợi trên đỉnh cao vợi vợi
Trong đất trời người ấy Mẹ Việt Nam.

BÀI THƠ KHÔNG TỰA

Người buồn người làm thơ
Tôi buồn tôi làm thơ
Bài thơ buồn không tựa
Nhưng vẫn là bài thơ.

Tôi biết anh thương tôi
Nên gửi anh thơ tôi
Bài thơ buồn không tựa
Vì anh thích thơ tôi.

Tôi viết thơ lá rơi
Có nghĩa gì lá rơi
Vậy mà anh lại bảo
Lá rơi khiến lệ rơi.

Người buồn để lệ rơi
Thu buồn làm lá rơi
Lệ rơi buồn đơn lẻ
Lá rơi buồn khắp trời.

Người buồn hạt lệ rơi
Trời buồn giọt mưa rơi
Lệ rơi làm đá vỡ
Mưa rơi lạnh ngàn khơi.

Một bài thơ không tựa
Tôi nhờ anh đề tựa
Anh bảo qua lệ rơi:
“Đời người đâu có tựa”.

Trời buồn mưa cứ rơi
Thu tàn lá cứ rơi
Đời người như vô ảnh
Cứ để cho lệ rơi

THẦY XƯA BẠN CŨ

Ba gian trường lá cánh đồng không
Một lớp học nghèo, tình mệnh mong

Tiếng trống trường lâu lắm vẫn còn vang
Trong lồng ngực đám học trò ngơ ngác.
Để lòng thầy thương học trò lưu lạc
Nơi trường xưa, trường Chợ Gạo năm nào
Nắng soi mưa tạt
Đường vào trường mùa khô sỏi đá
Đường ra trường mưa ngập đến chân

Vậy mà trường ở mãi trong tôi
Vì nơi ấy có thầy có bạn
Thầy tôi chẳng có gì ngoài ước vọng
Cho trò một chữ trí để khai tâm
Và một chữ nhân để sống
Tôi ơn thầy vì đã có trí để sống nhân
Tình thầy là nghĩa không quên
Công thầy là ơn khó trả.

Ba gian trường lá cánh đồng không
Biết đến bao giờ cho hết nhớ trông!

LỚP HỌC TRONG ĐÌNH

Trong ngôi đình cổ cạnh bờ sông
Một lớp học nghèo tình mệnh mong
Thầy tôi dạy chữ cho tâm trí
Hình ảnh thầy khắc đậm trong tim.

Chữ ê, a vỡ lòng thành người hữu dụng
Uy vũ đình ghi nhớ cội gốc ông cha
Hoành phi, liễn đối, sân khấu, võ ca

Hạc châu hương án, Thiện Ác lưỡng môn
Tiếng trống sấm vang rền xa mấy dặm
Mỏ trường thành đồng dục báo tin làng

Chân con trẻ vui buồn bia Long Hồ
Đến mùa đa riu rít tiếng chim về
Ngoài sông rộng trập trùng muôn sóng vỗ
Ve hạ về phượng đỏ rụng sân đình
Tết chưa đến mà lòng tôi rộn rã
Ngon vông đồng trao trao báo tin xuân.

Thầy tôi dạy chữ cho tâm trí
Hình ảnh đình khắc đậm trong tim
Cho đến nay, cho đến mai sau
Trong ngôi đình cổ cạnh bờ sông
Một lớp học nghèo tình mệnh mông...

MỸ THO XƯA 1925

Mỹ Tho với từng xóm nhỏ đìu hiu
Từng con đường có lá me bay
Đến cầu Quay xem tàu ghe xuôi ngược
Đi chợ Mỹ ăn bánh giá chấm tương.

Vào chùa Vĩnh Tràng xem cổng Minh Đàn
Ra đình Điều Hòa xem hát lệ kỳ yên
Sáng chiều ga xe lửa vang tiếng còi tiễn biệt
Qua cầu tàu Lục tỉnh đón tàu cặp bến

Nhặt me rụng trên đường Lê Lợi
Ngồi băng đá hàng dương nhìn sang cồn Rồng lộng gió
Đầu mùa mưa vào lộ Bờ Dừa bắt đẽ
Ngày chủ nhật anh “cô le” Mỹ Tho,
bà ba trắng, guốc vông lộp bộp
“sọt-ti” dạo phố.

Đến đường Hùng Vương nghe ve kêu vào hạ
Đêm thu lên cầu bắc nhìn tháp nước trắng treo
Theo đường làng vào Gò Cát tìm cô hàng mía.
Mùa Phục sinh đến nhà thờ
đón nàng ra lễ, cành cọ trong tay
Rằm tháng bảy qua đồ lễ Phật
Chùa Bửu Lâm thanh thản tiếng nam mô

Mỹ Tho lớn lên tôi cũng lớn
Đã thành người giữa đất Mỹ Tho.
Như hạt sỏi trong lòng sông Cửu
Mơ một ngày hóa ngọc thành châu.

EM BÉ IRAQ VỚI CHIẾC ĐÈN DẦU

Chiến tranh Iraq 2003 đang hồi khốc liệt. Thành phố Baghdad, một buổi chiều mưa gió chìm trong khói lửa. Đài truyền hình chiếu cho thấy hình ảnh một em bé Iraq, một thân một mình, áo không cài nút, quần ngắn, chân trần, trên tay một chiếc đèn dầu tắt lịm, mắt đăm đăm nhìn về khoảng không trước mặt trên con đường sát khí bốc khói đạn bom

Đôi chân trần trên nền đá lạnh
Cảnh hoang tàn sát khí chiến tranh
Bom nổ, đạn bay
Không một bóng hình sinh vật

Một em bé, áo không cài khuy, chiếc quần quá ngắn
Em đi giữa Baghdad đổ nát
Bước chân rần chắc... đăm đăm nhìn về phía trước
Tay em cầm vững chắc chiếc đèn dầu, tắt lịm
Ổng thông phong nửa bể nửa khói hun
Một mình một thân giữa bom rơi đạn lạc

Mẹ đâu? Cha đâu? Bạn đâu?
Kẻ thù đâu?
Giữa Baghdad vùng đất của em làm chủ
Mà như bơ vơ lạc lõng trong bóng đêm nhân loại
Chiếc đèn dầu tắt lịm, cạn dầu
trên thảm dầu sa mạc dưới chân.

Em đi
Em đi về đâu? Em bé Iraq ơi!
Đằng trước em không trăng liềm dẫn lối
Trên đầu em không sao sáng dẫn đường
Sao em không sợ hãi?
Sao em không gào thét?
Sao em không nguyên rửa?
Sao em không trốn chạy?
Sao em không gục ngã?

Em bé Iraq ơi!
Đêm nay dù trong khoảnh khắc
Chiếc đèn dầu sẽ rực cháy
Như trái tim em sẽ rực cháy
Để đánh động lương tâm nhân loại
Cho ngày nay, cho ngày mai
Cho mãi mai sau.

TRỞ LẠI NHÀ XƯA

Nhớ mấy cho vừa cảnh nhớ quê
Nửa vòng trái đất một ngày về
Nhà mong cảnh đợi từng lưu dấu
Kẻ nhớ người thương biệt vọng hê
Nắng đổ hiên xưa khơi trắc ẩn
Mưa rơi vườn cũ gợi buồn tê
Mai vàng trước ngõ mơ hình mẹ
Gieo rắc trong lòng nỗi ử ê.

NÉT XUÂN

Nắng vờn xuân mới gió vờn hoa
Áp ủ mầm non nụ nỡn nà
Mơn mớn chồi xuân mơn mớn điểm
Lững lờ suối ngọc lững lờ sa
Đài hương lơ lững lan trong gió
Vóc ngọc mơn man lộ nét ngà
Lắm tấm sương mai khơi nhụy thắm
Đường vào lối mộng kéo xuân qua.

XUÂN VỀ TRONG NẮNG HẠ

Chiều phỏ Mỹ nắng tàn trời tím ngắt
Gió lá lay nhòe nhệt ánh đèn vàng
Lòng ta vắng, Mỹ Tho buồn sa mạc
Đã từ lâu ta ngỡ ngác lang thang.

Bỗng em đến với ta trời trở sáng
Em nhìn ta đắm đuối một trời tình
Nghe rộn rã tiếng vành khuyên liếng thoảng
Ta nhìn em nuốt chửng cả thân hình

Em chợt hỏi nụ cười trong nũng nịu
Em là ai? Là em gái? Bạn tình?
Ta ngỡ ngác như núi Alpes tuyết trắng
Tóc pha sương từ độ én đang trình.

Ta sẽ hôn, tình anh, người em gái?
Ta sẽ hôn đắm đuối một bạn tình?
Ta sẽ hôn tha thiết một người tình?
Dù một lần ai nữa đã chờ anh!

MÙA BÃI TRƯỜNG

Trường bỏ ta hay ta bỏ đi
Mà sao ray rút buổi phân kỳ
Tháng năm giăng mắc mưa vào hạ
Làm não lòng thêm cảnh biệt ly.

Đến lúc chim non rời tổ mẹ
Ngõ ngang nhìn lại cảnh trường xưa
Vô tình trường lớp tro nền đá
Chẳng nói nên lời để tiễn đưa.

Vương vẫy trên đường mưa gió lạnh
Hùng Vương lả tả lá hoa me
Mùa này me rụng ai tranh nhặt
Để tặng cô nàng đệ nhất C.

Ly biệt nào rồi cũng biệt ly
Bận lòng chi nữa lúc ra đi
Xót xa cho mấy rồi ly biệt
Trường hồi cho ta một ước kỳ

Thoáng chốc đầu xanh nay đã bạc
Nửa vòng trái đất một vòng đời
Tháng năm mòn mỏi trông trường cũ
Thôi thúc tôi về buổi sáng nay.

TÌNH LỖ

Đường nào đưa đến trần gian
Nẻo nào đưa đến thiên đàng hờ em
Bóng chiều đã xế ngang thềm
Mà em đến sười tóc mềm bên anh
Nợ tình phải trả bằng tình
Tình anh phiêu bạt lênh đênh lắm rồi
Thôi thì đã lụy thì thôi
Cho xong tình lỗ cho rồi cuộc chơi.

CỔ VĂN

a. THỂ ĐIỆU VĂN ĐIỀU

VĂN ĐIỀU VIẾNG THẦY

Kính thưa thầy

Đạo lý ngàn xưa đất Việt

Trăm năm để lại ngàn sau

Đạo làm người phân ra ba lẽ

- *Vị quốc*
- *Tôn sư*
- *Hiếu đạo*

Hôm nay, các môn đệ của thầy lần chót đến trước thầy

Ba nén hương, một lòng thương tiếc, bốn lạy tiễn đưa

Thưa thầy

Đối với trò

Công thầy là ơn khó trả

Tình thầy là nghĩa không quên

Nhớ linh xưa

Nơi trường học cũ

Thầy đã già, lưng đã còng, gối đã mỏi

*Mà mắt còn rực sáng niềm tin,
mong truyền lại cho đàn hậu tấn*

Một vốn kiến thức

để thành người đắc dụng

Một gương đạo đức để được thanh cao

Công ơn đó, tấm gương kia

Đã vạch cho hàng môn đệ con đường chính đạo

Nếu Đức Khổng Phu Tử là một Vạn thế Sư Biểu

Thì thầy chỉ đơn giản là một thầy giáo ở đất Mỹ Tho

Thế mà hàng môn đệ của thầy vẫn còn ghi nhớ

Trộm nghĩ, bấy nhiêu cũng đủ cho thầy vui dạ.

*Khói nhang phảng phất.
Tình nghĩa dạt dào.
Lòng học trò ngùi ngậm
Khóc thầy.
Con đường đi lên Cực lạc, thầy đã chọn từ lâu
Thênh thang rộng mở
Chúng con xin kính lễ thầy bốn lạy
Tiễn đưa thầy về cõi vĩnh hằng.*

*Thượng hưởng
Phụng bái.*

b. THỂ ĐIỆU CÂU ĐỐI

CHIẾN THẮNG RẠCH GẦM-XOÀI MÚT

Xoài Mút triều dâng đốt tan thuyền giặc viết nên Trang Sử
Việt
Rạch Gầm sóng dậy diệt sạch quân thù lưu dấu Đức
Quang Trung

MỸ THO ĐÓN XUÂN

Trời Xuân lộng sắc đường Trung Trắc huy hoàng mừng
Tết đến.
Hoa Tết tươi màu vườn Lạc Hồng trắng lệ đón Xuân về.

CÔ GÁI XUÂN

Đài hương yếm trẻ lan hơi gió
Vóc ngọc khuy thưa lộ nét ngà

TREO HAI BÊN BÀN THỜ ÔNG BÀ

Đạo Hiếu ngàn năm trên Đất Việt
Luân Thường muôn thuở dưới Trời Nam.

2. Trích “LỆ THO”

ÂN TÌNH ĐỜI TÔI

Tôi đến lần đầu với người con gái
Nàng chờ tôi dưới hiên nhà xào xạc
lá trúc xanh
Trên tóc nàng vương vẩy cánh mai vàng
mai tứ quý
Đường từ ngõ vào nhà năm ba bước
Mà ngõ rằng vạn dặm nẻo lên non
Nụ cười nàng xóa đi chân bờ ngõ
Tôi đắm chìm trong ánh mắt từ bi

Bên ngoài đã có tiếng ve vào hạ
Trên cành liễu điệu nhạc tình muôn thuở
buông lơi
Đông chưa đến mà hoa đào đã nở
trong tôi
Nơi tĩnh tâm trên căn gác nhỏ
Áo đạo tràng đèn nền ánh lung linh
Từ nẻo Phật tôi được nàng giải thoát
Đã hôn nàng như hôn chân Đức Phật
Nàng đã cho tôi cam lộ cảnh dương

Lệ trong tôi từ đây đã ngừng rơi
Người con gái
Một người con gái
Tôi yêu người con gái ấy...
đến vô cùng.

LÁ TRÊN CÀNH

Đời về chiều như rừng thu lá úa
Hai đứa mình là hai lá thu phai
Em vạt vò lác theo đà gió lộng
Bỏ anh rồi... một chiếc lá bay bay...

EM ĐÃ RA ĐI

Em đi bỏ lại cuộc đời
Để anh thương nhớ nụ cười vô tư
Em đi mà chẳng tạ từ
Tình yêu thánh thiện bây giờ nỗi đau
Sao không lần cuối cho nhau
Cho tình thêm thắm cho sầu không vương
Sao không lần cuối yêu đương
Để ta trao trọn nụ hôn nồng nàn.

NGÀN NĂM VẪN NHỚ

Em đi biệt lâu rồi
Mà em còn để nụ cười trên môi
Bây giờ cho đến cuối đời
Làm sao quên được nụ cười ngày qua

Từ ngày lá rụng cành đào
Ta buồn rong ruổi đi vào phôi pha
Chập chờn chiếc lá chiều tà
Bóng hình em đó tình ta vẫn còn.

Tìm em trong giấc Nam Kha
Những mong thương nhớ trôi qua tháng ngày
Nào hay gặp lại buồn thay
Nỗi buồn muốn dập lại dày vò thêm.

Từ ngày em bỏ ta rồi
Lang thang phiêu lãng tìm nơi giải sầu
Mà sao buồn lại dâng cao
Vì em vẫn đó nỗi đau chất chồng.

Thà rằng chìm nổi trôi đi
Nhớ chi thêm khổ buồn chi thêm sầu
Lời trong đáy mắt đón đau
Buồn là để nhớ sầu là để thương.

Có đêm em lại tìm anh
Trở về dáng dấp hương tình ngày xưa
Mắt em buồn thăm trăng sao
Khiến ta chìm đắm nỗi đau ngập tràn.

Em về trong giấc mộng dài
Nụ cười đắm đuối nhắc tình ngày xưa
Dang tay nóng bỏng đợi chờ
Ôm em cho thỏa nào ngờ chiêm bao.

Dây dưa sầu khổ tháng ngày
Ta tìm quên lãng để phai nợ tình
Làm sao đối gặt con tim
Đã từng khắc dấu bóng hình của em.

Gió về sầu lại lên mây
Ta sầu ta gọi hồi này:
Em ơi!
Mây cao thăm thăm trên trời
Dường như em đã trả lời:
Em đây!

Tiếc thương nhớ Liễu Chương Đài

Giữ hình ảnh cũ những ngày đã qua
Em còn nhoèn miệng nhìn ta
Nụ cười còn đó mà tha thiết buồn.

Trời cao đất rộng chơi vui
Tình yêu đã đến với người trần gian
Mệnh mang hư ảo phủ phàng
Thời gian xóa hết bụi trần cũng tan!

MỘNG

Đêm dài giấc mộng đưa ta đến
Ngỡ được cùng em thỏa ước mơ
Đôi mắt em buồn như liễu rủ
Ta chìm trong đáy mắt chơ vơ.

MƠ

Lao xao tiếng gió ngoài song cửa
Những tưởng em về đến với anh
Hàng lệ rung rung tìm bóng cũ
Nào ngờ gió thoảng lá lay cành.

GIỌT SƯƠNG TRÊN ĐÁ

Em vẫn là em, anh vẫn anh
Ngàn năm hiện hữu dưới trời xanh
Ví bằng vũ trụ tan thành mảnh
Dù muôn xa nhau cũng chẳng đành.

Bọt nước bèo trôi còn kết hợp

Tang thương cho mấy cũng bằng không
Tình ta khắc dạ tro thành đá
Để mãi cùng em giữ chữ đồng.

NỖI NIỀM

Nước mắt đầy vơi khóc nỗi niềm
Dù rằng lệ nhỏ suốt thâu đêm
Ví bằng suối lệ Vu Sơn cạn
Anh vẫn còn đây để khóc em.

Khóc em lệ nhỏ mờ trang giấy
Nét mực sâu loang chữ xóa nhòa
Ấn hiện hình em đầu ngọn bút
Ngàn năm hồ để bóng phôi pha.

Phôi pha sao được giữa trần ai
Noi dấu ngày xưa đã có người
“Đập cổ kính ra tìm lấy bóng
Xếp tàn y lại để dành hơi”.

Dành hơi chi nữa cũng bằng không
Nhìn đến xiêm y lạnh buốt lòng
Không phải đập gương tìm lấy bóng
Hình em phảng phất khắp muôn phương...”

ĐỂ LẠI GÌ CHO NHAU

Thu rồi lá rụng đã qua mau
Héo hắt từng giây nỗi hận trào
Sáng sớm ngõ chiều, chiều ngõ sáng
Đêm buồn thêm nhớ, nhớ thêm đau
Vắng tanh vắng trải ngôi nhà trước

Lặng ngắt lặng ngơ cái cổng vào
Ai bắt vì sao tôi chột tắt
Để trời tối sẫm đến ngàn sau.

NỬA ĐOẠN ĐƯỜNG TÌNH

Ta chẳng cùng nhau suốt cuộc đời
Bỏ ta thân lẻ bước chơi vơi
Ngõ ngàng đơn độc dòng đời cũ
Lạc lõng thân côi giữa đất trời
Nỗi khổ muốn quên, quên chẳng được
Lòng buồn không nghĩ, nghĩ không thôi
Qua đêm ta đếm từng canh lạnh
Tưởng đã xa nhau mấy kỷ rồi.

Vài hình ảnh xưa



Trang phục xưa



Không ảnh Mỹ Tho



Tháp nước



Chợ Mỹ Tho



Xe lửa và nhà ga



Chợ Cũ Mỹ Tho



Sông hay kinh Bảo Định



Sông Bảo Định



Cầu tàu Lục tỉnh



Đường Trưng Trắc



Cầu Quay đầu tiên



Chợ Mỹ Tho



Dinh Tỉnh trưởng



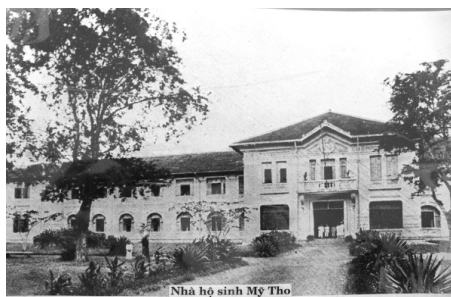
Trường Collège de Mỹ Tho



Nhà của Bạch Công tử



Bệnh viện



Nhà Bảo sanh



Chùa Vĩnh Tràng



Đình Điều Hòa



Chùa Ông



Cổng trường
Nguyễn Đình Chiểu



Rạp Vĩnh Lợi
(Rạp Thầy Năm Tú)



Chợ Hàng Bông



Quán hủ tíu



Bán trâu cau



Quán trà Huế



Lò rèn



Chiếc bắc đầu tiên



Chiếc bắc thập niên 1950

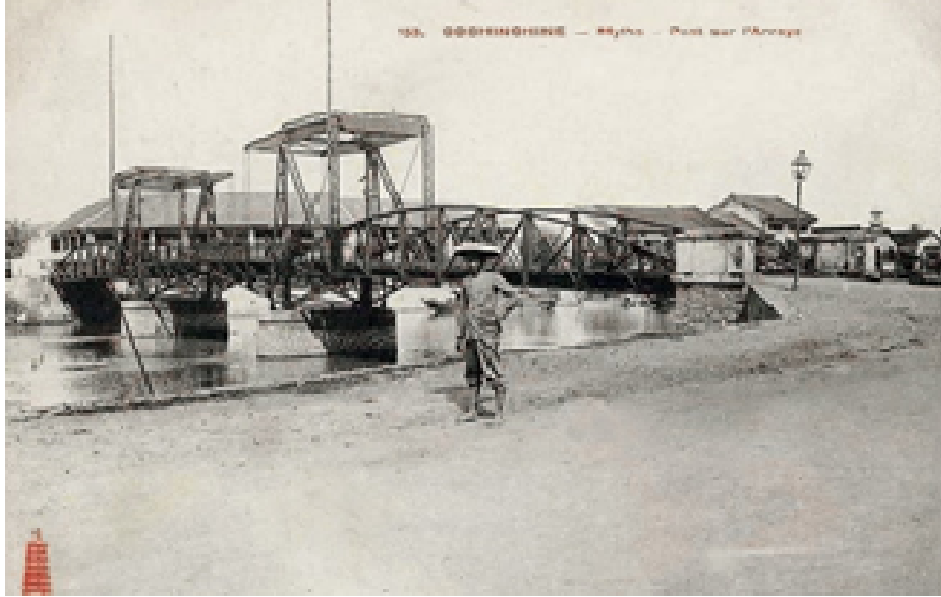


Chiếc bắc thập niên 1960



Tàu buôn Pháp
mang tên Mỹ Tho

Lịch sử Cầu Quay Mỹ Tho



1. Cầu Quay nguyên thủy xây đầu thế kỷ XX



2. Cầu Quay cũ sập
xây lại năm 1939



3. Cầu Quay cũ phá
xây lại năm 1985

MỤC LỤC

Đôi lời phi lộ.....	2
Địa lý nhân văn xưa.....	3
Phần một NẾP SỐNG XƯA.....	7
1. CHUYỆN PHỐ THỊ.....	8
2. MUÔN DẶM ĐƯỜNG DÀI.....	15
- Xe lửa Sài Gòn – Mỹ Tho	15
- Xe ngựa	17
- Xe kéo	19
- Xe xích lô	22
- Xe lam	23
- Xe lôi	26
3. THƯƠNG HỒ SÔNG NƯỚC.....	29
- Bắc Rạch Miễu	29
- Đò máy	33
- Đò chèo	35
4. DỌC ĐƯỜNG GIÓ BỤI.....	37
- Quán trà Huế	37
- Hủ tíu.....	40
- Cô hàng mía	42
- Cà lem cục cục ... lây	46
- Bánh rrrré, bánh rrr cay đây	47

- Kẹo kéo	49
- Sơn đông mãi võ.....	50
- Tào phụng dzang hột dzura đây	53
5. CHUYỆN QUÊ	55
- Cây cầu dừa.....	55
- Nhảy mương.....	57
- Nắm mối.....	58
- Soi nhái.....	61
6. KHÓI LỬA CHIẾN TRANH	65
- Trận chiến Rạch Gầm-Xoài Mút.....	65
- Người Pháp đánh chiếm Mỹ Tho	67
- Chiến tranh thế giới thứ II.....	70
- Nhật đảo chánh Pháp.....	71
- Số phận một chiến hạm	72
- Không chiến trên vòm trời Mỹ Tho	74
Phần hai CON NGƯỜI	75
1. NHÀ THƠ	75
- Học Lạc	75
- Thủ Khoa Huân	77
- Sương Nguyệt Anh.....	78
2. NGHỆ SĨ CẢI LƯƠNG	81
- Thầy Năm Tú	81
- Nghệ sĩ Tư Chơi.....	83

- Nữ nghệ sĩ Năm Phi	86
- Nữ nghệ sĩ Bảy Nam	89
- Nữ nghệ sĩ Phùng Há và Bạch Công Tử	91
- Chuyện tình Bạch Công tử	96
- Nghệ sĩ Năm Châu	101
- Nghệ sĩ Trần Văn Trạch	106
3. DẤU CHÂN LỊCH SỬ	111
- Anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ	111
- Chúa Nguyễn Ánh	112
- Thủ Khoa Huân	113
- Kinh lược sứ Phan Thanh Giản	115
- Kỳ Ngoại hầu Cường Để	116
- Nhà Cách mạng Tôn Dật Tiên	116
- Nhà văn Pierre Loti	117
- Marcel Cachin và Nguyễn An Ninh	118
4. NGƯỜI NƯỚC NGOÀI	120
- Người Pháp	120
- Người Hoa	123
- Người Ấn	127
- Người Nhật	128
Phần ba VĂN XUÔI	131
1. NHỮNG MẢNH ĐỜI	131
- 5 xu cho một mối tình	131

- Chị Lùn.....	139
- Tình cô bán vằm.....	147
- Ngày xưa còn đó	156
- Thầy tôi	163
- Tình người ca sĩ.....	168
- Ông Từ đình Điều Hòa.....	177
2. NHỮNG MẢNH TÌNH	180
- Bức thư tình 60 năm mới hồi âm	180
- Mắt em trong lệ hát đình	184
- Duyên tình lỡ bước.....	190
- Tuổi thơ... xa rồi.....	197
- Dưới bóng giáo đường	209
- Tình bạn học duyên hàng xóm.....	215
- Tình đầu lỡ bước	230
3. NHỮNG NGƯỜI BẠN.....	244
- Con quốc trong chùa Vĩnh Tràng.....	245
- Con chuột lắt trong ngôi nhà cổ	249
- Con chim sẻ.....	252
- Lucky	254
- Bố Khoen.....	261
- Con chuột lắt và chị Hai.....	265
- Con Mực thay thế... ..	270
- Con vịt xóm Đập Đá	275

- Sáo.....	278
- Con Vện của anh Tám ba xị đế.....	282
- Con Cuồng của thằng Út.....	286
- Anh Bảy gác cu bị vợ bỏ.....	289
- Con Xù của ông Ba Kim Khánh	294
- Cá nước trên sông Cửa Đại.....	297
- 1 ăn 100 cho con Điều đây.....	300
- Tiếng gọi tình của con dế cơm.....	307
Phần bốn THI TẬP	311
1. Tập thơ “ XÓT XA “.....	311
2. Trích “ LỆ THƠ “	329
VÀI HÌNH ẢNH XƯA	335
MỤC LỤC	342

Mỹ Tho DẤU XƯA

MẶC NHÂN & VÕ THÀNH DŨNG

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc Tổng biên tập: Nguyễn Minh Nhựt
Biên tập: Ánh Tuyết & Nam An
Bìa: Tác giả
Trình bày: Tác giả
Liên kết xuất bản: Võ Thành Dũng

Nhà Xuất Bản Trẻ

Địa chỉ: 161 B Lý Chính Thắng, P. 7, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08)39316289 – 39316211 – 39317849 - 38465596
Fax: (08) 38437450
Email: hopthubandoc@nxbtre.com.vn
Website: www.nxbt.com.vn

Chi nhánh Nhà Xuất bản Trẻ tại Hà Nội
Số 21, dãy A 11, khu Đầm Trấu, P. Bạch Đằng, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 09137734544
Fax: (04) 35123395
Email: chinhanh@nxbtre.com.vn

Công ty TNHH Sách điện tử Trẻ (Ybook)
161 B Lý Chính Thắng P. 7, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08)35261001
Fax: (08)38437450
Email: ingo@ybook.vn
Website: www.ybook.vn

In 500 cuốn, khổ (17x24) cm tại công ty cổ phần In Tiền Giang
Số ĐKKH
Cấp ngày In xong và nộp lưu chiểu

**MẶC NHÂN
VÕ THÀNH DŨNG**

Mỹ Tho

dầu

xưa



Nhà Xuất bản Trẻ



Mặc Nhân Tân Văn Công

Sinh năm 1926 tại Tân Thạch, quận An Hóa, tỉnh Mỹ Tho cũ. Ngụ tại 84 Nguyễn Huệ, Mỹ Tho, Tiền Giang. ĐT: (073) 3877 377. Đã xuất bản: *Đời sống nơi hoang mạc, Tuổi thơ xa rồi, Cầu Rạch Miễu qua bề dày lịch sử*. Đồng tác giả với Võ Thành Dũng: *Mỹ Tho xưa trong Nam kỳ Lục tỉnh, Mỹ Tho dấu xưa*.

Bìa 2



Võ Thành Dũng

Thường trú: Paris. Sinh: 1945 tại Sài Gòn. Tú tài Nguyễn Đình Chiểu Mỹ Tho. Cử nhân Khoa học (Đại học Khoa học Sài Gòn). Tiến sĩ Khoa học (Université de Paris VII). “Sau tiến sĩ” (30 tháng) tại Stanford University (California, USA). Công tác tại Viện Vật lý Địa cầu (Institut de Physique Globe de Paris). Nghiên cứu tại Trung tâm Quốc gia Nghiên cứu Khoa học Pháp. (CNRS). Đồng tác giả với Mặc Nhân : *Mỹ Tho xưa trong Nam kỳ Lục tỉnh, Mỹ Tho đầu xưa*.



*Như hạt sỏi bên bờ sông Cừ
Mơ một ngày hóa ngọc thành châu*

